

BIÊN BẢN GIAO GIẤY CHỨNG NHẬN

Căn cứ Quyết định số 426-TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định:

- Số 320/QĐ-ĐHSP ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận kết quả và cấp giấy chứng nhận cho các giáo viên đã hoàn thành khoá bồi dưỡng Mô đun 2: “Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông”;
- Số 320A/QĐ-ĐHSP, ngày 22/02/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận kết quả và cấp giấy chứng nhận cho các giáo viên đã hoàn thành khoá bồi dưỡng Mô đun 3: “Kiểm tra, đánh giá giá học sinh tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực”;
- Số 1864/QĐ-ĐHSP, ngày 05/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận kết quả và cấp giấy chứng nhận cho các giáo viên đã hoàn thành khoá bồi dưỡng Mô đun 4: “Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông”;
- Số 2548/QĐ-ĐHSP, ngày 17/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận kết quả và cấp giấy chứng nhận cho các giáo viên đã hoàn thành khoá bồi dưỡng Mô đun 5: “Tư vấn và hỗ trợ học sinh tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông trong hoạt động giáo dục và dạy học”;
- Số 2793/QĐ-ĐHSP, ngày 31/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận kết quả và cấp giấy chứng nhận cho các giáo viên đã hoàn thành khoá bồi dưỡng Mô đun 9: “Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục học sinh tiểu học/trung học cơ sở/ trung học phổ thông”

Hôm nay, ngày tháng 8 năm 2022 tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

Bên giao: Ông Lê Phan Quốc, Phó Trường phòng Đào tạo Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;

Bên nhận:,

(Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

Hai bên tiến hành giao - nhận 4102 chứng nhận với thông tin chi tiết như sau:

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/10/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000216	000216/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Ngời	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 2
2	Hồng Thanh Trung	23/11/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000217	000217/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
3	Cao Thị Thanh Trúc	01/01/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000218	000218/2021/BDCC	TH Bến Càng	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
4	Nguyễn Văn Trung	09/07/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000219	000219/2021/BDCC	TH An Phong	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
5	Nguyễn Ngọc Thùy Tiên	02/12/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000220	000220/2021/BDCC	TH Lê Thị Riêng	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 2
6	Thái Thế Anh	05/03/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000221	000221/2021/BDCC	TH Lê Thị Riêng	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 2
7	Nguyễn Thị Bích Vân	14/12/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000222	000222/2021/BDCC	TH Bình Trị Đông A	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
8	Trương Thị Ngọc Diệp	05/11/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000223	000223/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 2
9	Nguyễn Anh Phương Nam	01/11/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000224	000224/2021/BDCC	TH Lê Ngọc Hân	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 2
10	Nguyễn Thị Song Hiếu	05/11/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000225	000225/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhân	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
11	Lê Tấn Hồng Hải	26/11/1965	Đạt	DHSPTPHCM000226	000226/2021/BDDC	TH Khai Minh	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
12	Nguyễn Ngọc Thủy	15/10/1976	Đạt	DHSPTPHCM000227	000227/2021/BDDC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
13	Ngô Thị Thanh Phương	06/09/1992	Đạt	DHSPTPHCM000228	000228/2021/BDDC	TH Nguyễn Bình Khiêm	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
14	Lê Thanh Phương	30/10/1975	Đạt	DHSPTPHCM000229	000229/2021/BDDC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
15	Đỗ Thị Hà My	24/02/1990	Đạt	DHSPTPHCM000230	000230/2021/BDDC	TH Nguyễn Thái Học	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
16	Võ Thị Phương Lan	16/10/1975	Đạt	DHSPTPHCM000231	000231/2021/BDDC	TH Đinh Tiên Hoàng	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
17	Bùi Thị Thu Thảo	20/02/1981	Đạt	DHSPTPHCM000232	000232/2021/BDDC	TH Lê Ngọc Hân	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
18	Nguyễn Khắc Huy Bảo	02/09/1974	Đạt	DHSPTPHCM000233	000233/2021/BDDC	TH Kết Đoàn	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
19	Đặng Thị Kiều Diễm Dung	24/12/1979	Đạt	DHSPTPHCM000234	000234/2021/BDDC	TH Hòa Bình	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
20	Trịnh Thị Tha	16/07/1981	Đạt	DHSPTPHCM000235	000235/2021/BDDC	TH Lê Ngọc Hân	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
21	Trương Thị Minh Châu	28/12/1992	Đạt	DHSPTPHCM000236	000236/2021/BDDC	TH Khai Minh	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
22	Tạ Lê Nhật Vy	02/11/1986	Đạt	DHSPTPHCM000237	000237/2021/BDDC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
23	Hoàng Thủy Thanh Tâm	03/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM000238	000238/2021/BDDC	TH Trần Hưng Đạo	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
24	Đỗ Thị Thu Hằng	14/09/1974	Đạt	DHSPTPHCM000239	000239/2021/BDDC	TH Lê Ngọc Hân	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
25	Đỗ Thị Hoàng Anh	10/08/1989	Đạt	DHSPTPHCM000240	000240/2021/BDDC	TH Trần Hưng Đạo	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
26	Võ Thị Như Nhi	04/02/1989	Đạt	DHSPTPHCM000241	000241/2021/BDDC	TH Nguyễn Bình Khiêm	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
27	Nguyễn Ngọc Thủy	06/07/1976	Đạt	DHSPTPHCM000242	000242/2021/BDDC	TH An Khánh	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 2
28	Trình Như Vân	28/10/1982	Đạt	DHSPTPHCM000243	000243/2021/BDDC	TH Mỹ Thủy	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 2
29	Đinh Vũ Thủy Phương Lynh	27/05/1976	Đạt	DHSPTPHCM000244	000244/2021/BDDC	TH An Khánh	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 2
30	Nguyễn Thủy Liễu	19/12/1980	Đạt	DHSPTPHCM000245	000245/2021/BDDC	TH Mỹ Thủy	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 2
31	Trần Ngọc Hạnh	26/09/1973	Đạt	DHSPTPHCM000246	000246/2021/BDDC	TH Bình Trung Đông	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 2
32	Đào Thị Ngọc Thi	13/09/1978	Đạt	DHSPTPHCM000247	000247/2021/BDDC	TH An Bình	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 2
33	Nguyễn Thị Phụng	28/01/1977	Đạt	DHSPTPHCM000248	000248/2021/BDDC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 2
34	Trần Thị Ngọc Huyền	28/09/1977	Đạt	DHSPTPHCM000249	000249/2021/BDDC	TH Thanh Mỹ Lợi	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 2
35	Vũ Thị Quyên	08/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000250	000250/2021/BDDC	TH Giồng Ông Tố	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 2
36	Trần Thị Hồng Hà	18/12/1976	Đạt	DHSPTPHCM000251	000251/2021/BDDC	TH Nguyễn Hiền	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 2
37	Nguyễn Phi Long	19/10/1991	Đạt	DHSPTPHCM000252	000252/2021/BDDC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 2
38	Quan Tỏ Liên	08/12/1994	Đạt	DHSPTPHCM000253	000253/2021/BDDC	TH An Bình	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 2
39	Hoàng Công Phương	01/01/1974	Đạt	DHSPTPHCM000254	000254/2021/BDDC	TH Huỳnh Văn Ngời	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 2
40	Tổng Thành Nhân	06/09/1985	Đạt	DHSPTPHCM000255	000255/2021/BDDC	TH Giồng Ông Tố	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 2
41	Nguyễn Thùy Trang	17/02/1978	Đạt	DHSPTPHCM000256	000256/2021/BDDC	TH Mê Linh	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 2
42	Đinh Thị Tuyết Lan	24/01/1987	Đạt	DHSPTPHCM000257	000257/2021/BDDC	TH Phan Đình Phùng	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 2
43	Tiểu Ngọc Nguyễn Thanh	17/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM000258	000258/2021/BDDC	TH Nguyễn Thái Sơn	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 2
44	Nguyễn Thị Kim Phương	19/03/1971	Đạt	DHSPTPHCM000259	000259/2021/BDDC	TH Kỳ Đồng	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 2
45	Nguyễn Thị Thanh Nhài	22/05/1985	Đạt	DHSPTPHCM000260	000260/2021/BDDC	TH Trần Quang Diệu	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 2
46	Hồ Thị Luyến	25/06/1974	Đạt	DHSPTPHCM000261	000261/2021/BDDC	TH Nguyễn Thiện Thuật	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 2
47	Đoàn Ngọc Hiếu	02/09/1979	Đạt	DHSPTPHCM000262	000262/2021/BDDC	TH Nguyễn Thi	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 2
48	Vũ Thị Kim Thoa	18/04/1976	Đạt	DHSPTPHCM000263	000263/2021/BDDC	TH Nguyễn Thanh Tuyền	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
49	Nguyễn Văn Tấn	29/04/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000264	000264/2021/BDCC	TH Trương Quyền	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 2
50	Tạ Thị Mỹ Liên	21/11/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000265	000265/2021/BDCC	TH Nguyễn Sơn Hà	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 2
51	Phạm Thị Thiệu	07/04/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000266	000266/2021/BDCC	TH Nguyễn Việt Hồng	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 2
52	Hoàng Phương Trang	31/05/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000267	000267/2021/BDCC	TH Trần Quốc Thảo	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 2
53	Nguyễn Thị Thanh Trâm	15/08/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000268	000268/2021/BDCC	TH - THCS - THPT Tây Úc		Mô đun 2
54	Nguyễn Văn Thuận	18/04/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM000269	000269/2021/BDCC	TH Trương Quyền	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 2
55	Nguyễn Minh Thông	01/06/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000270	000270/2021/BDCC	TH Trần Quang Diệu	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 2
56	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	20/01/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000271	000271/2021/BDCC	TH Mê Linh	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 2
57	Nguyễn Tấn Phước	26/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000272	000272/2021/BDCC	TH Nguyễn Thanh Tuyền	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 2
58	Trần Thanh Trường	01/07/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000273	000273/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
59	Nguyễn Thị Thu Hương	03/10/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000274	000274/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
60	Nguyễn Đôn Tấn Kha	18/02/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000275	000275/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
61	Trần Thủy Vĩnh Đông Nghi	19/09/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000276	000276/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ 3	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
62	Cao Thiên Ngân	01/10/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000277	000277/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
63	Trần Thị Uyên Trang	04/01/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000278	000278/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
64	Nguyễn Thị Ngọc Quý	30/03/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000279	000279/2021/BDCC	TH Đặng Trần Côn	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
65	Ngô Thị Mỹ Nguyệt	19/01/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000280	000280/2021/BDCC	TH Đình Bộ Lĩnh	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
66	Trần Thị Thu Hương	31/12/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000281	000281/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ 3	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
67	Phan Đình Ngô	24/06/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000282	000282/2021/BDCC	TH Bạch Đằng	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
68	Đỗ Thị Tuyết Hồng	06/12/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000283	000283/2021/BDCC	TH Đồng Đa	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
69	Đỗ Thị Mỹ Ngọc	05/08/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000284	000284/2021/BDCC	TH Bến Càng	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
70	Nguyễn Xuân Cường	27/12/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000285	000285/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ 1	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
71	Lê Thị Tình Thương	28/02/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000286	000286/2021/BDCC	TH Nguyễn Trường Tộ	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
72	Trương Huỳnh Thiên Thủy	03/10/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000287	000287/2021/BDCC	TH Vĩnh Hội	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
73	Trần Đức Lộc	08/11/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000288	000288/2021/BDCC	TH Xóm Chiếu	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
74	Lý Thủy Xuân Mì	06/05/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000289	000289/2021/BDCC	TH Đoàn Thị Diễm	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
75	Kiều Thị Thu Hà	08/07/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000290	000290/2021/BDCC	TH Đặng Trần Côn	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
76	Nguyễn Lê Hạnh Dung	10/12/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000291	000291/2021/BDCC	TH Minh Đạo	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 2
77	Lê Ngọc Huyền Thu	27/03/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000292	000292/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 2
78	Nguyễn Hữu Đức	14/01/1963	Đạt	ĐHSPTPHCM000293	000293/2021/BDCC	TH Chính Nghĩa	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 2
79	Lê Thanh Hoài Tâm	17/01/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000294	000294/2021/BDCC	TH Bàu Sen	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 2
80	Đỗ Thị Thu Hà	02/11/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000295	000295/2021/BDCC	TH Trần Bình Trọng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 2
81	Lê Tấn Lộc	26/08/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000296	000296/2021/BDCC	TH Minh Đạo	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 2
82	Đào Thị Thu Lan	26/02/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000297	000297/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 2
83	Ngô Kim Phụng	18/08/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000298	000298/2021/BDCC	TH Trần Bình Trọng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 2
84	Trần Ngọc Huỳnh Mai	21/03/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000299	000299/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 2
85	Trần Yên Linh	24/07/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000300	000300/2021/BDCC	TH Trần Bình Trọng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 2
86	Trần Thị Phương Trang	09/03/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000301	000301/2021/BDCC	TH Huỳnh Mãn Đạt	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
87	Phạm Phương Hậu	22/07/1964	Đạt	DHSPTPHCM000302	000302/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 2
88	Đỗ Thị Hồng Diễm	09/02/1975	Đạt	DHSPTPHCM000303	000303/2021/BDCC	TH Hàm Tử	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 2
89	Nguyễn Thị Xuân Thùy	08/02/1977	Đạt	DHSPTPHCM000304	000304/2021/BDCC	TH Chương Dương	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 2
90	Trương Thị Hồng Hải	04/09/1971	Đạt	DHSPTPHCM000305	000305/2021/BDCC	TH Nguyễn Viết Xuân	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 2
91	Nguyễn Phạm Ngọc Hà	08/10/1980	Đạt	DHSPTPHCM000306	000306/2021/BDCC	TH Lý Cảnh Hôn	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 2
92	Châu Thị Thanh Trang	01/08/1986	Đạt	DHSPTPHCM000307	000307/2021/BDCC	TH Chương Dương	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 2
93	Phạm Thị Ngọc Quyên	19/09/1986	Đạt	DHSPTPHCM000308	000308/2021/BDCC	TH Chính Nghĩa	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 2
94	Lê Trọng Nghĩa	08/05/1974	Đạt	DHSPTPHCM000309	000309/2021/BDCC	TH Lê Đình Chính	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 2
95	Phan Gia Phú	31/01/1988	Đạt	DHSPTPHCM000310	000310/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 2
96	Đoàn Nhon Hùng	30/06/1970	Đạt	DHSPTPHCM000311	000311/2021/BDCC	TH Phú Lâm	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
97	Hoàng Thị Kim Ánh	18/08/1982	Đạt	DHSPTPHCM000312	000312/2021/BDCC	TH Nguyễn Thiện Thuật	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
98	Nguyễn Vĩnh Phúc	16/02/1987	Đạt	DHSPTPHCM000313	000313/2021/BDCC	TH Phú Định	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
99	Phạm Thị Thanh Phi	13/04/1976	Đạt	DHSPTPHCM000314	000314/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
100	Nguyễn Đình Bảo	20/05/1965	Đạt	DHSPTPHCM000315	000315/2021/BDCC	TH Phú Đồng	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
101	Nguyễn Huyền Châu	19/09/1985	Đạt	DHSPTPHCM000316	000316/2021/BDCC	TH Lam Sơn	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
102	Trần Thị Hạnh Dương	15/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM000317	000317/2021/BDCC	TH Võ Văn Tần	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
103	Võ Thanh Nhân	26/05/1972	Đạt	DHSPTPHCM000318	000318/2021/BDCC	TH Võ Văn Tần	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
104	Đặng Thị Phương Hồng	04/04/1976	Đạt	DHSPTPHCM000319	000319/2021/BDCC	TH CHẤU VĂN LIÊM	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
105	Đào Ngọc Phương	25/06/1981	Đạt	DHSPTPHCM000320	000320/2021/BDCC	TH Him Lam	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
106	Nguyễn Vương Tuấn Kiệt	26/07/1973	Đạt	DHSPTPHCM000321	000321/2021/BDCC	TH Trương Công Định	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
107	Huyền Thị Ngọc Tuyền	16/11/1973	Đạt	DHSPTPHCM000322	000322/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
108	Nguyễn Thị Kim Phụng	04/07/1971	Đạt	DHSPTPHCM000323	000323/2021/BDCC	TH Đặng Nguyễn Cần	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
109	Nguyễn Thủy Yến Vy	29/06/1981	Đạt	DHSPTPHCM000324	000324/2021/BDCC	TH Lê Văn Tám	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
110	Phạm Thị Thanh Thủy	31/10/1977	Đạt	DHSPTPHCM000325	000325/2021/BDCC	TH Bình Tiên	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
111	Nguyễn Minh Tân	25/05/1974	Đạt	DHSPTPHCM000326	000326/2021/BDCC	TH Nhật Tảo	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
112	Võ Minh Luân	22/10/1989	Đạt	DHSPTPHCM000327	000327/2021/BDCC	TH Hùng Vương	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
113	Trần Thị Thu Lý	28/05/1992	Đạt	DHSPTPHCM000328	000328/2021/BDCC	TH Phạm Văn Chí	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
114	Trần Thị Ngọc Lan	12/02/1975	Đạt	DHSPTPHCM000329	000329/2021/BDCC	TH Phan Huy Thúc	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 2
115	Nguyễn Hà Minh Thuận	12/02/1974	Đạt	DHSPTPHCM000330	000330/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 2
116	Trần Thị Kiều Hân	22/09/1972	Đạt	DHSPTPHCM000331	000331/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 2
117	Lê Thị Kim Lua	27/10/1980	Đạt	DHSPTPHCM000332	000332/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Định	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 2
118	Đặng Thị Thái Uyên	27/11/1981	Đạt	DHSPTPHCM000333	000333/2021/BDCC	TH Trần Quốc Toản	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 2
119	Nguyễn Mai Lan Anh	07/07/1983	Đạt	DHSPTPHCM000334	000334/2021/BDCC	TH Lê Văn Tám	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 2
120	Trần Thị Hải Yến	06/11/1979	Đạt	DHSPTPHCM000335	000335/2021/BDCC	TH Lê Văn Tám	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 2
121	Hoàng Quốc Văn	12/11/1966	Đạt	DHSPTPHCM000336	000336/2021/BDCC	TH Đinh Bộ Lĩnh	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 2
122	Nguyễn Thị Thùy Linh	25/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM000337	000337/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Hương	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 2
123	Nguyễn Thị Kim Ngân	24/04/1973	Đạt	DHSPTPHCM000338	000338/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 2
124	Nguyễn Thị Thanh Sương	03/10/1980	Đạt	DHSPTPHCM000339	000339/2021/BDCC	TH Lê Anh Xuân	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
125	Hoàng Thùy Bích Thủy	11/08/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000340	000340/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Định	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 2
126	Nguyễn Thị Bích Nga	05/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000341	000341/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Định	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 2
127	Lê Thị Thu Vân	28/04/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000342	000342/2021/BDCC	TH Phù Đồng	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 2
128	Đặng Thị Khánh Hà	11/12/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000343	000343/2021/BDCC	TH Đặng Thùy Trâm	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 2
129	Phạm Minh Trường	29/03/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM000344	000344/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 2
130	Cao Thị Phương Huyền	12/03/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000345	000345/2021/BDCC	TH Phạm Hữu Lầu	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 2
131	Cao Nguyễn Thủy Kiều	09/10/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000346	000346/2021/BDCC	TH Phú Thuận	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 2
132	Trần Thị Mỹ Châu	14/11/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000347	000347/2021/BDCC	TH Phú Mỹ	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 2
133	Nguyễn Ngọc Uyên	12/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000348	000348/2021/BDCC	TH Nguyễn Trúc	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
134	Võ Thị Phương Thảo	15/07/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000349	000349/2021/BDCC	TH Rạch Ông	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
135	Huỳnh Thị Thu Sương	31/12/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000350	000350/2021/BDCC	TH Âu Dương Lân	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
136	Trần Đoàn Linh Phương	25/10/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000351	000351/2021/BDCC	TH Vàm Cỏ Đông	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
137	Du Chí Cường	03/01/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000352	000352/2021/BDCC	TH Thái Hưng	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
138	Trần Thị Thủy Vân	09/05/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000353	000353/2021/BDCC	TH Bông Sao	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
139	Phạm Thị Hồng Như	01/08/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000354	000354/2021/BDCC	TH Bùi Minh Trúc	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
140	Đoàn Thị Ánh Xuân	26/08/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000355	000355/2021/BDCC	TH Hoàng Minh Đạo	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
141	Nguyễn Kim Chi	11/02/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000356	000356/2021/BDCC	Tiểu Học Hưng Phú	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
142	Cao Thị Tuyết Phương	30/08/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000357	000357/2021/BDCC	TH Nguyễn Trung Ngân	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
143	Trần Thị Mỹ Linh	15/07/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000358	000358/2021/BDCC	TH Tuy Lý Vương	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
144	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	05/11/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM000359	000359/2021/BDCC	TH Hồng Đức	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
145	Đông Thị Anh Minh	14/07/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000360	000360/2021/BDCC	TH Trần Nguyễn Hân	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
146	Ngô Yến Linh	02/03/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000361	000361/2021/BDCC	TH Nguyễn Nhược Thị	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
147	Trần Văn Nam	10/05/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000362	000362/2021/BDCC	TH An Phong	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
148	Nguyễn Khương Duy	09/12/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000363	000363/2021/BDCC	TH Trần Nguyễn Hân	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
149	Huỳnh Thị Thanh Huê	16/11/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000364	000364/2021/BDCC	TH Phạm Văn Chính	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
150	Trương Thị Thu Lộc	08/07/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000365	000365/2021/BDCC	TH Đình Tiên Hoàng	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
151	Phạm Thị Kim Hương	24/08/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000366	000366/2021/BDCC	TH Hiệp Phú	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
152	Dương Hoàng Dũng	06/12/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000367	000367/2021/BDCC	TH Nguyễn Minh Quang	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
153	Lê Thị Thanh Nga	25/06/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000368	000368/2021/BDCC	TH Phú Hữu	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
154	Tạ Thị Nhung	01/01/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000369	000369/2021/BDCC	TH Trần Thị Bưởi	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
155	Nguyễn Thị Kim Oanh	16/07/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM006927	000370/2021/BDCC	TH Phước Bình	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
156	Phạm Đào Cathy	10/05/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000371	000371/2021/BDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
157	Nguyễn Thị Kim Lang	04/12/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000372	000372/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Bá	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
158	Hoàng Thị Thủy	11/11/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000373	000373/2021/BDCC	TH Thạnh	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
159	Bùi Thị Thu Hương	02/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000374	000374/2021/BDCC	TH Tân Phú	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
160	Nguyễn Trọng Năm	03/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000375	000375/2021/BDCC	TH Long Thạnh Mỹ	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
161	Nguyễn Văn Đường	20/09/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000376	000376/2021/BDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
162	Võ Thị Cẩm Tú	19/04/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000377	000377/2021/BDCC	TH Long Thạnh Mỹ	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2

45

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
163	Lý Quốc Hoàng	22/07/1978	Đạt	DHSPTPHCM000378	000378/2021/BDCC	TH THành	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 2
164	Đào Khắc Sự	29/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM000379	000379/2021/BDCC	TH Lê Văn Việt	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 2
165	Lê Quang Gạo	13/07/1992	Đạt	DHSPTPHCM000380	000380/2021/BDCC	TH Lê Văn Việt	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 2
166	Trần Kiều Mỹ Nga	22/02/1974	Đạt	DHSPTPHCM000381	000381/2021/BDCC	TH Trần Quang Cơ	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
167	Nguyễn Thị Vân Anh	11/11/1979	Đạt	DHSPTPHCM000382	000382/2021/BDCC	TH Trương Đình	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
168	Phạm Phú Lộc	31/05/1978	Đạt	DHSPTPHCM000383	000383/2021/BDCC	TH Trần Quang Cơ	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
169	Lê Thị Thu Thủy	16/10/1988	Đạt	DHSPTPHCM000384	000384/2021/BDCC	TH Thiên Hộ Dương	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
170	Đặng Thị Đức Hạnh	07/01/1971	Đạt	DHSPTPHCM000385	000385/2021/BDCC	TH Dương Minh Châu	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
171	Cao Đăng Minh Kim	02/10/1978	Đạt	DHSPTPHCM000386	000386/2021/BDCC	TH Võ Trường Toản	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
172	Huỳnh Kim Hương	14/03/1987	Đạt	DHSPTPHCM000387	000387/2021/BDCC	TH Dương Minh Châu	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
173	Đinh Thị Lan Phương	27/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000388	000388/2021/BDCC	TH Võ Trường Toản	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
174	Lê Thị Minh Trang	15/07/1989	Đạt	DHSPTPHCM000389	000389/2021/BDCC	TH Trần Văn Kiêu	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
175	Phan Thị Huy Tú	04/12/1979	Đạt	DHSPTPHCM000390	000390/2021/BDCC	TH Thiên Hộ Dương	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
176	Trương Tuệ Vi	01/01/1986	Đạt	DHSPTPHCM000391	000391/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
177	Trần Ngọc Thu Hà	01/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM000392	000392/2021/BDCC	TH Triệu Thị Trinh	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
178	Nguyễn Hoàng Ngọc Phương	06/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM000393	000393/2021/BDCC	TH Triệu Thị Trinh	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
179	Nguyễn Đỗ Thanh Nguyễn	05/09/1979	Đạt	DHSPTPHCM000394	000394/2021/BDCC	TH Nguyễn Chí Thanh	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
180	Đỗ Viết Hoàng	20/05/1990	Đạt	DHSPTPHCM000395	000395/2021/BDCC	TH Lê Thị Riêng	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
181	Phan Thị Duyên Anh	21/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000396	000396/2021/BDCC	TH Thiên Hộ Dương	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
182	Vũ Tuấn Vinh	04/09/1987	Đạt	DHSPTPHCM000397	000397/2021/BDCC	TH Bắc Hải	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
183	Nguyễn Song Thanh Thủy	27/05/1983	Đạt	DHSPTPHCM000398	000398/2021/BDCC	TH Phú Thọ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
184	Huỳnh Thị Minh Trâm	13/01/1980	Đạt	DHSPTPHCM000399	000399/2021/BDCC	TH Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
185	Nguyễn Ngọc Vân Thy	30/05/1990	Đạt	DHSPTPHCM000400	000400/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
186	Nguyễn Xuân Cung	04/04/1975	Đạt	DHSPTPHCM000401	000401/2021/BDCC	TH Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
187	Nguyễn Hoàng Phương Trâm	17/06/1985	Đạt	DHSPTPHCM000402	000402/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
188	Ngô Đức Tuấn	13/03/1970	Đạt	DHSPTPHCM000403	000403/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
189	Nguyễn Thành Lê Anh	12/07/1972	Đạt	DHSPTPHCM000404	000404/2021/BDCC	TH Trung Trắc	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
190	Nguyễn Thị Kim Long	30/05/1976	Đạt	DHSPTPHCM000405	000405/2021/BDCC	TH Phùng Hưng	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
191	Tà Mỹ Linh	08/07/1974	Đạt	DHSPTPHCM000406	000406/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Nhỏ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
192	Nguyễn Thị Tuyết Sơn	03/05/1979	Đạt	DHSPTPHCM000407	000407/2021/BDCC	TH Nguyễn Bá Ngọc	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
193	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	22/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM000408	000408/2021/BDCC	TH Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
194	Vũ Thị Ngọc Lan	19/01/1977	Đạt	DHSPTPHCM000409	000409/2021/BDCC	TH Quyết Thắng	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
195	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	01/09/1977	Đạt	DHSPTPHCM000410	000410/2021/BDCC	TH Trung Trắc	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
196	Trần Thị Vân	05/10/1979	Đạt	DHSPTPHCM000411	000411/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
197	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	07/11/1977	Đạt	DHSPTPHCM000412	000412/2021/BDCC	TH Trung Trắc	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
198	Đặng Thị Hoàng Thanh	23/07/1977	Đạt	DHSPTPHCM000413	000413/2021/BDCC	TH Phùng Hưng	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
199	Nguyễn Thị Diệu Huyền	10/12/1985	Đạt	DHSPTPHCM000414	000414/2021/BDCC	TH Đại Thành	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
200	Dương Ngọc Thanh Thủy	27/04/1982	Đạt	DHSPTPHCM000415	000415/2021/BDCC	TH Phú Thọ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
201	Phạm Xuân Việt	16/09/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000416	000416/2021/BDCC	TH Ấu Cơ	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 2
202	Đỗ Thị Thu Thảo	13/07/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000417	000417/2021/BDCC	TH Phùng Hưng	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 2
203	Đinh Hoài Phương	12/02/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000418	000418/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Định	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
204	Nguyễn Vũ Thuỳ Dung	18/12/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000419	000419/2021/BDCC	TH Lý Tự Trọng	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
205	Hà Trương Cẩm Thúy	20/03/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000420	000420/2021/BDCC	TH Nguyễn Du	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
206	Nguyễn Thị Diễm Kiều	01/02/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000421	000421/2021/BDCC	TH Nguyễn Khuyến	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
207	Đặng Thị Thanh Thảo	22/02/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000422	000422/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
208	Nguyễn Thị Mỹ	10/05/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000423	000423/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
209	Trần Thị Kim Quyên	17/06/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000424	000424/2021/BDCC	TH Trần Văn On	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
210	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	10/05/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000425	000425/2021/BDCC	TH Phạm Văn Chiêu	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
211	Đinh Thị Minh Tuấn	24/02/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000426	000426/2021/BDCC	TH Quang Trung	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
212	Nguyễn Cao Cường	20/11/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000427	000427/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Định	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
213	Nguyễn Thị Kiều Tiên	30/11/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000428	000428/2021/BDCC	TH Lê Văn Thọ	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
214	Nguyễn Thị Hiền	01/01/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000429	000429/2021/BDCC	TH Nguyễn Khuyến	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
215	Trần Quốc Thương	14/04/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000430	000430/2021/BDCC	TH Hồ Văn Thanh	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
216	Lê Mai Quang Thế	17/04/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000431	000431/2021/BDCC	TH Nguyễn Khuyến	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
217	Nguyễn Bắc	10/06/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000432	000432/2021/BDCC	TH Lê Văn Thọ	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
218	Vũ Thị Thanh Trúc	09/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000433	000433/2021/BDCC	TH Nguyễn Trãi	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
219	Đào Thị Ngọc Loan	01/07/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000434	000434/2021/BDCC	TH Thuận Kiều	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
220	Quách Hoàng Liên Hạ	30/09/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000435	000435/2021/BDCC	THCL Bình Trị 2	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
221	Lê Thị Bích Dung	19/10/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000436	000436/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
222	Nguyễn Thị Quyết	07/06/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000437	000437/2021/BDCC	THCL An Lạc 1	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
223	Nguyễn Thị Hương	13/07/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000438	000438/2021/BDCC	THCL Bình Trị 1	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
224	Võ Thị Kiều Oanh	24/12/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000439	000439/2021/BDCC	THCL Bình Long	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
225	Nguyễn Thị Hương Giang	08/05/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000440	000440/2021/BDCC	THCL Bình Hưng Hòa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
226	Huỳnh Trương Thanh Mai	14/06/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000441	000441/2021/BDCC	THCL Lê Công Phép	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
227	Tô Thị Sen	04/02/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000442	000442/2021/BDCC	THCL Bình Thuận	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
228	Trần Thị Thanh Quyên	14/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000443	000443/2021/BDCC	THCL Bùi Hữu Nghĩa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
229	Nguyễn Ngọc Hân	26/11/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM000444	000444/2021/BDCC	TH Tân Tạo A	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
230	Lâm Anh Thơ	22/11/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM000445	000445/2021/BDCC	THCL Ngô Quyền	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
231	Trần Thị Huệ	28/09/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000446	000446/2021/BDCC	TH Phù Đồng	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
232	Huỳnh Mỹ Phương	13/04/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000447	000447/2021/BDCC	THCL An Lạc 3	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
233	Nguyễn Thị Cẩm Yến	27/06/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000448	000448/2021/BDCC	THCL Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
234	Nguyễn Việt Hào	18/09/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000449	000449/2021/BDCC	THCL Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
235	Son Thị Bích Vân	03/08/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000450	000450/2021/BDCC	THCL Bùi Hữu Nghĩa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
236	Nguyễn Phước Ngân	24/05/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000451	000451/2021/BDCC	THCL Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
237	Nguyễn Văn Thám	02/08/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000452	000452/2021/BDCC	TH Lạc Hồng	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
238	Trương Thanh Tùng	28/01/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000453	000453/2021/BDCC	THCL An Lạc 3	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
239	Bùi Trọng Tín	19/04/1979	Đạt	DHSPTPHCM000454	000454/2021/BDDCC	THCL An Lạc 3	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 2
240	Đoàn Thị Phương	18/06/1975	Đạt	DHSPTPHCM000455	000455/2021/BDDCC	TH Hồng Hà	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
241	Phan Diệp Phương Thảo	14/01/1978	Đạt	DHSPTPHCM000456	000456/2021/BDDCC	TH Bế Văn Đàn	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
242	Trần Thị Ngọc Hồng	26/10/1979	Đạt	DHSPTPHCM000457	000457/2021/BDDCC	TH Nguyễn Đình Chiểu	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
243	Lê Thị Tuyết Minh	04/01/1978	Đạt	DHSPTPHCM000458	000458/2021/BDDCC	TH Lam Sơn	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
244	Vân Thủy Bảo Chiếu	31/12/1973	Đạt	DHSPTPHCM000459	000459/2021/BDDCC	TH Bạch Đằng	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
245	Nguyễn Thị Diệu Phương	22/06/1990	Đạt	DHSPTPHCM000460	000460/2021/BDDCC	TH Phan Văn Trị	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
246	Lê Thanh Trâm	12/01/1978	Đạt	DHSPTPHCM000461	000461/2021/BDDCC	TH Thanh Mỹ Tây	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
247	Hoàng Hải Yên	02/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM000462	000462/2021/BDDCC	TH Bế Văn Đàn	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
248	Nguyễn Thị Đan Thùy	21/09/1975	Đạt	DHSPTPHCM000463	000463/2021/BDDCC	TH Nguyễn Bá Ngọc	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
249	Phạm Thị Phương Thảo	23/09/1992	Đạt	DHSPTPHCM000464	000464/2021/BDDCC	TH Thanh Đa	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
250	Trần Hữu Cẩm Tú	22/11/1975	Đạt	DHSPTPHCM000465	000465/2021/BDDCC	TH Tâm Vư	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
251	Đoàn Ngọc Bảo Châu	29/08/1976	Đạt	DHSPTPHCM000466	000466/2021/BDDCC	TH Bình Hòa	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
252	Lưu Thị Cẩm Hằng	10/12/1972	Đạt	DHSPTPHCM000467	000467/2021/BDDCC	TH Trần Quang Vinh	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
253	Vũ Thị Ngân Hà	06/04/1990	Đạt	DHSPTPHCM000468	000468/2021/BDDCC	TH Đống Đa	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
254	Hoàng Thị Kim Yên	02/10/1982	Đạt	DHSPTPHCM000469	000469/2021/BDDCC	Trường Học Bình Quới Tây	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
255	Phan Thị Luyến	11/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000470	000470/2021/BDDCC	TH Tâm Vư	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
256	Phan Nhật Minh	02/12/1985	Đạt	DHSPTPHCM000471	000471/2021/BDDCC	TH Yên Thế	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
257	Phạm Thanh Nga	02/12/1983	Đạt	DHSPTPHCM000472	000472/2021/BDDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
258	Nguyễn Thị Kim Chi	20/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM000473	000473/2021/BDDCC	TH Trần Quang Khải	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
259	Nguyễn Thị Tường Trang	20/09/1983	Đạt	DHSPTPHCM000474	000474/2021/BDDCC	TH Phan Chu Trinh	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
260	Hồ Văn Hiệp	01/04/1979	Đạt	DHSPTPHCM000475	000475/2021/BDDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
261	Lưu Thị Thu Vân	10/11/1981	Đạt	DHSPTPHCM000476	000476/2021/BDDCC	TH Phan Chu Trinh	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
262	Nguyễn Thị Thu Hà	10/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM000477	000477/2021/BDDCC	TH Nguyễn Viết Xuân	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
263	Trần Thị Lê Thương	09/03/1980	Đạt	DHSPTPHCM000478	000478/2021/BDDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
264	Vương Sĩ Đức	05/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000479	000479/2021/BDDCC	TH Nguyễn Thị Minh Khai	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
265	Đặng Tuyết Loan	30/08/1993	Đạt	DHSPTPHCM000480	000480/2021/BDDCC	TH Lê Quý Đôn	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
266	Phan Thị Hòa	11/10/1984	Đạt	DHSPTPHCM000481	000481/2021/BDDCC	TH An Hội	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
267	Trần Thị Như Quỳnh	23/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000482	000482/2021/BDDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
268	Vương Ngọc Yên	03/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000483	000483/2021/BDDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
269	Lê Trần Ngọc Hoa	16/10/1992	Đạt	DHSPTPHCM000484	000484/2021/BDDCC	TH Hạnh Thông	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
270	Châu Thị Hồng Hạnh	01/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM000485	000485/2021/BDDCC	TH Lam Sơn	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
271	Nguyễn Thị Thên Ân	11/12/1975	Đạt	DHSPTPHCM000486	000486/2021/BDDCC	TH Nguyễn Thương Hiền	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
272	Trịnh Thị Thu	06/09/1978	Đạt	DHSPTPHCM000487	000487/2021/BDDCC	TH Hạnh Thông	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
273	Vũ Anh Linh	12/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000488	000488/2021/BDDCC	TH Nguyễn Thương Hiền	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
274	Lý Thị Diệu	20/07/1980	Đạt	DHSPTPHCM000489	000489/2021/BDDCC	TH Nguyễn Viết Xuân	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
275	Lê Thanh Hùng	20/05/1978	Đạt	DHSPTPHCM000490	000490/2021/BDDCC	TH An Hội	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
276	Hoàng Phương Linh	27/01/1993	Đạt	DHSPTPHCM000491	000491/2021/BDDCC	TH Hoàng Văn Thụ	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
277	Nguyễn Ngọc Hương Trà	17/10/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000492	000492/2021/BDCC	Phạm Ngọc Thạch	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
278	Nguyễn Thị Ngọc Bích	25/07/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000493	000493/2021/BDCC	Đông Ba	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
279	Trần Văn Don	08/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000494	000494/2021/BDCC	Lê Đình Chính	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
280	Nguyễn Thu Hiền	11/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000495	000495/2021/BDCC	Nguyễn Đình Chính	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
281	Nguyễn Thị Xuân Thi	25/01/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000496	000496/2021/BDCC	Nguyễn Đình Chính	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
282	Nguyễn Vũ Hạnh Phương	06/07/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000497	000497/2021/BDCC	Phạm Ngọc Thạch	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
283	Nguyễn Thị Thi	31/07/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000498	000498/2021/BDCC	Hồ Văn Huê	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
284	Cao Thị Thanh Mai	12/03/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000499	000499/2021/BDCC	Cổ Loa	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
285	Nguyễn Đức Hồng Ngọc	29/05/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000500	000500/2021/BDCC	Vạn Tường	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
286	Đỗ Nguyễn Hạnh Hào	13/02/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000501	000501/2021/BDCC	Trung Nhất	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
287	Nguyễn Thị Thu Hằng	17/10/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000502	000502/2021/BDCC	Chí Linh	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
288	Mai Thị Hồng Hạnh	12/08/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000503	000503/2021/BDCC	Đông Ba	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
289	Phạm Thị Thanh Nhân	03/06/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000504	000504/2021/BDCC	Lê Đình Chính	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
290	Lư Thị Bích Nga	06/10/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000505	000505/2021/BDCC	Cổ Loa	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
291	Trần Thị Tường Vi	20/09/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000506	000506/2021/BDCC	Nguyễn Đình Chính	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
292	Nguyễn Ngọc Phương	13/12/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000507	000507/2021/BDCC	Đặng Văn Ngự	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
293	Nguyễn Thị Như Quỳnh	24/11/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000508	000508/2021/BDCC	Cao Bá Quát	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
294	Nguyễn Thị Thúy	01/09/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000509	000509/2021/BDCC	Hồ Văn Huê	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
295	Đỗ Thị Hồng Phúc	20/05/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000510	000510/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Kịp	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
296	Phạm Thị Ngọc Diễm	10/01/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000511	000511/2021/BDCC	TH Sơn Cang	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
297	Vũ Văn Huỳnh	10/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000512	000512/2021/BDCC	TH Yên Thế	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
298	Võ Quang Thuận	23/05/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000513	000513/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
299	Nguyễn Lê Thanh Tuyền	20/06/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000514	000514/2021/BDCC	TH Đồng Đa	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
300	Nguyễn Thị Hòa	09/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000515	000515/2021/BDCC	TH Thân Nhân Trung	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
301	Nguyễn Thị Phương Nghi	24/04/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000516	000516/2021/BDCC	TH Trần Quốc Toàn	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
302	Đoàn Thị Phương Thanh	30/09/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000517	000517/2021/BDCC	TH Lê Thị Hồng Gấm	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
303	Lê Thị Kim Liên	15/07/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000518	000518/2021/BDCC	TH Bành Văn Trân	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
304	Trần Thị Ngọc Hạnh	10/02/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000519	000519/2021/BDCC	TH Nguyễn Thanh Tuyền	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
305	Vũ Đức Long	18/08/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM000520	000520/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
306	Đỗ Minh Hoàng	03/06/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000521	000521/2021/BDCC	TH Phan Huy Ích	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
307	Lý Khánh Hoa	20/02/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000522	000522/2021/BDCC	TH Hiệp Tân	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 2
308	Võ Thị Cẩm Thủy	01/07/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000523	000523/2021/BDCC	TH Hồ Văn Cường	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 2
309	Võ Thị Kim Phụng	01/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000524	000524/2021/BDCC	TH Đoàn Thị Diễm	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 2
310	Nguyễn Thị Bích Duyên	26/08/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000525	000525/2021/BDCC	TH Lê Văn Tám	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 2
311	Lê Nga	28/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000526	000526/2021/BDCC	TH Phan Chu Trinh	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 2
312	Hồ Ngọc Ánh	23/10/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000527	000527/2021/BDCC	TH Âu Cơ	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 2
313	Hoàng Ngọc Phương	08/12/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000528	000528/2021/BDCC	TH Tân Thới	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 2
314	Trần Minh Danh	21/12/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000529	000529/2021/BDCC	TH Lê Thánh Tông	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
315	Phan Thị Thu Hà	08/10/1972	Đạt	DHSPTPHCM000530	000530/2021/BDCC	TH Tô Vĩnh Diện	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
316	Nguyễn Thị Ngọc Phương	01/08/1977	Đạt	DHSPTPHCM000531	000531/2021/BDCC	TH Tân Hòa	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
317	Nguyễn Anh Tú	27/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000532	000532/2021/BDCC	TH Tân Sơn Nhì	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
318	Nông Trần Minh	15/10/1991	Đạt	DHSPTPHCM000533	000533/2021/BDCC	TH Duy Tân	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
319	Lục Thị Mỹ Hạnh	10/08/1986	Đạt	DHSPTPHCM000534	000534/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
320	Phạm Thị Ánh Tuyết	16/06/1979	Đạt	DHSPTPHCM000535	000535/2021/BDCC	TH Tân Hương	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
321	Trần Thị Duyệt Thảo	24/10/1985	Đạt	DHSPTPHCM000536	000536/2021/BDCC	TH Lê Lai	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
322	Phạm Thị Nhung	12/10/1982	Đạt	DHSPTPHCM000537	000537/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Chính	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
323	Thái Tăng Thương	08/02/1984	Đạt	DHSPTPHCM000538	000538/2021/BDCC	TH Lê Lai	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
324	Trương Tuyết Thanh	15/06/1983	Đạt	DHSPTPHCM000539	000539/2021/BDCC	TH Tân Sơn Nhì	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
325	Lê Minh Hải	29/05/1985	Đạt	DHSPTPHCM000540	000540/2021/BDCC	TH Đình Bộ Lĩnh	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
326	Trần Hữu Trọng	18/07/1985	Đạt	DHSPTPHCM000541	000541/2021/BDCC	TH Đoàn Thị Điểm	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
327	Ngô Thủy Trinh	14/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM000542	000542/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Triết	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
328	Trịnh Thị Tuyết Thu	30/03/1978	Đạt	DHSPTPHCM000543	000543/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
329	Trần Thị Ngọc Hiếu	07/03/1974	Đạt	DHSPTPHCM000544	000544/2021/BDCC	TH Bình Triệu	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
330	Cao Thị Phương Thảo	20/02/1982	Đạt	DHSPTPHCM000545	000545/2021/BDCC	TH Tam Bình	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
331	Nguyễn Thị Hồng	12/06/1984	Đạt	DHSPTPHCM000546	000546/2021/BDCC	TH Trương Văn Hải	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
332	Lê Thị Yến Oanh	21/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM000547	000547/2021/BDCC	TH Đào Sơn Tây	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
333	Nguyễn Khuê Thanh Thủy	11/06/1988	Đạt	DHSPTPHCM000548	000548/2021/BDCC	TH Thái Văn Lung 1	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
334	Vũ Thị Hoàng Oanh	06/03/1976	Đạt	DHSPTPHCM000549	000549/2021/BDCC	TH Trần Văn Vân	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
335	Nguyễn Thị Hải	06/10/1974	Đạt	DHSPTPHCM000550	000550/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
336	Nguyễn Ngọc Đoan Trang	27/06/1985	Đạt	DHSPTPHCM000551	000551/2021/BDCC	TH Linh Tây	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
337	Nguyễn Hải Hà	30/07/1991	Đạt	DHSPTPHCM000552	000552/2021/BDCC	TH Bình Chiểu	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
338	Hoàng Thị Hồng Liên	26/12/1980	Đạt	DHSPTPHCM000553	000553/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Nở	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
339	Nguyễn Trần Thu Hà	08/09/1989	Đạt	DHSPTPHCM000554	000554/2021/BDCC	TH Linh Chiểu	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
340	Nguyễn Ngọc Bích	20/11/1968	Đạt	DHSPTPHCM000555	000555/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Banh	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
341	Nguyễn Thị Thúy Hằng	27/04/1984	Đạt	DHSPTPHCM000556	000556/2021/BDCC	TH Linh Chiểu	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
342	Trần Văn Tấn Lộc	10/10/1990	Đạt	DHSPTPHCM000557	000557/2021/BDCC	TH Đỗ Tấn Phong	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
343	Phạm Thanh Quốc	11/07/1984	Đạt	DHSPTPHCM000558	000558/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Nở	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
344	Phạm Thị Thu Hằng	27/12/1987	Đạt	DHSPTPHCM000559	000559/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
345	Đào Ngọc Diệp	18/07/1976	Đạt	DHSPTPHCM000560	000560/2021/BDCC	TH Tân Nhựt	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
346	Nguyễn Thị Kim Phương	27/09/1977	Đạt	DHSPTPHCM000561	000561/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
347	Đặng Thị Minh Trí	09/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000562	000562/2021/BDCC	TH Tân Quý Tây 3	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
348	Cao Tú Trinh	15/07/1988	Đạt	DHSPTPHCM000563	000563/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
349	Huỳnh Kim Khánh	12/07/1975	Đạt	DHSPTPHCM000564	000564/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
350	Lê Thị Thu Thương	18/05/1977	Đạt	DHSPTPHCM000565	000565/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
351	Võ Thị Hồng	18/03/1974	Đạt	DHSPTPHCM000566	000566/2021/BDCC	TH Phong Phú	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
352	Nguyễn Thị Kim Ngọc	11/01/1975	Đạt	DHSPTPHCM000567	000567/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
353	Phạm Thị Ngọc Liễu	17/06/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000568	000568/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
354	Võ Thị Thu Trang	04/04/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000569	000569/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Bánh	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
355	Trang Thị Kim Cúc	02/04/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000570	000570/2021/BDCC	TH Tân Quý Tây 3	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
356	Nguyễn Trung Tín	14/07/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000571	000571/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
357	Thiều Minh Anh Thy	28/09/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000572	000572/2021/BDCC	TH Qui Đức	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
358	Mai Thành Công Danh	16/04/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000573	000573/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
359	Trần Quang Tuấn	02/12/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000574	000574/2021/BDCC	TH Qui Đức	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
360	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	15/07/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000575	000575/2021/BDCC	TH Đồng Hoà	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
361	Võ Thành Đức	09/10/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000576	000576/2021/BDCC	TH Cần Thạnh 2	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
362	Trần Thị Hoài Dung	27/02/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000577	000577/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
363	Nguyễn Thị Diễm Thúy	30/06/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000578	000578/2021/BDCC	TH Cần Thạnh 2	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
364	Phạm Hoàng Tôn Nữ	02/05/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000579	000579/2021/BDCC	TH Long Thành	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
365	Nguyễn Thị Thanh Thủy	22/02/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000580	000580/2021/BDCC	TH Long Thành	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
366	Đặng Thanh Huân	03/03/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000581	000581/2021/BDCC	TH Bình Phước	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
367	Hoàng Hữu Chí	18/11/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000582	000582/2021/BDCC	TH Tam Thôn Hiệp	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
368	Lương Văn Ân	20/11/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000583	000583/2021/BDCC	TH An Nghĩa	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
369	Nguyễn Thanh Bình	18/12/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000584	000584/2021/BDCC	TH Hoà Hiệp	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
370	Trịnh Thị Hằng	20/09/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000585	000585/2021/BDCC	TH Vàm Sát	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
371	Huỳnh Võ Phan Minh Sang	28/10/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000586	000586/2021/BDCC	TH Bình Thạnh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
372	Phạm Hoàng Giang	07/02/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000587	000587/2021/BDCC	TH Long Thành	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
373	Đoàn Thanh Cang	20/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000588	000588/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
374	Lê Nguyễn Thị Thùy Linh	07/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000589	000589/2021/BDCC	TH Tân Thông	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
375	Phạm Thị Hiệp	06/10/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000590	000590/2021/BDCC	TH Phạm Văn Cội	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
376	Huỳnh Thị Hương	01/01/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000591	000591/2021/BDCC	TH Thị Trấn 2	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
377	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/07/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000592	000592/2021/BDCC	TH Thái Mỹ	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
378	Nguyễn Ngọc Hiền	16/11/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000593	000593/2021/BDCC	TH Hòa Phú	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
379	Nguyễn Thanh Hùng	15/03/1966	Đạt	ĐHSPTPHCM000594	000594/2021/BDCC	TH Lê Thị Pha	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
380	Bùi Thanh Phú	04/05/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000595	000595/2021/BDCC	TH An Nhơn Tây	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
381	Đinh Thị Chí	20/12/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000596	000596/2021/BDCC	TH Trung Lập Hạ	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
382	Phan Thị Ngọc Nương	02/11/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000597	000597/2021/BDCC	Th-THCS Tân Trung	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
383	Ngô Thị Thuý Hằng	29/04/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000598	000598/2021/BDCC	TH Lê Văn Thế	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
384	Liêu Thị Vân	05/05/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000599	000599/2021/BDCC	TH Tân Phú Trung	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
385	Lâm Võ Nguyệt Quế	25/12/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000600	000600/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Lịch	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
386	Lê Đình Trang Đài	08/09/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000601	000601/2021/BDCC	TH Phước Hiệp	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
387	Nguyễn Thị Kim Ngọc	20/09/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000602	000602/2021/BDCC	TH Tân Thạnh Đông	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
388	Trần Ngọc Mơ	25/05/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000603	000603/2021/BDCC	TH Phú Hòa Đông	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
389	Phạm Thị Hải Yến	20/08/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000604	000604/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Lăng	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
390	Nguyễn Hoàng Minh	02/03/1967	Đạt	ĐHSPTPHCM000605	000605/2021/BDCC	TH Nhuận Đức 2	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
391	Nguyễn Thị Phan	30/1/1984	Đạt	DHSPTPHCM000606	000606/2021/BDDCC	TH Trung An	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
392	Võ Chí Công	12/07/1987	Đạt	DHSPTPHCM000607	000607/2021/BDDCC	TH An Phú 1	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
393	Nguyễn Trọng Bình	20/02/1988	Đạt	DHSPTPHCM000608	000608/2021/BDDCC	TH Thị Trấn Củ Chi	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
394	Lê Thị Mộng Thu	07/12/1986	Đạt	DHSPTPHCM000609	000609/2021/BDDCC	TH Trần Văn Danh	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
395	Đỗ Thị Duyên	18/03/1985	Đạt	DHSPTPHCM000610	000610/2021/BDDCC	TH Bùi Văn Ngự	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
396	Nguyễn Hoàng Lâm Vũ	26/02/1983	Đạt	DHSPTPHCM000611	000611/2021/BDDCC	TH Tam Đông 2	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
397	Đoàn Thành Điện	07/03/1984	Đạt	DHSPTPHCM000612	000612/2021/BDDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
398	Nguyễn Thị Hoàng Lan	12/02/1980	Đạt	DHSPTPHCM000613	000613/2021/BDDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
399	Lê Thanh Lan	15/08/1969	Đạt	DHSPTPHCM000614	000614/2021/BDDCC	TH Xuân Thới Thượng	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
400	Trần Mỹ Nga	27/01/1993	Đạt	DHSPTPHCM000615	000615/2021/BDDCC	Nguyễn Thị Núi	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
401	Vũ Lê Lương	27/10/1977	Đạt	DHSPTPHCM000616	000616/2021/BDDCC	TH Thới Tam	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
402	Lữ Thị Ngọc Hân	25/12/1990	Đạt	DHSPTPHCM000617	000617/2021/BDDCC	Nguyễn Thị Núi	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
403	Hạ Thị Ánh Hồng	03/06/1971	Đạt	DHSPTPHCM000618	000618/2021/BDDCC	TH Thới Tam	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
404	Bùi Thị Minh Trang	23/11/1979	Đạt	DHSPTPHCM000619	000619/2021/BDDCC	TH Mỹ Hòa	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
405	Nguyễn Hoàng Linh Phương	27/11/1975	Đạt	DHSPTPHCM000620	000620/2021/BDDCC	Nguyễn Thị Núi	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
406	Trần Ngọc Minh Tâm	13/11/1987	Đạt	DHSPTPHCM000621	000621/2021/BDDCC	TH Thới Tam	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
407	Nguyễn Văn Được	01/01/1988	Đạt	DHSPTPHCM000622	000622/2021/BDDCC	TH Trương Văn Ngải	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
408	Phạm Thị Mai Chi	01/12/1990	Đạt	DHSPTPHCM000623	000623/2021/BDDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
409	Lê Thị Tuyết Hương	22/01/1974	Đạt	DHSPTPHCM000624	000624/2021/BDDCC	TH Lý Chính Thắng 2	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
410	Võ Văn Luân	14/07/1986	Đạt	DHSPTPHCM000625	000625/2021/BDDCC	TH Xuân Thới Thượng	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
411	Trần Tấn Đạt	14/02/1992	Đạt	DHSPTPHCM000626	000626/2021/BDDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
412	Hà Anh Tuấn	11/04/1987	Đạt	DHSPTPHCM000627	000627/2021/BDDCC	Nguyễn Thị Núi	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
413	Trình Huỳnh Tài	05/07/1972	Đạt	DHSPTPHCM000628	000628/2021/BDDCC	TH Bùi Văn Ngự	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
414	Trần Thị Hà Như	01/09/1969	Đạt	DHSPTPHCM000629	000629/2021/BDDCC	Trường BDGD Huyện Nhà Bè	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
415	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	07/05/1973	Đạt	DHSPTPHCM000630	000630/2021/BDDCC	TH Lâm Văn Bền	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
416	Nguyễn Thanh Ngọc Thủy	08/07/1975	Đạt	DHSPTPHCM000631	000631/2021/BDDCC	TH Nguyễn Việt Hồng	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
417	Ngô Thị Năm	06/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM000632	000632/2021/BDDCC	TH Nguyễn Bình	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
418	Trương Thị Lệ Hằng	12/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000633	000633/2021/BDDCC	TH Trang Tấn Khương	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
419	Trần Thị Hoàng Huy	13/08/1989	Đạt	DHSPTPHCM000634	000634/2021/BDDCC	TH Nguyễn Văn Tạo	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
420	Phạm Thị Kiều Vân	06/08/1971	Đạt	DHSPTPHCM000635	000635/2021/BDDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
421	Ngô Thị Phương Chi	04/02/1976	Đạt	DHSPTPHCM000636	000636/2021/BDDCC	TH Lê Quang Định	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
422	Trần Thị Thanh Nhã	15/02/1989	Đạt	DHSPTPHCM000637	000637/2021/BDDCC	TH Bùi Văn Ba	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
423	Đoàn Thị Ngọc Tuyết	05/07/1987	Đạt	DHSPTPHCM000638	000638/2021/BDDCC	TH Bùi Thanh Kiệt	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
424	Mai Thị Hồng Nhung	08/08/1985	Đạt	DHSPTPHCM000639	000639/2021/BDDCC	TH Trần Thị Ngọc Hân	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
425	Lê Thị Kiều Nguyệt Nga	24/01/1983	Đạt	DHSPTPHCM000640	000640/2021/BDDCC	TH Dương Văn Lịch	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
426	Nguyễn Thị Khuyên	03/08/1989	Đạt	DHSPTPHCM000641	000641/2021/BDDCC	TH Lê Văn Lương	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
427	Lê Minh Giàu	28/04/1989	Đạt	DHSPTPHCM000642	000642/2021/BDDCC	TH Nguyễn Văn Tạo	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
428	Phạm Hồ Huy Cường	03/12/1974	Đạt	DHSPTPHCM000643	000643/2021/BDDCC	TH Nguyễn Bình	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
429	Lê Thị Mỹ Dung	09/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000644	000644/2021/BDCC	TH Linh Chiểu	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
430	Nguyễn Thị Hà My	22/08/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000645	000645/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Tây	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
431	Lê Phước Giang	16/08/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000646	000646/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 2
432	Lôi Phú Quốc	02/12/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000647	000647/2021/BDCC	TH Lương Định Của	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 2
433	Nguyễn Thị Giao Linh	23/10/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000648	000648/2021/BDCC	TH Phan Văn Hân	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 2
434	Phạm Thị Thu Ngân	30/12/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000649	000649/2021/BDCC	TH Trần Quốc Toàn	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
435	Nguyễn Nhật Tâm	21/09/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000650	000650/2021/BDCC	TH Trần Danh Lâm	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
436	Đặng Thị Thuỳ Dung	15/12/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000651	000651/2021/BDCC	TH Lê Thị Hồng Gấm	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
437	Phạm Thị Cẩm Hà	19/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000652	000652/2021/BDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
438	Nguyễn Thị Mai Huyền	30/08/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000653	000653/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 2
439	Lê Thị Linh	13/02/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000654	000654/2021/BDCC	TH Tân Túc	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
440	Nguyễn Thị Thùy Dung	21/08/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000655	000655/2021/BDCC	TH An Phú	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 2
441	Võ Thị Thanh Hương	10/01/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000656	000656/2021/BDCC	TH An Phú	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 2
442	Nguyễn Thị Nguyệt	10/08/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000657	000657/2021/BDCC	TH Lê Văn Thọ	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
443	Hà Hồng Phúc	10/12/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000658	000658/2021/BDCC	TH Lê Văn Thế	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
444	Nguyễn Vương Kim Thịnh	05/08/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000659	000659/2021/BDCC	TH Bình Giả	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
445	Bùi Thị Mai Trang	01/04/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000660	000660/2021/BDCC	Trưởng Tiểu Học Phan Đăng Lưu	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
446	Võ Hồ Thanh Mai	04/07/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000661	000661/2021/BDCC	TH Phước Thạnh	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
447	Mai Quốc	04/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000662	000662/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 2
448	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000663	000663/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Luông	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 2
449	Ngô Nguyễn Thị Thu Oanh	29/01/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000664	000664/2021/BDCC	TH Bình Phước	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
450	Nguyễn Thị Hiền	26/10/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000665	000665/2021/BDCC	TH Cần Thạnh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
451	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/08/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000666	000666/2021/BDCC	TH Trần Văn Kiểu	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 2
452	Nguyễn Thanh Thảo	02/12/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000667	000667/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
453	Lê Thị Hồng Cẩm	12/08/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000668	000668/2021/BDCC	TH Bình Giả	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
454	Hồng Thị Tường An	02/12/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000669	000669/2021/BDCC	TH Chi Lăng	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
455	Lê Thị Ngọc Tuyết	03/11/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000670	000670/2021/BDCC	TH Phú Thọ Hoà	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
456	Nguyễn Thị Kim Cương	24/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000671	000671/2021/BDCC	TH Lê Thị Hồng Gấm	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
457	Hoàng Minh Thuận	22/04/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000672	000672/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Kịp	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
458	Lê Ngọc Quyền	08/10/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM000673	000673/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
459	Kiều Mộng Lanh	09/03/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000674	000674/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ 3	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
460	Phạm Thị Mỹ Tuyền	06/06/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000675	000675/2021/BDCC	TH Trần Quang Cơ	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
461	Nguyễn Thị Hoàng Yến	23/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000676	000676/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
462	Võ Hoàng Đầy	27/12/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000677	000677/2021/BDCC	TH Phan Huy Ích	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
463	Nguyễn Huỳnh Mai	01/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000678	000678/2021/BDCC	TH Lê Lợi	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
464	Nguyễn Vũ Thái Hiền	14/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000679	000679/2021/BDCC	TH Chi Lăng	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 2
465	Đỗ Hữu Hồng Ân	31/10/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000680	000680/2021/BDCC	Đồng Ba	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
466	Dương Trần Thanh Mai	07/07/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM000681	000681/2021/BDCC	TH Tô Vĩnh Diện	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
467	Lê Thị Ngọc Loan	15/10/1981	Đạt	DHSPTPHCM000682	000682/2021/BDDC	TH Phước Bình	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 2
468	Nguyễn Văn Trường Phước	19/03/1973	Đạt	DHSPTPHCM000683	000683/2021/BDDC	TH Trương Văn Thành	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 2
469	Lê Thị Hoàn	24/11/1977	Đạt	DHSPTPHCM000684	000684/2021/BDDC	TH Võ Văn Hát	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 2
470	Đào Thị Ngọc Mỹ	20/06/1983	Đạt	DHSPTPHCM000685	000685/2021/BDDC	TH Trần Quốc Toản	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
471	Nguyễn Thị Kim Cúc	25/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM000686	000686/2021/BDDC	TH Tân Quý Tây	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
472	Trần Thị Thu Trang	05/09/1976	Đạt	DHSPTPHCM000687	000687/2021/BDDC	TH Thới Tam	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 2
473	Nguyễn Thị Thanh Trang	25/10/1979	Đạt	DHSPTPHCM000688	000688/2021/BDDC	TH Bình Khánh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
474	Đào Thị Hương Huệ	10/06/1981	Đạt	DHSPTPHCM000689	000689/2021/BDDC	TH Trần Quốc Tuấn	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 2
475	Lê Cao Thắng	25/03/1988	Đạt	DHSPTPHCM000690	000690/2021/BDDC	THCS Lê Lợi	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 2
476	Trần Đức Lộc	20/03/1985	Đạt	DHSPTPHCM000691	000691/2021/BDDC	THCS Phan Sào Nam	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 2
477	Phan Thị Kim Sương	11/08/1968	Đạt	DHSPTPHCM000692	000692/2021/BDDC	THCS Bàn Cờ	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 2
478	Đỗ Hữu Duy	05/06/1979	Đạt	DHSPTPHCM000693	000693/2021/BDDC	THCS Hai Bà Trưng	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 2
479	Nguyễn Đại Huỳnh	15/02/1985	Đạt	DHSPTPHCM000694	000694/2021/BDDC	THCS Nguyễn Hiền	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 2
480	Huỳnh Nguyễn Phương Thủy	03/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000695	000695/2021/BDDC	THCS Dương Bá Trạc	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 2
481	Võ Thị Hằng Nhi	14/11/1986	Đạt	DHSPTPHCM000696	000696/2021/BDDC	THCS Khánh Bình	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 2
482	Nguyễn Thị Hải	03/02/1980	Đạt	DHSPTPHCM000697	000697/2021/BDDC	THCS Chánh Hưng	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 2
483	Phan Công Bằng	02/11/1965	Đạt	DHSPTPHCM000698	000698/2021/BDDC	THCS Bình An	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 2
484	Lê Thị Tùng Anh	01/02/1984	Đạt	DHSPTPHCM000699	000699/2021/BDDC	THCS Trần Danh Ninh	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 2
485	Võ Văn Tuấn	17/02/1985	Đạt	DHSPTPHCM000700	000700/2021/BDDC	THCS Lê Lai	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 2
486	Ngô Quang Tuấn	26/12/1991	Đạt	DHSPTPHCM000701	000701/2021/BDDC	THCS Bình Đông	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 2
487	Lê Hoàng Bảo	03/12/1985	Đạt	DHSPTPHCM000702	000702/2021/BDDC	THCS Phú Lợi	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 2
488	Võ Bảo Thu	01/07/1981	Đạt	DHSPTPHCM000703	000703/2021/BDDC	THCS Lam Sơn	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
489	Hoàng Ngọc Anh	15/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM000704	000704/2021/BDDC	THCS Rạng Đông	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
490	Lê Thị Mỹ Hoa	12/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000705	000705/2021/BDDC	THCS Điện Biên	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
491	Nguyễn Hữu Lâm	25/10/1972	Đạt	DHSPTPHCM000706	000706/2021/BDDC	THCS Cửu Long	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
492	Nguyễn Học	05/11/1985	Đạt	DHSPTPHCM000707	000707/2021/BDDC	THCS Điện Biên	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
493	Nguyễn Thị Kiều Nhom	01/01/1971	Đạt	DHSPTPHCM000708	000708/2021/BDDC	THCS Thanh Đa	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
494	Lê Thị Định	08/11/1973	Đạt	DHSPTPHCM000709	000709/2021/BDDC	THCS Cù Chính Lan	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
495	Lê Thủy Tiên	31/07/1973	Đạt	DHSPTPHCM000710	000710/2021/BDDC	THCS Bình Quới Tây	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
496	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	12/08/1981	Đạt	DHSPTPHCM000711	000711/2021/BDDC	THCS Nguyễn Tri Phương	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
497	Phạm Thị Oanh Kiều	28/10/1985	Đạt	DHSPTPHCM000712	000712/2021/BDDC	THCS Trường Chinh	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 2
498	Ngô Kim Ngân	13/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM000713	000713/2021/BDDC	THCS Quang Trung	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 2
499	Vũ Quang Liêm	31/07/1979	Đạt	DHSPTPHCM000714	000714/2021/BDDC	THCS Tân Bình	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 2
500	Lê Thị Phương Đông	08/12/1983	Đạt	DHSPTPHCM000715	000715/2021/BDDC	THCS Nguyễn Gia Thiệu	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 2
501	Nguyễn Hoàng Sơn	06/03/1988	Đạt	DHSPTPHCM000716	000716/2021/BDDC	Trường BDCĐ Quân Tân Bình	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 2
502	Vũ Đình Vượng	04/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000717	000717/2021/BDDC	THCS Ngô Sĩ Liên	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 2
503	Nguyễn Đức Thọ	20/05/1975	Đạt	DHSPTPHCM000718	000718/2021/BDDC	THCS Lý Thường Kiệt	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 2
504	Trần Minh Lý	20/04/1976	Đạt	DHSPTPHCM000719	000719/2021/BDDC	THCS Đoàn Kết	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
505	Nguyễn Hồng Thùy Lan	25/10/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000720	000720/2021/BDCC	THCS Phú Định	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 2
506	Nguyễn Xuân Huyền	25/12/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000721	000721/2021/BDCC	THCS Bình Tây	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 2
507	Phan Phước Lai	12/07/1963	Đạt	ĐHSPTPHCM000722	000722/2021/BDCC	THCS Phạm Đình Hồ	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 2
508	Hoàng Minh Hồng Đức	21/08/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000723	000723/2021/BDCC	THCS Văn Thân	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 2
509	Trịnh Quang Huy	02/12/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000724	000724/2021/BDCC	THCS Lữ Gia	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 2
510	Nguyễn Trung Nghĩa	14/02/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000725	000725/2021/BDCC	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 2
511	Tào Võ Hiền Nhân	01/11/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000726	000726/2021/BDCC	THCS Lê Anh Xuân	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 2
512	Bùi Mỹ Dung	21/08/1967	Đạt	ĐHSPTPHCM000727	000727/2021/BDCC	THCS Quang Trung	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
513	Lê Phước Huy	15/02/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000728	000728/2021/BDCC	THCS Văn Đồn	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
514	Huỳnh Kim Huê	17/07/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000729	000729/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
515	Phạm Thành Trung	05/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000730	000730/2021/BDCC	THCS Ba Đình	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 2
516	Trần Nguyễn Tuấn Huy	18/07/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000731	000731/2021/BDCC	THCS Trần Bội Cơ	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 2
517	Nguyễn Ngô Anh Huyền	18/10/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000732	000732/2021/BDCC	THCS Văn Lang	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 2
518	Nguyễn Công Phúc Khánh	31/01/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000733	000733/2021/BDCC	THCS Nguyễn Du	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 2
519	Đỗ Thanh Hải	11/02/1963	Đạt	ĐHSPTPHCM000734	000734/2021/BDCC	THCS Cầu Kiệu	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
520	Phạm Văn Tú	12/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000735	000735/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
521	Nguyễn Ngọc Toàn	01/01/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000736	000736/2021/BDCC	THCS Gò Vấp	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
522	Huỳnh Phúc Thịnh	18/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000737	000737/2021/BDCC	THCS Nguyễn Du	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
523	Nguyễn Phi Hùng	26/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000738	000738/2021/BDCC	THCS An Nhơn	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
524	Huỳnh Thị Phương Ngọc	09/01/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000739	000739/2021/BDCC	THCS Lý Tự Trọng	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
525	Lê Minh Kim Long	19/09/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000740	000740/2021/BDCC	THCS Trường Sơn	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
526	Lê Hoàng Dũng	17/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000741	000741/2021/BDCC	THCS Thông Tây Hội	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
527	Nguyễn Đình Truyền	12/10/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000742	000742/2021/BDCC	THCS Phan Tây Hồ	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
528	Phạm Duy Trung	03/05/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000743	000743/2021/BDCC	THCS Tân Sơn	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
529	Phạm Ngọc Duyên	07/04/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000744	000744/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thị Thập Q7	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 2
530	Trần Thị Diễm Chi	21/02/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000745	000745/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hiền	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 2
531	Nguyễn Thị Thanh Thủy	09/02/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000746	000746/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Tuấn	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 2
532	Khương Thị Thanh	07/02/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000747	000747/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 2
533	Nguyễn Trương Quý Trọng	15/12/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000748	000748/2021/BDCC	THCS Hoàng Quốc Việt	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 2
534	Nguyễn Duy Phúc	10/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000749	000749/2021/BDCC	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
535	Nguyễn Thị Thu Thủy	08/11/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000750	000750/2021/BDCC	THCS Hai Bà Trưng	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
536	Lê Thị Hồng Phương	19/05/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000751	000751/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thị Hương	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
537	Nguyễn Thị Ngọc Thu	06/09/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000752	000752/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Quỳ	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
538	Lê Thị Châu Bình	03/04/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000753	000753/2021/BDCC	THCS Phước Lộc	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
539	Phan Trần Bàng Thu	26/10/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM0006928	000754/2021/BDCC	THCS Hoa Lư	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
540	Nguyễn Trường Vũ	24/11/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM0000755	000755/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Toàn	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
541	Lê Mậu Thành	19/08/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM0000756	000756/2021/BDCC	THCS Tăng Nhơn Phú B	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2
542	Cao Thế Phương	30/08/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM0000757	000757/2021/BDCC	THCS Long Phước	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
543	Nguyễn Hoàng Phúc	01/12/1967	Đạt	DHSPTPHCM000758	000758/2021/BDDC	THCS Phước Bình	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 2
544	Nguyễn Thị Ai Chiêu	11/03/1967	Đạt	DHSPTPHCM000759	000759/2021/BDDC	THCS Trần Quốc Toản	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 2
545	Đặng Trần Thanh Xuân	02/10/1978	Đạt	DHSPTPHCM000760	000760/2021/BDDC	THCS Hoàng Diệu	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
546	Nguyễn Như Sương	28/11/1985	Đạt	DHSPTPHCM000761	000761/2021/BDDC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
547	Châu Mỹ Tuyền	11/12/1990	Đạt	DHSPTPHCM000762	000762/2021/BDDC	THCS Thoại Ngọc Hầu	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
548	Lại Văn Quang	18/03/1965	Đạt	DHSPTPHCM000763	000763/2021/BDDC	THCS Đồng Khởi	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
549	Nguyễn Thị Phương Loan	29/12/1981	Đạt	DHSPTPHCM000764	000764/2021/BDDC	THCS Trần Quang Khải	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
550	Tô Ngọc Tiên	23/10/1978	Đạt	DHSPTPHCM000765	000765/2021/BDDC	THCS Hùng Vương	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
551	Đinh Nguyễn Diệp Ly Ly	01/03/1985	Đạt	DHSPTPHCM000766	000766/2021/BDDC	THCS Lê Lợi	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
552	Dương Trí Dũng	07/05/1968	Đạt	DHSPTPHCM000767	000767/2021/BDDC	THCS Tôn Thất Tùng	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
553	Lê Minh Hải	12/02/1988	Đạt	DHSPTPHCM000768	000768/2021/BDDC	THCS Lê Huỳnh Văn Nghệ	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 2
554	Ngô Thị Cúc Huyền	05/12/1978	Đạt	DHSPTPHCM000769	000769/2021/BDDC	THCS Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 2
555	Đào Thị Anh	18/01/1983	Đạt	DHSPTPHCM000770	000770/2021/BDDC	THCS Lê Bình Hưng Hòa	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 2
556	Đỗ Thị Thanh Giang	25/07/1990	Đạt	DHSPTPHCM000771	000771/2021/BDDC	THCS Lê Lý Thường Kiệt	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 2
557	Nguyễn Minh Ngọt	30/03/1988	Đạt	DHSPTPHCM000772	000772/2021/BDDC	THCS Bình Trị Đông	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 2
558	Lê Nguyễn Ngọc Hân	23/04/1983	Đạt	DHSPTPHCM000773	000773/2021/BDDC	THCS Lý Thường Kiệt	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 2
559	Nguyễn Đăng An Giang	01/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000774	000774/2021/BDDC	Trường BDGD Quận Bình Tân	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 2
560	Võ Thị Duy Diệp	01/02/1968	Đạt	DHSPTPHCM000775	000775/2021/BDDC	THCS Thọ	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
561	Trần Đình Phương	01/12/1974	Đạt	DHSPTPHCM000776	000776/2021/BDDC	THCS Xuân Trường	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
562	Khuu Thị Thanh Hiền	15/03/1978	Đạt	DHSPTPHCM000777	000777/2021/BDDC	THCS Linh Trung	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
563	Nguyễn Văn Tiêm	10/11/1981	Đạt	DHSPTPHCM000778	000778/2021/BDDC	THCS Hiệp Bình	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
564	Võ Ngọc Nữ	28/02/1981	Đạt	DHSPTPHCM000779	000779/2021/BDDC	THCS Linh Đông	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
565	Hồ Văn Thịnh	25/10/1967	Đạt	DHSPTPHCM000780	000780/2021/BDDC	THCS Ngô Chí Quốc	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
566	Nguyễn Hoàng Mỹ	27/09/1973	Đạt	DHSPTPHCM000781	000781/2021/BDDC	THCS Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
567	Phạm Hồ Hiệp	20/10/1979	Đạt	DHSPTPHCM000782	000782/2021/BDDC	THCS Đa Phước	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
568	Đinh Công Văn Sơn	13/05/1987	Đạt	DHSPTPHCM000783	000783/2021/BDDC	THCS Đồng Đen	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
569	Võ Thị Kim Tươi	08/09/1979	Đạt	DHSPTPHCM000784	000784/2021/BDDC	THCS Nguyễn Văn Linh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
570	Nguyễn Xuân Thanh Vân	18/08/1977	Đạt	DHSPTPHCM000785	000785/2021/BDDC	THCS Phong Phú	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
571	Nguyễn Văn Mai	21/02/1969	Đạt	DHSPTPHCM000786	000786/2021/BDDC	THCS Vĩnh Lộc A	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
572	Ngô Kế Thanh Tâm	28/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000787	000787/2021/BDDC	THCS Bình Khánh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
573	Nguyễn Lê Trường Sơn	05/09/1983	Đạt	DHSPTPHCM000788	000788/2021/BDDC	THCS Tô Ký	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
574	Phan Thị Hương	12/12/1977	Đạt	DHSPTPHCM000789	000789/2021/BDDC	THCS Nguyễn Hồng Đào	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
575	Nguyễn Thị Thanh Thùy	05/11/1978	Đạt	DHSPTPHCM000790	000790/2021/BDDC	THCS Thị Trấn	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
576	Diệp Thị Thanh Thảo	21/02/1985	Đạt	DHSPTPHCM000791	000791/2021/BDDC	THCS Nguyễn An Khương	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
577	Lê Thu Hiếu	01/08/1979	Đạt	DHSPTPHCM000792	000792/2021/BDDC	THCS Đăng Công Bình	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
578	Phan Mỹ Linh	26/11/1976	Đạt	DHSPTPHCM000793	000793/2021/BDDC	THCS Đồng Thạnh	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
579	Đào Văn Danh	28/04/1976	Đạt	DHSPTPHCM000794	000794/2021/BDDC	THCS Tân Tiến	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
580	Lê Ngọc Dung	18/07/1972	Đạt	DHSPTPHCM000795	000795/2021/BDDC	THCS Phước Thạnh	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
581	Nguyễn Thị Minh Tâm	21/07/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000796	000796/2021/BDCC	THCS Hòa Phú	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
582	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	06/03/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000797	000797/2021/BDCC	THCS Tân Thạnh Đông	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
583	Lâm Tấn Khanh	22/09/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000798	000798/2021/BDCC	THCS Bình An	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 2
584	Trần Thị Thu Liễu	05/05/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000799	000799/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 2
585	Vũ Trần Tuấn Kiệt	20/08/1966	Đạt	ĐHSPTPHCM000800	000800/2021/BDCC	THCS Thạnh Mỹ Lợi	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 2
586	Phạm Văn Sơn	30/08/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM000801	000801/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thị Định	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 2
587	Phạm Thành	15/09/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000802	000802/2021/BDCC	THCS, THPT Phan Châu Trinh		Mô đun 2
588	Nguyễn Thị Thanh Thảo	07/10/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM000803	000803/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 2
589	Hoàng Tuấn Anh	01/11/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000804	000804/2021/BDCC	Phó Tổng Giám Đốc Thể Thao Olympic		Mô đun 2
590	Lê Thái Bảo	20/03/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000805	000805/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 2
591	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	29/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000806	000806/2021/BDCC	THCS Thăng Long	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 2
592	Dương Thị Huệ	06/07/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000807	000807/2021/BDCC	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 2
593	Trần Tuấn Anh	30/05/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000808	000808/2021/BDCC	THCS ColeTTe	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 2
594	Nguyễn Anh Duy	15/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000809	000809/2021/BDCC	TH, THCS và THPT Quốc Tế Á Châu		Mô đun 2
595	Đinh Kim Thoa	28/03/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000810	000810/2021/BDCC	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
596	Nguyễn Văn Sáng	05/07/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000811	000811/2021/BDCC	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
597	Trần Thị Thanh Nhã	05/12/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000812	000812/2021/BDCC	THCS Nguyễn Chí Thanh	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
598	Nguyễn Thị Minh An	01/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000813	000813/2021/BDCC	THCS Nguyễn An Ninh	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
599	Đoàn Thị Sen	07/03/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000814	000814/2021/BDCC	THCS Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
600	Võ Ngọc Duyên	03/05/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000815	000815/2021/BDCC	THCS Trương Nguyễn Anh	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
601	Nguyễn Thị Hồng Diệp	01/07/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000816	000816/2021/BDCC	THCS Phan Đăng Lưu	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
602	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	31/03/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000817	000817/2021/BDCC	THCS Trương Công Định	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
603	Mai Đình Văn Anh	29/05/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000818	000818/2021/BDCC	THCS Hà Huy Tập	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
604	Lê Việt Hải	12/06/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000819	000819/2021/BDCC	THCS Yên Thế	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
605	Nguyễn Thị Thúy	07/03/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000820	000820/2021/BDCC	THCS Phú Mỹ	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
606	Hà Thị Kim Phụng	17/05/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000821	000821/2021/BDCC	THCS Đồng Đa	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 2
607	Phạm Trần Thanh Thảo	31/08/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000822	000822/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Tố	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 2
608	Nguyễn Thị Ngọc Loan	19/10/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000823	000823/2021/BDCC	THCS Hoàng Hoa Thám	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
609	Nguyễn Tuấn Anh	20/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000824	000824/2021/BDCC	THCS Võ Văn Tần	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
610	Lâm Ngọc Phụng	09/08/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000825	000825/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Luông	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 2
611	Ngô Thị Thanh Tuyền	10/11/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM006929	000826/2021/BDCC	THCS Lam Sơn	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 2
612	Ngô Thị Bích	24/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000827	000827/2021/BDCC	THCS Hoàng Lê Kha	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 2
613	Mai Thùy An	03/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000828	000828/2021/BDCC	THCS Nguyễn Minh Hoàng	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 2
614	Nguyễn Thị Thùy Trang	13/07/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000829	000829/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 2
615	Đỗ Duy Nam	28/05/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000830	000830/2021/BDCC	THCS Phú Thọ	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 2
616	Chiêu Thu Trang	01/03/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000831	000831/2021/BDCC	THCS Trần Văn Ôn	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 2
617	Dương Thị Xuân Thủy	08/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000832	000832/2021/BDCC	THCS Châu Văn Liêm	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
618	Lê Thị Nhận	13/03/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000833	000833/2021/BDCC	THCS Độc Lập	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
619	Nguyễn Thị Thanh Tú	19/05/1994	Đạt	DHSPTPHCM000834	000834/2021/BDDCC	THCS Phan Văn Trị	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
620	Thái Thị Mỹ Oanh	27/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000835	000835/2021/BDDCC	THCS Phạm Hữu Lầu	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 2
621	Nguyễn Thị Thu Hà	20/12/1970	Đạt	DHSPTPHCM000836	000836/2021/BDDCC	THCS Huỳnh Tấn Phát	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 2
622	Trần Vũ Hồng Chuyên	01/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM000837	000837/2021/BDDCC	THCS Hoa Lư	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 2
623	Đinh Hồng Phát	17/09/1966	Đạt	DHSPTPHCM000838	000838/2021/BDDCC	THCS Hưng Bình	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 2
624	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	06/09/1980	Đạt	DHSPTPHCM000839	000839/2021/BDDCC	THCS Đặng Trần Côn	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
625	Nguyễn Phương Lynch Giang	26/01/1979	Đạt	DHSPTPHCM000840	000840/2021/BDDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
626	Nguyễn Công Đoàn	17/07/1986	Đạt	DHSPTPHCM000841	000841/2021/BDDCC	THCS Lê Tấn Bé	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 2
627	Nguyễn Thị Tú Anh	03/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000842	000842/2021/BDDCC	THCS Bình Trị Đông A	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 2
628	Nguyễn Thị Thu Hiền	05/03/1980	Đạt	DHSPTPHCM000843	000843/2021/BDDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 2
629	Nguyễn Thị Thu Trang	19/10/1975	Đạt	DHSPTPHCM000844	000844/2021/BDDCC	THCS Lê Hồ Văn Long	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 2
630	Mai Ngọc Chanh	14/08/1986	Đạt	DHSPTPHCM000845	000845/2021/BDDCC	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
631	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/04/1986	Đạt	DHSPTPHCM000846	000846/2021/BDDCC	THCS Tân Kiên	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
632	Phạm Thị Hồng Quỳên	04/04/1985	Đạt	DHSPTPHCM000847	000847/2021/BDDCC	THCS Tân Quý Tây	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
633	Phạm Thị Ngọc	24/09/1980	Đạt	DHSPTPHCM000848	000848/2021/BDDCC	THCS An Thới Đông	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
634	Nguyễn Thị Thanh Quế	06/10/1970	Đạt	DHSPTPHCM000849	000849/2021/BDDCC	THCS Long Hòa	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
635	Nguyễn Anh Quân	18/10/1977	Đạt	DHSPTPHCM000850	000850/2021/BDDCC	THCS Doi Lầu	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
636	Nguyễn Trần Thanh Nghiêm	01/01/1990	Đạt	DHSPTPHCM000851	000851/2021/BDDCC	THCS Tam Thôn Hiệp	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
637	Trần Công Nghĩa	07/08/1978	Đạt	DHSPTPHCM000852	000852/2021/BDDCC	THCS Đặng Thúc Vịnh	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
638	Ka Hoàng Trí Thủy	01/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000853	000853/2021/BDDCC	THCS Trung Mỹ Tây 1	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
639	Lê Thanh Nguyệt	07/07/1978	Đạt	DHSPTPHCM000854	000854/2021/BDDCC	THCS Tân Xuân	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
640	Huỳnh Thanh Tùng	31/08/1976	Đạt	DHSPTPHCM000855	000855/2021/BDDCC	THCS Thị Trần	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
641	Nguyễn Thị Trúc Mai	29/09/1979	Đạt	DHSPTPHCM000856	000856/2021/BDDCC	THCS Lý Chính Thắng 1	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
642	Nguyễn Thị Ngọc Minh	09/04/1980	Đạt	DHSPTPHCM000857	000857/2021/BDDCC	THCS Phan Công Hớn	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
643	Nguyễn Thị Giáng Thu	24/12/1972	Đạt	DHSPTPHCM000858	000858/2021/BDDCC	THCS Phước Vĩnh An	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
644	Nguyễn Thị Doan Trang	02/04/1981	Đạt	DHSPTPHCM000859	000859/2021/BDDCC	THCS Lương Định Của	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 2
645	Huỳnh Thị Anh Thư	15/09/1980	Đạt	DHSPTPHCM000860	000860/2021/BDDCC	THCS Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 2
646	Nguyễn Đăng Thủy	22/07/1988	Đạt	DHSPTPHCM000861	000861/2021/BDDCC	THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
647	Huỳnh Thị Cẩm Chi	25/06/1988	Đạt	DHSPTPHCM000862	000862/2021/BDDCC	THCS Lê Tân Tạo	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 2
648	Dương Hoài Tâm	22/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000863	000863/2021/BDDCC	THCS Nguyễn Đức Cảnh	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
649	Nguyễn Kim Thoa	01/05/1980	Đạt	DHSPTPHCM000864	000864/2021/BDDCC	THCS Nguyễn An Khương	Phòng GDDT Huyện Học Mỗn	Mô đun 2
650	Trần Túy Thuận	24/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM000865	000865/2021/BDDCC	THCS Bình Khánh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
651	Lê Thanh Hà	01/07/1982	Đạt	DHSPTPHCM000866	000866/2021/BDDCC	THCS Lý Phong	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 2
652	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	16/04/1980	Đạt	DHSPTPHCM000867	000867/2021/BDDCC	THCS Thị Trấn 2	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
653	Phan Thị Bình Minh	01/12/1984	Đạt	DHSPTPHCM000868	000868/2021/BDDCC	THCS Phạm Ngọc Thạch	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 2
654	Hồ Anh Trí	28/03/1980	Đạt	DHSPTPHCM000869	000869/2021/BDDCC	THCS Hậu Giang	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 2
655	Lai Hồng Huy	18/01/1979	Đạt	DHSPTPHCM000870	000870/2021/BDDCC	THCS An Phú Đông	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 2
656	Trần Phú Cẩm	08/08/1967	Đạt	DHSPTPHCM000871	000871/2021/BDDCC	THCS Tân An Hội	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
657	Đậu Văn Khánh	10/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM006930	000872/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Nghi	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
658	Lê Quốc Thắng	03/05/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000873	000873/2021/BDCC	THCS Nguyễn Gia Thiều	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
659	Hứa Thị Hoàn Hảo	01/12/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000874	000874/2021/BDCC	THCS Tân Nhựt	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
660	Nguyễn Văn Cường	10/03/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000875	000875/2021/BDCC	THCS Tam Đông 1	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 2
661	Nguyễn Thị Vân Anh	13/05/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000876	000876/2021/BDCC	THCS Quang Trung	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
662	Đoàn Thị Cẩm Hồng	09/12/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000877	000877/2021/BDCC	THCS An Phú	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 2
663	Kiều Việt Hưng	19/06/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000878	000878/2021/BDCC	THCS Đào Duy Anh	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
664	La Trần Huyền Diệu	06/01/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000879	000879/2021/BDCC	THCS Âu Lạc	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 2
665	Lê Thị Đình	06/06/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000880	000880/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Toàn	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 2
666	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	14/03/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000881	000881/2021/BDCC	THCS Ngô Tất Tố	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
667	Võ Thị Thu Hà	17/12/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000882	000882/2021/BDCC	THCS Tân Thông Hội	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
668	Trương Hồng Quang	10/08/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000883	000883/2021/BDCC	THCS Trần Phú	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
669	Phạm Tuyết Trinh	07/09/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000884	000884/2021/BDCC	THCS Phan Bội Châu	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
670	Nguyễn Thị Hiếu Nghĩa	29/08/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000885	000885/2021/BDCC	THCS Trần Quang Khải	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
671	Trần Lê Phương Khanh	06/04/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000886	000886/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
672	Nguyễn Thị Nga	13/02/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000887	000887/2021/BDCC	THCS Trần Hưng Đạo	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
673	Mai Thị Ngân	20/08/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000888	000888/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trung Trực	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 2
674	Tạ Minh Hoàng	04/02/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000889	000889/2021/BDCC	THCS Tăng Bạt Hổ	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
675	Mai Hiếu Phước	19/08/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000890	000890/2021/BDCC	THCS Chi Lăng	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 2
676	Nguyễn Văn Minh	21/02/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000891	000891/2021/BDCC	THCS Bình Hưng Hòa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
677	Lê Huỳnh Trọng Hiếu	16/10/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000892	000892/2021/BDCC	THCS Bình Trị Đông A	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
678	Nguyễn Thiện Thuật	08/04/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000893	000893/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Toàn	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
679	Hoàng Thị Thanh Phương	28/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000894	000894/2021/BDCC	THCS Lê Văn Việt	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
680	Nguyễn Mộng Đào	15/02/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000895	000895/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Bá	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
681	Lê Quang Diễm Hương	17/02/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000896	000896/2021/BDCC	THCS Tam Bình	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
682	Lưu Thị Hồng Thúy	19/12/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000897	000897/2021/BDCC	THCS Trương Văn Ngu	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
683	Phan Thị Hồng Nhung	24/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000898	000898/2021/BDCC	THCS Dương Văn Thi	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
684	Lê Thị Thùy	23/01/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000899	000899/2021/BDCC	THCS Thái Văn Lung	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 2
685	Trương Minh Tuấn	03/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000900	000900/2021/BDCC	THCS Hưng Long	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
686	Đoàn Tấn Được	05/02/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000901	000901/2021/BDCC	THCS Võ Văn Vân	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
687	Trịnh Thị Thanh Tuyền	13/10/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000902	000902/2021/BDCC	THCS Gò Xoài	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
688	Nguyễn Tấn Vinh	15/02/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000903	000903/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thái Bình	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
689	Từ Thị Đoan Trang	28/08/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000904	000904/2021/BDCC	THCS Lê Minh Xuân	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
690	Lê Văn Phú	20/10/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000905	000905/2021/BDCC	TH - THCS Thế Giới Trẻ Em(TH)	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
691	Đoàn Thanh Tâm	15/09/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000906	000906/2021/BDCC	THCS Phạm Văn Cội	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
692	Trần Thanh Tường	07/01/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000907	000907/2021/BDCC	THCS Phú Mỹ Hưng	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
693	Lê Thị Thanh Thảo	30/04/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000908	000908/2021/BDCC	THCS Tân Tiến	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
694	Trang Thành Sự	05/08/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000909	000909/2021/BDCC	THCS Trung Lập Hạ	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
695	Cao Anh Kiệt	30/04/1976	Đạt	DHSPTPHCM000910	000910/2021/BDDCC	THCS Nguyễn Văn Xơ	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
696	Trần Văn Hào	07/06/1969	Đạt	DHSPTPHCM000911	000911/2021/BDDCC	THCS Tân Thành Tây	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
697	Hà Thị Giàu	04/11/1976	Đạt	DHSPTPHCM000912	000912/2021/BDDCC	THCS Phú Hòa Đông	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
698	Nguyễn Thùy Kim Ngân	21/08/1981	Đạt	DHSPTPHCM000913	000913/2021/BDDCC	THCS Thị Trấn	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
699	Trần Thị Thanh Vy	24/04/1992	Đạt	DHSPTPHCM000914	000914/2021/BDDCC	THCS Phước Hiệp	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
700	Trần Thị Gái	11/07/1978	Đạt	DHSPTPHCM000915	000915/2021/BDDCC	THCS Nhuận Đức	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
701	Phòng Quốc Tuấn	19/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM000916	000916/2021/BDDCC	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Huyện Gò Vấp	Mô đun 2
702	Nguyễn Ngọc Diệp	28/11/1988	Đạt	DHSPTPHCM000917	000917/2021/BDDCC	THCS Phạm Văn Chiêu	Phòng GDDT Huyện Gò Vấp	Mô đun 2
703	Lê Thị Thanh Thủy	07/04/1986	Đạt	DHSPTPHCM000918	000918/2021/BDDCC	THCS Huỳnh Văn Nghệ	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 2
704	Nguyễn Đăng Khoa	17/09/1987	Đạt	DHSPTPHCM000919	000919/2021/BDDCC	THCS Tân Túc	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
705	Phan Thị Dạ Thảo	28/08/1988	Đạt	DHSPTPHCM000920	000920/2021/BDDCC	THCS Vĩnh Lộc B	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 2
706	Lê Trung Kiên	20/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000921	000921/2021/BDDCC	Trung Học Cơ Sở Kim Đồng	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 2
707	Nguyễn Thị Ánh Trúc	11/09/1976	Đạt	DHSPTPHCM000922	000922/2021/BDDCC	THCS Hồng Bàng	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 2
708	Lê Minh Trung	12/02/1986	Đạt	DHSPTPHCM000923	000923/2021/BDDCC	THCS Hiệp Phước	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
709	Đỗ Thị Hương	05/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000924	000924/2021/BDDCC	THCS Cách Mạng Tháng Tám	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
710	Trương Triều Nhựt	02/04/1990	Đạt	DHSPTPHCM000925	000925/2021/BDDCC	THCS Và THPT Diên Hồng		Mô đun 2
711	Nguyễn Thị Lan Phương	20/10/1981	Đạt	DHSPTPHCM000926	000926/2021/BDDCC	THCS Lạc Hồng	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
712	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	01/07/1982	Đạt	DHSPTPHCM000927	000927/2021/BDDCC	THCS Và THPT Sương Nguyệt Anh		Mô đun 2
713	Nguyễn Thị Nghĩa	01/01/1988	Đạt	DHSPTPHCM000928	000928/2021/BDDCC	THCS Trần Phú	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 2
714	Nguyễn Văn Trung	13/07/1985	Đạt	DHSPTPHCM000929	000929/2021/BDDCC	TH, THCS Và THPT Việt Úc		Mô đun 2
715	Ngô Thị Đan Phương	12/09/1974	Đạt	DHSPTPHCM000930	000930/2021/BDDCC	THCS Trần Huy Liệu	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 2
716	Trần Thị Kim Châu	05/04/1982	Đạt	DHSPTPHCM000931	000931/2021/BDDCC	THCS Trần Văn Đang	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 2
717	Nguyễn Hà Xuyến	15/09/1987	Đạt	DHSPTPHCM000932	000932/2021/BDDCC	THCS Ngô Quyền	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 2
718	Huỳnh Văn Xếp	10/06/1976	Đạt	DHSPTPHCM000933	000933/2021/BDDCC	THCS Trung Lập	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 2
719	Trà Thanh Loan	04/03/1977	Đạt	DHSPTPHCM000934	000934/2021/BDDCC	THCS Long Bình	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 2
720	Nguyễn Thị Hồng An	29/08/1977	Đạt	DHSPTPHCM000935	000935/2021/BDDCC	THCS Hiệp Phú	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 2
721	Lê Diệu Linh Thu	13/02/1976	Đạt	DHSPTPHCM000936	000936/2021/BDDCC	Trung Học Cơ Sở Đức Trí Q1	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
722	Nguyễn Thị Nhất Thanh	08/08/1973	Đạt	DHSPTPHCM000937	000937/2021/BDDCC	THCS Huỳnh Khương Ninh	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 2
723	Đỗ Minh Phụng	27/07/1979	Đạt	DHSPTPHCM000938	000938/2021/BDDCC	THCS Nguyễn Văn Phú	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
724	Lê Thị Kim Thanh	31/08/1980	Đạt	DHSPTPHCM000939	000939/2021/BDDCC	THCS Hậu Giang	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 2
725	Võ Thị Ly	29/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000940	000940/2021/BDDCC	THCS Võ Thành Trang	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 2
726	Nguyễn Cẩm Nhi	22/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM000941	000941/2021/BDDCC	THCSol Nguyễn Trãi	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 2
727	Đỗ Thành Nhom	20/03/1965	Đạt	DHSPTPHCM000942	000942/2021/BDDCC	THCS Nguyễn Văn Bứa	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 2
728	Trần Minh Đăng	20/08/1971	Đạt	DHSPTPHCM000943	000943/2021/BDDCC	THCS Lý Nhom	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 2
729	Trần Văn Đạt	13/01/1990	Đạt	DHSPTPHCM000944	000944/2021/BDDCC	THCS Tùng Thiện Vương	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 2
730	Ngô Thị Rất Quý	09/12/1973	Đạt	DHSPTPHCM000945	000945/2021/BDDCC	Trung Tâm KTTT Hoàng Nghiệp Quận 3	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 2
731	Lê Quốc Thọ	19/09/1983	Đạt	DHSPTPHCM000946	000946/2021/BDDCC	THCSol Tân Tạo	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 2
732	Trần Minh Phú	01/03/1990	Đạt	DHSPTPHCM000947	000947/2021/BDDCC	TH - THCS - THPT Tây Úc		Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
733	Nguyễn Quốc Thái	15/06/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000948	000948/2021/BDCC	THCS Chu Văn An	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 2
734	Nguyễn Văn Nam	16/09/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000949	000949/2021/BDCC	THCS Lạc Long Quân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 2
735	Nguyễn Thị Thu Hồng	15/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000950	000950/2021/BDCC	THCS Minh Đức	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 2
736	Ngô Thị Bạch Huệ	20/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000951	000951/2021/BDCC	THCS Lý Thánh Tông	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 2
737	Đỗ Hải Duy	03/09/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000952	000952/2021/BDCC	THCS Bạch Đằng	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 2
738	Trịnh Trần Song Hòa	11/10/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000953	000953/2021/BDCC	THCS Lê Anh Xuân	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 2
739	Trần Thị Phương Thảo	27/12/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000954	000954/2021/BDCC	THCS Lê Văn Hưu	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 2
740	Hoàng Công Chức	20/03/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000955	000955/2021/BDCC	Trung Học Thực Hành Đại Học Sư Phạm		Mô đun 2
741	Hà Thị Thanh	03/12/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000956	000956/2021/BDCC	THPT Lê Thánh Tôn		Mô đun 2
742	Trần Thị Thu	08/07/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000957	000957/2021/BDCC	THPT Long Trường		Mô đun 2
743	Phạm Thị Giang	15/12/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000958	000958/2021/BDCC	THPT Nguyễn Văn Tăng		Mô đun 2
744	Đoàn Văn Mùi	01/03/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000959	000959/2021/BDCC	THPT Bình Chánh		Mô đun 2
745	Ngô Tuyết Diệp	24/07/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000960	000960/2021/BDCC	THPT Đa Phước		Mô đun 2
746	Vương Thoại Hồng	28/11/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM000961	000961/2021/BDCC	THPT Củ Chi		Mô đun 2
747	Nguyễn Vương Quốc Luyện	28/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000962	000962/2021/BDCC	THPT Quang Trung		Mô đun 2
748	Nguyễn Anh Phương	20/07/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000963	000963/2021/BDCC	THPT Gò Vấp		Mô đun 2
749	Nguyễn Kim Yên	01/11/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000964	000964/2021/BDCC	THPT Nguyễn Công Trứ		Mô đun 2
750	Đặng Thị Thanh Mai	15/08/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000965	000965/2021/BDCC	THPT Hàn Thuyên		Mô đun 2
751	Nguyễn Thị Thanh Trâm	06/07/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000966	000966/2021/BDCC	THPT Ten Lơ Man		Mô đun 2
752	Nguyễn Thị Kim Dung	20/05/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000967	000967/2021/BDCC	THPT Lương Thế Vinh		Mô đun 2
753	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/07/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000968	000968/2021/BDCC	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		Mô đun 2
754	Phương Thanh Vũ	29/04/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000969	000969/2021/BDCC	THPT Giồng Ông Tố		Mô đun 2
755	Bùi Xuân Kim Sa	24/04/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000970	000970/2021/BDCC	Phân Hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm		Mô đun 2
756	Đỗ Huỳnh Thanh Trúc	20/11/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000971	000971/2021/BDCC	THPT Nguyễn Thị Diệu		Mô đun 2
757	Nguyễn Hồng Thùy Linh	22/11/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000972	000972/2021/BDCC	THPT Nguyễn Trãi		Mô đun 2
758	Trần Thanh Duy	07/08/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000973	000973/2021/BDCC	Trung Học Thực Hành Sài Gòn		Mô đun 2
759	Lê Thị Hằng	26/07/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000974	000974/2021/BDCC	THPT Trần Hữu Tráng		Mô đun 2
760	Nguyễn Kế Vị	10/02/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000975	000975/2021/BDCC	THPT Thăng Long		Mô đun 2
761	Nguyễn Thanh Hoa	16/11/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000976	000976/2021/BDCC	THPT Mạc Đĩnh Chi		Mô đun 2
762	Tạ Tiến Tuấn	16/07/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000977	000977/2021/BDCC	THPT Bình Phú		Mô đun 2
763	Vũ Thị Hoa Mai	27/07/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000978	000978/2021/BDCC	THPT Phạm Phú Thứ		Mô đun 2
764	Nguyễn Thị Huyền Trang	18/06/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000979	000979/2021/BDCC	THPT Nguyễn Thái Bình		Mô đun 2
765	Lê Thị Thính	08/01/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000980	000980/2021/BDCC	THPT Lương Văn Can		Mô đun 2
766	Nguyễn Đức Minh	10/06/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000981	000981/2021/BDCC	THPT Tạ Quang Bửu		Mô đun 2
767	Ka Huệ	27/04/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000982	000982/2021/BDCC	THPT Nguyễn Văn Linh		Mô đun 2
768	Trần Thị Hồng Thắm	07/04/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000983	000983/2021/BDCC	THPT Võ Văn Kiệt		Mô đun 2
769	Phạm Thị Hồng Nhung	16/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000984	000984/2021/BDCC	THPT Chuyên Năng Khiếu TDTT Nguyễn Thị Định		Mô đun 2
770	Nguyễn Ngọc Châu Toàn	20/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000985	000985/2021/BDCC	THPT Nguyễn Huệ		Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
771	Trương Đình Phương Nhi	18/08/1982	Đạt	DHSPTPHCM000986	000986/2021/BDCC	THPT Dương Văn Thi		Mô đun 2
772	Huỳnh Ngọc Sao Ly	10/12/1988	Đạt	DHSPTPHCM000987	000987/2021/BDCC	THCS và THPT Diên Hồng		Mô đun 2
773	Lê Thị Xuân Chi	24/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM000988	000988/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hiền		Mô đun 2
774	Bùi Thị Ngọc Tiếp	16/06/1968	Đạt	DHSPTPHCM000989	000989/2021/BDCC	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa		Mô đun 2
775	Phạm Thị Thanh Ngoan	10/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM000990	000990/2021/BDCC	THPT Trần Quang Khải		Mô đun 2
776	Vũ Thị Thu Hồng	30/07/1986	Đạt	DHSPTPHCM000991	000991/2021/BDCC	THPT Vĩnh Lộc B		Mô đun 2
777	Mai Thành Danh Toại	15/11/1992	Đạt	DHSPTPHCM000992	000992/2021/BDCC	THPT Nang Khẩu THPT Huyện Bình Chánh		Mô đun 2
778	Tạ Thị Thanh Bình	27/04/1978	Đạt	DHSPTPHCM000993	000993/2021/BDCC	THPT Lê Minh Xuân		Mô đun 2
779	Lê Công Tài	25/01/1981	Đạt	DHSPTPHCM000994	000994/2021/BDCC	Trường TH-THCS-THPT Quốc Tế Bắc Mỹ		Mô đun 2
780	Nguyễn Anh Kiệt	10/01/1969	Đạt	DHSPTPHCM000995	000995/2021/BDCC	THPT Vĩnh Lộc		Mô đun 2
781	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	05/04/1983	Đạt	DHSPTPHCM000996	000996/2021/BDCC	THPT An Lạc		Mô đun 2
782	Nguyễn Ngọc Hưng	17/10/1986	Đạt	DHSPTPHCM000997	000997/2021/BDCC	THPT Bình Hưng Hòa		Mô đun 2
783	Hồ Tấn Đạt	10/02/1984	Đạt	DHSPTPHCM000998	000998/2021/BDCC	THPT Bình Tân		Mô đun 2
784	Trần Thị Bình	24/09/1993	Đạt	DHSPTPHCM000999	000999/2021/BDCC	TH - THCS - THPT Chu Văn An		Mô đun 2
785	Nguyễn Thị Kim Thư	20/11/1993	Đạt	DHSPTPHCM001000	001000/2021/BDCC	THCS, THPT Ngôi Sao		Mô đun 2
786	Lê Huỳnh Quang Khanh	16/08/1989	Đạt	DHSPTPHCM001001	001001/2021/BDCC	THPT Thanh Đa		Mô đun 2
787	Nguyễn Thị Thùy	03/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM001002	001002/2021/BDCC	THPT Hoàng Hoa Thám		Mô đun 2
788	Phạm Thị Phương Linh	18/09/1982	Đạt	DHSPTPHCM001003	001003/2021/BDCC	THPT Trần Văn Giàu		Mô đun 2
789	Nguyễn Quốc Cường	24/01/1983	Đạt	DHSPTPHCM001004	001004/2021/BDCC	THPT Đông Đô		Mô đun 2
790	Ngô Văn Hải	05/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM001005	001005/2021/BDCC	THPT Cần Thạnh		Mô đun 2
791	Nguyễn Thị Ngọc Hà	25/10/1986	Đạt	DHSPTPHCM001006	001006/2021/BDCC	THPT An Nghĩa		Mô đun 2
792	Võ Huỳnh Long	25/01/1965	Đạt	DHSPTPHCM001007	001007/2021/BDCC	THPT An Nhơn Tây		Mô đun 2
793	Nguyễn Thị Tuyết Lan	27/05/1966	Đạt	DHSPTPHCM001008	001008/2021/BDCC	THPT Trung Phú		Mô đun 2
794	Nguyễn Thị Linh	11/07/1979	Đạt	DHSPTPHCM001009	001009/2021/BDCC	THPT Trung Lập		Mô đun 2
795	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	03/08/1985	Đạt	DHSPTPHCM001010	001010/2021/BDCC	THPT Phú Hòa		Mô đun 2
796	Đặng Tuyền Tinh	01/05/1981	Đạt	DHSPTPHCM001011	001011/2021/BDCC	THPT Tân Thông Hội		Mô đun 2
797	Nguyễn Thủy Quỳnh Như	01/04/1980	Đạt	DHSPTPHCM001012	001012/2021/BDCC	THPT Trần Hưng Đạo		Mô đun 2
798	Trần Trinh Minh Hòa	04/12/1986	Đạt	DHSPTPHCM001013	001013/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Mô đun 2
799	Nguyễn Bích Tuyền	26/01/1983	Đạt	DHSPTPHCM001014	001014/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hữu Tiến		Mô đun 2
800	Nguyễn Thị Trúc Phương	05/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM001015	001015/2021/BDCC	THPT Phạm Văn Sáng		Mô đun 2
801	Nguyễn Văn Chắt	12/04/1983	Đạt	DHSPTPHCM001016	001016/2021/BDCC	THPT Phước Kiển		Mô đun 2
802	Tô Hạ Uyên	02/05/1976	Đạt	DHSPTPHCM001017	001017/2021/BDCC	THPT Quốc Tế Việt Úc (SIC)		Mô đun 2
803	Nguyễn Anh Tuấn	18/07/1988	Đạt	DHSPTPHCM001018	001018/2021/BDCC	THCS và THPT Hồng Hà		Mô đun 2
804	Lê Văn Tăng	12/11/1973	Đạt	DHSPTPHCM001019	001019/2021/BDCC	THPT Nguyễn Chí Thanh		Mô đun 2
805	Nguyễn Công Hậu	11/11/1988	Đạt	DHSPTPHCM001020	001020/2021/BDCC	THCS & THPT Thái Bình		Mô đun 2
806	Hoàng Thị Mỹ Hiền	27/09/1972	Đạt	DHSPTPHCM001021	001021/2021/BDCC	THPT Trần Phú		Mô đun 2
807	Võ Thị Thanh Thủy	24/08/1975	Đạt	DHSPTPHCM001022	001022/2021/BDCC	THPT Tây Thạnh		Mô đun 2
808	Trần Thế Lĩnh	28/07/1987	Đạt	DHSPTPHCM001023	001023/2021/BDCC	THCS-THPT Hồng Đức		Mô đun 2

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
809	Nguyễn Viết Đăng	08/06/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM001024	001024/2021/BDCC	THCS Và THPT Trí Đức		Mô đun 2
810	Lê Trà My	11/06/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM001025	001025/2021/BDCC	TH, THCS Và THPT Tân Phú		Mô đun 2
811	Ngô Huyền Diệu	01/06/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM001026	001026/2021/BDCC	THPT Thành Nhân		Mô đun 2
812	Nguyễn Ngọc Trâm	24/11/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM001027	001027/2021/BDCC	TH, THCS Và THPT Hòa Bình		Mô đun 2
813	Trịnh Thị Hoài Thư	13/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM001028	001028/2021/BDCC	THPT Thủ Đức		Mô đun 2
814	Nguyễn Đăng Khoa	24/11/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM001029	001029/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hữu Huân		Mô đun 2
815	Nguyễn Thị Thủy	06/07/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM001030	001030/2021/BDCC	THPT Hiệp Bình		Mô đun 2
816	Lê Thị Bé	12/06/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM001031	001031/2021/BDCC	THPT Đào Sơn Tây		Mô đun 2
817	Cao Thị Mơ	06/12/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM001032	001032/2021/BDCC	THPT Linh Trung		Mô đun 2
818	Nguyễn Thị Thùy Uyên	24/03/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM001033	001033/2021/BDCC	THPT Bình Chiểu		Mô đun 2
819	Huỳnh Văn Hoài	22/12/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM006915	001034/2021/BDCC	THPT Võ Thị Sáu		Mô đun 2
820	Huỳnh Thị Thu Nga	10/06/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM001035	001035/2021/BDCC	THCS-THPT Đức Trí		Mô đun 2
821	Nguyễn Thị Nhung	14/06/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM001036	001036/2021/BDCC	THPT Lý Thường Kiệt		Mô đun 2
822	Nguyễn Minh Tú	27/11/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM001037	001037/2021/BDCC	THPT Tân Bình		Mô đun 2
823	Huỳnh Thanh Trúc	31/10/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM001038	001038/2021/BDCC	Trung Tâm GDNN - GDTX Quận 10		Mô đun 2
824	Nguyễn Thị Minh Loan	18/07/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM001039	001039/2021/BDCC	Trung Tâm GDNN - GDTX Quận 10		Mô đun 2
825	Võ Văn Quý	26/11/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM001040	001040/2021/BDCC	Trung Tâm Gdnn - Gdtx Quận 9		Mô đun 2
826	Lương Thanh Thủy	21/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM001041	001041/2021/BDCC	TH, THCS & THPT Vinschool		Mô đun 2
827	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/10/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000212	000212/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Ngời	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
828	Hồng Thanh Trung	23/11/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000213	000213/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
829	Cao Thị Thanh Trúc	01/01/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000214	000214/2021/BDCC	TH Bến Càng	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
830	Nguyễn Văn Trung	09/07/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000215	000215/2021/BDCC	TH An Phong	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 3
831	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	02/12/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000216	000216/2021/BDCC	TH Lê Thị Riêng	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 3
832	Thái Thế Anh	05/03/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000217	000217/2021/BDCC	TH Lê Thị Riêng	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 3
833	Nguyễn Thị Bích Vân	14/12/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000218	000218/2021/BDCC	TH Bình Trị Đông A	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
834	Trương Thị Ngọc Diệp	05/11/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000219	000219/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 3
835	Nguyễn Ánh Phương Nam	01/11/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000220	000220/2021/BDCC	TH Lê Ngọc Hân	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 3
836	Nguyễn Thị Song Hiếu	05/11/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000221	000221/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 3
837	Lê Tấn Hồng Hải	26/11/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM000222	000222/2021/BDCC	TH Khai Minh	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 3
838	Nguyễn Ngọc Thủy	15/10/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000223	000223/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 3
839	Ngô Thị Thanh Phương	06/09/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000224	000224/2021/BDCC	TH Nguyễn Bình Khiêm	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 3
840	Lê Thanh Phương	30/10/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000225	000225/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 3
841	Đỗ Thị Hà My	24/02/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000226	000226/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Học	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 3
842	Võ Thị Phương Lan	16/10/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000227	000227/2021/BDCC	TH Đinh Tiên Hoàng	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 3
843	Bùi Thị Thu Thảo	20/02/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000228	000228/2021/BDCC	TH Lê Ngọc Hân	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 3
844	Nguyễn Khắc Huy Bảo	02/09/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000229	000229/2021/BDCC	TH Kết Đoàn	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 3
845	Đặng Thị Kiều Diễm Dung	24/12/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000230	000230/2021/BDCC	TH Hòa Bình	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 3
846	Trịnh Thị Tha	16/07/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000231	000231/2021/BDCC	TH Lê Ngọc Hân	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
847	Trương Thị Minh Châu	28/12/1992	Đạt	DHSPTPHCM000232	000232/2021/BDDCC	TH Khai Minh	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 3
848	Tạ Lê Nhật Vy	02/11/1986	Đạt	DHSPTPHCM000233	000233/2021/BDDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 3
849	Đỗ Thị Thu Hằng	14/09/1974	Đạt	DHSPTPHCM000234	000234/2021/BDDCC	TH Lê Ngọc Hân	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 3
850	Đỗ Thị Hoàng Anh	10/08/1989	Đạt	DHSPTPHCM000235	000235/2021/BDDCC	TH Trần Hưng Đạo	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 3
851	Võ Thị Như Nhi	04/02/1989	Đạt	DHSPTPHCM000236	000236/2021/BDDCC	TH Nguyễn Bình Khiêm	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 3
852	Nguyễn Ngọc Thủy	06/07/1976	Đạt	DHSPTPHCM000237	000237/2021/BDDCC	TH An Khánh	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
853	Trình Như Văn	28/10/1982	Đạt	DHSPTPHCM000238	000238/2021/BDDCC	TH Mỹ Thủy	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
854	Đinh Vũ Thủy Phương Linh	27/05/1976	Đạt	DHSPTPHCM000239	000239/2021/BDDCC	TH An Khánh	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
855	Nguyễn Thúy Liễu	19/12/1980	Đạt	DHSPTPHCM000240	000240/2021/BDDCC	TH Mỹ Thủy	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
856	Trần Ngọc Hạnh	26/09/1973	Đạt	DHSPTPHCM000241	000241/2021/BDDCC	TH Bình Trung Đông	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
857	Đào Thị Ngọc Thi	13/09/1978	Đạt	DHSPTPHCM000242	000242/2021/BDDCC	TH An Bình	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
858	Nguyễn Thị Phụng	28/01/1977	Đạt	DHSPTPHCM000243	000243/2021/BDDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
859	Trần Thị Ngọc Huyền	28/09/1977	Đạt	DHSPTPHCM000244	000244/2021/BDDCC	TH Thanh Mỹ Lợi	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
860	Vũ Thị Quyên	08/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000245	000245/2021/BDDCC	TH Giồng Ông Tố	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
861	Trần Thị Hồng Hà	18/12/1976	Đạt	DHSPTPHCM000246	000246/2021/BDDCC	TH Nguyễn Hiền	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
862	Nguyễn Phi Long	19/10/1991	Đạt	DHSPTPHCM000247	000247/2021/BDDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
863	Quan Tố Liên	08/12/1994	Đạt	DHSPTPHCM000248	000248/2021/BDDCC	TH An Bình	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
864	Hoàng Công Phương	01/01/1974	Đạt	DHSPTPHCM000249	000249/2021/BDDCC	TH Huỳnh Văn Ngời	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
865	Tông Thành Nhân	06/09/1985	Đạt	DHSPTPHCM000250	000250/2021/BDDCC	TH Giồng Ông Tố	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
866	Nguyễn Thùy Trang	17/02/1978	Đạt	DHSPTPHCM000251	000251/2021/BDDCC	TH Mê Linh	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
867	Đinh Thị Tuyết Lan	24/01/1987	Đạt	DHSPTPHCM000252	000252/2021/BDDCC	TH Phan Đình Phùng	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
868	Tiêu Ngọc Nguyễn Thanh	17/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM000253	000253/2021/BDDCC	TH Nguyễn Thái Sơn	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
869	Nguyễn Thị Kim Phương	19/03/1971	Đạt	DHSPTPHCM000254	000254/2021/BDDCC	TH Kỳ Đồng	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
870	Nguyễn Thị Thanh Nhài	22/05/1985	Đạt	DHSPTPHCM000255	000255/2021/BDDCC	TH Trần Quang Diệu	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
871	Hồ Thị Luyến	25/06/1974	Đạt	DHSPTPHCM000256	000256/2021/BDDCC	TH Nguyễn Thiện Thuật	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
872	Đoàn Ngọc Hiếu	02/09/1979	Đạt	DHSPTPHCM000257	000257/2021/BDDCC	TH Nguyễn Thi	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
873	Vũ Thị Kim Thoa	18/04/1976	Đạt	DHSPTPHCM000258	000258/2021/BDDCC	TH Nguyễn Thanh Tuyển	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
874	Nguyễn Văn Tấn	29/04/1977	Đạt	DHSPTPHCM000259	000259/2021/BDDCC	TH Trương Quyền	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
875	Tạ Thị Mỹ Liên	21/11/1980	Đạt	DHSPTPHCM000260	000260/2021/BDDCC	TH Nguyễn Sơn Hà	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
876	Phạm Thị Thiệu	07/04/1971	Đạt	DHSPTPHCM000261	000261/2021/BDDCC	TH Nguyễn Việt Hồng	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
877	Hoàng Phương Trang	31/05/1977	Đạt	DHSPTPHCM000262	000262/2021/BDDCC	TH Trần Quốc Thảo	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
878	Nguyễn Thị Thanh Trâm	15/08/1992	Đạt	DHSPTPHCM000263	000263/2021/BDDCC	TH - THCS - THPT Tây Úc		Mô đun 3
879	Nguyễn Văn Thuận	18/04/1965	Đạt	DHSPTPHCM000264	000264/2021/BDDCC	TH Trương Quyền	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
880	Nguyễn Minh Thông	01/06/1981	Đạt	DHSPTPHCM000265	000265/2021/BDDCC	TH Trần Quang Diệu	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
881	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	20/01/1985	Đạt	DHSPTPHCM000266	000266/2021/BDDCC	TH Mê Linh	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
882	Nguyễn Tấn Phước	26/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000267	000267/2021/BDDCC	TH Nguyễn Thanh Tuyển	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
883	Trần Thanh Trường	01/07/1985	Đạt	DHSPTPHCM000268	000268/2021/BDDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 3
884	Nguyễn Thị Thu Hương	03/10/1973	Đạt	DHSPTPHCM000269	000269/2021/BDDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
885	Nguyễn Đôn Tấn Kha	18/02/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000270	000270/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
886	Trần Thụy Vĩnh Đông Nghi	19/09/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000271	000271/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ 3	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
887	Cao Thiên Ngân	01/10/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000272	000272/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
888	Trần Thị Uyên Trang	04/01/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000273	000273/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
889	Nguyễn Thị Ngọc Quý	30/03/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000274	000274/2021/BDCC	TH Đặng Trần Côn	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
890	Ngô Thị Mỹ Nguyệt	19/01/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000275	000275/2021/BDCC	TH Đinh Bộ Lĩnh	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
891	Trần Thị Thu Hương	31/12/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000276	000276/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ 3	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
892	Phan Đình Ngô	24/06/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000277	000277/2021/BDCC	TH Bạch Đằng	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
893	Đỗ Thị Tuyết Hồng	06/12/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000278	000278/2021/BDCC	TH Đống Đa	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
894	Đỗ Thị Mỹ Ngọc	05/08/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000279	000279/2021/BDCC	TH Bến Cảng	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
895	Nguyễn Xuân Cường	27/12/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000280	000280/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ 1	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
896	Lê Thị Tình Thương	28/02/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000281	000281/2021/BDCC	TH Nguyễn Trường Tộ	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
897	Trương Huỳnh Thiên Thủy	03/10/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000282	000282/2021/BDCC	TH Vĩnh Hội	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
898	Trần Đức Lộc	08/11/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000283	000283/2021/BDCC	TH Xóm Chiếu	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
899	Lý Thụy Xuân Mí	06/05/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000284	000284/2021/BDCC	TH Đoàn Thị Điểm	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
900	Kiều Thị Thu Hà	08/07/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000285	000285/2021/BDCC	TH Đặng Trần Côn	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
901	Nguyễn Lê Hạnh Dung	10/12/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000286	000286/2021/BDCC	TH Minh Đạo	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
902	Lê Ngọc Huyền Thu	27/03/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000287	000287/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
903	Nguyễn Hữu Đức	14/01/1963	Đạt	ĐHSPTPHCM000288	000288/2021/BDCC	TH Chính Nghĩa	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
904	Lê Thanh Hoài Tâm	17/01/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000289	000289/2021/BDCC	TH Bàu Sen	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
905	Đỗ Thị Thu Hà	02/11/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000290	000290/2021/BDCC	TH Trần Bình Trọng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
906	Lê Tấn Lộc	26/08/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000291	000291/2021/BDCC	TH Minh Đạo	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
907	Đào Thị Thu Lan	26/02/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000292	000292/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
908	Ngô Kim Phụng	18/08/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000293	000293/2021/BDCC	TH Trần Bình Trọng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
909	Trần Ngọc Huỳnh Mai	21/03/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000294	000294/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
910	Trần Yên Linh	24/07/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000295	000295/2021/BDCC	TH Trần Bình Trọng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
911	Trần Thị Phương Trang	09/03/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000296	000296/2021/BDCC	TH Huỳnh Mẫn Đạt	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
912	Phạm Phương Hậu	22/07/1964	Đạt	ĐHSPTPHCM000297	000297/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
913	Đỗ Thị Hồng Diễm	09/02/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000298	000298/2021/BDCC	TH Hàm Tử	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
914	Nguyễn Thị Xuân Thủy	08/02/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000299	000299/2021/BDCC	TH Chương Dương	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
915	Trương Thị Hồng Hải	04/09/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000300	000300/2021/BDCC	TH Nguyễn Việt Xuân	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
916	Nguyễn Phạm Ngọc Hà	08/10/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000301	000301/2021/BDCC	TH Lý Cảnh Hón	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
917	Châu Thị Thanh Trang	01/08/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000302	000302/2021/BDCC	TH Chương Dương	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
918	Phạm Thị Ngọc Quyên	19/09/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000303	000303/2021/BDCC	TH Chính Nghĩa	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
919	Lê Trọng Nghĩa	08/05/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000304	000304/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
920	Phan Gia Phú	31/01/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000305	000305/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
921	Đoàn Nhon Hùng	30/06/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000306	000306/2021/BDCC	TH Phú Lâm	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 3
922	Hoàng Thị Kim Anh	18/08/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000307	000307/2021/BDCC	TH Nguyễn Thiện Thuật	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
923	Nguyễn Vĩnh Phúc	16/02/1987	Đạt	DHSPTPHCM000308	000308/2021/BDDCC	TH Phú Định	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
924	Phạm Thị Thanh Phi	13/04/1976	Đạt	DHSPTPHCM000309	000309/2021/BDDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
925	Nguyễn Đình Bảo	20/05/1965	Đạt	DHSPTPHCM000310	000310/2021/BDDCC	TH Phú Đồng	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
926	Nguyễn Huyền Châu	19/09/1985	Đạt	DHSPTPHCM000311	000311/2021/BDDCC	TH Lam Sơn	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
927	Trần Thị Hạnh Dương	15/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM000312	000312/2021/BDDCC	TH Võ Văn Tần	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
928	Võ Thanh Nhân	26/05/1972	Đạt	DHSPTPHCM000313	000313/2021/BDDCC	TH Võ Văn Tần	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
929	Đặng Thị Phương Hồng	04/04/1976	Đạt	DHSPTPHCM000314	000314/2021/BDDCC	TH CHẤU VĂN LIÊM	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
930	Đào Ngọc Phương	25/06/1981	Đạt	DHSPTPHCM000315	000315/2021/BDDCC	TH Him Lam	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
931	Nguyễn Vương Tuấn Kiệt	26/07/1973	Đạt	DHSPTPHCM000316	000316/2021/BDDCC	TH Trương Công Định	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
932	Huỳnh Thị Ngọc Tuyền	16/11/1973	Đạt	DHSPTPHCM000317	000317/2021/BDDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
933	Nguyễn Thị Kim Phụng	04/07/1971	Đạt	DHSPTPHCM000318	000318/2021/BDDCC	TH Đặng Nguyên Cẩn	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
934	Nguyễn Thủy Yến Vy	29/06/1981	Đạt	DHSPTPHCM000319	000319/2021/BDDCC	TH Lê Văn Tám	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
935	Phạm Thị Thanh Thủy	31/10/1977	Đạt	DHSPTPHCM000320	000320/2021/BDDCC	TH Bình Tiên	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
936	Nguyễn Minh Tân	25/05/1974	Đạt	DHSPTPHCM000321	000321/2021/BDDCC	TH Nhật Tảo	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
937	Võ Minh Luân	22/10/1989	Đạt	DHSPTPHCM000322	000322/2021/BDDCC	TH Hùng Vương	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
938	Trần Thị Thu Lý	28/05/1992	Đạt	DHSPTPHCM000323	000323/2021/BDDCC	TH Phạm Văn Chí	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
939	Trần Thị Ngọc Lan	12/02/1975	Đạt	DHSPTPHCM000324	000324/2021/BDDCC	TH Phan Huy Thực	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
940	Nguyễn Hà Minh Thuận	12/02/1974	Đạt	DHSPTPHCM000325	000325/2021/BDDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
941	Trần Thị Kiều Hân	22/09/1972	Đạt	DHSPTPHCM000326	000326/2021/BDDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
942	Lê Thị Kim Lụa	27/10/1980	Đạt	DHSPTPHCM000327	000327/2021/BDDCC	TH Nguyễn Thị Định	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
943	Đặng Thị Thái Uyên	27/11/1981	Đạt	DHSPTPHCM000328	000328/2021/BDDCC	TH Trần Quốc Toàn	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
944	Nguyễn Mai Lan Anh	07/07/1983	Đạt	DHSPTPHCM000329	000329/2021/BDDCC	TH Lê Văn Tám	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
945	Trần Thị Hải Yến	06/11/1979	Đạt	DHSPTPHCM000330	000330/2021/BDDCC	TH Lê Văn Tám	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
946	Hoàng Quốc Văn	12/11/1966	Đạt	DHSPTPHCM000331	000331/2021/BDDCC	TH Đinh Bộ Lĩnh	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
947	Nguyễn Thị Thủy Linh	25/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM000332	000332/2021/BDDCC	TH Nguyễn Văn Hưởng	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
948	Nguyễn Thị Kim Ngân	24/04/1973	Đạt	DHSPTPHCM000333	000333/2021/BDDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
949	Nguyễn Thị Thanh Suong	03/10/1980	Đạt	DHSPTPHCM000334	000334/2021/BDDCC	TH Lê Anh Xuân	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
950	Hoàng Thụy Bích Thủy	11/08/1983	Đạt	DHSPTPHCM000335	000335/2021/BDDCC	TH Nguyễn Thị Định	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
951	Nguyễn Thị Bích Nga	05/10/1985	Đạt	DHSPTPHCM000336	000336/2021/BDDCC	TH Nguyễn Thị Định	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
952	Lê Thị Thu Vân	28/04/1988	Đạt	DHSPTPHCM000337	000337/2021/BDDCC	TH Phú Đồng	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
953	Đặng Thị Khánh Hà	11/12/1972	Đạt	DHSPTPHCM000338	000338/2021/BDDCC	TH Đặng Thùy Trâm	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
954	Phạm Minh Trường	29/03/1994	Đạt	DHSPTPHCM000339	000339/2021/BDDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
955	Cao Thị Phương Huyền	12/03/1984	Đạt	DHSPTPHCM000340	000340/2021/BDDCC	TH Phạm Hữu Lầu	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
956	Cao Nguyễn Thủy Kiều	09/10/1984	Đạt	DHSPTPHCM000341	000341/2021/BDDCC	TH Phú Thuận	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
957	Trần Thị Mỹ Thảo	14/11/1976	Đạt	DHSPTPHCM000342	000342/2021/BDDCC	TH Phú Mỹ	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 3
958	Nguyễn Ngọc Uyên	12/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM000343	000343/2021/BDDCC	TH Nguyễn Trực	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 3
959	Võ Thị Phương Thảo	15/07/1977	Đạt	DHSPTPHCM000344	000344/2021/BDDCC	TH Rachel Ông	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 3
960	Huỳnh Thị Thu Suong	31/12/1975	Đạt	DHSPTPHCM000345	000345/2021/BDDCC	TH Âu Dương Lân	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
961	Trần Đoàn Linh Phương	25/10/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000346	000346/2021/BDCC	TH Vàm Cỏ Đông	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
962	Du Chí Cường	03/01/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000347	000347/2021/BDCC	TH Thái Hưng	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
963	Trần Thị Thùy Vân	09/05/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000348	000348/2021/BDCC	TH Bông Sao	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
964	Phạm Thị Hồng Như	01/08/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000349	000349/2021/BDCC	TH Bùi Minh Trục	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
965	Đoàn Thị Ánh Xuân	26/08/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000350	000350/2021/BDCC	TH Hoàng Minh Đạo	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
966	Nguyễn Kim Chi	11/02/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000351	000351/2021/BDCC	TH Hưng Phú	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
967	Cao Thị Tuyết Phương	30/08/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000352	000352/2021/BDCC	TH Nguyễn Trung Ngân	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
968	Trần Thị Mỹ Linh	15/07/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000353	000353/2021/BDCC	TH Tuy Lý Vương	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
969	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	05/11/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM000354	000354/2021/BDCC	TH Hồng Đức	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
970	Đông Thị Anh Minh	14/07/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000355	000355/2021/BDCC	TH Trần Nguyễn Hân	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
971	Ngô Yến Linh	02/03/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000356	000356/2021/BDCC	TH Nguyễn Nhựt Thị	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
972	Trần Văn Nam	10/05/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000357	000357/2021/BDCC	TH An Phong	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
973	Nguyễn Khương Duy	09/12/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000358	000358/2021/BDCC	TH Trần Nguyễn Hân	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
974	Huỳnh Thị Thanh Huệ	16/11/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000359	000359/2021/BDCC	TH Phạm Văn Chính	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
975	Trương Thị Thu Lộc	08/07/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000360	000360/2021/BDCC	TH Đình Tiên Hoàng	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
976	Phạm Thị Kim Hương	24/08/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000361	000361/2021/BDCC	TH Hiệp Phú	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
977	Dương Hoàng Dũng	06/12/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000362	000362/2021/BDCC	TH Nguyễn Minh Quang	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
978	Lê Thị Thanh Nga	25/06/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000363	000363/2021/BDCC	TH Phú Hữu	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
979	Tạ Thị Nhung	01/01/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000364	000364/2021/BDCC	TH Trần Thị Bưởi	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
980	Nguyễn Thị Kim Oanh	16/07/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM006806	000365/2021/BDCC	TH Phước Bình	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
981	Phạm Đào Cathy	10/05/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000366	000366/2021/BDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
982	Nguyễn Thị Kim Lang	04/12/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000367	000367/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Bá	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
983	Hoàng Thị Thùy	11/11/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000368	000368/2021/BDCC	TH Thạnh	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
984	Bùi Thị Thu Hương	02/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000369	000369/2021/BDCC	TH Tân Phú	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
985	Nguyễn Trọng Năm	03/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000370	000370/2021/BDCC	TH Long Thạnh Mỹ	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
986	Nguyễn Văn Đường	20/09/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000371	000371/2021/BDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
987	Võ Thị Cẩm Tú	19/04/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000372	000372/2021/BDCC	TH Thạnh	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
988	Lý Quốc Hoàng	22/07/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000373	000373/2021/BDCC	TH Lê Văn Việt	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
989	Đào Khắc Sự	29/11/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000374	000374/2021/BDCC	TH Lê Văn Việt	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
990	Lê Quang Gạo	13/07/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000375	000375/2021/BDCC	TH Trần Quang Cơ	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
991	Trần Kiều Mỹ Nga	22/02/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000376	000376/2021/BDCC	TH Trần Quang Cơ	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 3
992	Nguyễn Thị Văn Anh	11/11/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000377	000377/2021/BDCC	TH Trương Định	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 3
993	Phạm Phú Lộc	31/05/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000378	000378/2021/BDCC	TH Trần Quang Cơ	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 3
994	Lê Thị Thu Thủy	16/10/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000379	000379/2021/BDCC	TH Thiên Hộ Dương	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 3
995	Đặng Thị Đức Hạnh	07/01/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000380	000380/2021/BDCC	TH Dương Minh Châu	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 3
996	Cao Đăng Minh Kim	02/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000381	000381/2021/BDCC	TH Võ Trường Toản	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 3
997	Huỳnh Kim Hương	14/03/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000382	000382/2021/BDCC	TH Dương Minh Châu	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 3
998	Đinh Thị Lan Phương	27/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000383	000383/2021/BDCC	TH Võ Trường Toản	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
999	Lê Thị Minh Trang	15/07/1989	Đạt	DHSPTPHCM000384	000384/2021/BDCC	TH Trần Văn Kiếu	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 3
1000	Phan Thị Huy Tú	04/12/1979	Đạt	DHSPTPHCM000385	000385/2021/BDCC	TH Thiên Hộ Dương	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 3
1001	Trương Tuệ Vi	01/01/1986	Đạt	DHSPTPHCM000386	000386/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 3
1002	Nguyễn Hoàng Ngọc Phương	06/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM000387	000387/2021/BDCC	TH Triêu Thị Trinh	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 3
1003	Nguyễn Đỗ Thanh Nguyên	05/09/1979	Đạt	DHSPTPHCM000388	000388/2021/BDCC	TH Nguyễn Chí Thanh	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 3
1004	Đỗ Viết Hoàng	20/05/1990	Đạt	DHSPTPHCM000389	000389/2021/BDCC	TH Lê Thị Riêng	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 3
1005	Phan Thị Duyên Anh	21/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000390	000390/2021/BDCC	TH Thiên Hộ Dương	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 3
1006	Nguyễn Song Thanh Thủy	27/05/1983	Đạt	DHSPTPHCM000391	000391/2021/BDCC	TH Phú Thọ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1007	Huỳnh Thị Minh Trâm	13/01/1980	Đạt	DHSPTPHCM000392	000392/2021/BDCC	TH Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1008	Nguyễn Ngọc Vân Thy	30/05/1990	Đạt	DHSPTPHCM000393	000393/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1009	Nguyễn Xuân Cung	04/04/1975	Đạt	DHSPTPHCM000394	000394/2021/BDCC	TH Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1010	Nguyễn Hoàng Phương Trâm	17/06/1985	Đạt	DHSPTPHCM000395	000395/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1011	Ngô Đức Tuấn	13/03/1970	Đạt	DHSPTPHCM000396	000396/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1012	Nguyễn Thành Lê Anh	12/07/1972	Đạt	DHSPTPHCM000397	000397/2021/BDCC	TH Trung Trắc	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1013	Nguyễn Thị Kim Long	30/05/1976	Đạt	DHSPTPHCM000398	000398/2021/BDCC	TH Phùng Hưng	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1014	Tà Mỹ Linh	08/07/1974	Đạt	DHSPTPHCM000399	000399/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Nhỏ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1015	Nguyễn Thị Tuyết Sơn	03/05/1979	Đạt	DHSPTPHCM000400	000400/2021/BDCC	TH Nguyễn Bá Ngọc	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1016	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	22/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM000401	000401/2021/BDCC	TH Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1017	Vũ Thị Ngọc Lan	19/01/1977	Đạt	DHSPTPHCM000402	000402/2021/BDCC	TH Quyết Thắng	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1018	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	01/09/1977	Đạt	DHSPTPHCM000403	000403/2021/BDCC	TH Trung Trắc	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1019	Trần Thị Vân	05/10/1979	Đạt	DHSPTPHCM000404	000404/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1020	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	07/11/1977	Đạt	DHSPTPHCM000405	000405/2021/BDCC	TH Trung Trắc	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1021	Đặng Thị Hoàng Thanh	23/07/1977	Đạt	DHSPTPHCM000406	000406/2021/BDCC	TH Phùng Hưng	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1022	Nguyễn Thị Diệu Huyền	10/12/1985	Đạt	DHSPTPHCM000407	000407/2021/BDCC	TH Đại Thành	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1023	Dương Ngọc Thanh Thủy	27/04/1982	Đạt	DHSPTPHCM000408	000408/2021/BDCC	TH Phú Thọ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1024	Phạm Xuân Việt	16/09/1975	Đạt	DHSPTPHCM000409	000409/2021/BDCC	TH Âu Cơ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1025	Đỗ Thị Thu Thảo	13/07/1971	Đạt	DHSPTPHCM000410	000410/2021/BDCC	TH Phùng Hưng	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1026	Đinh Hoài Phương	12/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM000411	000411/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Định	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1027	Nguyễn Vũ Thủy Dung	18/12/1979	Đạt	DHSPTPHCM000412	000412/2021/BDCC	TH Lý Tự Trọng	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1028	Hà Trương Cẩm Thúy	20/03/1976	Đạt	DHSPTPHCM000413	000413/2021/BDCC	TH Nguyễn Du	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1029	Đặng Thị Thanh Thảo	22/02/1979	Đạt	DHSPTPHCM000414	000414/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1030	Nguyễn Thị Mỹ	10/05/1973	Đạt	DHSPTPHCM000415	000415/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1031	Trần Thị Kim Quyên	17/06/1983	Đạt	DHSPTPHCM000416	000416/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1032	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	10/05/1979	Đạt	DHSPTPHCM000417	000417/2021/BDCC	TH Phạm Văn Chiêu	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1033	Đinh Thị Minh Tuấn	24/02/1979	Đạt	DHSPTPHCM000418	000418/2021/BDCC	TH Quang Trung	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1034	Nguyễn Cao Cường	20/11/1980	Đạt	DHSPTPHCM000419	000419/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Định	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1035	Nguyễn Thị Kiều Tiên	30/11/1987	Đạt	DHSPTPHCM000420	000420/2021/BDCC	TH Lê Văn Thọ	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1036	Nguyễn Thị Hiền	01/01/1969	Đạt	DHSPTPHCM000421	000421/2021/BDCC	TH Nguyễn Khuyến	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
1037	Trần Quốc Thương	14/04/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000422	000422/2021/BDCC	TH Hồ Văn Thanh	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 3
1038	Lê Mai Quang Thế	17/04/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000423	000423/2021/BDCC	TH Nguyễn Khuyển	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 3
1039	Nguyễn Bắc	10/06/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000424	000424/2021/BDCC	TH Lê Văn Thọ	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 3
1040	Vũ Thị Thanh Trúc	09/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000425	000425/2021/BDCC	TH Nguyễn Trãi	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 3
1041	Đào Thị Ngọc Loan	01/07/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000426	000426/2021/BDCC	TH Thuận Kiều	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 3
1042	Quách Hoàng Liên Hạ	30/09/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000427	000427/2021/BDCC	THCL Bình Trị 2	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1043	Lê Thị Bích Dung	19/10/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000428	000428/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1044	Nguyễn Thị Quyết	07/06/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000429	000429/2021/BDCC	THCL An Lạc 1	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1045	Nguyễn Thị Hương	13/07/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000430	000430/2021/BDCC	THCL Bình Trị 1	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1046	Võ Thị Kiều Oanh	24/12/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000431	000431/2021/BDCC	THCL Bình Long	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1047	Nguyễn Thị Hương Giang	08/05/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000432	000432/2021/BDCC	THCL Bình Hưng Hòa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1048	Huỳnh Trương Thanh Mai	14/06/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000433	000433/2021/BDCC	THCL Lê Công Phép	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1049	Tô Thị Sen	04/02/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000434	000434/2021/BDCC	THCL Bình Thuận	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1050	Trần Thị Thanh Quyền	14/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000435	000435/2021/BDCC	THCL Bùi Hữu Nghĩa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1051	Nguyễn Ngọc Hân	26/11/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM000436	000436/2021/BDCC	TH Tân Tạo A	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1052	Lâm Anh Thơ	22/11/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM000437	000437/2021/BDCC	THCL Ngô Quyền	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1053	Trần Thị Huệ	28/09/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000438	000438/2021/BDCC	TH Phù Đồng	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1054	Huỳnh Mỹ Phượng	13/04/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000439	000439/2021/BDCC	THCL An Lạc 3	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1055	Nguyễn Thị Cẩm Yến	27/06/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000440	000440/2021/BDCC	THCL Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1056	Nguyễn Việt Hào	18/09/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000441	000441/2021/BDCC	THCL Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1057	Son Thị Bích Vân	03/08/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000442	000442/2021/BDCC	THCL Bùi Hữu Nghĩa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1058	Nguyễn Phước Ngân	24/05/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000443	000443/2021/BDCC	THCL Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1059	Nguyễn Văn Thám	02/08/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000444	000444/2021/BDCC	TH Lạc Hồng	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1060	Trương Thanh Tùng	28/01/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000445	000445/2021/BDCC	THCL An Lạc 3	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1061	Bùi Trọng Tín	19/04/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000446	000446/2021/BDCC	THCL An Lạc 3	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1062	Phan Diệp Phương Thảo	14/01/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000447	000447/2021/BDCC	TH Bé Văn Đàn	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1063	Trần Thị Ngọc Hồng	26/10/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000448	000448/2021/BDCC	TH Nguyễn Đình Chiểu	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1064	Lê Thị Tuyết Minh	04/01/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000449	000449/2021/BDCC	TH Lam Sơn	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1065	Văn Thụy Bảo Chiêu	31/12/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000450	000450/2021/BDCC	TH Bạch Đằng	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1066	Nguyễn Thị Diệu Phương	22/06/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000451	000451/2021/BDCC	TH Phan Văn Trị	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1067	Lê Thanh Trâm	12/01/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000452	000452/2021/BDCC	TH Thành Mỹ Tây	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1068	Hoàng Hải Yến	02/06/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000453	000453/2021/BDCC	TH Bé Văn Đàn	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1069	Nguyễn Thị Đan Thùy	21/09/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000454	000454/2021/BDCC	TH Nguyễn Bá Ngọc	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1070	Phạm Thị Phương Thảo	23/09/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000455	000455/2021/BDCC	TH Thanh Đa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1071	Trần Hữu Cẩm Tú	22/11/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000456	000456/2021/BDCC	TH Tâm Vu	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1072	Đoàn Ngọc Bảo Châu	29/08/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000457	000457/2021/BDCC	TH Bình Hòa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1073	Lưu Thị Cẩm Hằng	10/12/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000458	000458/2021/BDCC	TH Trần Quang Vinh	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1074	Vũ Thị Ngân Hà	06/04/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000459	000459/2021/BDCC	TH Đồng Đa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
1075	Hoàng Thị Kim Yến	02/10/1982	Đạt	DHSPTPHCM000460	000460/2021/BDDCC	Tiểu Học Bình Quới Tây	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3
1076	Phan Thị Luyến	11/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000461	000461/2021/BDDCC	TH Tâm Vu	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3
1077	Phan Nhật Minh	02/12/1985	Đạt	DHSPTPHCM000462	000462/2021/BDDCC	TH Yên Thế	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3
1078	Phạm Thanh Nga	02/12/1983	Đạt	DHSPTPHCM000463	000463/2021/BDDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1079	Nguyễn Thị Kim Chi	20/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM000464	000464/2021/BDDCC	TH Trần Quang Khải	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1080	Nguyễn Thị Tường Trang	20/09/1983	Đạt	DHSPTPHCM000465	000465/2021/BDDCC	TH Phan Chu Trinh	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1081	Hồ Văn Hiệp	01/04/1979	Đạt	DHSPTPHCM000466	000466/2021/BDDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1082	Lưu Thị Thu Vân	10/11/1981	Đạt	DHSPTPHCM000467	000467/2021/BDDCC	TH Phan Chu Trinh	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1083	Nguyễn Thị Thu Hà	10/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM000468	000468/2021/BDDCC	TH Nguyễn Viết Xuân	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1084	Trần Thị Lệ Thương	09/03/1980	Đạt	DHSPTPHCM000469	000469/2021/BDDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1085	Vương Sĩ Đức	05/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000470	000470/2021/BDDCC	TH Nguyễn Thị Minh Khai	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1086	Đặng Tuyết Loan	30/08/1993	Đạt	DHSPTPHCM000471	000471/2021/BDDCC	TH Lê Quý Đôn	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1087	Phan Thị Hòa	11/10/1984	Đạt	DHSPTPHCM000472	000472/2021/BDDCC	TH An Hội	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1088	Trần Thị Như Quỳnh	23/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000473	000473/2021/BDDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1089	Vương Ngọc Yến	03/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000474	000474/2021/BDDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1090	Lê Trần Ngọc Hoa	16/10/1992	Đạt	DHSPTPHCM000475	000475/2021/BDDCC	TH Hạnh Thông	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1091	Châu Thị Hồng Hạnh	01/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM000476	000476/2021/BDDCC	TH Lam Sơn	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1092	Nguyễn Thị Thiên Ân	11/12/1975	Đạt	DHSPTPHCM000477	000477/2021/BDDCC	TH Nguyễn Thượng Hiền	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1093	Trịnh Thị Thu	06/09/1978	Đạt	DHSPTPHCM000478	000478/2021/BDDCC	TH Hạnh Thông	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1094	Vũ Anh Linh	12/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000479	000479/2021/BDDCC	TH Nguyễn Thượng Hiền	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1095	Lý Thị Diệu	20/07/1980	Đạt	DHSPTPHCM000480	000480/2021/BDDCC	TH Nguyễn Viết Xuân	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1096	Lê Thanh Hùng	20/05/1978	Đạt	DHSPTPHCM000481	000481/2021/BDDCC	TH An Hội	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1097	Hoàng Phương Linh	27/01/1993	Đạt	DHSPTPHCM000482	000482/2021/BDDCC	TH Hoàng Văn Thụ	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1098	Nguyễn Ngọc Hương Trà	17/10/1984	Đạt	DHSPTPHCM000483	000483/2021/BDDCC	Phạm Ngọc Thạch	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1099	Nguyễn Thị Ngọc Bích	25/07/1979	Đạt	DHSPTPHCM000484	000484/2021/BDDCC	Đồng Ba	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1100	Trần Văn Don	08/10/1985	Đạt	DHSPTPHCM000485	000485/2021/BDDCC	Lê Đình Chính	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1101	Nguyễn Thu Hiền	11/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000486	000486/2021/BDDCC	Nguyễn Đình Chính	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1102	Nguyễn Thị Xuân Thi	25/01/1989	Đạt	DHSPTPHCM000487	000487/2021/BDDCC	Nguyễn Đình Chính	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1103	Nguyễn Vũ Hạnh Phương	06/07/1990	Đạt	DHSPTPHCM000488	000488/2021/BDDCC	Phạm Ngọc Thạch	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1104	Nguyễn Thị Thi	31/07/1990	Đạt	DHSPTPHCM000489	000489/2021/BDDCC	Hồ Văn Huê	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1105	Cao Thị Thanh Mai	12/03/1980	Đạt	DHSPTPHCM000490	000490/2021/BDDCC	Cổ Loa	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1106	Nguyễn Đức Hồng Ngọc	29/05/1971	Đạt	DHSPTPHCM000491	000491/2021/BDDCC	Vạn Tường	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1107	Đỗ Nguyễn Hạnh Hào	13/02/1978	Đạt	DHSPTPHCM000492	000492/2021/BDDCC	Trung Nhất	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1108	Mai Thị Hồng Hạnh	12/08/1970	Đạt	DHSPTPHCM000493	000493/2021/BDDCC	Đồng Ba	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1109	Phạm Thị Thanh Nhân	03/06/1990	Đạt	DHSPTPHCM000494	000494/2021/BDDCC	Lê Đình Chính	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1110	Lư Thị Bích Nga	06/10/1979	Đạt	DHSPTPHCM000495	000495/2021/BDDCC	Cổ Loa	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1111	Trần Thị Tường Vi	20/09/1987	Đạt	DHSPTPHCM000496	000496/2021/BDDCC	Nguyễn Đình Chính	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1112	Nguyễn Ngọc Phương	13/12/1979	Đạt	DHSPTPHCM000497	000497/2021/BDDCC	Đặng Văn Ngừ	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
1113	Nguyễn Thị Như Quỳnh	24/11/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000498	000498/2021/BDCC	Cao Bá Quát	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1114	Nguyễn Thị Thúy	01/09/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000499	000499/2021/BDCC	Hồ Văn Huê	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1115	Đỗ Thị Hồng Phúc	20/05/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000500	000500/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Kịp	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1116	Phạm Thị Ngọc Diễm	10/01/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000501	000501/2021/BDCC	TH Sơn Cang	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1117	Vũ Văn Huỳnh	10/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000502	000502/2021/BDCC	TH Yên Thế	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1118	Võ Quang Thuận	23/05/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000503	000503/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1119	Nguyễn Lê Thanh Tuyền	20/06/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000504	000504/2021/BDCC	TH Đồng Đa	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1120	Nguyễn Thị Hòa	09/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000505	000505/2021/BDCC	TH Thân Nhân Trung	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1121	Nguyễn Thị Phương Nghi	24/04/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000506	000506/2021/BDCC	TH Trần Quốc Toàn	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1122	Đoàn Thị Phương Thanh	30/09/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000507	000507/2021/BDCC	TH Lê Thị Hồng Gấm	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1123	Lê Thị Kim Liên	15/07/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000508	000508/2021/BDCC	TH Bành Văn Trân	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1124	Trần Thị Ngọc Hạnh	10/02/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000509	000509/2021/BDCC	TH Nguyễn Thanh Tuyền	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1125	Vũ Đức Long	18/08/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM000511	000511/2021/BDCC	TH Phan Huy Ích	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1126	Đỗ Minh Hoàng	03/06/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000512	000512/2021/BDCC	TH Hiệp Tân	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1127	Lý Khánh Hoa	20/02/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000513	000513/2021/BDCC	TH Hồ Văn Cường	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1128	Võ Thị Cẩm Thúy	01/07/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000514	000514/2021/BDCC	TH Đoàn Thị Diễm	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1129	Võ Thị Kim Phụng	01/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000515	000515/2021/BDCC	TH Lê Văn Tám	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1130	Nguyễn Thị Bích Duyên	26/08/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000516	000516/2021/BDCC	TH Phan Chu Trinh	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1131	Lê Nga	28/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000517	000517/2021/BDCC	TH Âu Cơ	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1132	Hồ Ngọc Ánh	23/10/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000518	000518/2021/BDCC	TH Tân Thới	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1133	Hoàng Ngọc Phương	08/12/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000519	000519/2021/BDCC	TH Lê Thánh Tông	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1134	Trần Minh Danh	21/12/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000520	000520/2021/BDCC	TH Tô Vĩnh Diện	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1135	Phan Thị Thu Hà	08/10/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000521	000521/2021/BDCC	TH Tân Hòa	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1136	Nguyễn Thị Ngọc Phương	01/08/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000522	000522/2021/BDCC	TH Tân Sơn Nhì	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1137	Nguyễn Anh Tú	27/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000523	000523/2021/BDCC	TH Duy Tân	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1138	Nông Trần Minh	15/10/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000524	000524/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1139	Lục Thị Mỹ Hạnh	10/08/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000525	000525/2021/BDCC	TH Tân Hương	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1140	Phạm Thị Ánh Tuyết	16/06/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000526	000526/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Chính	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1141	Phạm Thị Nhung	12/10/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000527	000527/2021/BDCC	TH Lê Lai	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1142	Thái Tăng Thương	08/02/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000528	000528/2021/BDCC	TH Tân Sơn Nhì	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1143	Trương Tuyết Thanh	15/06/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000529	000529/2021/BDCC	TH Đình Bộ Lĩnh	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1144	Lê Minh Hải	29/05/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000530	000530/2021/BDCC	TH Đoàn Thị Diễm	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1145	Trần Hữu Trọng	18/07/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000531	000531/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Triết	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1146	Ngô Thuỳ Trinh	14/10/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000532	000532/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1147	Trịnh Thị Tuyết Thu	30/03/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000533	000533/2021/BDCC	TH Bình Triệu	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1148	Trần Thị Ngọc Hiếu	07/03/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000534	000534/2021/BDCC	TH Tam Bình	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1149	Cao Thị Phương Thảo	20/02/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000535	000535/2021/BDCC	TH Trương Văn Hải	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1150	Nguyễn Thị Hồng	12/06/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000535	000535/2021/BDCC	TH Trương Văn Hải	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
1151	Lê Thị Yến Oanh	21/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM000536	000536/2021/BDCC	TH Đào Sơn Tây	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1152	Nguyễn Khuu Thanh Thủy	11/06/1988	Đạt	DHSPTPHCM000537	000537/2021/BDCC	TH Thái Văn Lung 1	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1153	Vũ Thị Hoàng Oanh	06/03/1976	Đạt	DHSPTPHCM000538	000538/2021/BDCC	TH Trần Văn Vân	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1154	Nguyễn Thị Hải	06/10/1974	Đạt	DHSPTPHCM000539	000539/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1155	Nguyễn Ngọc Doan Trang	27/06/1985	Đạt	DHSPTPHCM000540	000540/2021/BDCC	TH Linh Tây	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1156	Nguyễn Hải Hà	30/07/1991	Đạt	DHSPTPHCM000541	000541/2021/BDCC	TH Bình Chiểu	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1157	Hoàng Thị Hồng Liên	26/12/1980	Đạt	DHSPTPHCM000542	000542/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Nở	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1158	Nguyễn Trần Thu Hà	08/09/1989	Đạt	DHSPTPHCM000543	000543/2021/BDCC	TH Linh Chiểu	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1159	Nguyễn Ngọc Bích	20/11/1968	Đạt	DHSPTPHCM000544	000544/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Banh	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1160	Nguyễn Thị Thủy Hằng	27/04/1984	Đạt	DHSPTPHCM000545	000545/2021/BDCC	TH Linh Chiểu	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1161	Trần Văn Tân Lộc	10/10/1990	Đạt	DHSPTPHCM000546	000546/2021/BDCC	TH Đỗ Tấn Phong	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1162	Phạm Thanh Quốc	11/07/1984	Đạt	DHSPTPHCM000547	000547/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Nở	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1163	Phạm Thị Thu Hằng	27/12/1987	Đạt	DHSPTPHCM000548	000548/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1164	Đào Ngọc Diệp	18/07/1976	Đạt	DHSPTPHCM000549	000549/2021/BDCC	TH Tân Nhựt	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1165	Nguyễn Thị Kim Phương	27/09/1977	Đạt	DHSPTPHCM000550	000550/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1166	Đặng Thị Minh Trí	09/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000551	000551/2021/BDCC	TH Tân Quý Tây 3	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1167	Cao Tú Trinh	15/07/1988	Đạt	DHSPTPHCM000552	000552/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1168	Huỳnh Kim Khánh	12/07/1975	Đạt	DHSPTPHCM000553	000553/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1169	Lê Thị Thu Thương	18/05/1977	Đạt	DHSPTPHCM000554	000554/2021/BDCC	TH Phong Phú	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1170	Võ Thị Hồng	18/03/1974	Đạt	DHSPTPHCM000555	000555/2021/BDCC	TH Phong Phú	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1171	Nguyễn Thị Kim Ngọc	11/01/1975	Đạt	DHSPTPHCM000556	000556/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1172	Phạm Thị Ngọc Liễu	17/06/1976	Đạt	DHSPTPHCM000557	000557/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1173	Võ Thị Thu Trang	04/04/1988	Đạt	DHSPTPHCM000558	000558/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Bánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1174	Trang Thị Kim Cúc	02/04/1975	Đạt	DHSPTPHCM000559	000559/2021/BDCC	TH Tân Quý Tây 3	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1175	Nguyễn Trung Tin	14/07/1989	Đạt	DHSPTPHCM000560	000560/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1176	Thiều Minh Anh Thy	28/09/1982	Đạt	DHSPTPHCM000561	000561/2021/BDCC	TH Quí Đức	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1177	Mai Thành Công Danh	16/04/1990	Đạt	DHSPTPHCM000562	000562/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1178	Trần Quang Tuấn	02/12/1984	Đạt	DHSPTPHCM000563	000563/2021/BDCC	TH Quí Đức	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1179	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	15/07/1989	Đạt	DHSPTPHCM000564	000564/2021/BDCC	TH Đồng Hoà	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1180	Võ Thành Đức	09/10/1974	Đạt	DHSPTPHCM000565	000565/2021/BDCC	TH Cần Thạnh 2	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1181	Trần Thị Hoài Dung	27/02/1974	Đạt	DHSPTPHCM000566	000566/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1182	Nguyễn Thị Diễm Thúy	30/06/1973	Đạt	DHSPTPHCM000567	000567/2021/BDCC	TH Cần Thạnh 2	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1183	Phạm Hoàng Tôn Nữ	02/05/1992	Đạt	DHSPTPHCM000568	000568/2021/BDCC	TH Long Thạnh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1184	Nguyễn Thị Thanh Thủy	22/02/1976	Đạt	DHSPTPHCM000569	000569/2021/BDCC	TH Long Thành	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1185	Đặng Thanh Huân	03/03/1972	Đạt	DHSPTPHCM000570	000570/2021/BDCC	TH Bình Phước	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1186	Hoàng Hữu Chí	18/11/1969	Đạt	DHSPTPHCM000571	000571/2021/BDCC	TH Tam Thôn Hiệp	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1187	Lương Văn Ân	20/11/1970	Đạt	DHSPTPHCM000572	000572/2021/BDCC	TH An Nghĩa	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1188	Nguyễn Thanh Bình	18/12/1988	Đạt	DHSPTPHCM000573	000573/2021/BDCC	TH Hoà Hiệp	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ góc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
1189	Trịnh Thị Hằng	20/09/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000574	000574/2021/BDCC	TH Vàm Sát	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1190	Huỳnh Võ Phan Minh Sang	28/10/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000575	000575/2021/BDCC	TH Bình Thạnh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1191	Phạm Hoàng Giang	07/02/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000576	000576/2021/BDCC	TH Long Thạnh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1192	Đoàn Thanh Cang	20/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000577	000577/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1193	Lê Nguyễn Thị Thùy Linh	07/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000578	000578/2021/BDCC	TH Tân Thông	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1194	Phạm Thị Hiệp	06/10/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000579	000579/2021/BDCC	TH Phạm Văn Cội	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1195	Huỳnh Thị Hương	01/01/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000580	000580/2021/BDCC	TH Thị Trấn 2	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1196	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/07/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000581	000581/2021/BDCC	TH Thái Mỹ	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1197	Nguyễn Ngọc Hiền	16/11/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000582	000582/2021/BDCC	TH Hòa Phú	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1198	Nguyễn Thanh Hùng	15/03/1966	Đạt	ĐHSPTPHCM000583	000583/2021/BDCC	TH Lê Thị Pha	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1199	Bùi Thanh Phú	04/05/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000584	000584/2021/BDCC	TH An Nhơn Tây	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1200	Đinh Thị Chí	20/12/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000585	000585/2021/BDCC	TH Trung Lập Hạ	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1201	Phan Thị Ngọc Nương	02/11/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000586	000586/2021/BDCC	TH-THCS Tân Trung	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1202	Ngô Thị Thuý Hằng	29/04/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000587	000587/2021/BDCC	TH Lê Văn Thế	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1203	Liêu Thị Vân	05/05/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000588	000588/2021/BDCC	TH Tân Phú Trung	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1204	Lâm Võ Nguyệt Quế	25/12/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000589	000589/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Lịch	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1205	Lê Đình Trang Đài	08/09/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000590	000590/2021/BDCC	TH Phước Hiệp	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1206	Nguyễn Thị Kim Ngọc	20/09/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000591	000591/2021/BDCC	TH Tân Thạnh Đông	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1207	Trần Ngọc Mơ	25/05/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000592	000592/2021/BDCC	TH Phú Hòa Đông	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1208	Phạm Thị Hải Yến	20/08/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000593	000593/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Lăng	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1209	Nguyễn Hoàng Minh	02/03/1967	Đạt	ĐHSPTPHCM000594	000594/2021/BDCC	TH Nhuận Đức 2	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1210	Nguyễn Thị Phan	30/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000595	000595/2021/BDCC	TH Trung An	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1211	Võ Chí Công	12/07/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000596	000596/2021/BDCC	TH An Phú 1	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1212	Nguyễn Trọng Bình	20/02/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000597	000597/2021/BDCC	TH Thị Trấn Củ Chi	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1213	Lê Thị Mộng Thu	07/12/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000598	000598/2021/BDCC	TH Trần Văn Danh	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1214	Đỗ Thị Duyên	18/03/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000599	000599/2021/BDCC	TH Bùi Văn Ngự	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1215	Nguyễn Hoàng Lâm Vũ	26/02/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000600	000600/2021/BDCC	TH Tam Đông 2	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1216	Đoàn Thành Điền	07/03/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000601	000601/2021/BDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1217	Nguyễn Thị Hoàng Lan	12/02/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000602	000602/2021/BDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1218	Lê Thanh Lan	15/08/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000603	000603/2021/BDCC	TH Xuân Thới Thượng	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1219	Trần Mỹ Nga	27/01/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM000604	000604/2021/BDCC	Nguyễn Thị Nuôi	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1220	Vũ Lê Lương	27/10/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000605	000605/2021/BDCC	TH Thới Tam	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1221	Lữ Thị Ngọc Hân	25/12/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000606	000606/2021/BDCC	Nguyễn Thị Nuôi	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1222	Hạ Thị Ánh Hồng	03/06/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000607	000607/2021/BDCC	TH Thới Tam	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1223	Bùi Thị Minh Trang	23/11/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000608	000608/2021/BDCC	TH Mỹ Hòa	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1224	Nguyễn Hoàng Linh Phương	27/11/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000609	000609/2021/BDCC	Nguyễn Thị Nuôi	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1225	Trần Ngọc Minh Tâm	13/11/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000610	000610/2021/BDCC	TH Thới Tam	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1226	Nguyễn Văn Được	01/01/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000611	000611/2021/BDCC	TH Trương Văn Ngải	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
1227	Phạm Thị Mai Chi	01/12/1990	Đạt	DHSPTPHCM000612	000612/2021/BDDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1228	Lê Thị Tuyết Hương	22/01/1974	Đạt	DHSPTPHCM000613	000613/2021/BDDCC	TH Lý Chính Thắng 2	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1229	Trần Tấn Đạt	14/02/1992	Đạt	DHSPTPHCM000614	000614/2021/BDDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1230	Hà Anh Tuấn	11/04/1987	Đạt	DHSPTPHCM000615	000615/2021/BDDCC	Nguyễn Thị Nươi	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1231	Trịnh Huỳnh Tài	05/07/1972	Đạt	DHSPTPHCM000616	000616/2021/BDDCC	TH Bùi Văn Ngự	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1232	Trần Thị Hà Như	01/09/1969	Đạt	DHSPTPHCM000617	000617/2021/BDDCC	Trường Bà Dương Giao Duc Huyện Nhà Bè	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1233	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	07/05/1973	Đạt	DHSPTPHCM000618	000618/2021/BDDCC	TH Lâm Văn Bền	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1234	Nguyễn Thanh Ngọc Thủy	08/07/1975	Đạt	DHSPTPHCM000619	000619/2021/BDDCC	TH Nguyễn Việt Hồng	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1235	Ngô Thị Năm	06/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM000620	000620/2021/BDDCC	TH Nguyễn Bình	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1236	Trương Thị Lê Hằng	12/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000621	000621/2021/BDDCC	TH Trang Tấn Khương	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1237	Trần Thị Hoàng Huy	13/08/1989	Đạt	DHSPTPHCM000622	000622/2021/BDDCC	TH Nguyễn Văn Tạo	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1238	Phạm Thị Kiều Vân	06/08/1971	Đạt	DHSPTPHCM000623	000623/2021/BDDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1239	Ngô Thị Phương Chi	04/02/1976	Đạt	DHSPTPHCM000624	000624/2021/BDDCC	TH Lê Quang Định	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1240	Trần Thị Thanh Nhã	15/02/1989	Đạt	DHSPTPHCM000625	000625/2021/BDDCC	TH Bùi Văn Ba	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1241	Đoàn Thị Ngọc Tuyết	05/07/1987	Đạt	DHSPTPHCM000626	000626/2021/BDDCC	TH Bùi Thanh Kiệt	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1242	Mai Thị Hồng Nhung	08/08/1985	Đạt	DHSPTPHCM000627	000627/2021/BDDCC	TH Trần Thị Ngọc Hân	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1243	Lê Thị Kiều Nguyệt Nga	24/01/1983	Đạt	DHSPTPHCM000628	000628/2021/BDDCC	TH Dương Văn Lịch	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1244	Nguyễn Thị Khuyên	03/08/1989	Đạt	DHSPTPHCM000629	000629/2021/BDDCC	TH Lê Văn Lương	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1245	Lê Minh Giàu	28/04/1989	Đạt	DHSPTPHCM000630	000630/2021/BDDCC	TH Nguyễn Văn Tạo	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1246	Phạm Hồ Huy Cường	03/12/1974	Đạt	DHSPTPHCM000631	000631/2021/BDDCC	TH Nguyễn Bình	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1247	Lê Thị Mỹ Dung	09/05/1981	Đạt	DHSPTPHCM000632	000632/2021/BDDCC	TH Linh Chiểu	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1248	Nguyễn Thị Hà My	22/08/1991	Đạt	DHSPTPHCM000633	000633/2021/BDDCC	TH Nguyễn Văn Tây	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1249	Lê Phương Giang	16/08/1992	Đạt	DHSPTPHCM000634	000634/2021/BDDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
1250	Lôi Phú Quốc	02/12/1974	Đạt	DHSPTPHCM000635	000635/2021/BDDCC	TH Lương Định Của	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
1251	Nguyễn Thị Giao Linh	23/10/1992	Đạt	DHSPTPHCM000636	000636/2021/BDDCC	TH Phan Văn Hân	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
1252	Phạm Thị Thu Ngân	30/12/1985	Đạt	DHSPTPHCM000637	000637/2021/BDDCC	TH Trần Quốc Toản	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1253	Nguyễn Nhật Tâm	21/09/1990	Đạt	DHSPTPHCM000638	000638/2021/BDDCC	TH Trần Danh Lâm	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 3
1254	Đặng Thị Thủy Dung	15/12/1981	Đạt	DHSPTPHCM000639	000639/2021/BDDCC	TH Lê Thị Hồng Gấm	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1255	Phạm Thị Cẩm Hà	19/11/1991	Đạt	DHSPTPHCM000640	000640/2021/BDDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1256	Nguyễn Thị Mai Huyền	30/08/1980	Đạt	DHSPTPHCM000641	000641/2021/BDDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
1257	Lê Thị Linh	13/02/1979	Đạt	DHSPTPHCM000642	000642/2021/BDDCC	TH Tân Túc	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1258	Nguyễn Thị Thùy Dung	21/08/1980	Đạt	DHSPTPHCM000643	000643/2021/BDDCC	TH An Phú	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
1259	Võ Thị Thanh Hương	10/01/1978	Đạt	DHSPTPHCM000644	000644/2021/BDDCC	TH An Phú	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
1260	Nguyễn Thị Nguyệt	10/08/1991	Đạt	DHSPTPHCM000645	000645/2021/BDDCC	TH Lê Văn Thọ	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1261	Hà Hồng Phúc	10/12/1977	Đạt	DHSPTPHCM000646	000646/2021/BDDCC	TH Lê Văn Thế	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1262	Nguyễn Vương Kim Thịnh	05/08/1991	Đạt	DHSPTPHCM000647	000647/2021/BDDCC	TH Bình Giả	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1263	Bùi Thị Mai Trang	01/04/1989	Đạt	DHSPTPHCM000648	000648/2021/BDDCC	TH Phan Đăng Lưu	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 3
1264	Võ Hồ Thanh Mai	04/07/1992	Đạt	DHSPTPHCM000649	000649/2021/BDDCC	TH Phước Thành	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ góc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
1265	Mai Quốc	04/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000650	000650/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 3
1266	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000651	000651/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Luồng	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 3
1267	Ngô Nguyễn Thị Thu Oanh	29/01/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000652	000652/2021/BDCC	TH Bình Phước	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1268	Nguyễn Thị Hiền	26/10/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000653	000653/2021/BDCC	TH Cần Thạnh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1269	Nguyễn Thanh Thảo	02/12/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000654	000654/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1270	Lê Thị Hồng Cẩm	12/08/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000655	000655/2021/BDCC	TH Bình Giã	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1271	Hồng Thị Tường An	02/12/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000656	000656/2021/BDCC	TH Chi Lăng	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1272	Lê Thị Ngọc Tuyết	03/11/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000657	000657/2021/BDCC	TH Phú Thọ Hoà	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1273	Nguyễn Thị Kim Cương	24/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000658	000658/2021/BDCC	TH Lê Thị Hồng Gấm	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1274	Hoàng Minh Thuận	22/04/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000659	000659/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Kịp	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1275	Lê Ngọc Quyền	08/10/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM000660	000660/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 3
1276	Kiều Mộng Lanh	09/03/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000661	000661/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ 3	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 3
1277	Phạm Thị Mỹ Tuyền	06/06/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000662	000662/2021/BDCC	TH Trần Quang Cơ	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 3
1278	Nguyễn Thị Hoàng Yến	23/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000663	000663/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 3
1279	Võ Hoàng Đây	27/12/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000664	000664/2021/BDCC	TH Phan Huy Ích	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1280	Nguyễn Huỳnh Mai	01/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000665	000665/2021/BDCC	TH Lê Lợi	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1281	Nguyễn Vũ Thái Hiền	14/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000666	000666/2021/BDCC	TH Chi Lăng	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 3
1282	Đỗ Hữu Hồng Ân	31/10/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000667	000667/2021/BDCC	Đồng Ba	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1283	Dương Trần Thanh Mai	07/07/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM000668	000668/2021/BDCC	TH Tô Vĩnh Diện	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3
1284	Lê Thị Ngọc Loan	15/10/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000669	000669/2021/BDCC	TH Phước Bình	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
1285	Nguyễn Văn Trường Phước	19/03/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000670	000670/2021/BDCC	TH Trương Văn Thành	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
1286	Lê Thị Hoàn	24/11/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000671	000671/2021/BDCC	TH Võ Văn Hát	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
1287	Đào Thị Ngọc Mỹ	20/06/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000672	000672/2021/BDCC	TH Trần Quốc Toàn	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1288	Nguyễn Thị Kim Cúc	25/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000673	000673/2021/BDCC	TH Tân Quý Tây	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1289	Trần Thị Thu Trang	05/09/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000674	000674/2021/BDCC	TH Thới Tam	Phòng GDĐT Huyện Học Mỗn	Mô đun 3
1290	Nguyễn Thị Thanh Trang	25/10/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000675	000675/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1291	Đào Thị Hương Huệ	10/06/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000676	000676/2021/BDCC	TH Trần Quốc Tuấn	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1292	Phan Thị Minh Hiếu	26/01/1995	Đạt	ĐHSPTPHCM000677	000677/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 3
1293	Lê Cao Thắng	25/03/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000678	000678/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 3
1294	Trần Đức Lộc	20/03/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000679	000679/2021/BDCC	THCS Phan Sào Nam	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 3
1295	Phan Thị Kim Sương	11/08/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000680	000680/2021/BDCC	THCS Bàn Cờ	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 3
1296	Đỗ Hữu Duy	05/06/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000681	000681/2021/BDCC	THCS Hai Bà Trưng	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 3
1297	Nguyễn Đại Huỳnh	15/02/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000682	000682/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hiền	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 3
1298	Huỳnh Nguyễn Phương Thủy	03/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000683	000683/2021/BDCC	THCS Dương Bá Trạc	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
1299	Võ Thị Hằng Nhi	14/11/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000684	000684/2021/BDCC	THCS Khánh Bình	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
1300	Nguyễn Thị Hải	03/02/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000685	000685/2021/BDCC	THCS Chánh Hưng	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
1301	Phan Công Bằng	02/11/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM000686	000686/2021/BDCC	THCS Bình An	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
1302	Lê Thị Tùng Anh	01/02/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000687	000687/2021/BDCC	THCS Trần Danh Ninh	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
1303	Võ Văn Tuấn	17/02/1985	Đạt	DHSPTPHCM000688	000688/2021/BDCC	THCS Lê Lai	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 3
1304	Ngô Quang Tuấn	26/12/1991	Đạt	DHSPTPHCM000689	000689/2021/BDCC	THCS Bình Đông	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 3
1305	Lê Hoàng Bảo	03/12/1985	Đạt	DHSPTPHCM000690	000690/2021/BDCC	THCS Phú Lợi	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 3
1306	Võ Bảo Thu	01/07/1981	Đạt	DHSPTPHCM000691	000691/2021/BDCC	THCS Lam Sơn	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3
1307	Hoàng Ngọc Anh	15/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM000692	000692/2021/BDCC	THCS Rạng Đông	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3
1308	Lê Thị Mỹ Hoa	12/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000693	000693/2021/BDCC	THCS Điện Biên	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3
1309	Nguyễn Hữu Lâm	25/10/1972	Đạt	DHSPTPHCM000694	000694/2021/BDCC	THCS Cửu Long	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3
1310	Nguyễn Học	05/11/1985	Đạt	DHSPTPHCM000695	000695/2021/BDCC	THCS Điện Biên	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3
1311	Nguyễn Thị Kiều Nhom	01/01/1971	Đạt	DHSPTPHCM000696	000696/2021/BDCC	THCS Thanh Đa	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3
1312	Lê Thị Định	08/11/1973	Đạt	DHSPTPHCM000697	000697/2021/BDCC	THCS Cù Chính Lan	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3
1313	Lê Thủy Tiên	31/07/1973	Đạt	DHSPTPHCM000698	000698/2021/BDCC	THCS Bình Quới Tây	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3
1314	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	12/08/1981	Đạt	DHSPTPHCM000699	000699/2021/BDCC	THCS Nguyễn Tri Phương	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 3
1315	Phạm Thị Oanh Kiều	28/10/1985	Đạt	DHSPTPHCM000700	000700/2021/BDCC	THCS Trường Chinh	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1316	Ngô Kim Ngân	13/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM000701	000701/2021/BDCC	THCS Quang Trung	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1317	Vũ Quang Liêm	31/07/1979	Đạt	DHSPTPHCM000702	000702/2021/BDCC	THCS Tân Bình	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1318	Lê Thị Phương Đông	08/12/1983	Đạt	DHSPTPHCM000703	000703/2021/BDCC	THCS Nguyễn Gia Thiệu	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1319	Nguyễn Hoàng Sơn	06/03/1988	Đạt	DHSPTPHCM000704	000704/2021/BDCC	Tương Bội Dương Gian Dục Quận Tân Bình	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1320	Vũ Đình Vương	04/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000705	000705/2021/BDCC	THCS Ngô Sĩ Liên	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1321	Nguyễn Đức Thọ	20/05/1975	Đạt	DHSPTPHCM000706	000706/2021/BDCC	THCS Lý Thường Kiệt	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1322	Trần Minh Lý	20/04/1976	Đạt	DHSPTPHCM000707	000707/2021/BDCC	THCS Đoàn Kết	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
1323	Nguyễn Hồng Thùy Lan	25/10/1980	Đạt	DHSPTPHCM000708	000708/2021/BDCC	THCS Phú Định	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
1324	Nguyễn Xuân Huyền	25/12/1980	Đạt	DHSPTPHCM000709	000709/2021/BDCC	THCS Bình Tây	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
1325	Phan Phước Lại	12/07/1963	Đạt	DHSPTPHCM000710	000710/2021/BDCC	THCS Phạm Đình Hổ	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
1326	Hoàng Minh Hồng Đức	21/08/1982	Đạt	DHSPTPHCM000711	000711/2021/BDCC	THCS Văn Thân	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
1327	Tịnh Quang Huy	02/12/1979	Đạt	DHSPTPHCM000712	000712/2021/BDCC	THCS Lữ Gia	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1328	Nguyễn Trung Nghĩa	14/02/1975	Đạt	DHSPTPHCM000713	000713/2021/BDCC	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1329	Tào Võ Hiền Nhân	01/11/1988	Đạt	DHSPTPHCM000714	000714/2021/BDCC	THCS Lê Anh Xuân	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1330	Bùi Mỹ Dung	21/08/1967	Đạt	DHSPTPHCM000715	000715/2021/BDCC	THCS Quang Trung	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 3
1331	Lê Phước Huy	15/02/1971	Đạt	DHSPTPHCM000716	000716/2021/BDCC	THCS Văn Dồn	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 3
1332	Huỳnh Kim Huệ	17/07/1978	Đạt	DHSPTPHCM000717	000717/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 3
1333	Phạm Thành Trung	05/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM000718	000718/2021/BDCC	THCS Ba Đình	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 3
1334	Trần Nguyễn Tuấn Huy	18/07/1991	Đạt	DHSPTPHCM000719	000719/2021/BDCC	THCS Trần Bội Cơ	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 3
1335	Nguyễn Ngô Anh Huyền	18/10/1986	Đạt	DHSPTPHCM000720	000720/2021/BDCC	THCS Văn Lang	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 3
1336	Nguyễn Công Phúc Khánh	31/01/1989	Đạt	DHSPTPHCM000721	000721/2021/BDCC	THCS Nguyễn Du	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 3
1337	Đỗ Thanh Hải	11/02/1963	Đạt	DHSPTPHCM000722	000722/2021/BDCC	THCS Cầu Kiệu	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1338	Phạm Văn Tú	12/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000723	000723/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1339	Nguyễn Ngọc Toản	01/01/1980	Đạt	DHSPTPHCM000724	000724/2021/BDCC	THCS Gò Vấp	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1340	Huỳnh Phúc Thịnh	18/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000725	000725/2021/BDCC	THCS Nguyễn Du	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
1341	Nguyễn Phi Hùng	26/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000726	000726/2021/BDCC	THCS An Nhơn	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1342	Huỳnh Thị Phương Ngọc	09/01/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000727	000727/2021/BDCC	THCS Lý Tự Trọng	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1343	Lê Minh Kim Long	19/09/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000728	000728/2021/BDCC	THCS Trương Sơn	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1344	Lê Hoàng Dũng	17/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000729	000729/2021/BDCC	THCS Thông Tây Hội	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1345	Nguyễn Đình Truyền	12/10/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000730	000730/2021/BDCC	THCS Phan Tây Hồ	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1346	Phạm Duy Trung	03/05/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000731	000731/2021/BDCC	THCS Tân Sơn	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1347	Phạm Ngọc Duyên	07/04/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000732	000732/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thị Thập Q7	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 3
1348	Trần Thị Diễm Chi	21/02/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000733	000733/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hiền	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 3
1349	Nguyễn Thị Thanh Thúy	09/02/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000734	000734/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Tuấn	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 3
1350	Khương Thị Thanh	07/02/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000735	000735/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 3
1351	Nguyễn Trương Quý Trọng	15/12/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000736	000736/2021/BDCC	THCS Hoàng Quốc Việt	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 3
1352	Nguyễn Duy Phúc	10/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000737	000737/2021/BDCC	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1353	Nguyễn Thị Thu Thủy	08/11/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000738	000738/2021/BDCC	THCS Hai Bà Trưng	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1354	Lê Thị Hồng Phương	19/05/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000739	000739/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thị Hương	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1355	Nguyễn Thị Ngọc Thu	06/09/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000740	000740/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Quý	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1356	Lê Thị Châu Bình	03/04/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000741	000741/2021/BDCC	THCS Phước Lộc	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1357	Phan Trần Băng Thu	26/10/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM006807	000742/2021/BDCC	THCS Hoa Lư	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
1358	Nguyễn Trường Vũ	24/11/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000743	000743/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Toàn	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
1359	Lê Mậu Thành	19/08/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000744	000744/2021/BDCC	THCS Tàng Nhơn Phú B	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
1360	Cao Thế Phương	30/08/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000745	000745/2021/BDCC	THCS Long Phước	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
1361	Nguyễn Hoàng Phúc	01/12/1967	Đạt	ĐHSPTPHCM000746	000746/2021/BDCC	THCS Phước Bình	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
1362	Nguyễn Thị Ái Chiêu	11/03/1967	Đạt	ĐHSPTPHCM000747	000747/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Toàn	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
1363	Đặng Trần Thanh Xuân	02/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000748	000748/2021/BDCC	THCS Hoàng Diệu	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1364	Nguyễn Như Sương	28/11/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000749	000749/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1365	Châu Mỹ Tuyền	11/12/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000750	000750/2021/BDCC	THCS Thoại Ngọc Hầu	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1366	Lại Văn Quang	18/03/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM000751	000751/2021/BDCC	THCS Đồng Khởi	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1367	Nguyễn Thị Phương Loan	29/12/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000752	000752/2021/BDCC	THCS Trần Quang Khai	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1368	Tô Ngọc Tiến	23/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000753	000753/2021/BDCC	THCS Hùng Vương	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1369	Đinh Nguyễn Diệp Ly Ly	01/03/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000754	000754/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1370	Dương Tri Dũng	07/05/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000755	000755/2021/BDCC	THCS Tôn Thất Tùng	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1371	Lê Minh Hải	12/02/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000756	000756/2021/BDCC	THCS Lê Huỳnh Văn Nghệ	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1372	Ngô Thị Cúc Huyền	05/12/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000757	000757/2021/BDCC	THCS Lạc Long Quân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1373	Đào Thị Anh	18/01/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000758	000758/2021/BDCC	THCS Lê Bình Hưng Hòa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1374	Đỗ Thị Thanh Giang	25/07/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000759	000759/2021/BDCC	THCS Lê Thị Thường Kiệt	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1375	Nguyễn Minh Ngọc	30/03/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000760	000760/2021/BDCC	THCS Bình Trị Đông	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1376	Lê Nguyễn Ngọc Hân	23/04/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000761	000761/2021/BDCC	THCS Lê Thị Thường Kiệt	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1377	Nguyễn Đặng An Giang	01/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000762	000762/2021/BDCC	Trường Bồi Dưỡng Giáo Dục Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1378	Võ Thị Duy Diệp	01/02/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000763	000763/2021/BDCC	THCS Thọ	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
1379	Khuu Thị Thanh Hiền	15/03/1978	Đạt	DHSPTPHCM000764	000764/2021/BDCC	THCS Linh Trung	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1380	Nguyễn Văn Tiêm	10/11/1981	Đạt	DHSPTPHCM000765	000765/2021/BDCC	THCS Hiệp Bình	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1381	Võ Ngọc Nữ	28/02/1981	Đạt	DHSPTPHCM000766	000766/2021/BDCC	THCS Linh Đông	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1382	Hồ Văn Thịnh	25/10/1967	Đạt	DHSPTPHCM000767	000767/2021/BDCC	THCS Ngô Chí Quốc	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1383	Phạm Hồ Hiệp	20/10/1979	Đạt	DHSPTPHCM000768	000768/2021/BDCC	THCS Đa Phước	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1384	Đinh Công Văn Sơn	13/05/1987	Đạt	DHSPTPHCM000769	000769/2021/BDCC	THCS Đồng Đen	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1385	Võ Thị Kim Tươi	08/09/1979	Đạt	DHSPTPHCM000770	000770/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Linh	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1386	Nguyễn Xuân Thanh Vân	18/08/1977	Đạt	DHSPTPHCM000771	000771/2021/BDCC	THCS Phong Phú	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1387	Nguyễn Văn Mai	21/02/1969	Đạt	DHSPTPHCM000772	000772/2021/BDCC	THCS Vĩnh Lộc A	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1388	Ngô Kế Thanh Tâm	28/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000773	000773/2021/BDCC	THCS Bình Khánh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1389	Nguyễn Lê Trường Sơn	05/09/1983	Đạt	DHSPTPHCM000774	000774/2021/BDCC	THCS Tô Ký	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 3
1390	Phan Thị Hương	12/12/1977	Đạt	DHSPTPHCM000775	000775/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hồng Đào	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 3
1391	Nguyễn Thị Thanh Thủy	05/11/1978	Đạt	DHSPTPHCM000776	000776/2021/BDCC	THCS Thị Trấn	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 3
1392	Diệp Thị Thanh Thảo	21/02/1985	Đạt	DHSPTPHCM000777	000777/2021/BDCC	THCS Nguyễn An Khương	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 3
1393	Lê Thu Hiền	01/08/1979	Đạt	DHSPTPHCM000778	000778/2021/BDCC	THCS Đặng Công Bình	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 3
1394	Phan Mỹ Linh	26/11/1976	Đạt	DHSPTPHCM000779	000779/2021/BDCC	THCS Đông Thạnh	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 3
1395	Lê Ngọc Dung	18/07/1972	Đạt	DHSPTPHCM000780	000780/2021/BDCC	THCS Phước Thạnh	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1396	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	06/03/1974	Đạt	DHSPTPHCM000781	000781/2021/BDCC	THCS Tân Thành Đông	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1397	Lâm Tấn Khanh	22/09/1983	Đạt	DHSPTPHCM000782	000782/2021/BDCC	THCS Bình An	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 3
1398	Trần Thị Thu Liễu	05/05/1980	Đạt	DHSPTPHCM000783	000783/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 3
1399	Vũ Trần Tuấn Kiệt	20/08/1966	Đạt	DHSPTPHCM000784	000784/2021/BDCC	THCS Thành Mỹ Lợi	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 3
1400	Phạm Văn Sơn	30/08/1994	Đạt	DHSPTPHCM000785	000785/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thị Định	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 3
1401	Phạm Thành	15/09/1992	Đạt	DHSPTPHCM000786	000786/2021/BDCC	THCS, THPT Phan Châu Trinh		Mô đun 3
1402	Nguyễn Thị Thanh Thảo	07/10/1993	Đạt	DHSPTPHCM000787	000787/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1403	Hoàng Tuấn Anh	01/11/1971	Đạt	DHSPTPHCM000788	000788/2021/BDCC	Phó Thông Nắng Nhút, Thủ Thao Olympic		Mô đun 3
1404	Lê Thái Bảo	20/03/1985	Đạt	DHSPTPHCM000789	000789/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 3
1405	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	29/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000790	000790/2021/BDCC	THCS Thăng Long	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 3
1406	Dương Thị Huệ	06/07/1986	Đạt	DHSPTPHCM000791	000791/2021/BDCC	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 3
1407	Trần Tuấn Anh	30/05/1979	Đạt	DHSPTPHCM000792	000792/2021/BDCC	THCS Colette	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 3
1408	Nguyễn Anh Duy	15/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000793	000793/2021/BDCC	TH, THCS và THPT Quốc Tế Á Châu		Mô đun 3
1409	Đinh Kim Thoa	28/03/1981	Đạt	DHSPTPHCM000794	000794/2021/BDCC	THCS Nguyễn Ánh Thủ	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 3
1410	Nguyễn Văn Sáng	05/07/1983	Đạt	DHSPTPHCM000795	000795/2021/BDCC	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiêp	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 3
1411	Trần Thị Thanh Nhã	05/12/1981	Đạt	DHSPTPHCM000796	000796/2021/BDCC	THCS Nguyễn Chi Thanh	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 3
1412	Nguyễn Thị Minh An	01/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM000797	000797/2021/BDCC	THCS Nguyễn An Ninh	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 3
1413	Đoàn Thị Sen	07/03/1980	Đạt	DHSPTPHCM000798	000798/2021/BDCC	THCS Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 3
1414	Võ Ngọc Duyên	03/05/1992	Đạt	DHSPTPHCM000799	000799/2021/BDCC	THCS Sương Nguyệt Anh	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
1415	Nguyễn Thị Hồng Diệp	01/07/1988	Đạt	DHSPTPHCM000800	000800/2021/BDCC	THCS Phan Đăng Lưu	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 3
1416	Huyền Thị Ngọc Trâm	31/03/1987	Đạt	DHSPTPHCM000801	000801/2021/BDCC	THCS Trương Công Định	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
1417	Mai Đình Văn Anh	29/05/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000802	000802/2021/BDCC	THCS Hà Huy Tập	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3
1418	Lê Việt Hải	12/06/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000803	000803/2021/BDCC	THCS Yên Thế	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3
1419	Nguyễn Thị Thúy	07/03/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000804	000804/2021/BDCC	THCS Phú Mỹ	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3
1420	Hà Thị Kim Phương	17/05/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000805	000805/2021/BDCC	THCS Đồng Đa	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 3
1421	Phạm Trần Thanh Thảo	31/08/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000806	000806/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Tố	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 3
1422	Nguyễn Thị Ngọc Loan	19/10/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000807	000807/2021/BDCC	THCS Hoàng Hoa Thám	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1423	Nguyễn Tuấn Anh	20/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000808	000808/2021/BDCC	THCS Võ Văn Tần	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1424	Lâm Ngọc Phụng	09/08/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000809	000809/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Luồng	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 3
1425	Ngô Thị Thanh Tuyền	10/11/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000831	000810/2021/BDCC	THCS Lam Sơn	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 3
1426	Ngô Thị Bích	24/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000811	000811/2021/BDCC	THCS Hoàng Lê Kha	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 3
1427	Mai Thùy An	03/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000812	000812/2021/BDCC	THCS Nguyễn Minh Hoàng	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 3
1428	Nguyễn Thị Thùy Trang	13/07/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000813	000813/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 3
1429	Đỗ Duy Nam	28/05/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000814	000814/2021/BDCC	THCS Phú Thọ	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 3
1430	Chiêu Thu Trang	01/03/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000815	000815/2021/BDCC	THCS Trần Văn Ôn	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 3
1431	Dương Thị Xuân Thủy	08/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000816	000816/2021/BDCC	THCS Châu Văn Liêm	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1432	Lê Thị Nhạn	13/03/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000817	000817/2021/BDCC	THCS Độc Lập	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1433	Nguyễn Thị Thanh Tú	19/05/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM000818	000818/2021/BDCC	THCS Phan Văn Trị	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1434	Thái Thị Mỹ Oanh	27/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000819	000819/2021/BDCC	THCS Phạm Hữu Lầu	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 3
1435	Nguyễn Thị Thu Hà	20/12/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000820	000820/2021/BDCC	THCS Huỳnh Tấn Phát	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 3
1436	Trần Vũ Hồng Chuyên	01/06/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000821	000821/2021/BDCC	THCS Hoa Lư	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
1437	Đinh Hồng Phát	17/09/1966	Đạt	ĐHSPTPHCM000822	000822/2021/BDCC	THCS Hưng Bình	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 3
1438	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	06/09/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000823	000823/2021/BDCC	THCS Đặng Trần Côn	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1439	Nguyễn Phương Lynch Giang	26/01/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000824	000824/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1440	Nguyễn Công Đoàn	17/07/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000825	000825/2021/BDCC	THCS Lê Tấn Bê	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1441	Nguyễn Thị Tú Anh	03/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000826	000826/2021/BDCC	THCS Bình Trị Đông A	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1442	Nguyễn Thị Thu Hiền	05/03/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000827	000827/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1443	Nguyễn Thị Thu Trang	19/10/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000828	000828/2021/BDCC	THCS Hồ Văn Long	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1444	Mai Ngọc Chánh	14/08/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000829	000829/2021/BDCC	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1445	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/04/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000830	000830/2021/BDCC	THCS Tân Kiên	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1446	Phạm Thị Hồng Quyền	04/04/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000831	000831/2021/BDCC	THCS Tân Quý Tây	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1447	Phạm Thị Ngọc	24/09/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000832	000832/2021/BDCC	THCS An Thới Đông	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1448	Nguyễn Thị Thanh Quế	06/10/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000833	000833/2021/BDCC	THCS Long Hòa	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1449	Nguyễn Anh Quân	18/10/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000834	000834/2021/BDCC	THCS Dơi Lầu	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1450	Nguyễn Trần Thanh Nghiêm	01/01/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000835	000835/2021/BDCC	THCS Tam Thôn Hiệp	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1451	Trần Công Nghĩa	07/08/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000836	000836/2021/BDCC	THCS Đặng Thúc Vịnh	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1452	Ka Hoàng Tri Thủy	01/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000837	000837/2021/BDCC	THCS Trung Mỹ Tây 1	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1453	Lê Thanh Nguyệt	07/07/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000838	000838/2021/BDCC	THCS Tân Xuân	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1454	Huỳnh Thanh Tùng	31/08/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000839	000839/2021/BDCC	THCS Thị Trấn	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
1455	Nguyễn Thị Trúc Mai	29/09/1979	Đạt	DHSPTPHCM000840	000840/2021/BDCC	THCS Lý Chính Thắng 1	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1456	Nguyễn Thị Ngọc Minh	09/04/1980	Đạt	DHSPTPHCM000841	000841/2021/BDCC	THCS Phan Công Hồn	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1457	Nguyễn Thị Giáng Thu	24/12/1972	Đạt	DHSPTPHCM000842	000842/2021/BDCC	THCS Phước Vĩnh An	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1458	Nguyễn Thị Doan Trang	02/04/1981	Đạt	DHSPTPHCM000843	000843/2021/BDCC	THCS Lương Đình Cua	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
1459	Huỳnh Thị Anh Thư	15/09/1980	Đạt	DHSPTPHCM000844	000844/2021/BDCC	THCS Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
1460	Nguyễn Đăng Thùy	22/07/1988	Đạt	DHSPTPHCM000845	000845/2021/BDCC	THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 3
1461	Huỳnh Thị Cẩm Chi	25/06/1988	Đạt	DHSPTPHCM000846	000846/2021/BDCC	THCSel Tân Tạo	Phòng GDDT Quận Tân	Mô đun 3
1462	Dương Hoài Tâm	22/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000847	000847/2021/BDCC	THCS Nguyễn Đức Cảnh	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
1463	Nguyễn Kim Thoa	01/05/1980	Đạt	DHSPTPHCM000848	000848/2021/BDCC	THCS Nguyễn An Khương	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1464	Trần Túy Thuận	24/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM000849	000849/2021/BDCC	THCS Bình Khánh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1465	Lê Thanh Hà	01/07/1982	Đạt	DHSPTPHCM000850	000850/2021/BDCC	THCS Lý Phong	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 3
1466	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	16/04/1980	Đạt	DHSPTPHCM000851	000851/2021/BDCC	THCS Thị Trấn 2	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1467	Phan Thị Bình Minh	01/12/1984	Đạt	DHSPTPHCM000852	000852/2021/BDCC	THCS Phạm Ngọc Thạch	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1468	Hồ Anh Trí	28/03/1980	Đạt	DHSPTPHCM000853	000853/2021/BDCC	THCS Hậu Giang	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 3
1469	Lai Hồng Huy	18/01/1979	Đạt	DHSPTPHCM000854	000854/2021/BDCC	THCS An Phú Đông	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1470	Trần Phú Cẩm	08/08/1967	Đạt	DHSPTPHCM000855	000855/2021/BDCC	THCS Tân An Hội	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1471	Đậu Văn Khánh	10/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM006809	000856/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Nghi	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1472	Lê Quốc Thắng	03/05/1992	Đạt	DHSPTPHCM000857	000857/2021/BDCC	THCS Nguyễn Gia Thiệu	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1473	Hứa Thị Hoàn Hào	01/12/1980	Đạt	DHSPTPHCM000858	000858/2021/BDCC	THCS Tân Nhựt	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1474	Nguyễn Văn Cường	10/03/1977	Đạt	DHSPTPHCM000859	000859/2021/BDCC	THCS Tam Đông 1	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 3
1475	Nguyễn Thị Vân Anh	13/05/1982	Đạt	DHSPTPHCM000860	000860/2021/BDCC	THCS Quang Trung	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1476	Đoàn Thị Cẩm Hồng	09/12/1975	Đạt	DHSPTPHCM000861	000861/2021/BDCC	THCS An Phú	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
1477	Kiều Việt Hưng	19/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM000862	000862/2021/BDCC	THCS Đào Duy Anh	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1478	La Trần Huyền Diệu	06/01/1981	Đạt	DHSPTPHCM000863	000863/2021/BDCC	THCS Âu Lạc	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1479	Lê Thị Dinh	06/06/1981	Đạt	DHSPTPHCM000864	000864/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Toản	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 3
1480	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	14/03/1984	Đạt	DHSPTPHCM000865	000865/2021/BDCC	THCS Ngõ Tắt Tố	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1481	Võ Thị Thu Hà	17/12/1984	Đạt	DHSPTPHCM000866	000866/2021/BDCC	THCS Tân Thới Hưng Hội	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1482	Trương Hồng Quang	10/08/1988	Đạt	DHSPTPHCM000867	000867/2021/BDCC	THCS Trần Phú	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1483	Phạm Tuyết Trinh	07/09/1973	Đạt	DHSPTPHCM000868	000868/2021/BDCC	THCS Phan Bội Châu	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1484	Nguyễn Thị Hiếu Nghĩa	29/08/1983	Đạt	DHSPTPHCM000869	000869/2021/BDCC	THCS Trần Quang Khải	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1485	Trần Lê Phương Khanh	06/04/1983	Đạt	DHSPTPHCM000870	000870/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1486	Nguyễn Thị Nga	13/02/1982	Đạt	DHSPTPHCM000871	000871/2021/BDCC	THCS Trần Hưng Đạo	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1487	Mai Thị Ngân	20/08/1990	Đạt	DHSPTPHCM000872	000872/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trung Trực	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 3
1488	Tạ Minh Hoàng	04/02/1983	Đạt	DHSPTPHCM000873	000873/2021/BDCC	THCS Tăng Bạt Hổ	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 3
1489	Mai Hiếu Phước	19/08/1977	Đạt	DHSPTPHCM000874	000874/2021/BDCC	THCS Chi Lăng	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 3
1490	Nguyễn Văn Minh	21/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM000875	000875/2021/BDCC	THCSel Bình Hưng Hòa	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1491	Lê Huỳnh Trọng Hiếu	16/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM000876	000876/2021/BDCC	THCS Bình Trị Đông A	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1492	Nguyễn Thiện Thuật	08/04/1978	Đạt	DHSPTPHCM000877	000877/2021/BDCC	THCSel Trần Quốc Toản	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
1493	Hoàng Thị Thanh Phương	28/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000878	000878/2021/BDCC	THCS Lê Văn Việt	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1494	Nguyễn Mộng Đào	15/02/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000879	000879/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Bá	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1495	Lê Quang Diễm Hương	17/02/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000880	000880/2021/BDCC	THCS Tam Bình	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1496	Lưu Thị Hồng Thúy	19/12/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000881	000881/2021/BDCC	THCS Trương Văn Ngự	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1497	Phan Thị Hồng Nhung	24/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000882	000882/2021/BDCC	THCS Dương Văn Thi	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1498	Lê Thị Thùy	23/01/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000883	000883/2021/BDCC	THCS Thái Văn Lung	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 3
1499	Trương Minh Tuấn	03/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000884	000884/2021/BDCC	THCS Hưng Long	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1500	Đoàn Tấn Được	05/02/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000885	000885/2021/BDCC	THCS Võ Văn Vân	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1501	Trịnh Thị Thanh Tuyền	13/10/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000886	000886/2021/BDCC	THCS Gò Xoài	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1502	Nguyễn Tấn Vinh	15/02/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000887	000887/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thái Bình	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1503	Từ Thị Đoan Trang	28/08/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000888	000888/2021/BDCC	THCS Lê Minh Xuân	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1504	Lê Văn Phú	20/10/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000889	000889/2021/BDCC	TH - THCS Thế Giới Trẻ Em(TH)	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1505	Đoàn Thanh Tâm	15/09/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000890	000890/2021/BDCC	THCS Phạm Văn Cội	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1506	Trần Thanh Tường	07/01/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000891	000891/2021/BDCC	THCS Phú Mỹ Hưng	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1507	Lê Thị Thanh Thảo	30/04/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000892	000892/2021/BDCC	THCS Tân Tiến	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1508	Trang Thành Sự	05/08/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000893	000893/2021/BDCC	THCS Trung Lập Hạ	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1509	Cao Anh Kiệt	30/04/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000894	000894/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Sơ	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1510	Trần Văn Hào	07/06/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000895	000895/2021/BDCC	THCS Tân Thạnh Tây	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1511	Hà Thị Giàu	04/11/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000896	000896/2021/BDCC	THCS Phú Hòa Đông	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1512	Nguyễn Thùy Kim Ngân	21/08/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000897	000897/2021/BDCC	THCS Thị Trấn	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1513	Trần Thị Thanh Vy	24/04/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000898	000898/2021/BDCC	THCS Phước Hiệp	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1514	Trần Thị Gái	11/07/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000899	000899/2021/BDCC	THCS Nhuận Đức	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1515	Phòng Quốc Tuấn	19/06/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000900	000900/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Huyện Gò Vấp	Mô đun 3
1516	Nguyễn Ngọc Diệp	28/11/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000901	000901/2021/BDCC	THCS Phạm Văn Chiêu	Phòng GDĐT Huyện Gò Vấp	Mô đun 3
1517	Lê Thị Thanh Thủy	07/04/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000902	000902/2021/BDCC	THCS Huỳnh Văn Nghệ	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 3
1518	Nguyễn Đăng Khoa	17/09/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000903	000903/2021/BDCC	THCS Tân Túc	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 3
1519	Lê Trung Kiên	20/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000904	000904/2021/BDCC	THCS Kim Đồng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
1520	Nguyễn Thị Ánh Trúc	11/09/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000905	000905/2021/BDCC	THCS Hồng Bàng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 3
1521	Lê Minh Trung	12/02/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000906	000906/2021/BDCC	THCS Hiệp Phước	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1522	Đỗ Thị Hường	05/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000907	000907/2021/BDCC	THCS Cách Mạng Tháng Tám	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 3
1523	Trương Triều Nhật	02/04/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000908	000908/2021/BDCC	THCS và THPT Diên Hồng		Mô đun 3
1524	Nguyễn Thị Lan Phương	20/10/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000909	000909/2021/BDCC	THCS Lạc Hồng	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 3
1525	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	01/07/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000910	000910/2021/BDCC	THCS và THPT Trương Anh		Mô đun 3
1526	Nguyễn Thị Nghĩa	01/01/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000911	000911/2021/BDCC	THCS Trần Phú	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 3
1527	Nguyễn Văn Trung	13/07/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000912	000912/2021/BDCC	TH, THCS và THPT Việt Úc		Mô đun 3
1528	Ngô Thị Đan Phượng	12/09/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000913	000913/2021/BDCC	THCS Trần Huy Liệu	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 3
1529	Trần Thị Kim Châu	05/04/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000914	000914/2021/BDCC	THCS Trần Văn Đăng	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3
1530	Nguyễn Hà Xuyên	15/09/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000915	000915/2021/BDCC	THCS Ngô Quyền	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
1531	Huỳnh Văn Xếp	10/06/1976	Đạt	DHSPTPHCM000916	000916/2021/BDCC	THCS Trung Lập	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 3
1532	Trà Thanh Loan	04/03/1977	Đạt	DHSPTPHCM000917	000917/2021/BDCC	THCS Long Bình	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 3
1533	Nguyễn Thị Hồng An	29/08/1977	Đạt	DHSPTPHCM000918	000918/2021/BDCC	THCS Hiệp Phú	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 3
1534	Lê Diệu Linh Thu	13/02/1976	Đạt	DHSPTPHCM000919	000919/2021/BDCC	THCS Đức Trí Q1	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 3
1535	Đỗ Minh Phụng	27/07/1979	Đạt	DHSPTPHCM000920	000920/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Phú	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1536	Lê Thị Kim Thanh	31/08/1980	Đạt	DHSPTPHCM000921	000921/2021/BDCC	THCS Hậu Giang	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 3
1537	Võ Thị Ly	29/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000922	000922/2021/BDCC	THCS Võ Thành Trang	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1538	Nguyễn Cẩm Nhi	22/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM000923	000923/2021/BDCC	THCSScI Nguyễn Trãi	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1539	Đỗ Thành Nhơn	20/03/1965	Đạt	DHSPTPHCM000924	000924/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Bứa	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 3
1540	Trần Minh Đăng	20/08/1971	Đạt	DHSPTPHCM000925	000925/2021/BDCC	THCS Lý Nhơn	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 3
1541	Trần Văn Đạt	13/01/1990	Đạt	DHSPTPHCM000926	000926/2021/BDCC	THCS Tùng Thiện Vương	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 3
1542	Ngô Thị Rất Quý	09/12/1973	Đạt	DHSPTPHCM000927	000927/2021/BDCC	TT Kinh Hoàng Nghiệp Quận 3	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
1543	Lê Quê Thọ	19/09/1983	Đạt	DHSPTPHCM000928	000928/2021/BDCC	THCSScI Tân Tạo	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1544	Trần Minh Phú	01/03/1990	Đạt	DHSPTPHCM000929	000929/2021/BDCC	TH - THCS - THPT Tây Úc		Mô đun 3
1545	Nguyễn Quốc Thái	15/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM000930	000930/2021/BDCC	THCS Chu Văn An	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 3
1546	Nguyễn Văn Nam	16/09/1988	Đạt	DHSPTPHCM000931	000931/2021/BDCC	THCS Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 3
1547	Nguyễn Thị Thu Hồng	15/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000932	000932/2021/BDCC	THCS Minh Đức	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 3
1548	Ngô Thị Bạch Huệ	20/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000933	000933/2021/BDCC	THCS Lý Thánh Tông	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 3
1549	Đỗ Hải Duy	03/09/1979	Đạt	DHSPTPHCM000934	000934/2021/BDCC	THCS Bạch Đằng	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 3
1550	Trình Trần Song Hòa	11/10/1977	Đạt	DHSPTPHCM000935	000935/2021/BDCC	THCS Lê Anh Xuân	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 3
1551	Trần Thị Phương Thảo	27/12/1983	Đạt	DHSPTPHCM000936	000936/2021/BDCC	THCS Lê Văn Hữu	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 3
1552	Hoàng Công Chúc	20/03/1979	Đạt	DHSPTPHCM000937	000937/2021/BDCC	Trung Học Thực hành Đa Học Sư Phạm		Mô đun 3
1553	Hà Thị Thanh	03/12/1978	Đạt	DHSPTPHCM000938	000938/2021/BDCC	THPT Lê Thánh Tôn		Mô đun 3
1554	Trần Thị Thu	08/07/1970	Đạt	DHSPTPHCM000939	000939/2021/BDCC	THPT Long Trường		Mô đun 3
1555	Phạm Thị Giang	15/12/1986	Đạt	DHSPTPHCM000940	000940/2021/BDCC	THPT Nguyễn Văn Tăng		Mô đun 3
1556	Đoàn Văn Mùi	01/03/1968	Đạt	DHSPTPHCM000941	000941/2021/BDCC	THPT Bình Chánh		Mô đun 3
1557	Ngô Tuyết Diệp	24/07/1968	Đạt	DHSPTPHCM000942	000942/2021/BDCC	THPT Đa Phước		Mô đun 3
1558	Vương Thoại Hồng	28/11/1965	Đạt	DHSPTPHCM000943	000943/2021/BDCC	THPT Củ Chi		Mô đun 3
1559	Nguyễn Vương Quốc Luyện	28/05/1981	Đạt	DHSPTPHCM000944	000944/2021/BDCC	THPT Quang Trung		Mô đun 3
1560	Nguyễn Anh Phương	20/07/1968	Đạt	DHSPTPHCM000945	000945/2021/BDCC	THPT Gò Vấp		Mô đun 3
1561	Nguyễn Kim Yên	01/11/1988	Đạt	DHSPTPHCM000946	000946/2021/BDCC	THPT Nguyễn Công Trứ		Mô đun 3
1562	Đặng Thị Thanh Mai	15/08/1973	Đạt	DHSPTPHCM000947	000947/2021/BDCC	THPT Hàn Thuyên		Mô đun 3
1563	Nguyễn Thị Thanh Trâm	06/07/1987	Đạt	DHSPTPHCM000948	000948/2021/BDCC	THPT Ten Lơ Man		Mô đun 3
1564	Nguyễn Thị Kim Dung	20/05/1982	Đạt	DHSPTPHCM000949	000949/2021/BDCC	THPT Lương Thế Vinh		Mô đun 3
1565	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/07/1974	Đạt	DHSPTPHCM000950	000950/2021/BDCC	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		Mô đun 3
1566	Phượng Thanh Vũ	29/04/1980	Đạt	DHSPTPHCM000951	000951/2021/BDCC	THPT Giồng Ông Tố		Mô đun 3
1567	Bùi Xuân Kim Sa	24/04/1979	Đạt	DHSPTPHCM000952	000952/2021/BDCC	Phân Hiệu THPT Lê Thi Hồng Gấm		Mô đun 3
1568	Đỗ Huỳnh Thanh Trúc	20/11/1985	Đạt	DHSPTPHCM000953	000953/2021/BDCC	THPT Nguyễn Thị Diệu		Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
1569	Nguyễn Hồng Thùy Linh	22/11/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000954	000954/2021/BDCC	THPT Nguyễn Trãi		Mô đun 3
1570	Trần Thanh Duy	07/08/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000955	000955/2021/BDCC	Trung Học Thực Hành Sài Gòn		Mô đun 3
1571	Lê Thị Hằng	26/07/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000956	000956/2021/BDCC	THPT Trần Hữu Tráng		Mô đun 3
1572	Nguyễn Kế Vị	10/02/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000957	000957/2021/BDCC	THPT Thăng Long		Mô đun 3
1573	Nguyễn Thanh Hoa	16/11/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000958	000958/2021/BDCC	THPT Mạc Đĩnh Chi		Mô đun 3
1574	Tạ Tiến Tuấn	16/07/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000959	000959/2021/BDCC	THPT Bình Phú		Mô đun 3
1575	Vũ Thị Hoa Mai	27/07/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000960	000960/2021/BDCC	THPT Phạm Phú Thứ		Mô đun 3
1576	Nguyễn Thị Huyền Trang	18/06/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000961	000961/2021/BDCC	THPT Nguyễn Thái Bình		Mô đun 3
1577	Nguyễn Đức Minh	10/06/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000962	000962/2021/BDCC	THPT Tạ Quang Bửu		Mô đun 3
1578	Ka Huệ	27/04/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000963	000963/2021/BDCC	THPT Nguyễn Văn Linh		Mô đun 3
1579	Trần Thị Hồng Thắm	07/04/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000924	000964/2021/BDCC	THPT Võ Văn Kiệt		Mô đun 3
1580	Nguyễn Ngọc Châu Toàn	20/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000965	000965/2021/BDCC	THPT Nguyễn Huệ		Mô đun 3
1581	Trương Đình Phương Nhi	18/08/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000966	000966/2021/BDCC	THPT Dương Văn Thì		Mô đun 3
1582	Huỳnh Ngọc Sao Ly	10/12/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000967	000967/2021/BDCC	THCS và THPT Diên Hồng		Mô đun 3
1583	Lê Thị Xuân Chi	24/06/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000968	000968/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hiền		Mô đun 3
1584	Bùi Thị Ngọc Tiếp	16/06/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000969	000969/2021/BDCC	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa		Mô đun 3
1585	Phạm Thị Thanh Ngoan	10/10/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000970	000970/2021/BDCC	THPT Trần Quang Khải		Mô đun 3
1586	Vũ Thị Thu Hồng	30/07/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000971	000971/2021/BDCC	THPT Vĩnh Lộc B		Mô đun 3
1587	Mai Thành Danh Toại	15/11/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000972	000972/2021/BDCC	THPT Năng Khiếu TDTT Huyện Bình Chánh		Mô đun 3
1588	Tạ Thị Thanh Bình	27/04/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000973	000973/2021/BDCC	THPT Lê Minh Xuân		Mô đun 3
1589	Lê Công Tài	25/01/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000974	000974/2021/BDCC	TH-THCS-THPT Quốc Tế Bắc Mỹ		Mô đun 3
1590	Nguyễn Anh Kiệt	10/01/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000975	000975/2021/BDCC	THPT Vĩnh Lộc		Mô đun 3
1591	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	05/04/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000976	000976/2021/BDCC	THPT An Lạc		Mô đun 3
1592	Nguyễn Ngọc Hưng	17/10/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000977	000977/2021/BDCC	THPT Bình Hưng Hòa		Mô đun 3
1593	Hồ Tấn Đạt	10/02/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000978	000978/2021/BDCC	THPT Bình Tân		Mô đun 3
1594	Trần Thị Bình	24/09/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM000979	000979/2021/BDCC	TH-THCS-THPT Chu Văn An		Mô đun 3
1595	Nguyễn Thị Kim Thư	20/11/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM000980	000980/2021/BDCC	THCS, THPT Ngôi Sao		Mô đun 3
1596	Lê Huỳnh Quang Khanh	16/08/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000981	000981/2021/BDCC	THPT Thanh Đa		Mô đun 3
1597	Nguyễn Thị Thùy	03/06/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000982	000982/2021/BDCC	THPT Hoàng Hoa Thám		Mô đun 3
1598	Phạm Thị Phương Linh	18/09/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000983	000983/2021/BDCC	THPT Trần Văn Giàu		Mô đun 3
1599	Nguyễn Quốc Cường	24/01/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000984	000984/2021/BDCC	THPT Đồng Đô		Mô đun 3
1600	Ngô Văn Hội	05/06/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000985	000985/2021/BDCC	THPT Cần Thạnh		Mô đun 3
1601	Nguyễn Thị Ngọc Hà	25/10/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000986	000986/2021/BDCC	THPT An Nghĩa		Mô đun 3
1602	Võ Huỳnh Long	25/01/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM000987	000987/2021/BDCC	THPT An Nhơn Tây		Mô đun 3
1603	Nguyễn Thị Tuyết Lan	27/05/1966	Đạt	ĐHSPTPHCM000988	000988/2021/BDCC	THPT Trung Phú		Mô đun 3
1604	Nguyễn Thị Linh	11/07/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000989	000989/2021/BDCC	THPT Trung Lập		Mô đun 3
1605	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	03/08/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000990	000990/2021/BDCC	THPT Phú Hòa		Mô đun 3
1606	Đặng Tuyền Tính	01/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000991	000991/2021/BDCC	THPT Tân Thông Hội		Mô đun 3

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
1607	Nguyễn Thuỵ Quỳnh Như	01/04/1980	Đạt	DHSPTPHCM000992	000992/2021/BDCC	THPT Trần Hưng Đạo		Mô đun 3
1608	Trần Trịnh Minh Hòa	04/12/1986	Đạt	DHSPTPHCM000993	000993/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Mô đun 3
1609	Nguyễn Bích Tuyền	26/01/1983	Đạt	DHSPTPHCM000994	000994/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hữu Tiến		Mô đun 3
1610	Nguyễn Thị Trúc Phương	05/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM000995	000995/2021/BDCC	THPT Phạm Văn Sáng		Mô đun 3
1611	Nguyễn Văn Chất	12/04/1983	Đạt	DHSPTPHCM000996	000996/2021/BDCC	THPT Phước Kiến		Mô đun 3
1612	Tô Hà Uyên	02/05/1976	Đạt	DHSPTPHCM000997	000997/2021/BDCC	THPT Quốc Tế Việt Úc (SIC)		Mô đun 3
1613	Nguyễn Anh Tuấn	18/07/1988	Đạt	DHSPTPHCM000998	000998/2021/BDCC	THCS và THPT Hồng Hà		Mô đun 3
1614	Lê Văn Tăng	12/11/1973	Đạt	DHSPTPHCM000999	000999/2021/BDCC	THPT Nguyễn Chí Thanh		Mô đun 3
1615	Nguyễn Công Hậu	11/11/1988	Đạt	DHSPTPHCM001000	001000/2021/BDCC	THCS & THPT Thái Bình		Mô đun 3
1616	Hoàng Thị Mỹ Hiếu	27/09/1972	Đạt	DHSPTPHCM001001	001001/2021/BDCC	THPT Trần Phú		Mô đun 3
1617	Võ Thị Thanh Thủy	24/08/1975	Đạt	DHSPTPHCM001002	001002/2021/BDCC	THPT Tây Thành		Mô đun 3
1618	Trần Thế Linh	28/07/1987	Đạt	DHSPTPHCM001003	001003/2021/BDCC	THCS-THPT Hồng Đức		Mô đun 3
1619	Nguyễn Viết Đăng	08/06/1981	Đạt	DHSPTPHCM001004	001004/2021/BDCC	THCS và THPT Trĩ Đức		Mô đun 3
1620	Lê Trà My	11/06/1986	Đạt	DHSPTPHCM001005	001005/2021/BDCC	TH, THCS và THPT Tân Phú		Mô đun 3
1621	Ngô Huyền Diệu	01/06/1985	Đạt	DHSPTPHCM001006	001006/2021/BDCC	THPT Thành Nhân		Mô đun 3
1622	Nguyễn Ngọc Trâm	24/11/1994	Đạt	DHSPTPHCM001007	001007/2021/BDCC	TH, THCS và THPT Hòa Bình		Mô đun 3
1623	Trịnh Thị Hoài Thư	13/05/1981	Đạt	DHSPTPHCM001008	001008/2021/BDCC	THPT Thủ Đức		Mô đun 3
1624	Nguyễn Đăng Khoa	24/11/1979	Đạt	DHSPTPHCM001009	001009/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hữu Huân		Mô đun 3
1625	Nguyễn Thị Thủy	06/07/1974	Đạt	DHSPTPHCM001010	001010/2021/BDCC	THPT Hiệp Bình		Mô đun 3
1626	Lê Thị Bé	12/06/1986	Đạt	DHSPTPHCM001011	001011/2021/BDCC	THPT Đào Sơn Tây		Mô đun 3
1627	Cao Thị Mơ	06/12/1983	Đạt	DHSPTPHCM001012	001012/2021/BDCC	THPT Linh Trung		Mô đun 3
1628	Nguyễn Thị Thùy Uyên	24/03/1986	Đạt	DHSPTPHCM001013	001013/2021/BDCC	THPT Bình Chiểu		Mô đun 3
1629	Huỳnh Thị Thu Nga	10/06/1990	Đạt	DHSPTPHCM001014	001014/2021/BDCC	THCS-THPT Đức Trí		Mô đun 3
1630	Nguyễn Thị Nhung	14/06/1984	Đạt	DHSPTPHCM001015	001015/2021/BDCC	THPT Lý Thường Kiệt		Mô đun 3
1631	Nguyễn Minh Tú	27/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM001016	001016/2021/BDCC	THPT Tân Bình		Mô đun 3
1632	Huỳnh Thanh Trúc	31/10/1981	Đạt	DHSPTPHCM001017	001017/2021/BDCC	TT GDNN - GDTX Quận 10		Mô đun 3
1633	Nguyễn Thị Minh Loan	18/07/1976	Đạt	DHSPTPHCM001018	001018/2021/BDCC	TT GDNN - GDTX Quận 10		Mô đun 3
1634	Võ Văn Quý	26/11/1968	Đạt	DHSPTPHCM001019	001019/2021/BDCC	TT Gdnn - Gdtx Quận 9		Mô đun 3
1635	Lương Thanh Thủy	21/10/1985	Đạt	DHSPTPHCM001020	001020/2021/BDCC	TH, THCS & THPT Vinschool		Mô đun 3
1636	Trần Thị Hồng	26/02/1982	Đạt	DHSPTPHCM001021	001021/2021/BDCC	THCS - THPT Lạc Hồng		Mô đun 3
1637	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/10/1986	Đạt	DHSPTPHCM000001	000001/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Ngôi	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
1638	Võ Thị Phương Lan	16/10/1975	Đạt	DHSPTPHCM000002	000002/2021/BDCC	TH Đinh Tiên Hoàng	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
1639	Bùi Thị Thu Thảo	20/02/1981	Đạt	DHSPTPHCM000003	000003/2021/BDCC	TH Lê Ngọc Hân	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
1640	Nguyễn Khắc Huy Bảo	02/09/1974	Đạt	DHSPTPHCM000004	000004/2021/BDCC	TH Kết Đoàn	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
1641	Đinh Vũ Thủy Phương Lanh	27/05/1976	Đạt	DHSPTPHCM000005	000005/2021/BDCC	TH An Khánh	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
1642	Tiêu Ngọc Nguyễn Thanh	17/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM000006	000006/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Sơn	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 4
1643	Nguyễn Thị Kim Phương	19/03/1971	Đạt	DHSPTPHCM000007	000007/2021/BDCC	TH Kỳ Đồng	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 4
1644	Nguyễn Thị Thanh Nhài	22/05/1985	Đạt	DHSPTPHCM000008	000008/2021/BDCC	TH Trần Quang Diệu	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
1645	Nguyễn Thị Ngọc Quý	30/03/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000009	000009/2021/BDCC	TH Đặng Trần Côn	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 4
1646	Ngô Thị Mỹ Nguyệt	19/01/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000010	000010/2021/BDCC	TH Đình Bộ Lĩnh	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 4
1647	Trần Thị Thu Hương	31/12/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000011	000011/2021/BDCC	TH Lê Thánh Tôn	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 4
1648	Lê Thanh Hoài Tâm	17/01/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000012	000012/2021/BDCC	TH Bàu Sen	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 4
1649	Đỗ Thị Thu Hà	02/11/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000013	000013/2021/BDCC	TH Trần Bình Trọng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 4
1650	Lê Tấn Lộc	26/08/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000014	000014/2021/BDCC	TH Minh Đạo	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 4
1651	Võ Thanh Nhân	26/05/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000015	000015/2021/BDCC	TH Võ Văn Tấn	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 4
1652	Đặng Thị Phương Hồng	04/04/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000016	000016/2021/BDCC	TH Châu Văn Liêm	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 4
1653	Đào Ngọc Phương	25/06/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000017	000017/2021/BDCC	TH Him Lam	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 4
1654	Nguyễn Hà Minh Thuận	12/02/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000018	000018/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 4
1655	Nguyễn Thị Thùy Linh	25/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000019	000019/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Hường	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 4
1656	Lê Thị Thu Vân	28/04/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000020	000020/2021/BDCC	TH Phù Đồng	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 4
1657	Võ Thị Phương Thảo	15/07/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000021	000021/2021/BDCC	TH Rach Ông	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 4
1658	Huỳnh Thị Thu Suong	31/12/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000022	000022/2021/BDCC	TH Âu Dương Lân	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 4
1659	Trương Thị Thu Lộc	08/07/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000023	000023/2021/BDCC	TH Đình Tiên Hoàng	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 4
1660	Dương Hoàng Dũng	06/12/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000024	000024/2021/BDCC	TH Nguyễn Minh Quang	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 4
1661	Phạm Phú Lộc	31/05/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000025	000025/2021/BDCC	TH Trần Quang Cơ	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 4
1662	Lê Thị Thu Thủy	16/10/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000026	000026/2021/BDCC	TH Thiên Hộ Dương	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 4
1663	Đặng Thị Đức Hạnh	07/01/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000027	000027/2021/BDCC	TH Dương Minh Châu	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 4
1664	Nguyễn Xuân Cung	04/04/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000028	000028/2021/BDCC	TH Lạc Long Quân	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 4
1665	Nguyễn Hoàng Phương Trâm	17/06/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000029	000029/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 4
1666	Ngô Đức Tuấn	13/03/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000030	000030/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 4
1667	Nguyễn Thị Diễm Kiều	01/02/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000031	000031/2021/BDCC	TH Nguyễn Khuyến	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 4
1668	Đặng Thị Thanh Thảo	22/02/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000032	000032/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 4
1669	Nguyễn Thị Hương	13/07/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000033	000033/2021/BDCC	THCL Bình Trị 1	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 4
1670	Võ Thị Kiều Oanh	24/12/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000034	000034/2021/BDCC	THCL Bình Long	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 4
1671	Nguyễn Thị Hương Giang	08/05/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000035	000035/2021/BDCC	THCL Bình Hưng Hòa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 4
1672	Lê Thị Tuyết Minh	04/01/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000036	000036/2021/BDCC	TH Lam Sơn	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
1673	Văn Thụy Bảo Chiêu	31/12/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000037	000037/2021/BDCC	TH Bạch Đằng	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
1674	Vương Sĩ Đức	05/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000038	000038/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Minh Khai	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
1675	Phan Thị Hòa	11/10/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000039	000039/2021/BDCC	TH An Hội	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
1676	Trần Thị Như Quỳnh	23/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000040	000040/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
1677	Cao Thị Thanh Mai	12/03/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000041	000041/2021/BDCC	Cổ Loa	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
1678	Nguyễn Đức Hồng Ngọc	30/05/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000042	000042/2021/BDCC	Vạn Tường	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
1679	Đỗ Nguyễn Hạnh Hào	13/02/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000043	000043/2021/BDCC	Trung Nhất	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
1680	Phạm Thị Ngọc Diễm	10/01/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000044	000044/2021/BDCC	TH Sơn Cang	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4
1681	Vũ Văn Huỳnh	10/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000045	000045/2021/BDCC	TH Yên Thế	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4
1682	Võ Quang Thuận	23/05/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000046	000046/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
1683	Nguyễn Thị Bích Duyên	26/08/1987	Đạt	DHSPTPHCM000047	000047/2021/BDCC	TH Lê Văn Tám	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
1684	Lê Nga	28/05/1981	Đạt	DHSPTPHCM000048	000048/2021/BDCC	TH Phan Chu Trinh	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
1685	Hồ Ngọc Ánh	23/10/1990	Đạt	DHSPTPHCM000049	000049/2021/BDCC	TH Âu Cơ	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
1686	Trần Thị Ngọc Hiếu	07/03/1974	Đạt	DHSPTPHCM000050	000050/2021/BDCC	TH Bình Triệu	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
1687	Cao Thị Phương Thảo	20/02/1982	Đạt	DHSPTPHCM000051	000051/2021/BDCC	TH Tam Bình	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
1688	Nguyễn Thị Hồng	12/06/1984	Đạt	DHSPTPHCM000103	000103/2021/BDCC	TH Trương Văn Hải	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
1689	Nguyễn Thị Kim Phương	27/09/1977	Đạt	DHSPTPHCM000104	000104/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
1690	Nguyễn Thị Kim Ngọc	11/01/1975	Đạt	DHSPTPHCM000105	000105/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
1691	Võ Thanh Đức	09/10/1974	Đạt	DHSPTPHCM000106	000106/2021/BDCC	TH Cần Thạnh 2	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
1692	Trần Thị Hoài Dung	27/02/1974	Đạt	DHSPTPHCM000107	000107/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
1693	Nguyễn Thị Diễm Thủy	30/06/1973	Đạt	DHSPTPHCM000108	000108/2021/BDCC	TH Cần Thạnh 2	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
1694	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/07/1980	Đạt	DHSPTPHCM000109	000109/2021/BDCC	TH Thái Mỹ	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
1695	Nguyễn Thanh Hùng	15/03/1966	Đạt	DHSPTPHCM000110	000110/2021/BDCC	TH Lê Thị Pha	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
1696	Bùi Thanh Phú	04/05/1969	Đạt	DHSPTPHCM000111	000111/2021/BDCC	TH An Nhơn Tây	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
1697	Trần Mỹ Nga	27/01/1993	Đạt	DHSPTPHCM000112	000112/2021/BDCC	Nguyễn Thị Nuôi	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
1698	Vũ Lê Lương	27/10/1977	Đạt	DHSPTPHCM000113	000113/2021/BDCC	TH Thới Tam	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
1699	Lữ Thị Ngọc Hân	25/12/1990	Đạt	DHSPTPHCM000114	000114/2021/BDCC	Nguyễn Thị Nuôi	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
1700	Trần Thị Hoàng Huy	13/08/1989	Đạt	DHSPTPHCM000115	000115/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Tạo	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
1701	Ngô Thị Phương Chi	04/02/1976	Đạt	DHSPTPHCM000116	000116/2021/BDCC	TH Lê Quang Định	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
1702	Phạm Hồ Huy Cường	03/12/1974	Đạt	DHSPTPHCM000117	000117/2021/BDCC	TH Nguyễn Bình	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
1703	Nguyễn Thị Thùy Dung	21/08/1980	Đạt	DHSPTPHCM000118	000118/2021/BDCC	TH An Phú	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
1704	Nguyễn Thị Nguyệt	10/08/1991	Đạt	DHSPTPHCM000119	000119/2021/BDCC	TH Lê Văn Thọ	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
1705	Nguyễn Văn Trường Phước	20/03/1973	Đạt	DHSPTPHCM000120	000120/2021/BDCC	TH Trương Văn Thành	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
1706	Đào Thị Ngọc Mỹ	20/06/1983	Đạt	DHSPTPHCM000121	000121/2021/BDCC	TH Trần Quốc Toàn	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
1707	Trần Thị Thu Trang	05/09/1976	Đạt	DHSPTPHCM000122	000122/2021/BDCC	TH Thới Tam	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
1708	Thái Thế Anh	05/03/1987	Đạt	DHSPTPHCM000793	000793/2021/BDCC	TH Lê Thị Riêng	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
1709	Lê Tấn Hồng Hải	26/11/1965	Đạt	DHSPTPHCM000794	000794/2021/BDCC	TH Khai Minh	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
1710	Tổng Thành Nhân	06/09/1985	Đạt	DHSPTPHCM000795	000795/2021/BDCC	TH Giồng Ông Tố	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
1711	Nguyễn Văn Thuận	18/04/1965	Đạt	DHSPTPHCM000796	000796/2021/BDCC	TH Trương Quyền	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 4
1712	Nguyễn Đôn Tấn Kha	18/02/1978	Đạt	DHSPTPHCM000797	000797/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 4
1713	Phan Gia Phú	31/01/1988	Đạt	DHSPTPHCM000798	000798/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 4
1714	Nguyễn Vĩnh Phúc	16/02/1987	Đạt	DHSPTPHCM000799	000799/2021/BDCC	TH Phú Định	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 4
1715	Nguyễn Thị Bích Nga	05/10/1985	Đạt	DHSPTPHCM000800	000800/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Định	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 4
1716	Nguyễn Khương Duy	09/12/1978	Đạt	DHSPTPHCM000801	000801/2021/BDCC	TH Trần Nguyễn Hân	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 4
1717	Võ Thị Cẩm Tú	19/04/1985	Đạt	DHSPTPHCM000802	000802/2021/BDCC	TH Long Thanh Mỹ	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
1718	Đỗ Thị Thu Thảo	13/07/1971	Đạt	DHSPTPHCM000803	000803/2021/BDCC	TH Phùng Hưng	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 4
1719	Lê Mai Quang Thế	17/04/1987	Đạt	DHSPTPHCM000804	000804/2021/BDCC	TH Nguyễn Khuyển	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
1720	Bùi Trọng Tín	19/04/1979	Đạt	DHSPTPHCM000805	000805/2021/BDCC	THCL An Lạc 3	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
1721	Hoàng Thị Kim Yến	02/10/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000806	000806/2021/BDCC	Tiểu Học Bình Quới Tây	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
1722	Hồ Văn Hiệp	01/04/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000807	000807/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
1723	Nguyễn Thu Hiền	11/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000808	000808/2021/BDCC	Nguyễn Đình Chính	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
1724	Trần Hữu Trọng	18/07/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000809	000809/2021/BDCC	TH Đoàn Thị Diễm	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 4
1725	Phạm Thanh Quốc	11/07/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000810	000810/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Nờ	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
1726	Trần Quang Tuấn	02/12/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000811	000811/2021/BDCC	TH Qui Đức	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
1727	Đoàn Thanh Cang	20/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000812	000812/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
1728	Nguyễn Trọng Bình	20/02/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000813	000813/2021/BDCC	TH Thị Trấn Cù Chi	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
1729	Đoàn Thành Diễm	07/03/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000814	000814/2021/BDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
1730	Lê Minh Giàu	28/04/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000815	000815/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Tạo	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
1731	Võ Hoàng Đây	27/12/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000816	000816/2021/BDCC	TH Phan Huy Ích	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4
1732	Hồng Thanh Trung	23/11/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM001127	001127/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
1733	Hoàng Thụy Thanh Tâm	03/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM001128	001128/2021/BDCC	TH Trần Hưng Đạo	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 4
1734	Đỗ Thị Thu Hằng	14/09/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM001129	001129/2021/BDCC	TH Lê Ngọc Hân	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 4
1735	Vũ Thị Quyên	08/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM001130	001130/2021/BDCC	TH Giồng Ông Tố	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 4
1736	Trần Thị Hồng Hà	18/12/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM001131	001131/2021/BDCC	TH Nguyễn Hiền	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 4
1737	Tạ Thị Mỹ Liên	21/11/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM001132	001132/2021/BDCC	TH Nguyễn Sơn Hà	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 4
1738	Trương Huỳnh Thiên Thủy	03/10/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM001133	001133/2021/BDCC	TH Vĩnh Hội	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 4
1739	Trần Đức Lộc	08/11/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM001134	001134/2021/BDCC	TH Xóm Chiếu	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 4
1740	Đỗ Thị Hồng Diễm	09/02/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM001135	001135/2021/BDCC	TH Hàm Tử	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 4
1741	Nguyễn Thị Xuân Thùy	08/02/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM001136	001136/2021/BDCC	TH Chương Dương	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 4
1742	Phạm Thị Thanh Thủy	31/10/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM001137	001137/2021/BDCC	TH Bình Tiên	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 4
1743	Hoàng Quốc Văn	12/11/1966	Đạt	ĐHSPTPHCM001138	001138/2021/BDCC	TH Đình Bộ Lĩnh	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 4
1744	Nguyễn Thị Thanh Sương	03/10/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM001139	001139/2021/BDCC	TH Lê Anh Xuân	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 4
1745	Du Chí Cường	03/01/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM001140	001140/2021/BDCC	TH Thái Hưng	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 4
1746	Bùi Thị Thu Hương	02/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM001141	001141/2021/BDCC	TH Tân Phú	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 4
1747	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	01/09/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM001142	001142/2021/BDCC	TH Trung Trắc	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 4
1748	Trần Thị Vân	05/10/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM001143	001143/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 4
1749	Nguyễn Cao Cường	20/11/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM001144	001144/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Định	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 4
1750	Nguyễn Thị Kiều Tiên	30/11/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM001145	001145/2021/BDCC	TH Lê Văn Thọ	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 4
1751	Nguyễn Thị Cẩm Yến	27/06/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM001146	001146/2021/BDCC	THCL Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 4
1752	Đoàn Ngọc Bảo Châu	29/08/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM001147	001147/2021/BDCC	TH Bình Hòa	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
1753	Vũ Anh Linh	12/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM001148	001148/2021/BDCC	TH Nguyễn Thượng Hiền	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
1754	Lý Thị Diệu	20/07/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM001149	001149/2021/BDCC	TH Nguyễn Viết Xuân	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
1755	Nguyễn Ngọc Phương	13/12/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM001150	001150/2021/BDCC	Đặng Văn Ngự	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
1756	Nguyễn Thị Như Quỳnh	24/11/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM001151	001151/2021/BDCC	Cao Bá Quát	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
1757	Đoàn Thị Phương Thanh	30/09/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM001152	001152/2021/BDCC	TH Lê Thị Hồng Gấm	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4
1758	Lục Thị Mỹ Hạnh	10/08/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM001153	001153/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
1759	Phạm Thị Ánh Tuyết	16/06/1979	Đạt	DHSPTPHCM001154	001154/2021/BDCC	TH Tân Hương	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
1760	Nguyễn Hải Hà	30/07/1991	Đạt	DHSPTPHCM001155	001155/2021/BDCC	TH Bình Chiểu	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
1761	Hoàng Thị Hồng Liên	26/12/1980	Đạt	DHSPTPHCM001156	001156/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Nở	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
1762	Võ Thị Hồng	18/03/1974	Đạt	DHSPTPHCM001157	001157/2021/BDCC	TH Phong Phú	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
1763	Võ Thị Thu Trang	04/04/1988	Đạt	DHSPTPHCM001158	001158/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Bánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
1764	Lương Văn Ân	20/11/1970	Đạt	DHSPTPHCM001159	001159/2021/BDCC	TH An Nghĩa	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
1765	Nguyễn Thị Kim Ngọc	20/09/1975	Đạt	DHSPTPHCM001160	001160/2021/BDCC	TH Bình Mỹ 2	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
1766	Trần Ngọc Mơ	25/05/1977	Đạt	DHSPTPHCM001161	001161/2021/BDCC	TH Phú Hòa Đông	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
1767	Lê Thị Tuyết Hương	22/01/1974	Đạt	DHSPTPHCM001162	001162/2021/BDCC	TH Lý Chính Thắng 2	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
1768	Võ Văn Luân	14/07/1986	Đạt	DHSPTPHCM001163	001163/2021/BDCC	TH Xuân Thới Thượng	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
1769	Phạm Thị Kiều Vân	06/08/1971	Đạt	DHSPTPHCM001164	001164/2021/BDCC	TH Tà Uyên	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
1770	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/08/1974	Đạt	DHSPTPHCM001165	001165/2021/BDCC	TH Trần Văn Kiêu	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
1771	Nguyễn Huỳnh Mai	01/11/1991	Đạt	DHSPTPHCM001166	001166/2021/BDCC	TH Lê Lợi	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
1772	Lê Thị Hoàn	24/11/1977	Đạt	DHSPTPHCM001167	001167/2021/BDCC	TH Võ Văn Hát	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
1773	Đào Thị Hương Huệ	10/06/1981	Đạt	DHSPTPHCM001168	001168/2021/BDCC	TH Trần Quốc Tuấn	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
1774	Nguyễn Ngọc Thụy	15/10/1976	Đạt	DHSPTPHCM002004	002004/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
1775	Hoàng Công Phương	01/01/1974	Đạt	DHSPTPHCM002005	002005/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Ngời	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
1776	Nguyễn Tân Phước	26/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM002006	002006/2021/BDCC	TH Nguyễn Thanh Tuyền	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 4
1777	Lê Trọng Nghĩa	08/05/1974	Đạt	DHSPTPHCM002007	002007/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 4
1778	Đoàn Nhon Hùng	30/06/1970	Đạt	DHSPTPHCM002008	002008/2021/BDCC	TH Phú Lâm	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 4
1779	Trần Thị Ngọc Lan	12/02/1975	Đạt	DHSPTPHCM002009	002009/2021/BDCC	TH Phan Huy Thục	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 4
1780	Trần Văn Nam	10/05/1985	Đạt	DHSPTPHCM002010	002010/2021/BDCC	TH An Phong	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 4
1781	Đào Khắc Sự	29/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM002011	002011/2021/BDCC	TH Lê Văn Việt	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
1782	Vũ Tuấn Vinh	04/09/1987	Đạt	DHSPTPHCM002012	002012/2021/BDCC	TH Bắc Hải	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
1783	Phạm Xuân Việt	16/09/1975	Đạt	DHSPTPHCM002013	002013/2021/BDCC	TH Âu Cơ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 4
1784	Nguyễn Bắc	10/06/1985	Đạt	DHSPTPHCM002014	002014/2021/BDCC	TH Lê Văn Thọ	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
1785	Trương Thanh Tùng	28/01/1985	Đạt	DHSPTPHCM002015	002015/2021/BDCC	THCL An Lạc 3	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
1786	Phan Nhật Minh	02/12/1985	Đạt	DHSPTPHCM002016	002016/2021/BDCC	TH Yên Thế	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
1787	Nguyễn Thị Tường Trang	20/09/1983	Đạt	DHSPTPHCM002017	002017/2021/BDCC	TH Phan Chu Trinh	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
1788	Trần Văn Don	08/10/1985	Đạt	DHSPTPHCM002018	002018/2021/BDCC	Lê Đình Chinh	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
1789	Đỗ Minh Hoàng	03/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM002019	002019/2021/BDCC	TH Phan Huy Ích	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
1790	Lê Minh Hải	29/05/1985	Đạt	DHSPTPHCM002020	002020/2021/BDCC	TH Đinh Bộ Lĩnh	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
1791	Trần Văn Tấn Lộc	10/10/1990	Đạt	DHSPTPHCM002021	002021/2021/BDCC	TH Đỗ Tấn Phong	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
1792	Mai Thành Công Danh	16/04/1990	Đạt	DHSPTPHCM002022	002022/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
1793	Phạm Hoàng Giang	07/02/1976	Đạt	DHSPTPHCM002023	002023/2021/BDCC	TH Long Thành	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
1794	Nguyễn Hoàng Lâm Vũ	26/02/1983	Đạt	DHSPTPHCM002024	002024/2021/BDCC	TH Tam Đồng 2	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
1795	Nguyễn Thị Khuyên	03/08/1989	Đạt	DHSPTPHCM002025	002025/2021/BDCC	TH Lê Văn Lương	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
1796	Hà Hồng Phúc	10/12/1977	Đạt	DHSPTPHCM002026	002026/2021/BDCC	TH Lê Văn Thế	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
1797	Nguyễn Thị Song Hiếu	05/11/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM002027	002027/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 4
1798	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	20/01/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM002028	002028/2021/BDCC	TH Mê Linh	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 4
1799	Trần Thanh Trường	01/07/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM002029	002029/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 4
1800	Phạm Thị Ngọc Quỳnh	19/09/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM002030	002030/2021/BDCC	TH Chính Nghĩa	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 4
1801	Hoàng Thị Kim Anh	18/08/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM002031	002031/2021/BDCC	TH Nguyễn Thiện Thuật	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 4
1802	Lý Quốc Hoàng	22/07/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM002032	002032/2021/BDCC	TH THạnh	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 4
1803	Phan Thị Duyên Anh	21/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM002033	002033/2021/BDCC	TH Thiên Hộ Dương	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 4
1804	Trần Quốc Thương	14/04/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM002034	002034/2021/BDCC	TH Hồ Văn Thanh	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 4
1805	Nguyễn Phước Ngân	24/05/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM002035	002035/2021/BDCC	THCL Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 4
1806	Phan Thị Luyến	11/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM002036	002036/2021/BDCC	TH Tầm Vu	Phòng GDĐT Quận Bình Thành	Mô đun 4
1807	Nguyễn Thị Kim Chi	20/10/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM002037	002037/2021/BDCC	TH Trần Quang Khải	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
1808	Nguyễn Thị Ngọc Bích	25/07/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM002038	002038/2021/BDCC	Đông Ba	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
1809	Trương Tuyết Thanh	15/06/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM002039	002039/2021/BDCC	TH Tân Sơn Nhì	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 4
1810	Nguyễn Trung Tín	14/07/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM002040	002040/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
1811	Huỳnh Võ Phan Minh Sang	28/10/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM002041	002041/2021/BDCC	TH Bình Thạnh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
1812	Nguyễn Thị Phan	30/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM002042	002042/2021/BDCC	TH Trung An	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
1813	Đỗ Thị Duyên	18/03/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM002043	002043/2021/BDCC	TH Bùi Văn Ngự	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
1814	Lê Thị Kiều Nguyệt Nga	24/01/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM002044	002044/2021/BDCC	TH Dương Văn Lịch	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
1815	Nguyễn Nhật Tâm	21/09/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM002045	002045/2021/BDCC	TH Trần Danh Lâm	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 4
1816	Nguyễn Vương Kim Thịnh	05/08/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM002046	002046/2021/BDCC	TH Bình Giả	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4
1817	Mai Quốc	04/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM002047	002047/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 4
1818	Cao Thị Thanh Trúc	01/01/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM002048	002048/2021/BDCC	TH Bến Càng	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 4
1819	Nguyễn Văn Trung	09/07/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM002049	002049/2021/BDCC	TH An Phong	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 4
1820	Nguyễn Anh Phương Nam	01/11/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM002050	002050/2021/BDCC	TH Lê Ngọc Hân	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 4
1821	Nguyễn Minh Thông	01/06/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM002051	002051/2021/BDCC	TH Trần Quang Diệu	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 4
1822	Châu Thị Thanh Trang	01/08/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM002052	002052/2021/BDCC	TH Chương Dương	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 4
1823	Lê Thị Kim Lụa	27/10/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM002053	002053/2021/BDCC	Tỉnh Nguyễn Thị Định	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 4
1824	Lê Quang Gạo	13/07/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM002054	002054/2021/BDCC	TH Lê Văn Việt	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 4
1825	Đỗ Việt Hoàng	20/05/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM002055	002055/2021/BDCC	TH Lê Thị Riêng	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 4
1826	Nguyễn Thị Diệu Huyền	10/12/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM002056	002056/2021/BDCC	TH Đại Thành	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 4
1827	Nguyễn Thị Hiền	01/01/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM002057	002057/2021/BDCC	TH Nguyễn Khuyển	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 4
1828	Nguyễn Văn Thám	02/08/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM002058	002058/2021/BDCC	TH Lạc Hồng	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 4
1829	Nguyễn Ngọc Hương Trà	17/10/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM002059	002059/2021/BDCC	Phạm Ngọc Thạch	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
1830	Vũ Đức Long	18/08/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM009930	002060/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4
1831	Thái Tăng Thương	08/02/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM002061	002061/2021/BDCC	TH Lê Lai	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 4
1832	Nguyễn Thị Thủy Hằng	27/04/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM002062	002062/2021/BDCC	TH Linh Chiếu	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
1833	Thiều Minh Anh Thy	28/09/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM002063	002063/2021/BDCC	TH Qui Đức	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
1834	Võ Chí Công	12/07/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM002064	002064/2021/BDCC	TH An Phú 1	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
1835	Lê Thị Mộng Thu	07/12/1986	Đạt	DHSPTPHCM002065	002065/2021/BDCC	TH Trần Văn Danh	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 4
1836	Mai Thị Hồng Nhung	08/08/1985	Đạt	DHSPTPHCM002066	002066/2021/BDCC	TH Trần Thị Ngọc Hân	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
1837	Ngô Nguyễn Thị Thu Oanh	29/01/1986	Đạt	DHSPTPHCM002067	002067/2021/BDCC	TH Bình Phước	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
1838	Lê Phương Giang	16/08/1992	Đạt	DHSPTPHCM002068	002068/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh 1, Tp. Thủ Đức	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
1839	Trình Thị Tha	16/07/1981	Đạt	DHSPTPHCM002069	002069/2021/BDCC	TH Lê Ngọc Hân	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
1840	Trương Thị Minh Châu	28/12/1992	Đạt	DHSPTPHCM002070	002070/2021/BDCC	TH Khai Minh	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
1841	Đào Thị Ngọc Thi	13/09/1978	Đạt	DHSPTPHCM002071	002071/2021/BDCC	TH An Bình	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
1842	Nguyễn Thị Phùng	28/01/1977	Đạt	DHSPTPHCM002072	002072/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Tới	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
1843	Vũ Thị Kim Thoa	18/04/1976	Đạt	DHSPTPHCM002073	002073/2021/BDCC	TH Nguyễn Thanh Tuyền	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 4
1844	Đỗ Thị Mỹ Ngọc	05/08/1990	Đạt	DHSPTPHCM002074	002074/2021/BDCC	TH Bến Càng	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 4
1845	Trần Ngọc Huỳnh Mai	21/03/1984	Đạt	DHSPTPHCM002075	002075/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 4
1846	Trần Yên Linh	24/07/1968	Đạt	DHSPTPHCM002076	002076/2021/BDCC	TH Trần Bình Trọng	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 4
1847	Nguyễn Thị Kim Phụng	04/07/1971	Đạt	DHSPTPHCM002077	002077/2021/BDCC	TH Đặng Nguyên Căn	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 4
1848	Nguyễn Mai Lan Anh	07/07/1983	Đạt	DHSPTPHCM002078	002078/2021/BDCC	TH Lê Văn Tám	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 4
1849	Trần Thị Mỹ Châu	14/11/1976	Đạt	DHSPTPHCM002079	002079/2021/BDCC	TH Phú Mỹ	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 4
1850	Phạm Thị Hồng Như	01/08/1992	Đạt	DHSPTPHCM002080	002080/2021/BDCC	TH Bùi Minh Trục	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 4
1851	Nguyễn Thị Kim Oanh	16/07/1975	Đạt	DHSPTPHCM009931	002081/2021/BDCC	TH Phước Bình	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
1852	Phạm Đào Cathy	10/05/1982	Đạt	DHSPTPHCM002082	002082/2021/BDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
1853	Đinh Thị Lan Phương	27/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM002083	002083/2021/BDCC	TH Võ Trường Toản	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
1854	Lê Thị Minh Trang	15/07/1989	Đạt	DHSPTPHCM002084	002084/2021/BDCC	TH Trần Văn Kiếu	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
1855	Tạ Mỹ Linh	08/07/1974	Đạt	DHSPTPHCM002085	002085/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Nhỏ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 4
1856	Nguyễn Thị Tuyết Sơn	03/05/1979	Đạt	DHSPTPHCM002086	002086/2021/BDCC	TH Nguyễn Bá Ngọc	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 4
1857	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	10/05/1979	Đạt	DHSPTPHCM002087	002087/2021/BDCC	TH Phạm Văn Chiêu	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
1858	Trần Thị Thanh Quyên	14/10/1985	Đạt	DHSPTPHCM002088	002088/2021/BDCC	THCL. Bùi Hữu Nghĩa	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
1859	Hoàng Hải Yến	02/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM002089	002089/2021/BDCC	TH Bế Văn Đàn	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
1860	Nguyễn Thị Đan Thùy	21/09/1975	Đạt	DHSPTPHCM002090	002090/2021/BDCC	TH Nguyễn Bá Ngọc	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
1861	Lê Trần Ngọc Hoa	16/10/1992	Đạt	DHSPTPHCM002091	002091/2021/BDCC	TH Hạnh Thông	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
1862	Châu Thị Hồng Hạnh	01/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM002092	002092/2021/BDCC	TH Lam Sơn	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
1863	Lý Khánh Hoa	20/02/1981	Đạt	DHSPTPHCM002093	002093/2021/BDCC	TH Hiệp Tân	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
1864	Nguyễn Thị Ngọc Phương	01/08/1977	Đạt	DHSPTPHCM002094	002094/2021/BDCC	TH Tân Hòa	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
1865	Vũ Thị Hoàng Oanh	06/03/1976	Đạt	DHSPTPHCM002095	002095/2021/BDCC	TH Trần Văn Vân	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
1866	Nguyễn Thị Hải	06/10/1974	Đạt	DHSPTPHCM002096	002096/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
1867	Nguyễn Thị Thanh Thủy	22/02/1976	Đạt	DHSPTPHCM002097	002097/2021/BDCC	TH Long Thành	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
1868	Đặng Thanh Huân	03/03/1972	Đạt	DHSPTPHCM002098	002098/2021/BDCC	TH Bình Phước	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
1869	Ngô Thị Thuý Hằng	29/04/1989	Đạt	DHSPTPHCM002099	002099/2021/BDCC	TH Lê Văn Thế	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
1870	Liêu Thị Vân	05/05/1979	Đạt	DHSPTPHCM002100	002100/2021/BDCC	TH Tân Phú Trung	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
1871	Nguyễn Hoàng Linh Phương	27/11/1975	Đạt	DHSPTPHCM002101	002101/2021/BDCC	Nguyễn Thị Núi	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 4
1872	Trần Ngọc Minh Tâm	13/11/1987	Đạt	DHSPTPHCM002102	002102/2021/BDCC	TH Thới Tam	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
1873	Phạm Thị Thu Ngân	30/12/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM002103	002103/2021/BDCC	TH Trần Quốc Toàn	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
1874	Phạm Thị Cẩm Hà	19/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM002104	002104/2021/BDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
1875	Bùi Thị Mai Trang	01/04/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM002105	002105/2021/BDCC	Trường Tiểu Học Phan Đăng Lưu	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 4
1876	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM002106	002106/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Lương	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 4
1877	Hồng Thị Tường An	02/12/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM002107	002107/2021/BDCC	TH Chi Lăng	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
1878	Lê Thị Ngọc Tuyết	03/11/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM002108	002108/2021/BDCC	TH Phú Thọ Hoà	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
1879	Kiều Mộng Lanh	03/09/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM002109	002109/2021/BDCC	TH Lê Thánh Tôn	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 4
1880	Đỗ Hữu Hồng Ân	31/10/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM002110	002110/2021/BDCC	Đồng Ba	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
1881	Nguyễn Thị Kim Cúc	25/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM002111	002111/2021/BDCC	TH Tân Quý Tây	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
1882	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	02/12/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM002112	002112/2021/BDCC	TH Lê Thị Riêng	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
1883	Nguyễn Thị Bích Vân	14/12/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM002113	002113/2021/BDCC	TH Bình Trị Đông A	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
1884	Ngô Thị Thanh Phương	06/09/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM002114	002114/2021/BDCC	TH Nguyễn Bình Khiêm	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
1885	Lê Thanh Phương	30/10/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM002115	002115/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
1886	Đỗ Thị Hà My	24/02/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM002116	002116/2021/BDCC	TH An Khánh	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
1887	Nguyễn Ngọc Thủy	06/07/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM002117	002117/2021/BDCC	TH Mỹ Thủy	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
1888	Trịnh Như Văn	28/10/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM002118	002118/2021/BDCC	TH Lê Thị Riêng	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 4
1889	Nguyễn Thùy Trang	17/02/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM002119	002119/2021/BDCC	TH Phan Đình Phùng	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 4
1890	Đinh Thị Tuyết Lan	24/01/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM002120	002120/2021/BDCC	TH Lê Thánh Tôn	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 4
1891	Trần Thủy Vĩnh Đông Nghi	19/09/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM002121	002121/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 4
1892	Cao Thiên Ngân	01/10/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM002122	002122/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 4
1893	Trần Thị Uyên Trang	04/01/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM002123	002123/2021/BDCC	TH Minh Đạo	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 4
1894	Nguyễn Lê Hạnh Dung	10/12/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM002124	002124/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 4
1895	Lê Ngọc Huyền Thu	27/03/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM002125	002125/2021/BDCC	TH Chính Nghĩa	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 4
1896	Nguyễn Hữu Đức	14/01/1963	Đạt	ĐHSPTPHCM002126	002126/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 4
1897	Phạm Thị Thanh Phi	13/04/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM002127	002127/2021/BDCC	TH Phú Đồng	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 4
1898	Nguyễn Đình Báo	20/05/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM002128	002128/2021/BDCC	TH Lam Sơn	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 4
1899	Nguyễn Huyền Châu	19/09/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM002129	002129/2021/BDCC	TH Võ Văn Tần	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 4
1900	Trần Thị Hạnh Dương	15/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM002130	002130/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 4
1901	Trần Thị Kiều Hân	22/09/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM002131	002131/2021/BDCC	TH Lê Văn Tám	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 4
1902	Trần Thị Hải Yến	06/11/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM002132	002132/2021/BDCC	Tỉnh Nguyễn Thị Định	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 4
1903	Hoàng Thùy Bích Thủy	11/08/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM002133	002133/2021/BDCC	TH Phú Thuận	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 4
1904	Cao Nguyễn Thủy Kiều	09/10/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM002134	002134/2021/BDCC	TH Hoàng Minh Đạo	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 4
1905	Đoàn Thị Ánh Xuân	26/08/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM002135	002135/2021/BDCC	Tiểu Học Hưng Phú	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 4
1906	Nguyễn Kim Chi	11/02/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM002136	002136/2021/BDCC	TH Tuy Lý Vương	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 4
1907	Trần Thị Mỹ Linh	15/07/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM002137	002137/2021/BDCC	TH Trần Nguyễn Hân	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 4
1908	Đồng Thị Anh Minh	15/07/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM002138	002138/2021/BDCC	TH Phạm Văn Chính	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
1909	Huỳnh Thị Thanh Huệ	16/11/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM002139	002139/2021/BDCC	TH Hiệp Phú	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
1910	Phạm Thị Kim Hương	24/08/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM002140	002140/2021/BDCC			Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
1911	Trần Kiều Mỹ Nga	22/02/1974	Đạt	DHSPTPHCM002141	002141/2021/BDCC	Tỉnh Trần Quang Cơ	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
1912	Nguyễn Thị Vân Anh	11/11/1979	Đạt	DHSPTPHCM002142	002142/2021/BDCC	TH Trương Định	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
1913	Nguyễn Song Thanh Thủy	27/05/1983	Đạt	DHSPTPHCM002143	002143/2021/BDCC	TH Phú Thọ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 4
1914	Huỳnh Thị Minh Trâm	13/01/1980	Đạt	DHSPTPHCM002144	002144/2021/BDCC	TH Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 4
1915	Nguyễn Ngọc Vân Thy	30/05/1990	Đạt	DHSPTPHCM002145	002145/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 4
1916	Đinh Hoài Phương	12/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM002146	002146/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Định	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
1917	Nguyễn Vũ Thủy Dung	18/12/1979	Đạt	DHSPTPHCM002147	002147/2021/BDCC	TH Lý Tự Trọng	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
1918	Hà Trương Cẩm Thủy	20/03/1976	Đạt	DHSPTPHCM002148	002148/2021/BDCC	TH Nguyễn Du	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
1919	Vũ Thị Thanh Trúc	09/10/1978	Đạt	DHSPTPHCM002149	002149/2021/BDCC	TH Nguyễn Trãi	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
1920	Quách Hoàng Liên Hạ	30/09/1972	Đạt	DHSPTPHCM002150	002150/2021/BDCC	THCL Bình Trị 2	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
1921	Lê Thị Bích Dung	19/10/1982	Đạt	DHSPTPHCM002151	002151/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
1922	Nguyễn Thị Quyết	07/06/1984	Đạt	DHSPTPHCM002152	002152/2021/BDCC	THCL An Lạc 1	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
1923	Đoàn Thị Phương	18/06/1975	Đạt	DHSPTPHCM002153	002153/2021/BDCC	TH Hồng Hà	Phòng GDDT Quận Bình Thanh	Mô đun 4
1924	Phan Diệp Phương Thảo	14/01/1978	Đạt	DHSPTPHCM002154	002154/2021/BDCC	TH Bé Văn Đàn	Phòng GDDT Quận Bình Thanh	Mô đun 4
1925	Trần Thị Ngọc Hồng	26/10/1979	Đạt	DHSPTPHCM002155	002155/2021/BDCC	TH Nguyễn Đình Chiểu	Phòng GDDT Quận Bình Thanh	Mô đun 4
1926	Lưu Thị Thu Vân	10/11/1981	Đạt	DHSPTPHCM002156	002156/2021/BDCC	TH Phan Chu Trinh	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
1927	Nguyễn Thị Thu Hà	10/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM002157	002157/2021/BDCC	TH Nguyễn Viết Xuân	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
1928	Trần Thị Lệ Thương	09/03/1980	Đạt	DHSPTPHCM002158	002158/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
1929	Đặng Tuyết Loan	30/08/1993	Đạt	DHSPTPHCM002159	002159/2021/BDCC	TH Lê Quý Đôn	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
1930	Nguyễn Thị Xuân Thi	25/01/1989	Đạt	DHSPTPHCM002160	002160/2021/BDCC	Nguyễn Đình Chính	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
1931	Nguyễn Vũ Hạnh Phương	06/07/1990	Đạt	DHSPTPHCM002161	002161/2021/BDCC	Phạm Ngọc Thạch	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
1932	Nguyễn Thị Thi	31/07/1990	Đạt	DHSPTPHCM002162	002162/2021/BDCC	Hồ Văn Huê	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
1933	Đỗ Thị Hồng Phúc	20/05/1980	Đạt	DHSPTPHCM002163	002163/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Kip	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
1934	Võ Thị Cẩm Thủy	01/07/1978	Đạt	DHSPTPHCM002164	002164/2021/BDCC	TH Hồ Văn Cường	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
1935	Võ Thị Kim Phụng	01/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM002165	002165/2021/BDCC	TH Đoàn Thị Diễm	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
1936	Phan Thị Thu Hà	08/10/1972	Đạt	DHSPTPHCM002166	002166/2021/BDCC	TH Tô Vĩnh Diện	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
1937	Ngô Thủy Trinh	14/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM002167	002167/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Triết	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
1938	Trịnh Thị Tuyết Thu	30/03/1978	Đạt	DHSPTPHCM002168	002168/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
1939	Đào Ngọc Diệp	18/07/1976	Đạt	DHSPTPHCM002169	002169/2021/BDCC	TH Tân Nhựt	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
1940	Đặng Thị Minh Trí	09/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM002170	002170/2021/BDCC	TH Tân Quý Tây 3	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
1941	Huỳnh Kim Khánh	12/07/1975	Đạt	DHSPTPHCM002171	002171/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
1942	Trang Thị Kim Cúc	02/04/1975	Đạt	DHSPTPHCM002172	002172/2021/BDCC	TH Tân Quý Tây 3	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
1943	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	15/07/1989	Đạt	DHSPTPHCM002173	002173/2021/BDCC	TH Đồng Hoà	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
1944	Lê Nguyễn Thị Thủy Linh	07/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM002174	002174/2021/BDCC	TH Tân Thới	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
1945	Phạm Thị Hiệp	06/10/1977	Đạt	DHSPTPHCM002175	002175/2021/BDCC	TH Phạm Văn Cội	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
1946	Huỳnh Thị Hương	01/01/1975	Đạt	DHSPTPHCM002176	002176/2021/BDCC	TH Thị Trấn 2	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
1947	Nguyễn Ngọc Hiền	16/11/1992	Đạt	DHSPTPHCM002177	002177/2021/BDCC	TH Hòa Phú	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
1948	Nguyễn Thị Hoàng Lan	12/02/1980	Đạt	DHSPTPHCM002178	002178/2021/BDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
1949	Lê Thanh Lan	15/08/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM002179	002179/2021/BDCC	TH Xuân Thới Thượng	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
1950	Trịnh Huỳnh Tài	05/07/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM002180	002180/2021/BDCC	TH Bùi Văn Ngừ	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
1951	Trần Thị Hà Như	01/09/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM002181	002181/2021/BDCC	Trường Bài Dương Giáo Dục Huyện Nhà Bè	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
1952	Đoàn Thị Ngọc Tuyết	05/07/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM002182	002182/2021/BDCC	TH Bùi Thanh Kiệt	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
1953	Lê Thị Mỹ Dung	09/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM002183	002183/2021/BDCC	TH Linh Chiêu	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
1954	Nguyễn Thị Hà My	22/08/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM002184	002184/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Tây	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
1955	Đặng Thị Thuý Dung	15/12/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM002185	002185/2021/BDCC	TH Lê Thị Hồng Gấm	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4
1956	Nguyễn Thị Mai Huyền	30/08/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM002186	002186/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 4
1957	Võ Hồ Thanh Mai	04/07/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM002187	002187/2021/BDCC	TH Phước Thanh	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 4
1958	Nguyễn Thị Hiền	26/10/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM002188	002188/2021/BDCC	TH Cấn Thanh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
1959	Lê Thị Hồng Cẩm	12/08/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM002189	002189/2021/BDCC	TH Bình Giả	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4
1960	Nguyễn Thị Kim Cương	24/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM002190	002190/2021/BDCC	TH Lê Thị Hồng Gấm	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4
1961	Lê Thị Ngọc Loan	15/10/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM002191	002191/2021/BDCC	TH Phước Bình	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 4
1962	Nguyễn Thị Thanh Trang	25/10/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM002192	002192/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
1963	Đỗ Thị Hoàng Anh	10/08/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM002193	002193/2021/BDCC	TH Trần Hưng Đạo	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 4
1964	Nguyễn Phi Long	19/10/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM002194	002194/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 4
1965	Hoàng Phương Trang	31/05/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM002195	002195/2021/BDCC	TH Trần Quốc Thảo	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 4
1966	Nguyễn Thị Thanh Trâm	15/08/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM002196	002196/2021/BDCC	Thị - THCS - THPT Tây Úc		Mô đun 4
1967	Lý Thùy Xuân Mí	06/05/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM002197	002197/2021/BDCC	TH Đoàn Thị Điểm	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 4
1968	Kiều Thị Thu Hà	08/07/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM002198	002198/2021/BDCC	TH Đặng Trần Côn	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 4
1969	Trương Thị Hồng Hải	04/09/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM002199	002199/2021/BDCC	TH Nguyễn Viết Xuân	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 4
1970	Nguyễn Phạm Ngọc Hà	08/10/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM002200	002200/2021/BDCC	TH Lý Cảnh Hôn	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 4
1971	Võ Minh Luân	22/10/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM002201	002201/2021/BDCC	TH Hùng Vương	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 4
1972	Trần Thị Thu Lý	28/05/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM002202	002202/2021/BDCC	TH Phạm Văn Chí	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 4
1973	Nguyễn Thị Kim Ngân	24/04/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM002203	002203/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 4
1974	Phạm Minh Trường	29/03/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM002204	002204/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 4
1975	Trần Đoàn Linh Phương	25/10/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM002205	002205/2021/BDCC	TH Vàm Cỏ Đông	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 4
1976	Ngô Yến Linh	02/03/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM002206	002206/2021/BDCC	TH Nguyễn Nhược Thị	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 4
1977	Nguyễn Trọng Năm	03/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM002207	002207/2021/BDCC	TH Long Thạnh Mỹ	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 4
1978	Nguyễn Văn Đường	20/09/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM002208	002208/2021/BDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 4
1979	Nguyễn Hoàng Ngọc Phương	06/06/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM002209	002209/2021/BDCC	TH Triệu Thị Trinh	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 4
1980	Nguyễn Đỗ Thanh Nguyên	05/09/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM002210	002210/2021/BDCC	TH Nguyễn Chí Thanh	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 4
1981	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	07/11/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM002211	002211/2021/BDCC	TH Trung Trắc	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 4
1982	Đặng Thị Hoàng Thanh	23/07/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM002212	002212/2021/BDCC	TH Phùng Hưng	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 4
1983	Đào Thị Ngọc Loan	01/07/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM002213	002213/2021/BDCC	TH Thuận Kiều	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 4
1984	Nguyễn Việt Hào	18/09/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM002214	002214/2021/BDCC	THCL Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Tân	Mô đun 4
1985	Lưu Thị Cẩm Hằng	10/12/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM002215	002215/2021/BDCC	TH Trần Quang Vinh	Phòng GDĐT Quận Bình Thanh	Mô đun 4
1986	Vũ Thị Ngân Hà	06/04/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM002216	002216/2021/BDCC	TH Đồng Đa	Phòng GDĐT Quận Bình Thanh	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
1987	Lê Thanh Hùng	20/05/1978	Đạt	DHSPTPHCM009932	002217/2021/BDCC	TH An Hội	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
1988	Lê Thị Kim Liên	15/07/1975	Đạt	DHSPTPHCM002218	002218/2021/BDCC	TH Bành Văn Trần	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
1989	Trần Thị Ngọc Hạnh	10/02/1989	Đạt	DHSPTPHCM002219	002219/2021/BDCC	TH Nguyễn Thanh Tuyền	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
1990	Trần Thị Duyệt Thảo	24/10/1985	Đạt	DHSPTPHCM002220	002220/2021/BDCC	TH Lê Lai	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
1991	Phạm Thị Nhung	12/10/1982	Đạt	DHSPTPHCM002221	002221/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Chính	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
1992	Nguyễn Trần Thu Hà	08/09/1989	Đạt	DHSPTPHCM002222	002222/2021/BDCC	TH Linh Chiểu	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
1993	Nguyễn Ngọc Bích	20/11/1968	Đạt	DHSPTPHCM002223	002223/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Bạch	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
1994	Lê Thị Thu Thuong	18/05/1977	Đạt	DHSPTPHCM002224	002224/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
1995	Nguyễn Thanh Bình	18/02/1988	Đạt	DHSPTPHCM002225	002225/2021/BDCC	TH Hoà Hiệp	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
1996	Trịnh Thị Hằng	20/09/1989	Đạt	DHSPTPHCM002226	002226/2021/BDCC	TH Vàm Sát	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
1997	Phạm Thị Hải Yến	20/08/1976	Đạt	DHSPTPHCM002227	002227/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Lăng	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
1998	Nguyễn Hoàng Minh	02/03/1967	Đạt	DHSPTPHCM002228	002228/2021/BDCC	TH Nhuận Đức 2	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
1999	Trần Tấn Đạt	14/02/1992	Đạt	DHSPTPHCM002229	002229/2021/BDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
2000	Hà Anh Tuấn	11/04/1987	Đạt	DHSPTPHCM002230	002230/2021/BDCC	Nguyễn Thị Nười	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
2001	Trương Thị Lê Hằng	12/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM002231	002231/2021/BDCC	TH Trang Tân Khương	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
2002	Lê Thị Linh	13/02/1979	Đạt	DHSPTPHCM002232	002232/2021/BDCC	TH Tân Túc	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2003	Phạm Thị Mỹ Tuyền	06/06/1991	Đạt	DHSPTPHCM002233	002233/2021/BDCC	TH Trần Quang Cơ	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
2004	Quan Tổ Liên	08/12/1994	Đạt	DHSPTPHCM002234	002234/2021/BDCC	TH An Bình	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
2005	Tạ Lê Nhật Vy	02/11/1986	Đạt	DHSPTPHCM002235	002235/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
2006	Trần Thị Ngọc Huyền	28/09/1977	Đạt	DHSPTPHCM002236	002236/2021/BDCC	TH Thanh Mỹ Lợi	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
2007	Nguyễn Văn Tân	29/04/1977	Đạt	DHSPTPHCM002237	002237/2021/BDCC	TH Trương Quyền	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 4
2008	Nguyễn Xuân Cường	27/12/1971	Đạt	DHSPTPHCM002238	002238/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ 1	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 4
2009	Lê Thị Tình Thương	28/02/1987	Đạt	DHSPTPHCM002239	002239/2021/BDCC	TH Nguyễn Trường Tộ	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 4
2010	Trần Thị Phương Trang	09/03/1969	Đạt	DHSPTPHCM002240	002240/2021/BDCC	TH Huỳnh Mẫn Đạt	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 4
2011	Phạm Phương Hậu	22/07/1964	Đạt	DHSPTPHCM002241	002241/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 4
2012	Nguyễn Minh Tân	25/05/1974	Đạt	DHSPTPHCM002242	002242/2021/BDCC	TH Nhật Tảo	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 4
2013	Đặng Thị Khánh Hà	11/12/1972	Đạt	DHSPTPHCM002243	002243/2021/BDCC	TH Đặng Thùy Trâm	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 4
2014	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	05/11/1993	Đạt	DHSPTPHCM002244	002244/2021/BDCC	TH Hồng Đức	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 4
2015	Nguyễn Thị Kim Lang	04/12/1980	Đạt	DHSPTPHCM002245	002245/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Bá	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
2016	Hoàng Thị Thủy	11/11/1979	Đạt	DHSPTPHCM002246	002246/2021/BDCC	TH Thạnh	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
2017	Phan Thị Huy Tú	04/12/1979	Đạt	DHSPTPHCM002247	002247/2021/BDCC	TH Thiên Hộ Dương	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
2018	Trương Tuệ Vi	01/01/1986	Đạt	DHSPTPHCM002248	002248/2021/BDCC	TH Lê Đình Chính	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
2019	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	22/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM002249	002249/2021/BDCC	TH Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 4
2020	Vũ Thị Ngọc Lan	19/01/1977	Đạt	DHSPTPHCM002250	002250/2021/BDCC	TH Quýết Thắng	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 4
2021	Lâm Anh Thơ	22/11/1993	Đạt	DHSPTPHCM002251	002251/2021/BDCC	THCL Ngô Quyền	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2022	Trần Thị Huệ	28/09/1988	Đạt	DHSPTPHCM002252	002252/2021/BDCC	TH Phú Đồng	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2023	Phạm Thị Phương Thảo	23/09/1992	Đạt	DHSPTPHCM002253	002253/2021/BDCC	TH Thanh Đa	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
2024	Trần Hữu Cẩm Tú	22/11/1975	Đạt	DHSPTPHCM002254	002254/2021/BDCC	TH Tâm Vu	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
2025	Nguyễn Thị Thiên Ân	11/12/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM002255	002255/2021/BDCC	TH Nguyễn Thương Hiền	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2026	Trịnh Thị Thu	06/09/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM002256	002256/2021/BDCC	TH Hanh Thông	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2027	Lư Thị Bích Nga	06/10/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM002257	002257/2021/BDCC	Cổ Loa	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
2028	Trần Thị Tường Vi	20/09/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM002258	002258/2021/BDCC	Nguyễn Đình Chính	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
2029	Nguyễn Thị Phương Nghi	24/04/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM002259	002259/2021/BDCC	TH Trần Quốc Toàn	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2030	Nguyễn Anh Tú	27/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM002260	002260/2021/BDCC	TH Tân Sơn Nhì	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 4
2031	Nguyễn Ngọc Đoàn Trang	27/06/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM002261	002261/2021/BDCC	TH Linh Tây	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
2032	Phạm Thị Ngọc Liễu	17/06/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM002262	002262/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2033	Hoàng Hữu Chí	18/11/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM002263	002263/2021/BDCC	TH Tam Thôn Hiệp	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
2034	Trần Thảo Trang	01/09/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM002264	002264/2021/BDCC	TH Đồng Hoà	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
2035	Lâm Võ Nguyệt Quế	25/12/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM002265	002265/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Lịch	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2036	Lê Đình Trang Đài	08/09/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM002266	002266/2021/BDCC	TH Phước Hiệp	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2037	Nguyễn Văn Được	01/01/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM002267	002267/2021/BDCC	TH Trương Văn Ngai	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
2038	Phạm Thị Mai Chi	01/12/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM002268	002268/2021/BDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
2039	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	07/05/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM002269	002269/2021/BDCC	TH Lâm Văn Bền	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
2040	Trần Thị Thanh Nhã	15/02/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM002270	002270/2021/BDCC	TH Bùi Văn Ba	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
2041	Nguyễn Thị Giao Linh	23/10/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM002271	002271/2021/BDCC	TH Phan Văn Hân	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 4
2042	Võ Thị Thanh Hương	10/01/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM002272	002272/2021/BDCC	TH An Phú	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 4
2043	Hoàng Minh Thuận	22/04/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM002273	002273/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Kịp	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2044	Lê Ngọc Quyền	08/10/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM002274	002274/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 4
2045	Nguyễn Thị Hoàng Yến	23/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM002275	002275/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 4
2046	Nguyễn Vũ Thái Hiền	14/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM002276	002276/2021/BDCC	TH Chi Lăng	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 4
2047	Trương Thị Ngọc Diệp	05/11/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM002277	002277/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 4
2048	Đặng Thị Kiều Diễm Dung	24/12/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM002278	002278/2021/BDCC	TH Hòa Bình	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 4
2049	Nguyễn Thúy Liễu	19/12/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM002279	002279/2021/BDCC	TH Mỹ Thủy	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 4
2050	Trần Ngọc Hạnh	26/09/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM002280	002280/2021/BDCC	TH Bình Trưng Đông	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 4
2051	Hồ Thị Lý	25/06/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM002281	002281/2021/BDCC	TH Nguyễn Thiện Thuật	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 4
2052	Đoàn Ngọc Hiếu	02/09/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM002282	002282/2021/BDCC	TH Nguyễn Thi	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 4
2053	Phan Đình Ngô	25/06/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM002283	002283/2021/BDCC	TH Bạch Đằng	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 4
2054	Đỗ Thị Tuyết Hồng	06/12/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM002284	002284/2021/BDCC	TH Đồng Đa	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 4
2055	Đào Thị Thu Lan	26/02/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM002285	002285/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 4
2056	Ngô Kim Phụng	18/08/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM002286	002286/2021/BDCC	TH Trần Bình Trọng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 4
2057	Nguyễn Vương Tuấn Kiệt	26/07/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM002287	002287/2021/BDCC	TH Trương Công Định	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 4
2058	Huỳnh Thị Ngọc Tuyền	16/11/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM002288	002288/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 4
2059	Đặng Thị Thái Uyên	27/11/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM002289	002289/2021/BDCC	TH Trần Quốc Toàn	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 4
2060	Cao Thị Phương Huyền	12/03/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM002290	002290/2021/BDCC	TH Phạm Hữu Lầu	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 4
2061	Nguyễn Ngọc Uyên	12/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM002291	002291/2021/BDCC	TH Nguyễn Trục	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 4
2062	Trần Thị Thùy Vân	09/05/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM002292	002292/2021/BDCC	TH Bông Sao	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
2063	Lê Thị Thanh Nga	25/06/1977	Đạt	DHSPTPHCM008217	00427/2021/BDCC	TH Phú Hữu	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
2064	Cao Đăng Minh Kim	02/10/1978	Đạt	DHSPTPHCM008218	00428/2021/BDCC	TH Võ Trường Toản	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
2065	Huỳnh Kim Hương	14/03/1987	Đạt	DHSPTPHCM008219	00429/2021/BDCC	TH Dương Minh Châu	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
2066	Nguyễn Thành Lê Anh	12/07/1972	Đạt	DHSPTPHCM008220	00430/2021/BDCC	TH Trung Trắc	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 4
2067	Nguyễn Thị Kim Long	30/05/1976	Đạt	DHSPTPHCM008221	00431/2021/BDCC	TH Phùng Hưng	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 4
2068	Nguyễn Thị Mỹ	10/05/1973	Đạt	DHSPTPHCM008222	00432/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
2069	Trần Thị Kim Quyên	17/06/1983	Đạt	DHSPTPHCM008223	00433/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
2070	Huỳnh Trương Thanh Mai	14/06/1984	Đạt	DHSPTPHCM008224	00434/2021/BDCC	THCL Lê Công Phép	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2071	Tô Thị Sen	04/02/1968	Đạt	DHSPTPHCM008225	00435/2021/BDCC	THCL Bình Thuận	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2072	Nguyễn Thị Diệu Phương	22/06/1990	Đạt	DHSPTPHCM008226	00436/2021/BDCC	TH Phan Văn Trị	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
2073	Lê Thanh Trâm	12/01/1978	Đạt	DHSPTPHCM008227	00437/2021/BDCC	TH Thanh Mỹ Tây	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
2074	Vương Ngọc Yến	03/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM008228	00438/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2075	Nguyễn Thị Thu Hằng	17/10/1979	Đạt	DHSPTPHCM008229	00439/2021/BDCC	Chí Linh	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
2076	Mai Thị Hồng Hạnh	12/08/1970	Đạt	DHSPTPHCM008230	00440/2021/BDCC	Đồng Ba	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
2077	Nguyễn Lê Thanh Tuyền	20/06/1983	Đạt	DHSPTPHCM008231	00441/2021/BDCC	TH Đồng Đa	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2078	Nguyễn Thị Hòa	09/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM008232	00442/2021/BDCC	TH Thân Nhân Trung	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2079	Hoàng Ngọc Phương	08/12/1986	Đạt	DHSPTPHCM008233	00443/2021/BDCC	TH Tân Thới	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
2080	Trần Minh Danh	21/12/1983	Đạt	DHSPTPHCM008234	00444/2021/BDCC	TH Lê Thánh Tông	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
2081	Lê Thị Yến Oanh	21/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM008235	00445/2021/BDCC	TH Đào Sơn Tây	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
2082	Phạm Thị Thu Hằng	27/12/1987	Đạt	DHSPTPHCM008236	00446/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2083	Cao Tú Trinh	15/07/1988	Đạt	DHSPTPHCM008237	00447/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2084	Phạm Hoàng Tôn Nữ	02/05/1992	Đạt	DHSPTPHCM008238	00448/2021/BDCC	TH Long Thành	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
2085	Đinh Thị Chi	21/12/1974	Đạt	DHSPTPHCM008239	00449/2021/BDCC	TH Trung Lập Hạ	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2086	Phan Thị Ngọc Nương	02/11/1980	Đạt	DHSPTPHCM008240	00450/2021/BDCC	TH-THCS Tân Trung	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2087	Hà Thị Ánh Hồng	03/06/1971	Đạt	DHSPTPHCM008241	00451/2021/BDCC	TH Thới Tam	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 4
2088	Bùi Thị Minh Trang	23/11/1979	Đạt	DHSPTPHCM008242	00452/2021/BDCC	TH Mỹ Hòa	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 4
2089	Nguyễn Thanh Ngọc Thủy	08/07/1975	Đạt	DHSPTPHCM008243	00453/2021/BDCC	TH Nguyễn Việt Hồng	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
2090	Ngô Thị Năm	06/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM008244	00454/2021/BDCC	TH Nguyễn Bình	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
2091	Nguyễn Thanh Thảo	02/12/1991	Đạt	DHSPTPHCM008245	00455/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2092	Nguyễn Thị Út	25/09/1990	Đạt	DHSPTPHCM008246	00456/2021/BDCC	TH Hoà Hiệp	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
2093	Nguyễn Thị Hải	03/02/1980	Đạt	DHSPTPHCM008247	00457/2021/BDCC	THCS Chánh Hưng	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 4
2094	Lê Thị Mỹ Hoa	12/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM008248	00458/2021/BDCC	THCS Điện Biên	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
2095	Vũ Quang Liễm	31/07/1979	Đạt	DHSPTPHCM008249	00459/2021/BDCC	THCS Tân Bình	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2096	Trình Quang Huy	02/12/1979	Đạt	DHSPTPHCM008250	00460/2021/BDCC	THCS Lữ Gia	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 4
2097	Lê Phước Huy	15/02/1971	Đạt	DHSPTPHCM008251	00461/2021/BDCC	THCS Vân Đồn	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 4
2098	Nguyễn Diệu Phước	10/05/1966	Đạt	DHSPTPHCM008252	00462/2021/BDCC	THCS Đồng Khởi	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
2099	Đỗ Thanh Hải	11/02/1963	Đạt	DHSPTPHCM008253	00463/2021/BDCC	THCS Cầu Kiệu	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
2100	Phạm Văn Tú	12/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM008254	00464/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
2101	Khương Thị Thanh	07/02/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM008255	00465/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 4
2102	Nguyễn Duy Phúc	10/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM008256	00466/2021/BDCC	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
2103	Võ Thị Duy Diệp	01/02/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM008257	00467/2021/BDCC	THCS THọ	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
2104	Ngô Kế Thanh Tâm	28/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM008258	00468/2021/BDCC	THCS Bình Khánh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
2105	Nguyễn Lê Trường Sơn	05/09/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM008259	00469/2021/BDCC	THCS Tô Ký	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
2106	Vũ Trần Tuấn Kiệt	20/08/1966	Đạt	ĐHSPTPHCM008260	00470/2021/BDCC	THCS Thanh Mỹ Lợi	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 4
2107	Lê Thái Bảo	20/03/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM008261	00471/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 4
2108	Nguyễn Văn Sáng	05/07/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM008262	00472/2021/BDCC	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 4
2109	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	16/04/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM008263	00473/2021/BDCC	THCS Thị Trấn 2	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2110	Võ Thị Thu Hà	17/12/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM008264	00474/2021/BDCC	THCS Tân Thông Hội	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2111	Nguyễn Thiện Thuật	08/04/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM008265	00475/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Toàn	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2112	Nguyễn Mộng Đào	15/02/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM008266	00476/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Bá	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
2113	Trương Minh Tuấn	03/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM008267	00477/2021/BDCC	THCS Hưng Long	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2114	Lê Văn Phú	20/10/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM008268	00478/2021/BDCC	Tinh - THCS Thế Giới Trẻ Em(Th)	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2115	Nguyễn Đăng Khoa	17/09/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM008269	00479/2021/BDCC	THCS Tân Túc	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2116	Trà Thanh Loan	04/03/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM008270	00480/2021/BDCC	THCS Long Bình	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 4
2117	Võ Thị Ly	29/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM008271	00481/2021/BDCC	THCS Võ Thành Trang	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 4
2118	Đỗ Hữu Duy	05/06/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM008272	00482/2021/BDCC	THCS Hai Bà Trưng	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 4
2119	Nguyễn Đại Huỳnh	15/02/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM008273	00483/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hiền	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 4
2120	Lê Hoàng Bảo	03/12/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM008274	00484/2021/BDCC	THCS Phú Lợi	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 4
2121	Võ Bảo Thu	01/07/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM008275	00485/2021/BDCC	THCS Lam Sơn	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
2122	Vũ Đình Vượng	04/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM008276	00486/2021/BDCC	THCS Ngô Sĩ Liên	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2123	Trần Minh Lý	20/04/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM008277	00487/2021/BDCC	THCS Đoàn Kết	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 4
2124	Tào Võ Hiền Nhân	01/11/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM008278	00488/2021/BDCC	THCS Lê Anh Xuân	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 4
2125	Huỳnh Phúc Thịnh	18/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM008279	00489/2021/BDCC	THCS Nguyễn Du	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2126	Nguyễn Phi Hùng	26/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM008280	00490/2021/BDCC	THCS An Nhơn	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2127	Cao Thế Phương	30/08/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM008281	00491/2021/BDCC	THCS Long Phước	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 4
2128	Nguyễn Thị Phương Loan	29/12/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM008282	00492/2021/BDCC	THCS Trần Quang Khải	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 4
2129	Nguyễn Minh Ngọt	30/03/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM008283	00493/2021/BDCC	THCS Bình Trị Đông	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2130	Khưu Thị Thanh Hiền	15/03/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM008284	00494/2021/BDCC	THCS Linh Trung	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
2131	Diệp Thị Thanh Thảo	21/02/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM008285	00495/2021/BDCC	THCS Nguyễn An Khương	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
2132	Nguyễn Thị Bích Tuyền	29/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM008286	00496/2021/BDCC	THCS Giồng Ông Tố	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 4
2133	Nguyễn Tấn Vĩnh	15/02/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM008287	00497/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thái Bình	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2134	Trang Thành Sự	05/08/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM008288	00498/2021/BDCC	THCS Trung Lập Hạ	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2135	Lê Minh Trung	12/02/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM008289	00499/2021/BDCC	THCS Hiệp Phước	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
2136	Trương Triều Nhứt	02/04/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM008290	00500/2021/BDCC	THCS và THPT Diên Hồng		Mô đun 4
2137	Nguyễn Quốc Thái	15/06/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM008291	00501/2021/BDCC	THCS Chu Văn An	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 4
2138	Trần Đức Lộc	20/03/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM008292	00502/2021/BDCC	THCS Phan Sào Nam	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
2139	Lê Thị Tùng Anh	01/02/1984	Đạt	DHSPTPHCM008293	00503/2021/BDCC	THCS Trần Danh Ninh	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 4
2140	Hoàng Ngọc Anh	15/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM008294	00504/2021/BDCC	THCS Rạng Đông	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
2141	Lê Thị Phương Đông	08/08/1983	Đạt	DHSPTPHCM008295	00505/2021/BDCC	THCS Nguyễn Gia Thiệu	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2142	Nguyễn Hoàng Sơn	06/03/1988	Đạt	DHSPTPHCM008296	00506/2021/BDCC	Trường Đại Đường Giáo Dục Quận Tân Bình	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2143	Nguyễn Hồng Thùy Lan	25/10/1980	Đạt	DHSPTPHCM008297	00507/2021/BDCC	THCS Phú Định	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 4
2144	Nguyễn Xuân Huyền	25/12/1980	Đạt	DHSPTPHCM008298	00508/2021/BDCC	THCS Bình Tây	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 4
2145	Phạm Thành Trung	05/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM008299	00509/2021/BDCC	THCS Ba Đình	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 4
2146	Nguyễn Công Phúc Khánh	31/01/1989	Đạt	DHSPTPHCM008300	00510/2021/BDCC	THCS Nguyễn Du	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
2147	Nguyễn Ngọc Toàn	01/01/1980	Đạt	DHSPTPHCM008301	00511/2021/BDCC	THCS Gò Vấp	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2148	Trần Thị Diễm Chi	21/02/1989	Đạt	DHSPTPHCM008302	00512/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hiền	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 4
2149	Nguyễn Thị Thu Thủy	08/11/1982	Đạt	DHSPTPHCM008303	00513/2021/BDCC	THCS Hai Bà Trưng	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
2150	Nguyễn Thị Ngọc Thu	06/09/1990	Đạt	DHSPTPHCM008304	00514/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Quý	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
2151	Nguyễn Trường Vũ	24/11/1980	Đạt	DHSPTPHCM008305	00515/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Toản	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
2152	Nguyễn Như Sương	28/11/1985	Đạt	DHSPTPHCM008306	00516/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
2153	Đỗ Thị Thanh Giang	25/07/1990	Đạt	DHSPTPHCM008307	00517/2021/BDCC	THCS Lê Ly Thường Kiệt	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2154	Trần Đình Phương	01/12/1974	Đạt	DHSPTPHCM008308	00518/2021/BDCC	THCS Xuân Trường	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
2155	Võ Thị Kim Tươi	08/09/1979	Đạt	DHSPTPHCM008309	00519/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Linh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2156	Nguyễn Văn Mai	22/02/1969	Đạt	DHSPTPHCM008310	00520/2021/BDCC	THCS Vĩnh Lộc A	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2157	Phan Thị Hương	12/12/1977	Đạt	DHSPTPHCM008311	00521/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hồng Đào	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 4
2158	Lê Ngọc Dung	18/07/1972	Đạt	DHSPTPHCM008312	00522/2021/BDCC	THCS Phước Thạnh	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2159	Phạm Văn Sơn	30/08/1994	Đạt	DHSPTPHCM008313	00523/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thị Định	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
2160	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	29/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM008314	00524/2021/BDCC	THCS Thăng Long	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 4
2161	Trần Thị Thanh Nhã	05/12/1981	Đạt	DHSPTPHCM008315	00525/2021/BDCC	THCS Nguyễn Chí Thanh	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
2162	Nguyễn Thị Minh An	01/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM008316	00526/2021/BDCC	THCS Nguyễn An Ninh	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
2163	Nguyễn Thị Hồng Diệp	01/07/1988	Đạt	DHSPTPHCM008317	00527/2021/BDCC	THCS Phan Đăng Lưu	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 4
2164	Huyền Thị Ngọc Trâm	31/03/1987	Đạt	DHSPTPHCM008318	00528/2021/BDCC	THCS Trương Công Định	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
2165	Lê Việt Hải	12/06/1971	Đạt	DHSPTPHCM008319	00529/2021/BDCC	THCS Yên Thế	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
2166	Mai Thùy An	03/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM008320	00530/2021/BDCC	THCS Nguyễn Minh Hoàng	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 4
2167	Bùi Thị Minh Châu	01/02/1985	Đạt	DHSPTPHCM008321	00531/2021/BDCC	Trường Học Cơ Sở Đức Trí Q1	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
2168	Dương Thị Xuân Thủy	08/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM008322	00532/2021/BDCC	THCS Châu Văn Liêm	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
2169	Đặng Hồng Trúc Linh	17/08/1988	Đạt	DHSPTPHCM008323	00533/2021/BDCC	THCS Lê Thành Công	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
2170	Trần Vũ Hồng Chuyên	01/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM008324	00534/2021/BDCC	THCS Hoa Lư	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
2171	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	06/09/1980	Đạt	DHSPTPHCM008325	00535/2021/BDCC	THCS Đặng Trần Côn	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
2172	Nguyễn Thị Thu Hiền	05/03/1980	Đạt	DHSPTPHCM008326	00536/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2173	Phạm Thị Ngọc	24/09/1980	Đạt	DHSPTPHCM008327	00537/2021/BDCC	THCS An Thới Đông	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
2174	Nguyễn Anh Quân	18/10/1977	Đạt	DHSPTPHCM008328	00538/2021/BDCC	THCS Dơi Lâu	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
2175	Nguyễn Trần Thanh Nghiễm	01/12/1990	Đạt	DHSPTPHCM008329	00539/2021/BDCC	THCS Tam Thôn Hiệp	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
2176	Huyền Thị Anh Thư	15/09/1980	Đạt	DHSPTPHCM008330	00540/2021/BDCC	THCS Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
2177	Nguyễn Đăng Thùy	22/07/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM008331	00541/2021/BDCC	THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 4
2178	Huỳnh Thị Cẩm Chi	25/06/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM008332	00542/2021/BDCC	THCScl Tân Tạo	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2179	Lê Thanh Hà	01/07/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM008333	00543/2021/BDCC	THCS Lý Phong	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 4
2180	Lê Quốc Thắng	03/05/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM008334	00544/2021/BDCC	THCS Trần Văn Quang	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2181	Tạ Minh Hoàng	04/02/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM008335	00545/2021/BDCC	THCS Tăng Bạt Hồ	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 4
2182	Từ Thị Đoan Trang	28/08/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM008336	00546/2021/BDCC	THCS Lê Minh Xuân	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2183	Đoàn Thanh Tâm	15/09/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM008337	00547/2021/BDCC	THCS Phạm Văn Cội	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2184	Trần Văn Hào	07/06/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM008338	00548/2021/BDCC	THCS Tân Thạnh Tây	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2185	Võ Minh Tân	15/03/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM008339	00549/2021/BDCC	THCS Tân Phú Trung	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2186	Huỳnh Anh Luân	08/05/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM008340	00550/2021/BDCC	THCS Tân Thạnh Đông	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2187	Hà Thị Giàu	04/11/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM008341	00551/2021/BDCC	THCS Phú Hòa Đông	Phòng GDĐT Huyện Gò Vấp	Mô đun 4
2188	Nguyễn Ngọc Diệp	28/11/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM008342	00552/2021/BDCC	THCS Phạm Văn Chiêu	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2189	Lê Thị Thanh Thủy	07/04/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM008343	00553/2021/BDCC	THCS Huỳnh Văn Nghệ	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2190	Phan Thị Dạ Thảo	28/08/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM008344	00554/2021/BDCC	THCS Vĩnh Lộc B	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2191	Nguyễn Thị Anh Trúc	09/11/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM008345	00555/2021/BDCC	THCS Hồng Bàng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 4
2192	Đỗ Thành Nhon	20/03/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM008346	00556/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Bứa	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
2193	Trịnh Trần Song Hòa	11/10/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM008347	00557/2021/BDCC	THCS Lê Anh Xuân	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 4
2194	Võ Thị Hằng Nhi	14/11/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM008348	00558/2021/BDCC	THCS Khánh Bình	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
2195	Lê Thủy Tiên	31/07/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM008350	00559/2021/BDCC	THCS Bình Quới Tây	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 4
2196	Nguyễn Trung Nghĩa	14/02/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM008351	00560/2021/BDCC	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 4
2197	Huỳnh Thị Phương Ngọc	09/01/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM008352	00561/2021/BDCC	THCS Lý Tự Trọng	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2198	Nguyễn Trương Quý Trọng	15/12/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM008353	00562/2021/BDCC	THCS Hoàng Quốc Việt	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 4
2199	Lê Thị Châu Bình	03/04/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM008354	00563/2021/BDCC	THCS Phước Lộc	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
2200	Dương Trí Dũng	07/05/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM008355	00564/2021/BDCC	THCS Tôn Thất Tùng	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 4
2201	Nguyễn Xuân Thanh Vân	18/08/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM008356	00565/2021/BDCC	THCS Phong Phú	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2202	Võ Ngọc Duyên	03/05/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM008357	00566/2021/BDCC	THCS Sương Nguyệt Anh	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 4
2203	Nguyễn Thị Ngọc Loan	19/10/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM008358	00567/2021/BDCC	THCS Hoàng Hoa Thám	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2204	Nguyễn Thị Thu Trang	19/10/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM008359	00568/2021/BDCC	THCScl Hồ Văn Long	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2205	Huỳnh Thanh Tùng	31/08/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM008360	00569/2021/BDCC	THCS Thị Trấn	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
2206	Nguyễn Thị Trúc Mai	29/09/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM008361	00570/2021/BDCC	THCS Lý Chính Thắng 1	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
2207	Nguyễn Thị Giáng Thu	24/12/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM008362	00571/2021/BDCC	THCS Phước Vĩnh An	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2208	Lai Hồng Huy	18/01/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM008363	00572/2021/BDCC	THCS An Phú Đông	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 4
2209	Trần Phú Cầm	08/08/1967	Đạt	ĐHSPTPHCM008364	00573/2021/BDCC	THCS Tân An Hội	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2210	Đoàn Thị Cẩm Hồng	09/12/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM008365	00574/2021/BDCC	THCS An Phú	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 4
2211	Lê Quang Diễm Hương	17/02/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM008366	00575/2021/BDCC	THCS Tam Bình	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
2212	Đoàn Tấn Được	05/02/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM008367	00576/2021/BDCC	THCS Võ Văn Vân	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2213	Kiều Anh Dũng	20/02/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM008368	00577/2021/BDCC	THCS Phạm Văn Hai	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2214	Lê Trung Kiên	20/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM008368	00578/2021/BDCC	Trung Học Cơ Sở Kim Đồng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
2215	Nguyễn Thị Lan Phương	20/10/1981	Đạt	DHSPTPHCM008369	00579/2021/BDCC	THCS Lạc Hồng	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
2216	Trần Thị Kim Châu	05/04/1982	Đạt	DHSPTPHCM008370	00580/2021/BDCC	THCS Trần Văn Đang	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2217	Huỳnh Văn Xếp	10/06/1976	Đạt	DHSPTPHCM008371	00581/2021/BDCC	THCS Trưng Lập	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2218	Lê Quế Thọ	19/09/1983	Đạt	DHSPTPHCM008372	00582/2021/BDCC	THCS Lê Tân Tạo	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2219	Nguyễn Thị Thu Hồng	15/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM008373	00583/2021/BDCC	THCS Minh Đức	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
2220	Võ Văn Quý	26/11/1968	Đạt	DHSPTPHCM008374	00584/2021/BDCC	TT Gdhn - Gdtx Quận 9		Mô đun 4
2221	Lê Cao Thắng	25/03/1988	Đạt	DHSPTPHCM008375	00585/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 4
2222	Võ Văn Tuấn	17/02/1985	Đạt	DHSPTPHCM008376	00586/2021/BDCC	THCS Lê Lai	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 4
2223	Lê Thị Định	08/11/1973	Đạt	DHSPTPHCM008377	00587/2021/BDCC	THCS Cù Chính Lan	Phòng GDDT Quận Bình Thanh	Mô đun 4
2224	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	12/08/1981	Đạt	DHSPTPHCM008378	00588/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trí Phương	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
2225	Bùi Mỹ Dung	21/08/1967	Đạt	DHSPTPHCM008379	00589/2021/BDCC	THCS Quang Trung	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 4
2226	Trần Nguyễn Tuấn Huy	18/07/1991	Đạt	DHSPTPHCM008380	00590/2021/BDCC	THCS Trần Bội Cơ	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 4
2227	Lê Minh Kim Long	19/09/1987	Đạt	DHSPTPHCM008381	00591/2021/BDCC	THCS Trường Sơn	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2228	Phạm Ngọc Duyên	07/04/1989	Đạt	DHSPTPHCM008382	00592/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thị Tháp Q7	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 4
2229	Lê Thị Hồng Phương	19/05/1976	Đạt	DHSPTPHCM008383	00593/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thị Hương	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
2230	Phan Trần Bằng Thu	26/10/1972	Đạt	DHSPTPHCM009933	002460/2021/BDCC	THCS Hoa Lư	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
2231	Đặng Trần Thanh Xuân	02/10/1978	Đạt	DHSPTPHCM008385	00595/2021/BDCC	THCS Hoàng Diệu	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
2232	Đào Thị Anh	18/01/1983	Đạt	DHSPTPHCM008386	00596/2021/BDCC	THCS Lê Bình Hưng Hòa	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2233	Lê Nguyễn Ngọc Hân	23/04/1983	Đạt	DHSPTPHCM008387	00597/2021/BDCC	THCS Lê Lý Thường Kiệt	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2234	Đinh Công Văn Sơn	13/05/1987	Đạt	DHSPTPHCM008388	00598/2021/BDCC	THCS Đồng Đen	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2235	Phan Mỹ Linh	26/11/1976	Đạt	DHSPTPHCM008389	00599/2021/BDCC	THCS Đồng Thành	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
2236	Đinh Kim Thoa	28/03/1981	Đạt	DHSPTPHCM008390	00600/2021/BDCC	THCS Nguyễn Anh Thủ	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
2237	Nguyễn Thị Thùy Trang	13/07/1975	Đạt	DHSPTPHCM008391	00601/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 4
2238	Nguyễn Thị Thanh Quế	06/10/1970	Đạt	DHSPTPHCM008392	00602/2021/BDCC	THCS Long Hòa	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
2239	Lê Thị Dinh	06/06/1981	Đạt	DHSPTPHCM008393	00603/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Toàn	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
2240	Nguyễn Thị Nga	13/02/1982	Đạt	DHSPTPHCM008394	00604/2021/BDCC	THCS Trần Hưng Đạo	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
2241	Hoàng Thị Thanh Phương	28/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM008395	00605/2021/BDCC	THCS Lê Văn Việt	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
2242	Phan Thị Hồng Nhung	24/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM008396	00606/2021/BDCC	THCS Dương Văn Thi	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
2243	Trịnh Thị Thanh Tuyền	13/10/1981	Đạt	DHSPTPHCM008397	00607/2021/BDCC	THCS Gò Xoài	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2244	Cao Anh Kiệt	30/04/1976	Đạt	DHSPTPHCM008398	00608/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Xơ	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2245	Nguyễn Thị Bích Hà	01/08/1979	Đạt	DHSPTPHCM008399	00609/2021/BDCC	Th-THCS Tân Trung	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2246	Ngô Thị Đan Phượng	12/09/1974	Đạt	DHSPTPHCM008400	00610/2021/BDCC	THCS Trần Huy Liệu	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
2247	Phùng Thị Ngọc Mai	01/03/1967	Đạt	DHSPTPHCM008401	00611/2021/BDCC	THCS Huỳnh Khương Ninh	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
2248	Phan Thị Kim Sương	11/08/1968	Đạt	DHSPTPHCM008402	00612/2021/BDCC	THCS Bàn Cờ	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 4
2249	Nguyễn Thị Kiều Nhon	01/01/1971	Đạt	DHSPTPHCM008403	00613/2021/BDCC	THCS Thanh Đa	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2250	Ngô Kim Ngân	13/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM008404	00614/2021/BDCC	THCS Quang Trung	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2251	Cao Thị Nguyệt	18/07/1989	Đạt	DHSPTPHCM008405	00615/2021/BDCC	Trường Bội Dương Giáo Dục Quận Tân Bình	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2252	Huỳnh Kim Huệ	17/07/1978	Đạt	DHSPTPHCM008406	00616/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
2253	Nguyễn Ngô Anh Huyền	18/10/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM008407	00617/2021/BDCC	THCS Văn Lang	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
2254	Lê Hoàng Dũng	17/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM008408	00618/2021/BDCC	THCS Thông Tây Hội	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2255	Nguyễn Thị Thanh Thúy	09/02/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM008409	00619/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Tuấn	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 4
2256	Lê Mậu Thành	19/08/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM008410	00620/2021/BDCC	THCS Tăng Nhơn Phú B	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
2257	Châu Mỹ Tuyền	11/12/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM008411	00621/2021/BDCC	THCS Thoại Ngọc Hầu	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
2258	Lại Văn Quang	18/03/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM008412	00622/2021/BDCC	THCS Đồng Khởi	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
2259	Ngô Thị Cúc Huyền	05/12/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM008413	00623/2021/BDCC	THCS Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2260	Võ Ngọc Nữ	28/02/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM008414	00624/2021/BDCC	THCS Linh Đông	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
2261	Nguyễn Thị Thanh Thủy	05/11/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM008415	00625/2021/BDCC	THCS Thị Trấn	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 4
2262	Lê Thu Hiếu	01/08/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM008416	00626/2021/BDCC	THCS Đặng Công Bình	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 4
2263	Phạm Thị Ngọc Bích	23/10/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM008417	00627/2021/BDCC	THCS Thị Trấn	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2264	Lâm Tấn Khanh	22/09/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM008418	00628/2021/BDCC	THCS Bình An	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
2265	Trần Thị Thu Liễu	05/05/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM008419	00629/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
2266	Dương Thị Huệ	06/07/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM008420	00630/2021/BDCC	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 4
2267	Hà Thị Kim Phụng	17/05/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM008421	00631/2021/BDCC	THCS Đồng Đa	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
2268	Đỗ Duy Nam	28/05/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM008422	00632/2021/BDCC	THCS Phú Thọ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 4
2269	Lê Thị Nhạn	13/03/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM008423	00633/2021/BDCC	THCS Độc Lập	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
2270	Nguyễn Công Đoàn	17/07/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM008424	00634/2021/BDCC	THCScl Lê Tân Bê	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2271	Trần Túy Thuận	24/02/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM008425	00635/2021/BDCC	THCS Bình Khánh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
2272	Đậu Văn Khánh	10/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM009934	002502/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Nghi	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2273	Hứa Thị Hoàn Hảo	01/12/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM008427	00637/2021/BDCC	THCS Tân Nhựt	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2274	Mai Hiếu Phước	19/08/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM008428	00638/2021/BDCC	THCS Chi Lăng	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 4
2275	Lê Thị Thanh Thảo	30/04/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM008429	00639/2021/BDCC	THCS Tân Tiến	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2276	Trần Thị Thanh Vy	24/04/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM008430	00640/2021/BDCC	THCS Phước Hiệp	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2277	Trần Thị Gái	11/07/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM008431	00641/2021/BDCC	THCS Nhuận Đức	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2278	Đỗ Thị Hương	05/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM008432	00642/2021/BDCC	THCS Cách Mạng Tháng Tám	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
2279	Nguyễn Hà Xuyên	15/09/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM008433	00643/2021/BDCC	THCS Ngô Quyền	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2280	Nguyễn Cẩm Nhi	22/10/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM008434	00644/2021/BDCC	THCScl Nguyễn Trãi	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2281	Trần Văn Đạt	13/01/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM008435	00645/2021/BDCC	THCS Tùng Thiện Vương	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 4
2282	Nguyễn Văn Nam	16/09/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM008436	00646/2021/BDCC	THCS Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2283	Lê Minh Hiếu	04/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM008437	00647/2021/BDCC	Trường Bđgd Quận 9	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
2284	Nguyễn Thị Thanh Thảo	07/10/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM008438	00648/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
2285	Trần Tuấn Anh	30/05/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM008439	00649/2021/BDCC	THCS Colette	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 4
2286	Nguyễn Thị Thúy	07/03/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM008440	00650/2021/BDCC	THCS Phú Mỹ	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
2287	Phạm Trần Thanh Thảo	31/08/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM008441	00651/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Tổ	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
2288	Lâm Ngọc Phụng	09/08/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM008442	00652/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Luồng	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 4
2289	Nguyễn Thị Thanh Tú	19/05/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM008443	00653/2021/BDCC	THCS Phan Văn Trị	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2290	Thái Thị Mỹ Oanh	27/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM008444	00654/2021/BDCC	THCS Phạm Hữu Lầu	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
2291	Đinh Hồng Phát	17/09/1966	Đạt	DHSPTPHCM008445	00655/2021/BDCC	THCS Hưng Bình	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
2292	Nguyễn Phương Lynh Giang	26/01/1979	Đạt	DHSPTPHCM008446	00656/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
2293	Nguyễn Thị Tú Anh	03/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM008447	00657/2021/BDCC	THCS Bình Trị Đông A	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2294	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/04/1986	Đạt	DHSPTPHCM008448	00658/2021/BDCC	THCS Tân Kiên	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2295	Nguyễn Thị Ngọc Minh	09/04/1980	Đạt	DHSPTPHCM008449	00659/2021/BDCC	THCS Phan Công Hớn	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
2296	Nguyễn Thị Doan Trang	02/04/1981	Đạt	DHSPTPHCM008450	00660/2021/BDCC	THCS Lương Định Của	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 4
2297	Trần Lê Phương Khanh	06/04/1983	Đạt	DHSPTPHCM008451	00661/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
2298	Lê Thị Thủy	23/01/1985	Đạt	DHSPTPHCM008452	00662/2021/BDCC	THCS Thái Văn Lung	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
2299	Nguyễn Thị Nương	19/12/1974	Đạt	DHSPTPHCM008453	00663/2021/BDCC	THCS An Phú	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2300	Trần Thị Phương Thảo	27/12/1983	Đạt	DHSPTPHCM008454	00664/2021/BDCC	THCS Lê Văn Hữu	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 4
2301	Lê Trần Kiều Hoa	19/05/1985	Đạt	DHSPTPHCM008455	00665/2021/BDCC	THCS Võ Trường Toản	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 4
2302	Lê Thị Kim Thanh	31/08/1980	Đạt	DHSPTPHCM008456	00666/2021/BDCC	THCS Hậu Giang	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 4
2303	Ngô Thị Bạch Huệ	20/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM008457	00667/2021/BDCC	THCS Lý Thánh Tông	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 4
2304	Phạm Thành	15/09/1992	Đạt	DHSPTPHCM008458	00668/2021/BDCC	THCS, THPT Phan Châu Trinh		Mô đun 4
2305	Lê Thanh Nguyệt	07/07/1978	Đạt	DHSPTPHCM008459	00669/2021/BDCC	THCS Tân Xuân	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
2306	Lê Trung Hiếu	24/01/1990	Đạt	DHSPTPHCM008460	00670/2021/BDCC	THCS Trung An	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2307	La Trần Huyền Diệu	06/01/1981	Đạt	DHSPTPHCM008461	00671/2021/BDCC	THCS Âu Lạc	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2308	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	14/03/1984	Đạt	DHSPTPHCM008462	00672/2021/BDCC	THCS Ngô Tất Tố	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4
2309	Nguyễn Thị Hiếu Nghĩa	29/08/1983	Đạt	DHSPTPHCM008463	00673/2021/BDCC	THCS Trần Quang Khải	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 4
2310	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	10/10/1981	Đạt	DHSPTPHCM008464	00674/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Quận Tân Phú	Mô đun 4
2311	Lưu Thị Hồng Thủy	19/12/1982	Đạt	DHSPTPHCM008465	00675/2021/BDCC	THCS Trương Văn Ngự	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
2312	Phòng Quốc Tuấn	19/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM008466	00676/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2313	Nguyễn Thị Nghĩa	01/01/1988	Đạt	DHSPTPHCM008467	00677/2021/BDCC	THCS Trần Phú	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 4
2314	Nguyễn Thị Mỹ Châu	08/01/1976	Đạt	DHSPTPHCM008468	00678/2021/BDCC	Trường Tiểu Học Cao Bá Thước Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2315	Nguyễn Thị Hồng An	29/08/1977	Đạt	DHSPTPHCM008469	00679/2021/BDCC	THCS Hiệp Phú	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
2316	Ngô Thị Rất Quý	09/12/1973	Đạt	DHSPTPHCM008470	00680/2021/BDCC	Ti Gdnm-Gdtx Quận 3		Mô đun 4
2317	Phan Công Bằng	02/11/1965	Đạt	DHSPTPHCM008471	00681/2021/BDCC	THCS Bình An	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 4
2318	Nguyễn Học	05/11/1985	Đạt	DHSPTPHCM008472	00682/2021/BDCC	THCS Điện Biên	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
2319	Nguyễn Đức Thọ	20/05/1975	Đạt	DHSPTPHCM008473	00683/2021/BDCC	THCS Lý Thường Kiệt	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2320	Phan Phước Lai	12/07/1963	Đạt	DHSPTPHCM008474	00684/2021/BDCC	THCS Phạm Đình Hổ	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 4
2321	Phạm Duy Trung	03/05/1983	Đạt	DHSPTPHCM008475	00685/2021/BDCC	THCS Tân Sơn	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2322	Nguyễn Hoàng Phúc	01/12/1967	Đạt	DHSPTPHCM008476	00686/2021/BDCC	THCS Phước Bình	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 4
2323	Tô Ngọc Tiến	23/10/1978	Đạt	DHSPTPHCM008477	00687/2021/BDCC	THCS Hùng Vương	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 4
2324	Hồ Văn Thịnh	25/10/1967	Đạt	DHSPTPHCM008478	00688/2021/BDCC	THCS Ngô Chí Quốc	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
2325	Phạm Hồ Hiệp	20/10/1979	Đạt	DHSPTPHCM008479	00689/2021/BDCC	THCS Da Phước	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2326	Hoàng Tuấn Anh	01/11/1971	Đạt	DHSPTPHCM008480	00690/2021/BDCC	Phổ Thang Nang Khuất Thế Thao Olympic		Mô đun 4
2327	Nguyễn Văn Cường	10/03/1977	Đạt	DHSPTPHCM008481	00691/2021/BDCC	THCS Tam Đông 1	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
2328	Kiểu Việt Hưng	19/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM008482	00692/2021/BDCC	THCS Đào Duy Anh	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
2329	Trương Hồng Quang	10/08/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM008483	00693/2021/BDCC	THCS Trần Phú	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 4
2330	Nguyễn Văn Minh	21/02/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM008484	00694/2021/BDCC	THCS Lê Bình Hưng Hòa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2331	Lê Huỳnh Trọng Hiếu	16/10/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM008485	00695/2021/BDCC	THCS Bình Trị Đông A	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2332	Trần Thanh Tường	07/01/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM008486	00696/2021/BDCC	THCS Phú Mỹ Hưng	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2333	Nguyễn Văn Trung	13/07/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM008487	00697/2021/BDCC	TH, THCS và THPT Việt Úc		Mô đun 4
2334	Đỗ Minh Phụng	27/07/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM008488	00698/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Phú	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 4
2335	Trần Minh Đăng	20/08/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM008489	00699/2021/BDCC	THCS Lý Nhơn	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 4
2336	Trần Minh Phú	01/03/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM008490	00700/2021/BDCC	TiH - THCS - THPT Tây Úc		Mô đun 4
2337	Huỳnh Nguyễn Phương Thủy	03/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM008491	00701/2021/BDCC	THCS Dương Bá Trạc	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 4
2338	Nguyễn Hữu Lâm	25/10/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM008492	00702/2021/BDCC	THCS Cửu Long	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
2339	Hoàng Minh Hồng Đức	21/08/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM008493	00703/2021/BDCC	THCS Văn Thân	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 4
2340	Nguyễn Đình Truyền	12/10/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM008494	00704/2021/BDCC	THCS Phan Tây Hồ	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2341	Nguyễn Thị Ái Chiêu	11/03/1967	Đạt	ĐHSPTPHCM008495	00705/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Toàn	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 4
2342	Nguyễn Văn Tiêm	10/11/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM008496	00706/2021/BDCC	THCS Hiệp Bình	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
2343	Nguyễn Hoàng Mỹ	27/09/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM008497	00707/2021/BDCC	THCS Bình Chánh	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2344	Nguyễn Kim Thoa	01/05/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM008498	00708/2021/BDCC	THCS Nguyễn An Khương	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
2345	Phạm Tuyết Trinh	07/09/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM008499	00709/2021/BDCC	THCS Phan Bội Châu	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 4
2346	Nguyễn Thùy Kim Ngân	21/08/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM008500	00710/2021/BDCC	THCS Thị Trấn	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2347	Lê Diệu Linh Thu	13/02/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM008501	00711/2021/BDCC	Trung Học Cơ Sở Đức Trí Q1	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 4
2348	Đỗ Hải Duy	03/09/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM008502	00712/2021/BDCC	THCS Bạch Đằng	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 4
2349	Nguyễn Đông Quân	23/12/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM008503	00713/2021/BDCC	Trường Bđqđ Quận Tân Bình	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2350	Đinh Nguyễn Diệp Ly Ly	01/03/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM008504	00714/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 4
2351	Nguyễn Đăng An Giang	01/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM008505	00715/2021/BDCC	Trường Bđqđ Giáo Dục Quận Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 4
2352	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	06/03/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM008506	00716/2021/BDCC	THCS Tân Thành Đông	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 4
2353	Nguyễn Anh Duy	15/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM008507	00717/2021/BDCC	Th, THCS và THPT Quốc Tế Á Châu		Mô đun 4
2354	Mai Đình Văn Anh	29/05/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM008508	00718/2021/BDCC	THCS Hà Huy Tập	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 4
2355	Nguyễn Tuấn Anh	20/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM008509	00719/2021/BDCC	THCS Võ Văn Tần	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 4
2356	Chiêu Thu Trang	01/03/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM008510	00720/2021/BDCC	THCS Trần Văn Ôn	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 4
2357	Nguyễn Thị Thu Hà	20/12/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM008511	00721/2021/BDCC	THCS Huỳnh Tấn Phát	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 4
2358	Mai Ngọc Chánh	14/08/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM008512	00722/2021/BDCC	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 4
2359	Phạm Thị Hồng Quyen	04/04/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM008513	00723/2021/BDCC	THCS Tân Quý Tây	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 4
2360	Ka Hoàng Tri Thủy	01/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM008514	00724/2021/BDCC	THCS Trung Mỹ Tây 1	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 4
2361	Hồ Anh Trí	28/03/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM008515	00725/2021/BDCC	THCS Hậu Giang	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 4
2362	Nguyễn Thị Vân Anh	13/05/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM008516	00726/2021/BDCC	THCS Quang Trung	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 4
2363	Mai Thị Ngân	20/08/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM008517	00727/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trung Trưc	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 4
2364	Hà Thị Thanh	03/12/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM008518	00728/2021/BDCC	THPT Lê Thánh Tôn		Mô đun 4
2365	Trần Thị Thu	08/07/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM008519	00729/2021/BDCC	THPT Long Trường		Mô đun 4
2366	Phạm Thị Giang	15/12/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM008520	00730/2021/BDCC	THPT Nguyễn Văn Tăng		Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDBT	Ghi chú
2367	Trương Thúc Quảng	01/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM008521	00731/2021/BDCC	THPT Nguyễn An Ninh		Mô đun 4
2368	Trần Phương Uyên	27/09/1994	Đạt	DHSPTPHCM008522	00732/2021/BDCC	THCS và THPT Lương Ngọc Anh		Mô đun 4
2369	Đoàn Văn Mùi	01/03/1968	Đạt	DHSPTPHCM008523	00733/2021/BDCC	THPT Bình Chánh		Mô đun 4
2370	Ngô Tuyết Diệp	24/07/1968	Đạt	DHSPTPHCM008524	00734/2021/BDCC	THPT Đa Phước		Mô đun 4
2371	Vương Thoại Hồng	28/11/1965	Đạt	DHSPTPHCM008525	00735/2021/BDCC	THPT Củ Chi		Mô đun 4
2372	Nguyễn Vương Quốc Luyện	28/05/1981	Đạt	DHSPTPHCM008526	00736/2021/BDCC	THPT Quang Trung		Mô đun 4
2373	Nguyễn Anh Phương	20/07/1968	Đạt	DHSPTPHCM008527	00737/2021/BDCC	THPT Gò Vấp		Mô đun 4
2374	Nguyễn Kim Yên	01/11/1988	Đạt	DHSPTPHCM008528	00738/2021/BDCC	THPT Nguyễn Công Trứ		Mô đun 4
2375	Đặng Thị Thanh Mai	15/08/1973	Đạt	DHSPTPHCM008529	00739/2021/BDCC	THPT Hàn Thuyên		Mô đun 4
2376	Ngô Trọng Đại	26/06/1986	Đạt	DHSPTPHCM008530	00740/2021/BDCC	TH, THCS và THPT Vinschool		Mô đun 4
2377	Nguyễn Minh Tú	27/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM008531	00741/2021/BDCC	THPT Tân Bình		Mô đun 4
2378	Võ Thị Minh Tư	28/03/1987	Đạt	DHSPTPHCM008532	00742/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận 3		Mô đun 4
2379	Nguyễn Hoàng Khôi	29/12/1990	Đạt	DHSPTPHCM008533	00743/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận Phú Nhuận		Mô đun 4
2380	Nguyễn Thị Xuân	11/12/1967	Đạt	DHSPTPHCM008534	00744/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận Tân Phú		Mô đun 4
2381	Lê Thị Kim Thủy	18/07/1979	Đạt	DHSPTPHCM008535	00745/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận Tân Bình		Mô đun 4
2382	Nguyễn Thị Kim Dung	20/05/1982	Đạt	DHSPTPHCM008536	00746/2021/BDCC	THPT Lương Thế Vinh		Mô đun 4
2383	Phạm Văn Lực	18/01/1979	Đạt	DHSPTPHCM008537	00747/2021/BDCC	THPT Nguyễn Trung Trục		Mô đun 4
2384	Nguyễn Thùy Quỳnh Như	01/04/1980	Đạt	DHSPTPHCM008538	00748/2021/BDCC	THPT Trần Hưng Đạo		Mô đun 4
2385	Trần Trinh Minh Hòa	04/12/1986	Đạt	DHSPTPHCM008539	00749/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Mô đun 4
2386	Nguyễn Anh Tuấn	18/07/1988	Đạt	DHSPTPHCM008540	00750/2021/BDCC	THCS và THPT Hồng Hà		Mô đun 4
2387	Trần Thế Linh	28/07/1987	Đạt	DHSPTPHCM008541	00751/2021/BDCC	THCS-THPT Hồng Đức		Mô đun 4
2388	Nguyễn Viết Đăng	08/06/1981	Đạt	DHSPTPHCM008542	00752/2021/BDCC	THCS và THPT Trĩ Đức		Mô đun 4
2389	Trinh Thị Hoài Thư	13/05/1981	Đạt	DHSPTPHCM008543	00753/2021/BDCC	THPT Thủ Đức		Mô đun 4
2390	Nguyễn Thị Nhung	14/06/1984	Đạt	DHSPTPHCM008544	00754/2021/BDCC	THPT Lý Thường Kiệt		Mô đun 4
2391	Nguyễn Thị Minh Châu	20/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM008545	00755/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận 6		Mô đun 4
2392	Huỳnh Thanh Trúc	31/10/1981	Đạt	DHSPTPHCM008546	00756/2021/BDCC	Tt Gdnn - Gdtx Quận 10		Mô đun 4
2393	Vũ Thanh Nghi	24/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM008547	00757/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận Tân Bình		Mô đun 4
2394	Nguyễn Ngọc Hương Mỹ	19/09/1984	Đạt	DHSPTPHCM008548	00758/2021/BDCC	THPT Marie Curie		Mô đun 4
2395	Trần Thị Hồng Thắm	07/04/1982	Đạt	DHSPTPHCM008549	00759/2021/BDCC	THPT Võ Văn Kiệt		Mô đun 4
2396	Tạ Duy Quỳnh	19/09/1993	Đạt	DHSPTPHCM008550	00760/2021/BDCC	THPT Thanh Lộc		Mô đun 4
2397	Lý Thị Minh Tâm	26/04/1990	Đạt	DHSPTPHCM008551	00761/2021/BDCC	THPT Gia Định		Mô đun 4
2398	Hoàng Thị Mỹ Hiếu	27/09/1972	Đạt	DHSPTPHCM008552	00762/2021/BDCC	THPT Trần Phú		Mô đun 4
2399	Trần Thị Như Huỳnh	15/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM008553	00763/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận 5		Mô đun 4
2400	Lê Thị Nga	10/12/1988	Đạt	DHSPTPHCM008554	00764/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Huyện Nhà Bè		Mô đun 4
2401	Nguyễn Văn Tấn	04/10/1969	Đạt	DHSPTPHCM008555	00765/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Huyện Củ Chi		Mô đun 4
2402	Phan Thị Bích Vương	19/08/1979	Đạt	DHSPTPHCM008556	00766/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hữu Cánh		Mô đun 4
2403	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/07/1974	Đạt	DHSPTPHCM008557	00767/2021/BDCC	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		Mô đun 4
2404	Trần Thanh Duy	07/08/1983	Đạt	DHSPTPHCM008558	00768/2021/BDCC	Trung Học Thực Hành Sài Gòn		Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
2405	Vũ Thị Hoa Mai	27/07/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM008559	00769/2021/BDCC	THPT Phạm Phú Thứ		Mô đun 4
2406	Nguyễn Ngọc Châu Toàn	20/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM008560	00770/2021/BDCC	THPT Nguyễn Huệ		Mô đun 4
2407	Vũ Thị Thu Hồng	30/07/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM008561	00771/2021/BDCC	THPT Vĩnh Lộc B		Mô đun 4
2408	Lê Huỳnh Quang Khanh	16/08/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM008562	00772/2021/BDCC	THPT Thanh Đa		Mô đun 4
2409	Nguyễn Quốc Cường	24/01/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM008563	00773/2021/BDCC	THPT Đông Đô		Mô đun 4
2410	Nguyễn Thị Trúc Phương	05/06/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM008564	00774/2021/BDCC	THPT Phạm Văn Sáng		Mô đun 4
2411	Lê Văn Tăng	12/11/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM008565	00775/2021/BDCC	THPT Nguyễn Chí Thanh		Mô đun 4
2412	Nguyễn Công Hậu	11/11/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM008566	00776/2021/BDCC	THCS & THPT Thái Bình		Mô đun 4
2413	Đào Ngọc Huỳnh	03/06/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM008567	00777/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận Tân		Mô đun 4
2414	Bạch Anh Tú	02/04/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM008568	00778/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận 12		Mô đun 4
2415	Đặng Thị Huỳnh Lê	04/06/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM008569	00779/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận 7		Mô đun 4
2416	Nguyễn Kế Vị	10/02/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM008570	00780/2021/BDCC	THPT Thăng Long		Mô đun 4
2417	Lê Thị Xuân Chi	24/06/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM008571	00781/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hiền		Mô đun 4
2418	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	05/04/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM008572	00782/2021/BDCC	THPT An Lạc		Mô đun 4
2419	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	03/08/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM008573	00783/2021/BDCC	THPT Phú Hòa		Mô đun 4
2420	Nguyễn Văn Tồn	06/08/1962	Đạt	ĐHSPTPHCM008574	00784/2021/BDCC	THCS - THPT Nguyễn Khuyến		Mô đun 4
2421	Ngô Huyền Diệu	01/06/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM008575	00785/2021/BDCC	THPT Thành Nhân		Mô đun 4
2422	Nguyễn Đăng Khoa	24/11/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM008576	00786/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hữu Huân		Mô đun 4
2423	Huỳnh Thị Thu Nga	10/06/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM008577	00787/2021/BDCC	THCS-THPT Đức Trí		Mô đun 4
2424	Nguyễn Hữu Trung	09/11/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM008578	00788/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận 3		Mô đun 4
2425	Đào Phú Thạch	09/05/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM008579	00789/2021/BDCC	Tt Gdtx Chu Văn An		Mô đun 4
2426	Nguyễn Châu Thanh Phương	24/10/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM008580	00790/2021/BDCC	THPT Trần Quang Khải		Mô đun 4
2427	Nguyễn Thị Thanh Trâm	06/07/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM008581	00791/2021/BDCC	THPT Ten Lơ Man		Mô đun 4
2428	Nguyễn Đức Minh	10/06/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM008582	00792/2021/BDCC	THPT Tạ Quang Bửu		Mô đun 4
2429	Trương Đình Phương Nhi	18/08/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM008583	00793/2021/BDCC	THPT Dương Văn Thi		Mô đun 4
2430	Lê Công Tài	25/01/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM008584	00794/2021/BDCC	Trường TH-THCS-THPT Quốc Tế Bắc Mỹ		Mô đun 4
2431	Đặng Tuyền Tĩnh	01/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM008585	00795/2021/BDCC	THPT Tân Thông Hội		Mô đun 4
2432	Nguyễn Bích Tuyền	26/01/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM008586	00796/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hữu Tiến		Mô đun 4
2433	Võ Thị Thanh Thúy	24/08/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM008587	00797/2021/BDCC	THPT Tây Thạnh		Mô đun 4
2434	Đỗ Huỳnh Thanh Trúc	20/11/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM008588	00798/2021/BDCC	THPT Nguyễn Thị Diệu		Mô đun 4
2435	Nguyễn Hồng Thùy Linh	22/11/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM008589	00799/2021/BDCC	THPT Nguyễn Trãi		Mô đun 4
2436	Lê Thị Hằng	26/07/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM008590	00800/2021/BDCC	THPT Trần Hữu Trang		Mô đun 4
2437	Tạ Tiến Tuấn	16/07/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM008591	00801/2021/BDCC	THPT Bình Phú		Mô đun 4
2438	Tạ Thị Thanh Bình	27/04/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM008592	00802/2021/BDCC	THPT Lê Minh Xuân		Mô đun 4
2439	Nguyễn Anh Kiệt	10/01/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM008593	00803/2021/BDCC	THPT Vĩnh Lộc		Mô đun 4
2440	Trần Thị Bình	24/09/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM009935	002670/2021/BDCC	TH - THCS - THPT Chu Văn An		Mô đun 4
2441	Phạm Thị Phương Linh	18/09/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM008595	00805/2021/BDCC	THPT Trần Văn Giàu		Mô đun 4
2442	Nguyễn Thị Ngọc Hà	25/10/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM008596	00806/2021/BDCC	THPT An Nghĩa		Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GĐBT	Ghi chú
2443	Nguyễn Thị Linh	11/07/1979	Đạt	DHSPTPHCM008597	00807/2021/BDCC	THPT Trung Lập		Mô đun 4
2444	Tô Hà Uyên	02/05/1976	Đạt	DHSPTPHCM008598	00808/2021/BDCC	THPT Quốc Tế Việt Úc (Sic)		Mô đun 4
2445	Nguyễn Thị Thủy	06/07/1974	Đạt	DHSPTPHCM008599	00809/2021/BDCC	THPT Hiệp Bình		Mô đun 4
2446	Hà Văn Vù	07/01/1989	Đạt	DHSPTPHCM008600	00810/2021/BDCC	THPT Lê Thành Tôn - Quận 7		Mô đun 4
2447	Trần Ngọc Đoan Trang	19/05/1977	Đạt	DHSPTPHCM008601	00811/2021/BDCC	TT Gdnn - Gdtx Quận 4		Mô đun 4
2448	Lưu Phương Hạnh	24/10/1978	Đạt	DHSPTPHCM008602	00812/2021/BDCC	Tt Gdtx Chu Văn An		Mô đun 4
2449	Nguyễn Hà Bích Vân	25/02/1981	Đạt	DHSPTPHCM008603	00813/2021/BDCC	THPT Trần Khai Nguyên		Mô đun 4
2450	Võ Văn Sanh	07/06/1965	Đạt	DHSPTPHCM008604	00814/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận 11		Mô đun 4
2451	Nguyễn Thanh Hoa	16/11/1975	Đạt	DHSPTPHCM008605	00815/2021/BDCC	THPT Mạc Đĩnh Chi		Mô đun 4
2452	Lê Thị Thinh	08/01/1987	Đạt	DHSPTPHCM008606	00816/2021/BDCC	THPT Lương Văn Can		Mô đun 4
2453	Bùi Thị Ngọc Tiếp	16/06/1968	Đạt	DHSPTPHCM008607	00817/2021/BDCC	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa		Mô đun 4
2454	Trần Thị Hồng	26/02/1982	Đạt	DHSPTPHCM008608	00818/2021/BDCC	THCS - THPT Lạc Hồng		Mô đun 4
2455	Nguyễn Ngọc Hưng	17/10/1986	Đạt	DHSPTPHCM008609	00819/2021/BDCC	THPT Bình Hưng Hòa		Mô đun 4
2456	Lương Thanh Thủy	21/10/1985	Đạt	DHSPTPHCM008610	00820/2021/BDCC	TH, THCS và THPT Vinhschool		Mô đun 4
2457	Nguyễn Ngọc Trâm	24/11/1994	Đạt	DHSPTPHCM008611	00821/2021/BDCC	TH, THCS và THPT Hòa Bình		Mô đun 4
2458	Lê Thị Bé	12/12/1986	Đạt	DHSPTPHCM008612	00822/2021/BDCC	THPT Đào Sơn Tây		Mô đun 4
2459	Nguyễn Thị Yên	28/11/1979	Đạt	DHSPTPHCM008613	00823/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận Tân Bình		Mô đun 4
2460	Trinh Thị Hạnh	12/08/1979	Đạt	DHSPTPHCM008614	00824/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận Tân Phú		Mô đun 4
2461	Đỗ Thị Nương	18/03/1981	Đạt	DHSPTPHCM008615	00825/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận 12		Mô đun 4
2462	Đinh Thị Bích	22/04/1987	Đạt	DHSPTPHCM008616	00826/2021/BDCC	THPT Nguyễn Tất Thành		Mô đun 4
2463	Ka Huệ	27/05/1986	Đạt	DHSPTPHCM008617	00827/2021/BDCC	THPT Nguyễn Văn Linh		Mô đun 4
2464	Nguyễn Thị Thủy	03/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM008618	00828/2021/BDCC	THPT Hoàng Hoa Thám		Mô đun 4
2465	Lê Trà My	11/06/1986	Đạt	DHSPTPHCM008619	00829/2021/BDCC	TH, THCS và THPT Tân Phú		Mô đun 4
2466	Nguyễn Thị Thùy Uyên	24/03/1986	Đạt	DHSPTPHCM008620	00830/2021/BDCC	THPT Bình Chiểu		Mô đun 4
2467	Lê Văn Minh	16/03/1978	Đạt	DHSPTPHCM008621	00831/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận 8		Mô đun 4
2468	Cao Nhật Quỳnh	28/08/1982	Đạt	DHSPTPHCM008622	00832/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận 11		Mô đun 4
2469	Nguyễn Thị Minh Loan	18/07/1976	Đạt	DHSPTPHCM008623	00833/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận Bình Tân		Mô đun 4
2470	Đinh Tiến Hòa	25/09/1985	Đạt	DHSPTPHCM008624	00834/2021/BDCC	THPT Nguyễn Khuyến		Mô đun 4
2471	Nguyễn Thị Huyền Trang	18/06/1984	Đạt	DHSPTPHCM008625	00835/2021/BDCC	THPT Nguyễn Thái Bình		Mô đun 4
2472	Phạm Thị Thanh Ngươn	10/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM008626	00836/2021/BDCC	THPT Trần Quang Khải		Mô đun 4
2473	Cao Thị Mơ	06/12/1983	Đạt	DHSPTPHCM008627	00837/2021/BDCC	THPT Linh Trung		Mô đun 4
2474	Cao Trường Nhân	29/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM008628	00838/2021/BDCC	Tt Gdnn-Gdtx Quận 8		Mô đun 4
2475	Huỳnh Ngọc Sao Ly	10/12/1988	Đạt	DHSPTPHCM008629	00839/2021/BDCC	THCS và THPT Diên Hồng		Mô đun 4
2476	Nguyễn Thị Kim Thư	20/11/1993	Đạt	DHSPTPHCM008630	00840/2021/BDCC	THCS, THPT Ngôi Sao		Mô đun 4
2477	Ngô Văn Hội	05/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM008631	00841/2021/BDCC	THPT Cần Thạnh		Mô đun 4
2478	Phạm Thị Hồng Nhung	16/10/1978	Đạt	DHSPTPHCM008632	00842/2021/BDCC	THPT Chuyên Năng Khiết Tân Nguyên Thi Định		Mô đun 4
2479	Mai Thành Danh Toại	15/11/1992	Đạt	DHSPTPHCM008633	00843/2021/BDCC	THPT Năng Khiết Tân Nguyên Bình Chánh		Mô đun 4
2480	Hồ Tấn Đạt	10/02/1984	Đạt	DHSPTPHCM008634	00844/2021/BDCC	THPT Bình Tân		Mô đun 4

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
2481	Nguyễn Văn Chất	12/04/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM0008635	00845/2021/BDCC	THPT Phước Kiển		Mô đun 4
2482	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/10/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000273	000273/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Ngời	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 5
2483	Võ Thị Phương Lan	16/10/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000274	000274/2021/BDCC	TH Đinh Tiên Hoàng	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 5
2484	Bùi Thị Thu Thảo	20/02/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000275	000275/2021/BDCC	TH Lê Ngọc Hân	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 5
2485	Nguyễn Khắc Huy Bảo	02/09/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000276	000276/2021/BDCC	TH Kết Đoàn	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 5
2486	Đinh Vũ Thủy Phương Lynh	27/05/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000277	000277/2021/BDCC	TH An Khánh	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 5
2487	Tiêu Ngọc Nguyễn Thanh	17/02/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000278	000278/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Sơn	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 5
2488	Nguyễn Thị Kim Phương	19/03/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000279	000279/2021/BDCC	TH Kỳ Đồng	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 5
2489	Nguyễn Thị Thanh Nhài	22/05/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000280	000280/2021/BDCC	TH Trần Quang Diệu	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 5
2490	Nguyễn Thị Ngọc Quý	30/03/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000281	000281/2021/BDCC	TH Đặng Trần Côn	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 5
2491	Ngô Thị Mỹ Nguyệt	19/01/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000282	000282/2021/BDCC	TH Đinh Bộ Lĩnh	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 5
2492	Trần Thị Thu Hương	31/12/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000283	000283/2021/BDCC	TH Lê Thánh Tôn	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 5
2493	Lê Thanh Hoài Tâm	17/01/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000284	000284/2021/BDCC	TH Bàu Sen	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 5
2494	Đỗ Thị Thu Hà	02/11/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000285	000285/2021/BDCC	TH Trần Bình Trọng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 5
2495	Lê Tấn Lộc	26/08/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000286	000286/2021/BDCC	TH Minh Đạo	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 5
2496	Võ Thanh Nhân	26/05/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000287	000287/2021/BDCC	TH Võ Văn Tần	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
2497	Đặng Thị Phương Hồng	04/04/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000288	000288/2021/BDCC	TH Châu Văn Liêm	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
2498	Đào Ngọc Phương	25/06/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000289	000289/2021/BDCC	TH Him Lam	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
2499	Nguyễn Hà Minh Thuận	12/02/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000290	000290/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
2500	Nguyễn Thị Thùy Linh	25/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000291	000291/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Hưởng	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
2501	Lê Thị Thu Vân	28/04/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000292	000292/2021/BDCC	TH Phú Đồng	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
2502	Võ Thị Phương Thảo	15/07/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000293	000293/2021/BDCC	TH Rạch Ông	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 5
2503	Huỳnh Thị Thu Sương	31/12/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000294	000294/2021/BDCC	TH Âu Dương Lân	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 5
2504	Trương Thị Thu Lộc	08/07/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000295	000295/2021/BDCC	TH Đinh Tiên Hoàng	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 5
2505	Dương Hoàng Dũng	06/12/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000296	000296/2021/BDCC	TH Nguyễn Minh Quang	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 5
2506	Phạm Phú Lộc	31/05/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000297	000297/2021/BDCC	Tìh Trần Quang Cơ	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 5
2507	Lê Thị Thu Thủy	16/10/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000298	000298/2021/BDCC	TH Thiên Hộ Dương	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 5
2508	Đặng Thị Đức Hạnh	07/01/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000299	000299/2021/BDCC	TH Dương Minh Châu	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 5
2509	Nguyễn Xuân Cung	04/04/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000300	000300/2021/BDCC	TH Lạc Long Quân	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 5
2510	Ngô Đức Tuấn	13/03/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000301	000301/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 5
2511	Nguyễn Thị Diễm Kiều	01/02/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000302	000302/2021/BDCC	TH Nguyễn Khuyển	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 5
2512	Đặng Thị Thanh Thảo	22/02/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000303	000303/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 5
2513	Nguyễn Thị Hương	13/07/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000304	000304/2021/BDCC	Thel Bình Trị 1	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2514	Võ Thị Kiều Oanh	24/12/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000305	000305/2021/BDCC	Thel Bình Long	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2515	Nguyễn Thị Hương Giang	08/05/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000306	000306/2021/BDCC	Thel Bình Hưng Hòa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2516	Lê Thị Tuyết Minh	04/01/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000307	000307/2021/BDCC	TH Lam Sơn	Phòng GDĐT Quận Bình Thanh	Mô đun 5
2517	Văn Thụy Bảo Chiếu	31/12/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000308	000308/2021/BDCC	TH Bạch Đằng	Phòng GDĐT Quận Bình Thanh	Mô đun 5
2518	Vương Sĩ Đức	05/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000309	000309/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Minh Khai	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
2519	Phan Thị Hòa	11/10/1984	Đạt	DHSPTPHCM000310	000310/2021/BDCC	TH An Hội	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2520	Trần Thị Như Quỳnh	23/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000311	000311/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2521	Cao Thị Thanh Mai	12/03/1980	Đạt	DHSPTPHCM000312	000312/2021/BDCC	Cổ Loa	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
2522	Nguyễn Đức Hồng Ngọc	30/05/1971	Đạt	DHSPTPHCM000313	000313/2021/BDCC	Văn Tường	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
2523	Đỗ Nguyễn Hạnh Hào	13/02/1978	Đạt	DHSPTPHCM000314	000314/2021/BDCC	Trung Nhất	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
2524	Phạm Thị Ngọc Diễm	10/01/1980	Đạt	DHSPTPHCM000315	000315/2021/BDCC	TH Sơn Cang	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2525	Vũ Văn Huỳnh	10/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000316	000316/2021/BDCC	TH Yên Thố	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2526	Võ Quang Thuận	23/05/1970	Đạt	DHSPTPHCM000317	000317/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2527	Nguyễn Thị Bích Duyên	26/08/1987	Đạt	DHSPTPHCM000318	000318/2021/BDCC	TH Lê Văn Tám	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2528	Lê Nga	28/05/1981	Đạt	DHSPTPHCM000319	000319/2021/BDCC	TH Phan Chu Trinh	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2529	Hồ Ngọc Ánh	23/10/1990	Đạt	DHSPTPHCM000320	000320/2021/BDCC	TH Âu Cơ	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2530	Trần Thị Ngọc Hiếu	07/03/1974	Đạt	DHSPTPHCM000321	000321/2021/BDCC	TH Bình Triệu	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2531	Cao Thị Phương Thảo	20/02/1982	Đạt	DHSPTPHCM000322	000322/2021/BDCC	TH Tam Bình	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2532	Nguyễn Thị Hồng	12/06/1984	Đạt	DHSPTPHCM000323	000323/2021/BDCC	TH Trương Văn Hải	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2533	Nguyễn Thị Kim Phương	27/09/1977	Đạt	DHSPTPHCM000324	000324/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2534	Nguyễn Thị Kim Ngọc	11/01/1975	Đạt	DHSPTPHCM000325	000325/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2535	Võ Thành Đức	09/10/1974	Đạt	DHSPTPHCM000326	000326/2021/BDCC	TH Cần Thạnh 2	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2536	Trần Thị Hoài Dung	27/02/1974	Đạt	DHSPTPHCM000327	000327/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2537	Nguyễn Thị Diễm Thúy	30/06/1973	Đạt	DHSPTPHCM000328	000328/2021/BDCC	TH Cần Thạnh 2	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2538	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/07/1980	Đạt	DHSPTPHCM000329	000329/2021/BDCC	TH Thái Mỹ	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2539	Nguyễn Thanh Hùng	15/03/1966	Đạt	DHSPTPHCM000330	000330/2021/BDCC	TH Lê Thị Pha	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2540	Bùi Thanh Phú	04/05/1969	Đạt	DHSPTPHCM000331	000331/2021/BDCC	TH An Nhơn Tây	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2541	Trần Mỹ Nga	27/01/1993	Đạt	DHSPTPHCM000332	000332/2021/BDCC	Nguyễn Thị Núi	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
2542	Vũ Lê Lương	27/10/1977	Đạt	DHSPTPHCM000333	000333/2021/BDCC	TH Thới Tam	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
2543	Lữ Thị Ngọc Hân	25/12/1990	Đạt	DHSPTPHCM000334	000334/2021/BDCC	Nguyễn Thị Núi	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
2544	Trần Thị Hoàng Huy	13/08/1989	Đạt	DHSPTPHCM000335	000335/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Tạo	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2545	Ngô Thị Phương Chi	04/02/1976	Đạt	DHSPTPHCM000336	000336/2021/BDCC	TH Lê Quang Định	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2546	Phạm Hồ Huy Cường	03/12/1974	Đạt	DHSPTPHCM000337	000337/2021/BDCC	TH Nguyễn Bình	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2547	Nguyễn Thị Thùy Dung	21/08/1980	Đạt	DHSPTPHCM000338	000338/2021/BDCC	TH An Phú	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 5
2548	Nguyễn Thị Nguyệt	10/08/1991	Đạt	DHSPTPHCM000339	000339/2021/BDCC	TH Lê Văn Thọ	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5
2549	Nguyễn Văn Trường Phước	20/03/1973	Đạt	DHSPTPHCM000340	000340/2021/BDCC	TH Trương Văn Thành	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 5
2550	Đào Thị Ngọc Mỹ	20/06/1983	Đạt	DHSPTPHCM000341	000341/2021/BDCC	TH Trần Quốc Toản	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2551	Trần Thị Thu Trang	05/09/1976	Đạt	DHSPTPHCM000342	000342/2021/BDCC	TH Thới Tam	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 5
2552	Thái Thế Anh	05/03/1987	Đạt	DHSPTPHCM000343	000343/2021/BDCC	TH Lê Thị Riêng	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 5
2553	Lê Tấn Hồng Hải	26/11/1965	Đạt	DHSPTPHCM000344	000344/2021/BDCC	TH Khai Minh	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 5
2554	Nguyễn Văn Thuận	18/04/1965	Đạt	DHSPTPHCM000345	000345/2021/BDCC	TH Trương Quyền	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 5
2555	Nguyễn Đôn Tấn Kha	18/02/1978	Đạt	DHSPTPHCM000346	000346/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 5
2556	Phan Gia Phú	31/01/1988	Đạt	DHSPTPHCM000347	000347/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
2557	Nguyễn Vĩnh Phúc	16/02/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000348	000348/2021/BDCC	TH Phú Định	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
2558	Nguyễn Thị Bích Nga	05/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000349	000349/2021/BDCC	Tinh Nguyên Thị Định	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
2559	Nguyễn Khương Duy	09/12/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000350	000350/2021/BDCC	TH Trần Nguyên Hân	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 5
2560	Võ Thị Cẩm Tú	19/04/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000351	000351/2021/BDCC	TH Long Thành Mỹ	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 5
2561	Đỗ Thị Thu Thảo	13/07/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000352	000352/2021/BDCC	TH Phùng Hưng	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 5
2562	Lê Mai Quang Thế	17/04/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000353	000353/2021/BDCC	TH Nguyễn Khuyến	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 5
2563	Bùi Trọng Tín	19/04/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000354	000354/2021/BDCC	Thel An Lạc 3	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2564	Hoàng Thị Kim Yến	02/10/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000355	000355/2021/BDCC	Tiểu Học Bình Quới Tây	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 5
2565	Hồ Văn Hiệp	01/04/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000356	000356/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2566	Nguyễn Thu Hiền	11/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000357	000357/2021/BDCC	Nguyễn Đình Chính	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
2567	Trần Hữu Trọng	18/07/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000358	000358/2021/BDCC	TH Đoàn Thị Diễm	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2568	Phạm Thanh Quốc	11/07/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000359	000359/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Nở	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2569	Trần Quang Tuấn	02/12/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000360	000360/2021/BDCC	TH Qui Đức	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2570	Đoàn Thanh Cang	20/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000361	000361/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2571	Nguyễn Trọng Bình	20/02/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000362	000362/2021/BDCC	TH Thị Trần Cù Chi	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2572	Đoàn Thành Điện	07/03/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000363	000363/2021/BDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 5
2573	Lê Minh Giàu	28/04/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000364	000364/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Tạo	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2574	Võ Hoàng Đây	27/12/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000365	000365/2021/BDCC	TH Phan Huy Ích	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2575	Hồng Thanh Trung	23/11/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000366	000366/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2576	Hoàng Thủy Thanh Tâm	03/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000367	000367/2021/BDCC	TH Trần Hưng Đạo	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 5
2577	Vũ Thị Quyên	08/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000368	000368/2021/BDCC	TH Giồng Ông Tố	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 5
2578	Trần Thị Hồng Hà	18/12/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000369	000369/2021/BDCC	TH Nguyễn Hiền	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 5
2579	Phạm Thị Thiệu	07/04/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000370	000370/2021/BDCC	TH Nguyễn Việt Hồng	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 5
2580	Trương Huỳnh Thiên Thủy	03/10/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000371	000371/2021/BDCC	TH Vĩnh Hội	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 5
2581	Trần Đức Lộc	08/11/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000372	000372/2021/BDCC	TH Xóm Chiếu	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 5
2582	Đỗ Thị Hồng Diễm	09/02/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000373	000373/2021/BDCC	TH Hàm Tử	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 5
2583	Nguyễn Thị Xuân Thùy	08/02/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000374	000374/2021/BDCC	TH Chương Dương	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 5
2584	Phạm Thị Thanh Thủy	31/10/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000375	000375/2021/BDCC	TH Bình Tiên	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
2585	Hoàng Quốc Văn	12/11/1966	Đạt	ĐHSPTPHCM000376	000376/2021/BDCC	TH Đình Bộ Lĩnh	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
2586	Nguyễn Thị Thanh Sương	03/10/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000377	000377/2021/BDCC	TH Lê Anh Xuân	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
2587	Bùi Thị Thu Hương	02/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000378	000378/2021/BDCC	TH Tân Phú	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 5
2588	Trần Thị Vân	05/10/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000379	000379/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 5
2589	Nguyễn Cao Cường	20/11/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000380	000380/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Định	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 5
2590	Nguyễn Thị Kiều Tiên	30/11/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000381	000381/2021/BDCC	TH Lê Văn Thọ	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 5
2591	Nguyễn Thị Cẩm Yến	27/06/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000382	000382/2021/BDCC	Thel Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2592	Vũ Anh Linh	12/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000383	000383/2021/BDCC	TH Nguyễn Thương Hiền	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2593	Lý Thị Diệu	20/07/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000384	000384/2021/BDCC	TH Nguyễn Việt Xuân	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2594	Nguyễn Ngọc Phương	13/12/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000385	000385/2021/BDCC	Đặng Văn Ngự	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
2595	Nguyễn Thị Như Quỳnh	24/11/1978	Đạt	DHSPTPHCM000386	000386/2021/BDCC	Cao Bá Quát	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
2596	Vũ Thủy Thảo Vy	28/06/1979	Đạt	DHSPTPHCM000387	000387/2021/BDCC	TH Cách Mạng Tháng Tám	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2597	Đoàn Thị Phương Thanh	30/09/1983	Đạt	DHSPTPHCM000388	000388/2021/BDCC	TH Lê Thị Hồng Gấm	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2598	Lục Thị Mỹ Hạnh	10/08/1986	Đạt	DHSPTPHCM000389	000389/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2599	Phạm Thị Ánh Tuyết	16/06/1979	Đạt	DHSPTPHCM000390	000390/2021/BDCC	TH Tân Hương	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2600	Nguyễn Hải Hà	30/07/1991	Đạt	DHSPTPHCM000391	000391/2021/BDCC	TH Bình Chiểu	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2601	Hoàng Thị Hồng Liên	26/12/1980	Đạt	DHSPTPHCM000392	000392/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Nở	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2602	Võ Thị Hồng	18/03/1974	Đạt	DHSPTPHCM000393	000393/2021/BDCC	TH Phong Phú	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2603	Võ Thị Thu Trang	04/04/1988	Đạt	DHSPTPHCM000394	000394/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Bánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2604	Lương Văn Ân	20/11/1970	Đạt	DHSPTPHCM000395	000395/2021/BDCC	TH An Nghĩa	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2605	Nguyễn Thị Kim Ngọc	20/09/1975	Đạt	DHSPTPHCM000396	000396/2021/BDCC	TH Bình Mỹ 2	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2606	Trần Ngọc Mơ	25/05/1977	Đạt	DHSPTPHCM000397	000397/2021/BDCC	TH Phú Hòa Đông	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2607	Lê Thị Tuyết Hương	22/01/1974	Đạt	DHSPTPHCM000398	000398/2021/BDCC	TH Lý Chính Thắng 2	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
2608	Võ Văn Luân	14/07/1986	Đạt	DHSPTPHCM000399	000399/2021/BDCC	TH Xuân Thới Thưng	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
2609	Phạm Thị Kiều Vân	06/08/1971	Đạt	DHSPTPHCM000400	000400/2021/BDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2610	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/08/1974	Đạt	DHSPTPHCM000401	000401/2021/BDCC	TH Trần Văn Kiêu	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 5
2611	Nguyễn Huỳnh Mai	01/11/1991	Đạt	DHSPTPHCM000402	000402/2021/BDCC	TH Lê Lợi	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2612	Lê Thị Hoàn	24/11/1977	Đạt	DHSPTPHCM000403	000403/2021/BDCC	TH Võ Văn Hát	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 5
2613	Đào Thị Hương Huệ	10/06/1981	Đạt	DHSPTPHCM000404	000404/2021/BDCC	TH Trần Quốc Tuấn	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2614	Nguyễn Ngọc Thủy	15/10/1976	Đạt	DHSPTPHCM000405	000405/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 5
2615	Hoàng Công Phương	01/01/1974	Đạt	DHSPTPHCM000406	000406/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Ngời	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 5
2616	Nguyễn Tân Phước	26/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000407	000407/2021/BDCC	TH Nguyễn Thanh Tuyền	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 5
2617	Nguyễn Thị Thu Hương	03/10/1973	Đạt	DHSPTPHCM000408	000408/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 5
2618	Đoàn Nhon Hùng	30/06/1970	Đạt	DHSPTPHCM000409	000409/2021/BDCC	TH Phú Lâm	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 5
2619	Trần Thị Ngọc Lan	12/02/1975	Đạt	DHSPTPHCM000410	000410/2021/BDCC	TH Phan Huy Thực	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 5
2620	Trần Văn Nam	10/05/1985	Đạt	DHSPTPHCM000411	000411/2021/BDCC	TH An Phong	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 5
2621	Đào Khắc Sự	29/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM000412	000412/2021/BDCC	TH Lê Văn Việt	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 5
2622	Vũ Tuấn Vinh	04/09/1987	Đạt	DHSPTPHCM000413	000413/2021/BDCC	TH Bắc Hải	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 5
2623	Phạm Xuân Việt	16/09/1975	Đạt	DHSPTPHCM000414	000414/2021/BDCC	TH Ấu Cơ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 5
2624	Nguyễn Bắc	10/06/1985	Đạt	DHSPTPHCM000415	000415/2021/BDCC	TH Lê Văn Thọ	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5
2625	Trương Thanh Tùng	28/01/1985	Đạt	DHSPTPHCM000416	000416/2021/BDCC	Thel An Lạc 3	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2626	Nguyễn Thị Tường Trang	20/09/1983	Đạt	DHSPTPHCM000417	000417/2021/BDCC	TH Phan Chu Trinh	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2627	Đỗ Minh Hoàng	03/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM000418	000418/2021/BDCC	TH Phan Huy Ích	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2628	Lê Minh Hải	29/05/1985	Đạt	DHSPTPHCM000419	000419/2021/BDCC	TH Đinh Bộ Lĩnh	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2629	Mai Thành Công Danh	16/04/1990	Đạt	DHSPTPHCM000420	000420/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2630	Phạm Hoàng Giang	07/02/1976	Đạt	DHSPTPHCM000421	000421/2021/BDCC	TH Long Thành	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2631	Nguyễn Hoàng Lâm Vũ	26/02/1983	Đạt	DHSPTPHCM000422	000422/2021/BDCC	TH Tam Đông 2	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
2632	Nguyễn Thị Khuyên	03/08/1989	Đạt	DHSPTPHCM000423	000423/2021/BDCC	TH Lê Văn Lương	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
2633	Hà Hồng Phúc	10/12/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000424	000424/2021/BDCC	TH Lê Văn Thế	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2634	Nguyễn Thị Song Hiếu	05/11/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000425	000425/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 5
2635	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	20/01/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000426	000426/2021/BDCC	TH Mê Linh	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 5
2636	Trần Thanh Trường	01/07/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000427	000427/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 5
2637	Phạm Thị Ngọc Quyên	19/09/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000428	000428/2021/BDCC	TH Chính Nghĩa	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 5
2638	Hoàng Thị Kim Ánh	18/08/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000429	000429/2021/BDCC	TH Nguyễn Thiện Thuật	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
2639	Lý Quốc Hoàng	22/07/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000430	000430/2021/BDCC	TH Trường Thạnh	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 5
2640	Phan Thị Duyên Anh	21/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000431	000431/2021/BDCC	TH Thiên Hộ Dương	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 5
2641	Trần Quốc Thượng	14/04/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000432	000432/2021/BDCC	TH Hồ Văn Thanh	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 5
2642	Nguyễn Phước Ngân	24/05/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000433	000433/2021/BDCC	Thol Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2643	Phan Thị Luyến	11/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000434	000434/2021/BDCC	TH Tầm Vu	Phòng GDĐT Quận Bình Thanh	Mô đun 5
2644	Nguyễn Thị Kim Chi	20/10/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000435	000435/2021/BDCC	TH Trần Quang Khải	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2645	Nguyễn Thị Ngọc Bích	25/07/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000436	000436/2021/BDCC	Đông Ba	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
2646	Trương Tuyết Thanh	15/06/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000437	000437/2021/BDCC	TH Tân Sơn Nhì	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2647	Huỳnh Võ Phan Minh Sang	28/10/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000438	000438/2021/BDCC	TH Bình Thạnh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2648	Nguyễn Thị Phan	30/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000439	000439/2021/BDCC	TH Trung An	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2649	Đỗ Thị Duyên	18/03/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000440	000440/2021/BDCC	TH Bùi Văn Ngự	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
2650	Lê Thị Kiều Nguyệt Nga	24/01/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000441	000441/2021/BDCC	TH Dương Văn Lịch	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2651	Nguyễn Nhật Tâm	21/09/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000442	000442/2021/BDCC	TH Trần Danh Lâm	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 5
2652	Nguyễn Vương Kim Thịnh	05/08/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000443	000443/2021/BDCC	TH Bình Giả	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2653	Mai Quốc	04/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000444	000444/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
2654	Cao Thị Thanh Trúc	01/01/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000445	000445/2021/BDCC	TH Bến Càng	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 5
2655	Nguyễn Minh Thông	01/06/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000446	000446/2021/BDCC	TH Trần Quang Diệu	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 5
2656	Châu Thị Thanh Trang	01/08/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000447	000447/2021/BDCC	TH Chương Dương	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 5
2657	Lê Thị Kim Lụa	27/10/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000448	000448/2021/BDCC	Tth Nguyễn Thị Định	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
2658	Lê Quang Gạo	13/07/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000449	000449/2021/BDCC	TH Lê Văn Việt	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 5
2659	Đỗ Việt Hoàng	20/05/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000450	000450/2021/BDCC	TH Lê Thị Riêng	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 5
2660	Nguyễn Thị Diệu Huyền	10/12/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000451	000451/2021/BDCC	TH Đại Thành	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 5
2661	Nguyễn Thị Hiền	01/01/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000452	000452/2021/BDCC	TH Nguyễn Khuyến	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 5
2662	Nguyễn Văn Thám	02/08/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000453	000453/2021/BDCC	TH Lạc Hồng	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2663	Nguyễn Ngọc Hương Trà	17/10/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000454	000454/2021/BDCC	Phạm Ngọc Thạch	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
2664	Vũ Đức Long	18/08/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM000455	000455/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2665	Thái Tăng Thương	08/02/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000456	000456/2021/BDCC	TH Lê Lai	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2666	Nguyễn Thị Thúy Hằng	27/04/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000457	000457/2021/BDCC	TH Linh Chiểu	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2667	Thiều Minh Anh Thy	28/09/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000458	000458/2021/BDCC	TH Qui Đức	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2668	Võ Chí Công	12/07/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000459	000459/2021/BDCC	TH An Phú 1	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2669	Lê Thị Mộng Thu	07/12/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000460	000460/2021/BDCC	TH Trần Văn Danh	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
2670	Mai Thị Hồng Nhung	08/08/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000461	000461/2021/BDCC	TH Trần Thị Ngọc Hân	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
2671	Ngô Nguyễn Thị Thu Anah	29/01/1986	Đạt	DHSPTPHCM000462	000462/2021/BDCC	TH Bình Phước	Phòng GDDT Huyện Củn Giờ	Mô đũn 5
2672	Lê Phước Giang	16/08/1992	Đạt	DHSPTPHCM000463	000463/2021/BDCC	TH Lương Thiệ Vĩnh 1, Tp. Thủ Đức	Phòng GDDT Quận 2	Mô đũn 5
2673	Trĩnh Thi Tha	16/07/1981	Đạt	DHSPTPHCM000464	000464/2021/BDCC	TH Lê Ngợc Hãn	Phòng GDDT Quận 1	Mô đũn 5
2674	Trương Thi Mĩnh Châu	28/12/1992	Đạt	DHSPTPHCM000465	000465/2021/BDCC	TH Khai Mĩnh	Phòng GDDT Quận 1	Mô đũn 5
2675	Đào Thi Ngợc Thi	13/09/1978	Đạt	DHSPTPHCM000466	000466/2021/BDCC	TH An Bĩnh	Phòng GDDT Quận 2	Mô đũn 5
2676	Nguyễn Thi Phũng	28/01/1977	Đạt	DHSPTPHCM000467	000467/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trĩi	Phòng GDDT Quận 2	Mô đũn 5
2677	Vũ Thi Kim Thoa	18/04/1976	Đạt	DHSPTPHCM000468	000468/2021/BDCC	TH Nguyễn Thanh Trũyễn	Phòng GDDT Quận 3	Mô đũn 5
2678	Đĩi Thi Mỹ Ngợc	05/08/1990	Đạt	DHSPTPHCM000469	000469/2021/BDCC	TH Bĩn Cẩng	Phòng GDDT Quận 4	Mô đũn 5
2679	Trần Ngợc Huỳnh Mai	21/03/1984	Đạt	DHSPTPHCM000470	000470/2021/BDCC	TH Lê Đĩnh Chĩnh	Phòng GDDT Quận 5	Mô đũn 5
2680	Trần Yển Lĩnh	24/07/1968	Đạt	DHSPTPHCM000471	000471/2021/BDCC	TH Trần Bĩnh Trũng	Phòng GDDT Quận 5	Mô đũn 5
2681	Nguyễn Thi Kim Phũng	04/07/1971	Đạt	DHSPTPHCM000472	000472/2021/BDCC	TH Đẩng Nguyễn Cẩn	Phòng GDDT Quận 6	Mô đũn 5
2682	Nguyễn Mai Lan Anh	07/07/1983	Đạt	DHSPTPHCM000473	000473/2021/BDCC	TH Lê Văn Tẩm	Phòng GDDT Quận 7	Mô đũn 5
2683	Trần Thi Mỹ Thầu	14/11/1976	Đạt	DHSPTPHCM000474	000474/2021/BDCC	TH Phú Mỹ	Phòng GDDT Quận 7	Mô đũn 5
2684	Phạm Thi Hồng Nhũ	01/08/1992	Đạt	DHSPTPHCM000475	000475/2021/BDCC	TH Bũi Mĩnh Trũc	Phòng GDDT Quận 8	Mô đũn 5
2685	Nguyễn Thi Kim Oanh	16/07/1975	Đạt	DHSPTPHCM000476	000476/2021/BDCC	TH Phước Bĩnh	Phòng GDDT Quận 9	Mô đũn 5
2686	Phạm Đào Cathy	10/05/1982	Đạt	DHSPTPHCM000477	000477/2021/BDCC	TH Tậ Uyên	Phòng GDDT Quận 9	Mô đũn 5
2687	Đĩnh Thi Lan Phũng	27/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000478	000478/2021/BDCC	TH Vĩ Trương Tỏn	Phòng GDDT Quận 10	Mô đũn 5
2688	Lê Thi Mĩnh Trẩng	15/07/1989	Đạt	DHSPTPHCM000479	000479/2021/BDCC	TH Trần Văn Kiểu	Phòng GDDT Quận 10	Mô đũn 5
2689	Nguyễn Thi Tũyết Son	03/05/1979	Đạt	DHSPTPHCM000480	000480/2021/BDCC	TH Nguyễn Bá Ngợc	Phòng GDDT Quận 11	Mô đũn 5
2690	Đoàn Thi Mỹ Hẩnh	10/05/1979	Đạt	DHSPTPHCM000481	000481/2021/BDCC	TH Phạm Văn Chĩu	Phòng GDDT Quận 12	Mô đũn 5
2691	Trần Thi Thanh Quỳn	14/10/1985	Đạt	DHSPTPHCM000482	000482/2021/BDCC	Thel Bũi Hũu Nghĩa	Phòng GDDT Quận Bĩnh Tẩn	Mô đũn 5
2692	Hoàng Hai Yển	02/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM000483	000483/2021/BDCC	TH Bĩ Văn Đẩn	Phòng GDDT Quận Bĩnh Thanh	Mô đũn 5
2693	Nguyễn Thi Đan Thũy	21/09/1975	Đạt	DHSPTPHCM000484	000484/2021/BDCC	TH Nguyễn Bá Ngợc	Phòng GDDT Quận Gò Vẩp	Mô đũn 5
2694	Lê Trần Ngợc Hoa	16/10/1992	Đạt	DHSPTPHCM000485	000485/2021/BDCC	TH Hẩnh Thũng	Phòng GDDT Quận Gò Vẩp	Mô đũn 5
2695	Chầu Thi Hồng Hẩnh	01/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM000486	000486/2021/BDCC	TH Lam Son	Phòng GDDT Quận Gò Vẩp	Mô đũn 5
2696	Lý Khánh Hoa	20/02/1981	Đạt	DHSPTPHCM000487	000487/2021/BDCC	TH Hĩệp Tẩn	Phòng GDDT Quận Tẩn Phú	Mô đũn 5
2697	Nguyễn Thi Ngợc Phũng	01/08/1977	Đạt	DHSPTPHCM000488	000488/2021/BDCC	TH Tẩn Hĩa	Phòng GDDT Quận Tẩn Phú	Mô đũn 5
2698	Vũ Thi Hoàng Oanh	06/03/1976	Đạt	DHSPTPHCM000489	000489/2021/BDCC	TH Trần Văn Vẩn	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đũn 5
2699	Nguyễn Thi Hai	06/10/1974	Đạt	DHSPTPHCM000490	000490/2021/BDCC	TH Lương Thiệ Vĩnh	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đũn 5
2700	Nguyễn Thi Thanh Thũy	22/02/1976	Đạt	DHSPTPHCM000491	000491/2021/BDCC	TH Long Thẩnh	Phòng GDDT Huyện Củn Giờ	Mô đũn 5
2701	Đẩng Thanh Hũẩn	03/03/1972	Đạt	DHSPTPHCM000492	000492/2021/BDCC	TH Bĩnh Phước	Phòng GDDT Huyện Củn Giờ	Mô đũn 5
2702	Ngợ Thi Thũy Hẩng	29/04/1989	Đạt	DHSPTPHCM000493	000493/2021/BDCC	TH Lê Văn Thĩ	Phòng GDDT Huyện Củn Chĩ	Mô đũn 5
2703	Liểu Thi Vẩn	05/05/1979	Đạt	DHSPTPHCM000494	000494/2021/BDCC	TH Tẩn Phú Trũng	Phòng GDDT Huyện Củn Chĩ	Mô đũn 5
2704	Nguyễn Hoàng Lĩnh Phũng	27/11/1975	Đạt	DHSPTPHCM000495	000495/2021/BDCC	Nguyễn Thi Nũi	Phòng GDDT Huyện Củn Chĩ	Mô đũn 5
2705	Trần Ngợc Mĩnh Tẩm	13/11/1987	Đạt	DHSPTPHCM000496	000496/2021/BDCC	TH Thĩi Tẩm	Phòng GDDT Huyện Củn Chĩ	Mô đũn 5
2706	Phạm Thi Thũ Ngẩn	30/12/1985	Đạt	DHSPTPHCM000497	000497/2021/BDCC	TH Trần Quĩc Tỏn	Phòng GDDT Huyện Củn Chĩ	Mô đũn 5
2707	Phạm Thi Cẩm Hà	19/11/1991	Đạt	DHSPTPHCM000498	000498/2021/BDCC	TH Tậ Uyên	Phòng GDDT Huyện Củn Chĩ	Mô đũn 5
2708	Bũi Thi Mai Trẩng	01/04/1989	Đạt	DHSPTPHCM000499	000499/2021/BDCC	TH Phan Đẩng Lưu	Phòng GDDT Quận 8	Mô đũn 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
2709	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000500	000500/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Lương	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
2710	Hồng Thị Tường An	02/12/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000501	000501/2021/BDCC	TH Chi Lăng	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2711	Lê Thị Ngọc Tuyết	03/11/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000502	000502/2021/BDCC	TH Phú Thọ Hoà	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2712	Kiều Mộng Lanh	03/09/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000503	000503/2021/BDCC	TH Lê Thánh Tôn	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 5
2713	Đỗ Hữu Hồng Ân	31/10/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000504	000504/2021/BDCC	Đông Ba	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
2714	Nguyễn Thị Kim Cúc	25/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000505	000505/2021/BDCC	TH Tân Quý Tây	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2715	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	02/12/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000506	000506/2021/BDCC	TH Lê Thị Riêng	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 5
2716	Nguyễn Thị Bích Vân	14/12/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000507	000507/2021/BDCC	TH Bình Trị Đông A	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2717	Ngô Thị Thanh Phương	06/09/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000508	000508/2021/BDCC	TH Nguyễn Bình Khiêm	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 5
2718	Lê Thanh Phương	30/10/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000509	000509/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 5
2719	Đỗ Thị Hà My	24/02/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000510	000510/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Học	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 5
2720	Nguyễn Ngọc Thủy	06/07/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000511	000511/2021/BDCC	TH An Khánh	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 5
2721	Trịnh Như Văn	28/10/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000512	000512/2021/BDCC	TH Mỹ Thủy	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 5
2722	Đinh Thị Tuyết Lan	24/01/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000513	000513/2021/BDCC	TH Phan Đình Phùng	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 5
2723	Trần Thụy Vĩnh Đông Nghi	19/09/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000514	000514/2021/BDCC	TH Lê Thánh Tôn	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 5
2724	Cao Thiên Ngân	01/10/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000515	000515/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 5
2725	Trần Thị Uyên Trang	04/01/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000516	000516/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 5
2726	Nguyễn Lê Hạnh Dung	10/12/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000517	000517/2021/BDCC	TH Minh Đạo	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 5
2727	Lê Ngọc Huyền Thu	27/03/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000518	000518/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 5
2728	Nguyễn Hữu Đức	14/01/1963	Đạt	ĐHSPTPHCM000519	000519/2021/BDCC	TH Chính Nghĩa	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 5
2729	Phạm Thị Thanh Phi	13/04/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000520	000520/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
2730	Nguyễn Đình Báo	20/05/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM000521	000521/2021/BDCC	TH Phú Đồng	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
2731	Nguyễn Huyền Châu	19/09/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000522	000522/2021/BDCC	TH Lam Sơn	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
2732	Trần Thị Hạnh Dương	15/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000523	000523/2021/BDCC	TH Võ Văn Tần	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
2733	Trần Thị Kiều Hân	22/09/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000524	000524/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
2734	Trần Thị Hải Yến	06/11/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000525	000525/2021/BDCC	TH Lê Văn Tám	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
2735	Hoàng Thủy Bích Thủy	11/08/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000526	000526/2021/BDCC	Tỉ Nguyễn Thị Định	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
2736	Cao Nguyễn Thủy Kiều	09/10/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000527	000527/2021/BDCC	TH Phú Thuận	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
2737	Đoàn Thị Ánh Xuân	26/08/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000528	000528/2021/BDCC	TH Hoàng Minh Đạo	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 5
2738	Nguyễn Kim Chi	11/02/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000529	000529/2021/BDCC	Tiểu Học Hưng Phú	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 5
2739	Trần Thị Mỹ Linh	15/07/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000530	000530/2021/BDCC	TH Tuy Lý Vương	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 5
2740	Đồng Thị Anh Minh	15/07/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000531	000531/2021/BDCC	TH Trần Nguyễn Hân	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 5
2741	Huỳnh Thị Thanh Huệ	16/11/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000532	000532/2021/BDCC	TH Phạm Văn Chính	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 5
2742	Phạm Thị Kim Hương	24/08/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000533	000533/2021/BDCC	TH Hiệp Phú	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 5
2743	Trần Kiều Mỹ Nga	22/02/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000534	000534/2021/BDCC	Tỉ Trần Quang Cơ	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 5
2744	Nguyễn Thị Văn Anh	11/11/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000535	000535/2021/BDCC	TH Trương Định	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 5
2745	Nguyễn Song Thanh Thủy	27/05/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000536	000536/2021/BDCC	TH Phú Thọ	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 5
2746	Huỳnh Thị Minh Trâm	13/01/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000537	000537/2021/BDCC	TH Lạc Long Quân	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
2747	Nguyễn Ngọc Vân Thy	30/05/1990	Đạt	DHSPTPHCM000538	000538/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 5
2748	Đinh Hoài Phương	12/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM000539	000539/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Định	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5
2749	Nguyễn Vũ Thủy Dung	18/12/1979	Đạt	DHSPTPHCM000540	000540/2021/BDCC	TH Lý Tự Trọng	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5
2750	Hà Trương Cẩm Thúy	20/03/1976	Đạt	DHSPTPHCM000541	000541/2021/BDCC	TH Nguyễn Du	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5
2751	Vũ Thị Thanh Trúc	09/10/1978	Đạt	DHSPTPHCM000542	000542/2021/BDCC	TH Nguyễn Trãi	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5
2752	Quách Hoàng Liên Hạ	30/09/1972	Đạt	DHSPTPHCM000543	000543/2021/BDCC	Thel Bình Trị 2	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2753	Lê Thị Bích Dung	19/10/1982	Đạt	DHSPTPHCM000544	000544/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2754	Nguyễn Thị Quyết	07/06/1984	Đạt	DHSPTPHCM000545	000545/2021/BDCC	THCS An Lạc 1	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2755	Đoàn Thị Phương	18/06/1975	Đạt	DHSPTPHCM000546	000546/2021/BDCC	TH Hồng Hà	Phòng GDDT Quận Bình Thanh	Mô đun 5
2756	Phan Diệp Phương Thảo	14/01/1978	Đạt	DHSPTPHCM000547	000547/2021/BDCC	TH Bé Văn Dàn	Phòng GDDT Quận Bình Thanh	Mô đun 5
2757	Trần Thị Ngọc Hồng	26/10/1979	Đạt	DHSPTPHCM000548	000548/2021/BDCC	TH Nguyễn Đình Chiểu	Phòng GDDT Quận Bình Thanh	Mô đun 5
2758	Lưu Thị Thu Vân	10/11/1981	Đạt	DHSPTPHCM000549	000549/2021/BDCC	TH Phan Chu Trinh	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2759	Nguyễn Thị Thu Hà	10/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM000550	000550/2021/BDCC	TH Nguyễn Viết Xuân	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2760	Trần Thị Lệ Thương	09/03/1980	Đạt	DHSPTPHCM000551	000551/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2761	Đặng Tuyết Loan	30/08/1993	Đạt	DHSPTPHCM000552	000552/2021/BDCC	TH Lê Quý Đôn	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2762	Nguyễn Thị Xuân Thi	25/01/1989	Đạt	DHSPTPHCM000553	000553/2021/BDCC	Nguyễn Đình Chính	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
2763	Nguyễn Vũ Hạnh Phương	06/07/1990	Đạt	DHSPTPHCM000554	000554/2021/BDCC	Phạm Ngọc Thạch	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
2764	Nguyễn Thị Thi	31/07/1990	Đạt	DHSPTPHCM000555	000555/2021/BDCC	Hồ Văn Huê	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
2765	Đỗ Thị Hồng Phúc	20/05/1980	Đạt	DHSPTPHCM000556	000556/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Kịp	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2766	Võ Thị Cẩm Thủy	01/07/1978	Đạt	DHSPTPHCM000557	000557/2021/BDCC	TH Hồ Văn Cường	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2767	Võ Thị Kim Phụng	01/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000558	000558/2021/BDCC	TH Đoàn Thị Diễm	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2768	Phan Thị Thu Hà	08/10/1972	Đạt	DHSPTPHCM000559	000559/2021/BDCC	TH Tô Vĩnh Diện	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2769	Ngô Thủy Trinh	14/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM000560	000560/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Triết	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2770	Trình Thị Tuyết Thu	30/03/1978	Đạt	DHSPTPHCM000561	000561/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2771	Đào Ngọc Diệp	18/07/1976	Đạt	DHSPTPHCM000562	000562/2021/BDCC	TH Tân Nhựt	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2772	Đặng Thị Minh Trí	09/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000563	000563/2021/BDCC	TH Tân Quý Tây 3	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2773	Huỳnh Kim Khánh	12/07/1975	Đạt	DHSPTPHCM000564	000564/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2774	Trang Thị Kim Cúc	02/04/1975	Đạt	DHSPTPHCM000565	000565/2021/BDCC	TH Tân Quý Tây 3	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2775	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	15/07/1989	Đạt	DHSPTPHCM000566	000566/2021/BDCC	TH Đồng Hoà	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2776	Lê Nguyễn Thị Thùy Linh	07/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM000567	000567/2021/BDCC	TH Tân Thông	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2777	Phạm Thi Hiệp	06/10/1977	Đạt	DHSPTPHCM000568	000568/2021/BDCC	TH Phạm Văn Cội	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2778	Huỳnh Thị Hương	01/01/1975	Đạt	DHSPTPHCM000569	000569/2021/BDCC	TH Thị Trấn 2	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2779	Nguyễn Ngọc Hiền	16/11/1992	Đạt	DHSPTPHCM000570	000570/2021/BDCC	TH Hòa Phú	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2780	Nguyễn Thị Hoàng Lan	12/02/1980	Đạt	DHSPTPHCM000571	000571/2021/BDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
2781	Lê Thanh Lan	15/08/1969	Đạt	DHSPTPHCM000572	000572/2021/BDCC	TH Xuân Thới Thượng	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
2782	Trình Huỳnh Tài	05/07/1972	Đạt	DHSPTPHCM000573	000573/2021/BDCC	TH Bùi Văn Ngự	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
2783	Trần Thị Hà Như	01/09/1969	Đạt	DHSPTPHCM000574	000574/2021/BDCC	Bdgd Huyện Nhà Bè	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2784	Đoàn Thị Ngọc Tuyết	05/07/1987	Đạt	DHSPTPHCM000575	000575/2021/BDCC	TH Bùi Thanh Kiệt	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
2785	Lê Thị Mỹ Dung	09/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000576	000576/2021/BDCC	TH Linh Chiểu	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2786	Nguyễn Thị Hà My	22/08/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000577	000577/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Tây	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2787	Đặng Thị Thuỳ Dung	15/12/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000578	000578/2021/BDCC	TH Lê Thị Hồng Gấm	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2788	Nguyễn Thị Mai Huyền	30/08/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000579	000579/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 5
2789	Võ Hồ Thanh Mai	04/07/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000580	000580/2021/BDCC	TH Phước Thạnh	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 5
2790	Nguyễn Thị Hiền	26/10/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000581	000581/2021/BDCC	TH Cấn Thanh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2791	Lê Thị Hồng Cẩm	12/08/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000582	000582/2021/BDCC	TH Bình Giả	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2792	Nguyễn Thị Kim Cương	24/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000583	000583/2021/BDCC	TH Lê Thị Hồng Gấm	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2793	Lê Thị Ngọc Loan	15/10/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000584	000584/2021/BDCC	TH Phước Bình	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 5
2794	Nguyễn Thị Thanh Trang	25/10/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000585	000585/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2795	Đỗ Thị Hoàng Anh	10/08/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000586	000586/2021/BDCC	TH Trần Hưng Đạo	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 5
2796	Nguyễn Phi Long	19/10/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000587	000587/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 5
2797	Hoàng Phương Trang	31/05/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000588	000588/2021/BDCC	TH Trần Quốc Thảo	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 5
2798	Nguyễn Thị Thanh Trâm	15/08/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000589	000589/2021/BDCC	Tth - THCS - THPT Tây Úc		Mô đun 5
2799	Lý Thuỳ Xuân Mì	06/05/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000590	000590/2021/BDCC	TH Đoàn Thị Diễm	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 5
2800	Kiều Thị Thu Hà	08/07/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000591	000591/2021/BDCC	TH Đặng Trần Côn	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 5
2801	Trương Thị Hồng Hải	04/09/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000592	000592/2021/BDCC	TH Nguyễn Viết Xuân	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 5
2802	Nguyễn Phạm Ngọc Hà	08/10/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000593	000593/2021/BDCC	TH Lý Cảnh Hóm	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 5
2803	Võ Minh Luân	22/10/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000594	000594/2021/BDCC	TH Hùng Vương	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
2804	Trần Thị Thu Lý	28/05/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000595	000595/2021/BDCC	TH Phạm Văn Chí	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
2805	Nguyễn Thị Kim Ngân	24/04/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000596	000596/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
2806	Phạm Minh Trường	29/03/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM000597	000597/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
2807	Trần Đoàn Linh Phương	25/10/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000598	000598/2021/BDCC	TH Vàm Cỏ Đông	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 5
2808	Ngô Yên Linh	02/03/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000599	000599/2021/BDCC	TH Nguyễn Nhược Thị	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 5
2809	Nguyễn Trọng Năm	03/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000600	000600/2021/BDCC	TH Long Thành Mỹ	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 5
2810	Nguyễn Văn Đường	20/09/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000601	000601/2021/BDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 5
2811	Nguyễn Hoàng Ngọc Phương	06/06/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000602	000602/2021/BDCC	TH Triệu Thị Trinh	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 5
2812	Nguyễn Đỗ Thanh Nguyên	05/09/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000603	000603/2021/BDCC	TH Nguyễn Chí Thanh	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 5
2813	Đặng Thị Hoàng Thanh	23/07/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000604	000604/2021/BDCC	TH Phùng Hưng	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 5
2814	Đào Thị Ngọc Loan	01/07/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000605	000605/2021/BDCC	TH Thuận Kiều	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 5
2815	Nguyễn Việt Hào	18/09/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000606	000606/2021/BDCC	Thc1 Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2816	Lưu Thị Cẩm Hằng	10/12/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000607	000607/2021/BDCC	TH Trần Quang Vinh	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 5
2817	Vũ Thị Ngân Hà	06/04/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000608	000608/2021/BDCC	TH Đồng Đa	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 5
2818	Lê Thanh Hùng	20/05/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000609	000609/2021/BDCC	TH An Hội	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2819	Lê Thị Kim Liên	15/07/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000610	000610/2021/BDCC	TH Bành Văn Trân	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2820	Trần Thị Ngọc Hạnh	10/02/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000611	000611/2021/BDCC	TH Nguyễn Thanh Tuyền	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2821	Trần Thị Duy Thảo	24/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000612	000612/2021/BDCC	TH Lê Lai	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2822	Phạm Thị Nhung	12/10/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000613	000613/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Chính	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
2823	Nguyễn Trần Thu Hà	08/09/1989	Đạt	DHSPTPHCM000614	000614/2021/BDCC	TH Linh Chiểu	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2824	Nguyễn Ngọc Bích	20/11/1968	Đạt	DHSPTPHCM000615	000615/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Banh	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2825	Lê Thị Thu Thương	18/05/1977	Đạt	DHSPTPHCM000616	000616/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2826	Nguyễn Thanh Bình	18/02/1988	Đạt	DHSPTPHCM000617	000617/2021/BDCC	TH Hoà Hiệp	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2827	Trịnh Thị Hằng	20/09/1989	Đạt	DHSPTPHCM000618	000618/2021/BDCC	TH Vàm Sát	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2828	Phạm Thị Hải Yến	20/08/1976	Đạt	DHSPTPHCM000619	000619/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Lăng	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2829	Nguyễn Hoàng Minh	02/03/1967	Đạt	DHSPTPHCM000620	000620/2021/BDCC	TH Nhuận Đức 2	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2830	Trần Tấn Đạt	14/02/1992	Đạt	DHSPTPHCM000621	000621/2021/BDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 5
2831	Hà Anh Tuấn	11/04/1987	Đạt	DHSPTPHCM000622	000622/2021/BDCC	Nguyễn Thị Núi	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 5
2832	Trương Thị Lệ Hằng	12/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000623	000623/2021/BDCC	TH Trang Tấn Khương	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2833	Lê Thị Linh	13/02/1979	Đạt	DHSPTPHCM000624	000624/2021/BDCC	TH Tân Túc	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2834	Phạm Thị Mỹ Tuyền	06/06/1991	Đạt	DHSPTPHCM000625	000625/2021/BDCC	TH Trần Quang Cơ	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5
2835	Quan Tổ Liên	08/12/1994	Đạt	DHSPTPHCM000626	000626/2021/BDCC	TH An Bình	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 5
2836	Tạ Lê Nhật Vy	02/11/1986	Đạt	DHSPTPHCM000627	000627/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 5
2837	Trần Thị Ngọc Huyền	28/09/1977	Đạt	DHSPTPHCM000628	000628/2021/BDCC	TH Thanh Mỹ Lợi	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 5
2838	Nguyễn Văn Tấn	29/04/1977	Đạt	DHSPTPHCM000629	000629/2021/BDCC	TH Trương Quyền	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 5
2839	Nguyễn Xuân Cường	27/12/1971	Đạt	DHSPTPHCM000630	000630/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ 1	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 5
2840	Lê Thị Tinh Thương	28/02/1987	Đạt	DHSPTPHCM000631	000631/2021/BDCC	TH Nguyễn Trường Tô	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 5
2841	Trần Thị Phương Trang	09/03/1969	Đạt	DHSPTPHCM000632	000632/2021/BDCC	TH Huỳnh Mẫn Đạt	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 5
2842	Phạm Phương Hậu	22/07/1964	Đạt	DHSPTPHCM000633	000633/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 5
2843	Nguyễn Minh Tân	25/05/1974	Đạt	DHSPTPHCM000634	000634/2021/BDCC	TH Nhật Tảo	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 5
2844	Đặng Thị Khánh Hà	11/12/1972	Đạt	DHSPTPHCM000635	000635/2021/BDCC	TH Đặng Thùy Trâm	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 5
2845	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	05/11/1993	Đạt	DHSPTPHCM000636	000636/2021/BDCC	TH Hồng Đức	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 5
2846	Nguyễn Thị Kim Lang	04/12/1980	Đạt	DHSPTPHCM000637	000637/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Bá	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 5
2847	Hoàng Thị Thủy	11/11/1979	Đạt	DHSPTPHCM000638	000638/2021/BDCC	TH Trương Thanh	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 5
2848	Phan Thị Huy Tú	04/12/1979	Đạt	DHSPTPHCM000639	000639/2021/BDCC	TH Thiên Hộ Dương	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 5
2849	Trương Tuệ Vi	01/01/1986	Đạt	DHSPTPHCM000640	000640/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 5
2850	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	22/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM000641	000641/2021/BDCC	TH Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 5
2851	Lâm Anh Thơ	22/11/1993	Đạt	DHSPTPHCM000642	000642/2021/BDCC	TH Lê Ngô Quyền	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2852	Trần Thị Huệ	28/09/1988	Đạt	DHSPTPHCM000643	000643/2021/BDCC	TH Phú Đồng	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2853	Phạm Thị Phương Thảo	23/09/1992	Đạt	DHSPTPHCM000644	000644/2021/BDCC	TH Thanh Đa	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 5
2854	Trần Hữu Cẩm Tú	22/11/1975	Đạt	DHSPTPHCM000645	000645/2021/BDCC	TH Tầm Vu	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 5
2855	Nguyễn Thị Thiên Ân	11/12/1975	Đạt	DHSPTPHCM000646	000646/2021/BDCC	TH Nguyễn Thương Hiền	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2856	Trịnh Thị Thu	06/09/1978	Đạt	DHSPTPHCM000647	000647/2021/BDCC	TH Hạnh Thông	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2857	Lư Thị Bích Nga	06/10/1979	Đạt	DHSPTPHCM000648	000648/2021/BDCC	Cô Loa	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
2858	Trần Thị Tường Vi	20/09/1987	Đạt	DHSPTPHCM000649	000649/2021/BDCC	Nguyễn Đình Chính	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2859	Nguyễn Thị Phương Nghi	24/04/1985	Đạt	DHSPTPHCM000650	000650/2021/BDCC	TH Trần Quốc Toàn	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2860	Nguyễn Anh Tú	27/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000651	000651/2021/BDCC	TH Tân Sơn Nhì	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
2861	Nguyễn Ngọc Đoàn Trang	27/06/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000652	000652/2021/BDCC	TH Linh Tây	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2862	Phạm Thị Ngọc Liễu	17/06/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000653	000653/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2863	Hoàng Hữu Chí	18/11/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000654	000654/2021/BDCC	TH Tam Thôn Hiệp	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2864	Trần Thảo Trang	01/09/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM000655	000655/2021/BDCC	TH Đồng Hoà	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2865	Lâm Võ Nguyệt Quế	25/12/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000656	000656/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Lịch	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2866	Lê Đình Trang Đài	08/09/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000657	000657/2021/BDCC	TH Phước Hiệp	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2867	Nguyễn Văn Được	01/01/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000658	000658/2021/BDCC	TH Trương Văn Ngai	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
2868	Phạm Thị Mai Chi	01/12/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000659	000659/2021/BDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
2869	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	07/05/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000660	000660/2021/BDCC	TH Lâm Văn Bền	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2870	Trần Thị Thanh Nhã	15/02/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000661	000661/2021/BDCC	TH Bùi Văn Ba	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2871	Nguyễn Thị Giao Linh	23/10/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000662	000662/2021/BDCC	TH Phan Văn Hân	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 5
2872	Võ Thị Thanh Hương	10/01/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000663	000663/2021/BDCC	TH An Phú	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 5
2873	Hoàng Minh Thuận	22/04/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000664	000664/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Kịp	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 5
2874	Lê Ngọc Quyên	08/10/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM000665	000665/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5
2875	Nguyễn Thị Hoàng Yến	23/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000666	000666/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5
2876	Nguyễn Vũ Thái Hiền	14/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000667	000667/2021/BDCC	TH Chi Lăng	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 5
2877	Trương Thị Ngọc Diệp	05/11/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000668	000668/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 5
2878	Đặng Thị Kiều Diễm Dung	24/12/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000669	000669/2021/BDCC	TH Hòa Bình	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 5
2879	Nguyễn Thúy Liễu	19/12/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000670	000670/2021/BDCC	TH Mỹ Thủy	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 5
2880	Trần Ngọc Hạnh	26/09/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000671	000671/2021/BDCC	TH Bình Trưng Đông	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 5
2881	Hồ Thị Luyện	25/06/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000672	000672/2021/BDCC	TH Nguyễn Thiện Thuật	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 5
2882	Đoàn Ngọc Hiếu	02/09/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000673	000673/2021/BDCC	TH Nguyễn Thi	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 5
2883	Phan Đình Ngô	25/06/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000674	000674/2021/BDCC	TH Bạch Đằng	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 5
2884	Đỗ Thị Tuyết Hồng	06/12/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000675	000675/2021/BDCC	TH Đồng Đa	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 5
2885	Đào Thị Thu Lan	26/02/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000676	000676/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 5
2886	Ngô Kim Phụng	18/08/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000677	000677/2021/BDCC	TH Trần Bình Trọng	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 5
2887	Nguyễn Vương Tuấn Kiệt	26/07/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000678	000678/2021/BDCC	TH Trương Công Định	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 5
2888	Huỳnh Thị Ngọc Tuyền	16/11/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000679	000679/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 5
2889	Đặng Thị Thái Uyên	27/11/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000680	000680/2021/BDCC	TH Trần Quốc Toàn	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 5
2890	Cao Thị Phương Huyền	12/03/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000681	000681/2021/BDCC	TH Phạm Hữu Lâu	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 5
2891	Nguyễn Ngọc Uyên	12/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000682	000682/2021/BDCC	TH Nguyễn Trục	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 5
2892	Trần Thị Thùy Vân	09/05/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000683	000683/2021/BDCC	TH Bông Sao	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 5
2893	Lê Thị Thanh Nga	25/06/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000684	000684/2021/BDCC	TH Phú Hữu	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 5
2894	Cao Đăng Minh Kim	02/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000685	000685/2021/BDCC	TH Võ Trường Toản	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 5
2895	Huỳnh Kim Hương	14/03/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000686	000686/2021/BDCC	TH Dương Minh Châu	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 5
2896	Nguyễn Thành Lê Anh	12/07/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000687	000687/2021/BDCC	TH Trung Trắc	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 5
2897	Nguyễn Thị Kim Long	30/05/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000688	000688/2021/BDCC	TH Phùng Hưng	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 5
2898	Nguyễn Thị Mỹ	10/05/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000689	000689/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
2899	Trần Thị Kim Quyên	17/06/1983	Đạt	DHSPTPHCM000690	000690/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5
2900	Huyền Trương Thanh Mai	14/06/1984	Đạt	DHSPTPHCM000691	000691/2021/BDCC	Thel Lê Công Phép	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2901	Tô Thị Sen	04/02/1968	Đạt	DHSPTPHCM000692	000692/2021/BDCC	Thel Bình Thuận	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2902	Nguyễn Thị Diệu Phương	22/06/1990	Đạt	DHSPTPHCM000693	000693/2021/BDCC	TH Phan Văn Trị	Phòng GDDT Quận Bình Thanh	Mô đun 5
2903	Lê Thanh Trâm	12/01/1978	Đạt	DHSPTPHCM000694	000694/2021/BDCC	TH Thanh Mỹ Tây	Phòng GDDT Quận Bình Thanh	Mô đun 5
2904	Vương Ngọc Yến	03/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000695	000695/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2905	Nguyễn Thị Thu Hằng	17/10/1979	Đạt	DHSPTPHCM000696	000696/2021/BDCC	Chí Linh	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
2906	Mai Thị Hồng Hạnh	12/08/1970	Đạt	DHSPTPHCM000697	000697/2021/BDCC	Đông Ba	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
2907	Nguyễn Lê Thanh Tuyền	20/06/1983	Đạt	DHSPTPHCM000698	000698/2021/BDCC	TH Đông Đa	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2908	Nguyễn Thị Hòa	09/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000699	000699/2021/BDCC	TH Thân Nhân Trung	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2909	Hoàng Ngọc Phương	08/12/1986	Đạt	DHSPTPHCM000700	000700/2021/BDCC	TH Tân Thới	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2910	Trần Minh Danh	21/12/1983	Đạt	DHSPTPHCM000701	000701/2021/BDCC	TH Lê Thánh Tông	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2911	Lê Thị Yến Oanh	21/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM000702	000702/2021/BDCC	TH Đào Sơn Tây	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2912	Phạm Thị Thu Hằng	27/12/1987	Đạt	DHSPTPHCM000703	000703/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2913	Cao Tú Trinh	15/07/1988	Đạt	DHSPTPHCM000704	000704/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2914	Phạm Hoàng Tôn Nữ	02/05/1992	Đạt	DHSPTPHCM000705	000705/2021/BDCC	TH Long Thành	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2915	Đinh Thị Chi	21/12/1974	Đạt	DHSPTPHCM000706	000706/2021/BDCC	TH Trung Lập Hạ	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2916	Phan Thị Ngọc Nương	02/11/1980	Đạt	DHSPTPHCM000707	000707/2021/BDCC	Th-THCS Tân Trung	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2917	Hạ Thị Ánh Hồng	03/06/1971	Đạt	DHSPTPHCM000708	000708/2021/BDCC	TH Thới Tam	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 5
2918	Bùi Thị Minh Trang	23/11/1979	Đạt	DHSPTPHCM000709	000709/2021/BDCC	TH Mỹ Hòa	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 5
2919	Nguyễn Thanh Ngọc Thủy	08/07/1975	Đạt	DHSPTPHCM000710	000710/2021/BDCC	TH Nguyễn Việt Hồng	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2920	Ngô Thị Năm	06/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM000711	000711/2021/BDCC	TH Nguyễn Bình	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2921	Nguyễn Thanh Thảo	02/12/1991	Đạt	DHSPTPHCM000712	000712/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2922	Nguyễn Thị Út	25/09/1990	Đạt	DHSPTPHCM000713	000713/2021/BDCC	TH Hoà Hiệp	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2923	Lê Thị Mỹ Hoa	12/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000714	000714/2021/BDCC	THCS Điện Biên	Phòng GDDT Quận Bình Thanh	Mô đun 5
2924	Vũ Quang Liêm	31/07/1979	Đạt	DHSPTPHCM000715	000715/2021/BDCC	THCS Tân Bình	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2925	Trình Quang Huy	02/12/1979	Đạt	DHSPTPHCM000716	000716/2021/BDCC	THCS Lữ Gia	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 5
2926	Lê Phước Huy	15/02/1971	Đạt	DHSPTPHCM000717	000717/2021/BDCC	THCS Vân Đồn	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 5
2927	Nguyễn Diệu Phước	10/05/1966	Đạt	DHSPTPHCM000718	000718/2021/BDCC	THCS Đồng Khởi	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 5
2928	Đỗ Thanh Hải	11/02/1963	Đạt	DHSPTPHCM000719	000719/2021/BDCC	THCS Cầu Kiệu	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
2929	Phạm Văn Tú	12/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000720	000720/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2930	Khuong Thị Thanh	07/02/1975	Đạt	DHSPTPHCM000721	000721/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 5
2931	Nguyễn Duy Phúc	10/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM000722	000722/2021/BDCC	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2932	Võ Thị Duyệt Diệp	01/02/1968	Đạt	DHSPTPHCM000723	000723/2021/BDCC	THCS Trường Thọ	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2933	Ngô Kế Thanh Tâm	28/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000724	000724/2021/BDCC	THCS Bình Khánh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
2934	Nguyễn Lê Trường Sơn	05/09/1983	Đạt	DHSPTPHCM000725	000725/2021/BDCC	THCS Tô Ký	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 5
2935	Vũ Trần Tuấn Kiệt	20/08/1966	Đạt	DHSPTPHCM000726	000726/2021/BDCC	THCS Thanh Mỹ Lợi	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 5
2936	Lê Thái Bảo	20/03/1985	Đạt	DHSPTPHCM000727	000727/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
2937	Nguyễn Văn Sáng	05/07/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000728	000728/2021/BDCC	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 5
2938	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	16/04/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000729	000729/2021/BDCC	THCS Thị Trấn 2	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2939	Võ Thị Thu Hà	17/12/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000730	000730/2021/BDCC	THCS Tân Thông Hội	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2940	Nguyễn Mộng Đào	15/02/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000731	000731/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Bá	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2941	Trương Minh Tuấn	03/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000732	000732/2021/BDCC	THCS Hưng Long	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2942	Lê Văn Phú	20/10/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000733	000733/2021/BDCC	Thị - THCS Thế Giới Trẻ Em(Th)	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2943	Nguyễn Đăng Khoa	17/09/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000734	000734/2021/BDCC	THCS Tân Túc	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2944	Trà Thanh Loan	04/03/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000735	000735/2021/BDCC	THCS Long Bình	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 5
2945	Võ Thị Ly	29/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000736	000736/2021/BDCC	THCS Võ Thành Trang	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2946	Đỗ Hữu Duy	05/06/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000737	000737/2021/BDCC	THCS Hai Bà Trưng	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 5
2947	Nguyễn Đại Huỳnh	15/02/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000738	000738/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hiền	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 5
2948	Lê Hoàng Bảo	03/12/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000739	000739/2021/BDCC	THCS Phú Lợi	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 5
2949	Võ Bảo Thu	01/07/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000740	000740/2021/BDCC	THCS Lam Sơn	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 5
2950	Vũ Đình Vương	04/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000741	000741/2021/BDCC	THCS Ngô Sĩ Liên	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2951	Trần Minh Lý	20/04/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000742	000742/2021/BDCC	THCS Đoàn Kết	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
2952	Tào Võ Hiền Nhân	01/11/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000743	000743/2021/BDCC	THCS Lê Anh Xuân	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 5
2953	Huỳnh Phúc Thịnh	18/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000744	000744/2021/BDCC	THCS Nguyễn Du	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2954	Nguyễn Phi Hùng	26/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000745	000745/2021/BDCC	THCS An Nhơn	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2955	Cao Thế Phương	30/08/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000746	000746/2021/BDCC	THCS Long Phước	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 5
2956	Nguyễn Thị Phương Loan	29/12/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000747	000747/2021/BDCC	THCS Trần Quang Khải	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2957	Nguyễn Minh Ngọt	30/03/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000748	000748/2021/BDCC	THCS Bình Trị Đông	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2958	Khưu Thị Thanh Hiền	15/03/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000749	000749/2021/BDCC	THCS Linh Trung	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2959	Diệp Thị Thanh Thảo	21/02/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000750	000750/2021/BDCC	THCS Giồng Ông Tố	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
2960	Nguyễn Thị Bích Tuyền	29/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000751	000751/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thái Bình	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2961	Nguyễn Tấn Vinh	15/02/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000752	000752/2021/BDCC	THCS Trung Lập Hạ	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2962	Trang Thành Sự	05/08/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000753	000753/2021/BDCC	THCS Hiệp Phước	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2963	Lê Minh Trung	12/02/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000754	000754/2021/BDCC	THCS và THPT Diên Hồng		Mô đun 5
2964	Trương Triều Nhứt	02/04/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000755	000755/2021/BDCC	THCS Chu Văn An	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 5
2965	Nguyễn Quốc Thái	15/06/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000756	000756/2021/BDCC	THCS Phan Sào Nam	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 5
2966	Trần Đức Lộc	20/03/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000757	000757/2021/BDCC	THCS Trần Danh Ninh	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 5
2967	Lê Thị Tùng Anh	01/02/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000758	000758/2021/BDCC	THCS Rạng Đông	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 5
2968	Hoàng Ngọc Anh	15/06/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000759	000759/2021/BDCC	THCS Nguyễn Gia Thiều	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2969	Lê Thị Phương Đồng	08/08/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000760	000760/2021/BDCC	Bdgd Quận Tân Bình	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
2970	Nguyễn Hoàng Sơn	06/03/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000761	000761/2021/BDCC	THCS Phú Định	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
2971	Nguyễn Hồng Thùy Lan	25/10/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000762	000762/2021/BDCC	THCS Bình Tây	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
2972	Nguyễn Xuân Huyền	25/12/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000763	000763/2021/BDCC	THCS Ba Đình	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 5
2973	Phạm Thành Trung	05/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000764	000764/2021/BDCC	THCS Gò Vấp	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
2974	Nguyễn Ngọc Toàn	01/01/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000765	000765/2021/BDCC			Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
2975	Trần Thị Diễm Chi	21/02/1989	Đạt	DHSPTPHCM000766	000766/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hiền	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 5
2976	Nguyễn Thị Thu Thủy	08/11/1982	Đạt	DHSPTPHCM000767	000767/2021/BDCC	THCS Hai Bà Trưng	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2977	Nguyễn Thị Ngọc Thu	06/09/1990	Đạt	DHSPTPHCM000768	000768/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Quý	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2978	Nguyễn Trường Vũ	24/11/1980	Đạt	DHSPTPHCM000769	000769/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Toàn	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 5
2979	Nguyễn Như Suong	28/11/1985	Đạt	DHSPTPHCM000770	000770/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2980	Đỗ Thị Thanh Giang	25/07/1990	Đạt	DHSPTPHCM000771	000771/2021/BDCC	THCS Lê Thị Trường Kiệt	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2981	Trần Đình Phương	01/12/1974	Đạt	DHSPTPHCM000772	000772/2021/BDCC	THCS Xuân Trường	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
2982	Võ Thị Kim Tươi	08/09/1979	Đạt	DHSPTPHCM000773	000773/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Linh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
2983	Phan Thị Hương	12/12/1977	Đạt	DHSPTPHCM000774	000774/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hồng Đào	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
2984	Lê Ngọc Dung	18/07/1972	Đạt	DHSPTPHCM000775	000775/2021/BDCC	THCS Phước Thạnh	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
2985	Phạm Văn Sơn	30/08/1994	Đạt	DHSPTPHCM000776	000776/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thị Định	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 5
2986	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	29/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000777	000777/2021/BDCC	THCS Thăng Long	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 5
2987	Trần Thị Thanh Nhã	05/12/1981	Đạt	DHSPTPHCM000778	000778/2021/BDCC	THCS Nguyễn Chi Thanh	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5
2988	Nguyễn Thị Minh An	01/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM000779	000779/2021/BDCC	THCS Nguyễn An Ninh	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5
2989	Nguyễn Thị Hồng Diệp	01/07/1988	Đạt	DHSPTPHCM000780	000780/2021/BDCC	THCS Phan Đăng Lưu	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 5
2990	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	31/03/1987	Đạt	DHSPTPHCM000781	000781/2021/BDCC	THCS Trương Công Định	Phòng GDDT Quận Bình Thanh	Mô đun 5
2991	Lê Việt Hải	12/06/1971	Đạt	DHSPTPHCM000782	000782/2021/BDCC	THCS Yên Thế	Phòng GDDT Quận Bình Thanh	Mô đun 5
2992	Mai Thủy An	03/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM000783	000783/2021/BDCC	THCS Nguyễn Minh Hoàng	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 5
2993	Bùi Thị Minh Châu	01/02/1985	Đạt	DHSPTPHCM000784	000784/2021/BDCC	THCS Đức Trí Q1	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 5
2994	Dương Thị Xuân Thủy	08/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM000785	000785/2021/BDCC	THCS Châu Văn Liêm	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
2995	Đặng Hồng Trúc Linh	17/08/1988	Đạt	DHSPTPHCM000786	000786/2021/BDCC	THCS Lê Thành Công	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
2996	Trần Vũ Hồng Chuyên	01/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM000787	000787/2021/BDCC	THCS Hoa Lư	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 5
2997	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	06/09/1980	Đạt	DHSPTPHCM000788	000788/2021/BDCC	THCS Đặng Trần Côn	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5
2998	Nguyễn Thị Thu Hiền	05/03/1980	Đạt	DHSPTPHCM000789	000789/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 5
2999	Phạm Thị Ngọc	24/09/1980	Đạt	DHSPTPHCM000790	000790/2021/BDCC	THCS An Thới Đông	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
3000	Nguyễn Anh Quân	18/10/1977	Đạt	DHSPTPHCM0007298	000791/2021/BDCC	THCS Dơi Lâu	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
3001	Nguyễn Trần Thanh Nghiễm	01/12/1990	Đạt	DHSPTPHCM000792	000792/2021/BDCC	THCS Tam Thôn Hiệp	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
3002	Trần Công Nghĩa	07/08/1978	Đạt	DHSPTPHCM000793	000793/2021/BDCC	THCS Đặng Thúc Vịnh	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
3003	Huỳnh Thị Anh Thư	15/09/1980	Đạt	DHSPTPHCM000794	000794/2021/BDCC	THCS Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 5
3004	Nguyễn Đăng Thùy	22/07/1988	Đạt	DHSPTPHCM000795	000795/2021/BDCC	THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 5
3005	Huỳnh Thị Cẩm Chi	25/06/1988	Đạt	DHSPTPHCM000796	000796/2021/BDCC	THCS Lê Tân Tạo	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 5
3006	Lê Thanh Hà	01/07/1982	Đạt	DHSPTPHCM000797	000797/2021/BDCC	THCS Lý Phong	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 5
3007	Lê Quốc Thắng	03/05/1992	Đạt	DHSPTPHCM000798	000798/2021/BDCC	THCS Trần Văn Quang	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
3008	Tạ Minh Hoàng	04/02/1983	Đạt	DHSPTPHCM000799	000799/2021/BDCC	THCS Tăng Bạt Hổ	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 5
3009	Từ Thị Doan Trang	28/08/1983	Đạt	DHSPTPHCM000800	000800/2021/BDCC	THCS Lê Minh Xuân	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
3010	Đoàn Thanh Tâm	15/09/1976	Đạt	DHSPTPHCM000801	000801/2021/BDCC	THCS Phạm Văn Cội	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3011	Trần Văn Hảo	07/06/1969	Đạt	DHSPTPHCM000802	000802/2021/BDCC	THCS Tân Thạnh Tây	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3012	Võ Minh Tân	15/03/1987	Đạt	DHSPTPHCM000803	000803/2021/BDCC	THCS Tân Phú Trung	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
3013	Huỳnh Anh Luân	08/05/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000804	000804/2021/BDCC	THCS Tân Thành Đông	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3014	Hà Thị Giàu	04/11/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000805	000805/2021/BDCC	THCS Phú Hòa Đông	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3015	Nguyễn Ngọc Diệp	28/11/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000806	000806/2021/BDCC	THCS Phạm Văn Chiêu	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
3016	Lê Thị Thanh Thủy	07/04/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000807	000807/2021/BDCC	THCS Huỳnh Văn Nghệ	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
3017	Phan Thị Dạ Thảo	28/08/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000808	000808/2021/BDCC	THCS Vĩnh Lộc B	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
3018	Nguyễn Thị Ánh Trúc	09/11/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000809	000809/2021/BDCC	THCS Hồng Bàng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 5
3019	Đỗ Thành Nhơn	20/03/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM000810	000810/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Bửu	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
3020	Trịnh Trần Song Hòa	11/10/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000811	000811/2021/BDCC	THCS Lê Anh Xuân	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 5
3021	Lê Thủy Tiên	31/07/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000812	000812/2021/BDCC	THCS Bình Quới Tây	Phòng GDĐT Quận Thanh	Mô đun 5
3022	Nguyễn Trung Nghĩa	14/02/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000813	000813/2021/BDCC	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 5
3023	Huỳnh Thị Phương Ngọc	09/01/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000814	000814/2021/BDCC	THCS Lý Tự Trọng	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
3024	Nguyễn Trương Quý Trọng	15/12/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000815	000815/2021/BDCC	THCS Hoàng Quốc Việt	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
3025	Lê Thị Châu Bình	03/04/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000816	000816/2021/BDCC	THCS Phước Lộc	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
3026	Dương Trí Dũng	07/05/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000817	000817/2021/BDCC	THCS Tôn Thất Tùng	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 5
3027	Nguyễn Xuân Thanh Vân	18/08/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000818	000818/2021/BDCC	THCS Phong Phú	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
3028	Nguyễn Thị Ngọc Loan	19/10/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000819	000819/2021/BDCC	THCS Hoàng Hoa Thám	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
3029	Nguyễn Thị Thu Trang	19/10/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000820	000820/2021/BDCC	THCS Hồ Văn Long	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 5
3030	Huỳnh Thanh Tùng	31/08/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000821	000821/2021/BDCC	THCS Thị Trấn	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
3031	Nguyễn Thị Trúc Mai	29/09/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000822	000822/2021/BDCC	THCS Lý Chính Thắng 1	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
3032	Nguyễn Thị Giáng Thu	24/12/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000823	000823/2021/BDCC	THCS Phước Vĩnh An	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3033	Lai Hồng Huy	18/01/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000824	000824/2021/BDCC	THCS An Phú Đông	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 5
3034	Trần Phú Cầm	08/08/1967	Đạt	ĐHSPTPHCM000825	000825/2021/BDCC	THCS Tân An Hội	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3035	Lê Quang Diễm Hương	17/02/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000826	000826/2021/BDCC	THCS Tam Bình	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
3036	Đoàn Tấn Được	05/02/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000827	000827/2021/BDCC	THCS Võ Văn Vân	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
3037	Kiều Anh Dũng	20/02/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000828	000828/2021/BDCC	THCS Phạm Văn Hai	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
3038	Lê Trung Kiên	20/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000829	000829/2021/BDCC	THCS Kim Đồng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 5
3039	Nguyễn Thị Lan Phương	20/10/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000830	000830/2021/BDCC	THCS Lạc Hồng	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 5
3040	Trần Thị Kim Châu	05/04/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000831	000831/2021/BDCC	THCS Trần Văn Đăng	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
3041	Huỳnh Văn Xếp	10/06/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000832	000832/2021/BDCC	THCS Trung Lập	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3042	Lê Quế Thọ	19/09/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000833	000833/2021/BDCC	THCS Tân Tạo	Phòng GDĐT Quận Tân	Mô đun 5
3043	Nguyễn Thị Thu Hồng	15/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000834	000834/2021/BDCC	THCS Minh Đức	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 5
3044	Võ Văn Quý	26/11/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000835	000835/2021/BDCC	TT Gdnn - Gdtx Quận 9		Mô đun 5
3045	Lê Cao Thắng	25/03/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000836	000836/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 5
3046	Võ Văn Tuấn	17/02/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000837	000837/2021/BDCC	THCS Lê Lai	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 5
3047	Lê Thị Định	08/11/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000838	000838/2021/BDCC	THCS Củ Chính Lan	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 5
3048	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	12/08/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000839	000839/2021/BDCC	THCS Nguyễn Tri Phương	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 5
3049	Bùi Mỹ Dung	21/08/1967	Đạt	ĐHSPTPHCM000840	000840/2021/BDCC	THCS Quang Trung	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 5
3050	Trần Nguyễn Tuấn Huy	18/07/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000841	000841/2021/BDCC	THCS Trần Bội Cơ	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
3051	Lê Minh Kim Long	19/09/1987	Đạt	DHSPTPHCM000842	000842/2021/BDCC	THCS Trường Sơn	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
3052	Phạm Ngọc Duyên	07/04/1989	Đạt	DHSPTPHCM000843	000843/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thị Thập Q7	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 5
3053	Lê Thị Hồng Phương	19/05/1976	Đạt	DHSPTPHCM000844	000844/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thị Hương	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
3054	Phan Trần Băng Thu	26/10/1972	Đạt	DHSPTPHCM000845	000845/2021/BDCC	THCS Hoa Lư	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 5
3055	Đặng Trần Thanh Xuân	02/10/1978	Đạt	DHSPTPHCM000846	000846/2021/BDCC	THCS Hoàng Diệu	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5
3056	Đào Thị Anh	18/01/1983	Đạt	DHSPTPHCM000847	000847/2021/BDCC	THCS Lê Bình Hưng Hòa	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 5
3057	Lê Nguyễn Ngọc Hân	23/04/1983	Đạt	DHSPTPHCM000848	000848/2021/BDCC	THCS Lê Ly Thường Kiệt	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 5
3058	Đinh Công Văn Sơn	13/05/1987	Đạt	DHSPTPHCM000849	000849/2021/BDCC	THCS Đồng Đen	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
3059	Phan Mỹ Linh	26/11/1976	Đạt	DHSPTPHCM000850	000850/2021/BDCC	THCS Đồng Thạnh	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
3060	Đinh Kim Thoa	28/03/1981	Đạt	DHSPTPHCM000851	000851/2021/BDCC	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5
3061	Nguyễn Thị Thùy Trang	13/07/1975	Đạt	DHSPTPHCM000852	000852/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 5
3062	Nguyễn Thị Thanh Quế	06/10/1970	Đạt	DHSPTPHCM000853	000853/2021/BDCC	THCS Long Hòa	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
3063	Lê Thị Dinh	06/06/1981	Đạt	DHSPTPHCM000854	000854/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Toản	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 5
3064	Nguyễn Thị Nga	13/02/1982	Đạt	DHSPTPHCM000855	000855/2021/BDCC	THCS Trần Hưng Đạo	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5
3065	Hoàng Thị Thanh Phương	28/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000856	000856/2021/BDCC	THCS Lê Văn Việt	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
3066	Phan Thị Hồng Nhung	24/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM000857	000857/2021/BDCC	THCS Dương Văn Thi	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
3067	Trịnh Thị Thanh Tuyền	13/10/1981	Đạt	DHSPTPHCM000858	000858/2021/BDCC	THCS Gò Xoài	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
3068	Cao Anh Kiệt	30/04/1976	Đạt	DHSPTPHCM000859	000859/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Xơ	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3069	Nguyễn Thị Bích Hà	01/08/1979	Đạt	DHSPTPHCM000860	000860/2021/BDCC	Th-THCS Tân Trung	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3070	Ngô Thị Đan Phượng	12/09/1974	Đạt	DHSPTPHCM000861	000861/2021/BDCC	THCS Trần Huy Liệu	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
3071	Phùng Thị Ngọc Mai	01/03/1967	Đạt	DHSPTPHCM000862	000862/2021/BDCC	THCS Huỳnh Khương Ninh	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 5
3072	Phan Thị Kim Sương	11/08/1968	Đạt	DHSPTPHCM000863	000863/2021/BDCC	THCS Bàn Cờ	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 5
3073	Ngô Kim Ngân	13/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM000864	000864/2021/BDCC	THCS Quang Trung	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
3074	Cao Thị Nguyệt	18/07/1989	Đạt	DHSPTPHCM000865	000865/2021/BDCC	Bđgđ Quận Tân Bình	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
3075	Huỳnh Kim Huệ	17/07/1978	Đạt	DHSPTPHCM000866	000866/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 5
3076	Nguyễn Ngô Anh Huyền	18/10/1986	Đạt	DHSPTPHCM000867	000867/2021/BDCC	THCS Văn Lang	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 5
3077	Vân Thị Diệu Hằng	26/07/1979	Đạt	DHSPTPHCM000868	000868/2021/BDCC	THCS Võ Trường Toản	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 5
3078	Lê Hoàng Dũng	17/11/1991	Đạt	DHSPTPHCM000869	000869/2021/BDCC	THCS Thông Tây Hội	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
3079	Nguyễn Thị Thanh Thúy	09/02/1982	Đạt	DHSPTPHCM000870	000870/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Tuấn	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 5
3080	Lê Mậu Thành	19/08/1983	Đạt	DHSPTPHCM000871	000871/2021/BDCC	THCS Tăng Nhơn Phú B	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 5
3081	Lại Văn Quang	18/03/1965	Đạt	DHSPTPHCM000872	000872/2021/BDCC	THCS Đồng Khởi	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5
3082	Ngô Thị Cúc Huyền	05/12/1978	Đạt	DHSPTPHCM000873	000873/2021/BDCC	THCS Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 5
3083	Võ Ngọc Nữ	28/02/1981	Đạt	DHSPTPHCM000874	000874/2021/BDCC	THCS Linh Đông	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
3084	Nguyễn Thị Thanh Thủy	05/11/1978	Đạt	DHSPTPHCM000875	000875/2021/BDCC	THCS Thị trấn	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
3085	Lê Thu Hiếu	01/08/1979	Đạt	DHSPTPHCM000876	000876/2021/BDCC	THCS Đặng Công Bình	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
3086	Phạm Thị Ngọc Bích	23/10/1980	Đạt	DHSPTPHCM000877	000877/2021/BDCC	THCS Thị trấn	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3087	Lâm Tấn Khanh	22/09/1983	Đạt	DHSPTPHCM000878	000878/2021/BDCC	THCS Bình An	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 5
3088	Trần Thị Thu Liễu	05/05/1980	Đạt	DHSPTPHCM000879	000879/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
3089	Dương Thị Huệ	06/07/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000880	000880/2021/BDCC	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 5
3090	Hà Thị Kim Phụng	17/05/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000881	000881/2021/BDCC	THCS Đồng Đa	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 5
3091	Đỗ Duy Nam	28/05/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000882	000882/2021/BDCC	THCS Phú Thọ	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 5
3092	Lê Thị Nhạn	13/03/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000883	000883/2021/BDCC	THCS Độc Lập	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
3093	Nguyễn Công Đoàn	17/07/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000884	000884/2021/BDCC	THCS Lê Tân Bê	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 5
3094	Trần Túy Thuận	24/02/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000885	000885/2021/BDCC	THCS Bình Khánh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
3095	Đậu Văn Khánh	10/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM007299	000886/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Nghi	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
3096	Hứa Thị Hoàn Hào	01/12/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000887	000887/2021/BDCC	THCS Tân Nhựt	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
3097	Lê Thị Thanh Thảo	30/04/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000888	000888/2021/BDCC	THCS Tân Tiến	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3098	Trần Thị Thanh Vy	24/04/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000889	000889/2021/BDCC	THCS Phước Hiệp	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3099	Trần Thị Gái	11/07/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000890	000890/2021/BDCC	THCS Nhuận Đức	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3100	Đỗ Thị Hương	05/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000891	000891/2021/BDCC	THCS Cách Mạng Tháng Tám	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 5
3101	Nguyễn Hà Xuyến	15/09/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000892	000892/2021/BDCC	THCS Ngô Quyền	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
3102	Nguyễn Cẩm Nhi	22/10/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000893	000893/2021/BDCC	THCS Lê Nguyễn Trãi	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 5
3103	Trần Văn Đạt	13/01/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000894	000894/2021/BDCC	THCS Tùng Thiện Vương	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 5
3104	Nguyễn Văn Nam	16/09/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000895	000895/2021/BDCC	THCS Lạc Long Quân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 5
3105	Lê Minh Hiếu	04/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000896	000896/2021/BDCC	Trường Bgd Quận 9	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 5
3106	Trần Tuấn Anh	30/05/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000897	000897/2021/BDCC	THCS Colette	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 5
3107	Nguyễn Thị Thúy	07/03/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000898	000898/2021/BDCC	THCS Phú Mỹ	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 5
3108	Phạm Trần Thanh Thảo	31/08/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000899	000899/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Tố	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 5
3109	Lâm Ngọc Phụng	09/08/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000900	000900/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Luồng	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
3110	Nguyễn Thị Thanh Tú	19/05/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM000901	000901/2021/BDCC	THCS Phan Văn Trị	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
3111	Thái Thị Mỹ Oanh	27/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000902	000902/2021/BDCC	THCS Phạm Hữu Lầu	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
3112	Đinh Hồng Phát	17/09/1966	Đạt	ĐHSPTPHCM000903	000903/2021/BDCC	THCS Hưng Bình	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 5
3113	Nguyễn Phương Linh Giang	26/01/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000904	000904/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 5
3114	Nguyễn Thị Tú Anh	03/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000905	000905/2021/BDCC	THCS Bình Trị Đông A	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 5
3115	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/04/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000906	000906/2021/BDCC	THCS Tân Kiên	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
3116	Nguyễn Thị Ngọc Minh	09/04/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000907	000907/2021/BDCC	THCS Phan Công Hớn	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
3117	Nguyễn Thị Đoàn Trang	02/04/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000908	000908/2021/BDCC	THCS Lương Đình Của	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 5
3118	Trần Lê Phương Khanh	06/04/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000909	000909/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 5
3119	Lê Thị Thùy	23/01/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000910	000910/2021/BDCC	THCS Thái Văn Lung	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
3120	Nguyễn Thị Nương	19/12/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000911	000911/2021/BDCC	THCS An Phú	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3121	Trần Thị Phương Thảo	27/12/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000912	000912/2021/BDCC	THCS Lê Văn Hưu	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 5
3122	Lê Trần Kiều Hoa	19/05/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000913	000913/2021/BDCC	THCS Võ Trường Toản	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 5
3123	Lê Thị Kim Thanh	31/08/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000914	000914/2021/BDCC	THCS Hậu Giang	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 5
3124	Ngô Thị Bạch Huệ	20/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000915	000915/2021/BDCC	THCS Lý Thánh Tông	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 5
3125	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	10/10/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000916	000916/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 5
3126	Phạm Thành	15/09/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000917	000917/2021/BDCC	THCS, THPT Phan Châu Trinh		Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
3127	Lê Thanh Nguyệt	07/07/1978	Đạt	DHSPTPHCM000918	000918/2021/BDCC	THCS Tân Xuân	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 5
3128	Lê Trung Hiếu	24/01/1990	Đạt	DHSPTPHCM000919	000919/2021/BDCC	THCS Trung An	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3129	Là Trần Huyền Diệu	06/01/1981	Đạt	DHSPTPHCM000920	000920/2021/BDCC	THCS Âu Lạc	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
3130	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	14/03/1984	Đạt	DHSPTPHCM000921	000921/2021/BDCC	THCS Ngô Tất Tố	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
3131	Nguyễn Thị Hiếu Nghĩa	29/08/1983	Đạt	DHSPTPHCM000922	000922/2021/BDCC	THCS Trần Quang Khải	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5
3132	Lưu Thị Hồng Thúy	19/12/1982	Đạt	DHSPTPHCM000923	000923/2021/BDCC	THCS Trương Văn Nư	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
3133	Phòng Quốc Tuấn	19/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM000924	000924/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
3134	Nguyễn Thị Nghĩa	01/01/1988	Đạt	DHSPTPHCM000925	000925/2021/BDCC	THCS Trần Phú	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 5
3135	Nguyễn Thị Mỹ Châu	08/01/1976	Đạt	DHSPTPHCM000926	000926/2021/BDCC	Bđgd Huyện Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
3136	Nguyễn Thị Hồng An	29/08/1977	Đạt	DHSPTPHCM000927	000927/2021/BDCC	THCS Hiệp Phú	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 5
3137	Phan Công Bằng	02/11/1965	Đạt	DHSPTPHCM000928	000928/2021/BDCC	THCS Bình An	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 5
3138	Nguyễn Học	05/11/1985	Đạt	DHSPTPHCM000929	000929/2021/BDCC	THCS Điện Biên	Phòng GDDT Quận Bình Thanh	Mô đun 5
3139	Nguyễn Đức Thọ	20/05/1975	Đạt	DHSPTPHCM000930	000930/2021/BDCC	THCS Lý Thường Kiệt	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 5
3140	Phan Phước Lai	12/07/1963	Đạt	DHSPTPHCM000931	000931/2021/BDCC	THCS Phạm Đình Hổ	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 5
3141	Nguyễn Hoàng Phúc	01/12/1967	Đạt	DHSPTPHCM000932	000932/2021/BDCC	THCS Phước Bình	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 5
3142	Tô Ngọc Tiến	23/10/1978	Đạt	DHSPTPHCM000933	000933/2021/BDCC	THCS Hùng Vương	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 5
3143	Hồ Văn Thịnh	25/10/1967	Đạt	DHSPTPHCM000934	000934/2021/BDCC	THCS Ngô Chí Quốc	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
3144	Phạm Hồ Hiệp	20/10/1979	Đạt	DHSPTPHCM000935	000935/2021/BDCC	THCS Đa Phước	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
3145	Hoàng Tuấn Anh	01/11/1971	Đạt	DHSPTPHCM000936	000936/2021/BDCC	Phó Tổng Nang Khiếu Thể Thao Olympic		Mô đun 5
3146	Nguyễn Văn Cường	10/03/1977	Đạt	DHSPTPHCM000937	000937/2021/BDCC	THCS Tam Đồng 1	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 5
3147	Kiều Việt Hưng	19/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM000938	000938/2021/BDCC	THCS Đào Duy Anh	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 5
3148	Trương Hồng Quang	10/08/1988	Đạt	DHSPTPHCM000939	000939/2021/BDCC	THCS Trần Phú	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 5
3149	Nguyễn Văn Minh	21/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM000940	000940/2021/BDCC	THCSol Bình Hưng Hòa	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 5
3150	Lê Huỳnh Trọng Hiếu	16/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM000941	000941/2021/BDCC	THCS Bình Trị Đông A	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 5
3151	Trần Thanh Tường	07/01/1971	Đạt	DHSPTPHCM000942	000942/2021/BDCC	THCS Phú Mỹ Hưng	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3152	Nguyễn Văn Trung	13/07/1985	Đạt	DHSPTPHCM000943	000943/2021/BDCC	Th. THCS và THPT Việt Úc		Mô đun 5
3153	Nguyễn Thị Nhất Thanh	08/08/1973	Đạt	DHSPTPHCM007300	000944/2021/BDCC	THCS Huỳnh Khương Ninh	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 5
3154	Đỗ Minh Phụng	27/07/1979	Đạt	DHSPTPHCM000945	000945/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Phú	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 5
3155	Trần Minh Đăng	20/08/1971	Đạt	DHSPTPHCM000946	000946/2021/BDCC	THCS Lý Nhơn	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 5
3156	Trần Minh Phú	01/03/1990	Đạt	DHSPTPHCM000947	000947/2021/BDCC	Tth - THCS - THPT Tây Úc		Mô đun 5
3157	Huỳnh Nguyễn Phương Thủy	03/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000948	000948/2021/BDCC	THCS Dương Bá Trạc	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 5
3158	Nguyễn Hữu Lâm	25/10/1972	Đạt	DHSPTPHCM000949	000949/2021/BDCC	THCS Cửu Long	Phòng GDDT Quận Bình Thanh	Mô đun 5
3159	Hoàng Minh Hồng Đức	21/08/1982	Đạt	DHSPTPHCM000950	000950/2021/BDCC	THCS Văn Thân	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 5
3160	Nguyễn Đình Truyền	12/10/1970	Đạt	DHSPTPHCM000951	000951/2021/BDCC	THCS Phan Tây Hồ	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
3161	Nguyễn Thị Ai Chiêu	11/03/1967	Đạt	DHSPTPHCM000952	000952/2021/BDCC	THCS' Trần Quốc Toàn	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 5
3162	Nguyễn Văn Tiêm	10/11/1981	Đạt	DHSPTPHCM000953	000953/2021/BDCC	THCS Hiệp Bình	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
3163	Nguyễn Hoàng Mỹ	27/09/1973	Đạt	DHSPTPHCM000954	000954/2021/BDCC	THCS Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
3164	Nguyễn Kim Thoa	01/05/1980	Đạt	DHSPTPHCM000955	000955/2021/BDCC	THCS Nguyễn An Khương	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
3165	Phạm Tuyết Trinh	07/09/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000956	000956/2021/BDCC	THCS Phan Bội Châu	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 5
3166	Nguyễn Thùy Kim Ngân	21/08/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000957	000957/2021/BDCC	THCS Thị Trấn	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3167	Lê Diệu Linh Thu	13/02/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000958	000958/2021/BDCC	THCS Đức Trí Q1	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 5
3168	Nguyễn Đông Quân	23/12/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000959	000959/2021/BDCC	Trường Bègd Quận Tân Bình	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
3169	Đinh Nguyễn Diệp Ly Ly	01/03/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000960	000960/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 5
3170	Nguyễn Đăng An Giang	01/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000961	000961/2021/BDCC	Bgd Quận Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 5
3171	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	06/03/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000962	000962/2021/BDCC	THCS Tân Thành Đông	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 5
3172	Nguyễn Anh Duy	15/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000963	000963/2021/BDCC	Th, THCS và THPT Quốc Tế A Châu		Mô đun 5
3173	Mai Đình Văn Anh	29/05/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000964	000964/2021/BDCC	THCS Hà Huy Tập	Phòng GDĐT Quận Bình Thành	Mô đun 5
3174	Nguyễn Tuấn Anh	20/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000965	000965/2021/BDCC	THCS Võ Văn Tần	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 5
3175	Chiêu Thu Trang	01/03/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000966	000966/2021/BDCC	THCS Trần Văn Ôn	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 5
3176	Nguyễn Thị Thu Hà	20/12/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000967	000967/2021/BDCC	THCS Huỳnh Tấn Phát	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 5
3177	Mai Ngọc Chánh	14/08/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000968	000968/2021/BDCC	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 5
3178	Phạm Thị Hồng Quyên	04/04/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000969	000969/2021/BDCC	THCS Tân Quý Tây	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 5
3179	Ka Hoàng Tri Thủy	01/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000970	000970/2021/BDCC	THCS Trung Mỹ Tây 1	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 5
3180	Hồ Anh Trí	28/03/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000971	000971/2021/BDCC	THCS Hậu Giang	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 5
3181	Nguyễn Thị Văn Anh	13/05/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000972	000972/2021/BDCC	THCS Quang Trung	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 5
3182	Mai Thị Ngân	20/08/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000973	000973/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trung Trực	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 5
3183	Hà Thị Thanh	03/12/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000974	000974/2021/BDCC	THPT Lê Thánh Tôn		Mô đun 5
3184	Phạm Thị Giang	15/12/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000975	000975/2021/BDCC	THPT Nguyễn Văn Tăng		Mô đun 5
3185	Trương Thúc Quảng	01/02/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000976	000976/2021/BDCC	THPT Nguyễn An Ninh		Mô đun 5
3186	Đoàn Văn Mùi	01/03/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000977	000977/2021/BDCC	THPT Bình Chánh		Mô đun 5
3187	Ngô Tuyết Diệp	24/07/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000978	000978/2021/BDCC	THPT Đa Phước		Mô đun 5
3188	Vương Thoại Hồng	28/11/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM000979	000979/2021/BDCC	THPT Củ Chi		Mô đun 5
3189	Nguyễn Vương Quốc Luyến	28/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000980	000980/2021/BDCC	THPT Quang Trung		Mô đun 5
3190	Nguyễn Anh Phương	20/07/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000981	000981/2021/BDCC	THPT Gò Vấp		Mô đun 5
3191	Nguyễn Kim Yên	01/11/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000982	000982/2021/BDCC	THPT Nguyễn Công Trứ		Mô đun 5
3192	Đặng Thị Thanh Mai	15/08/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000983	000983/2021/BDCC	THPT Hàn Thuyên		Mô đun 5
3193	Ngô Trọng Đại	26/06/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000984	000984/2021/BDCC	Th, THCS và THPT Vinschool		Mô đun 5
3194	Nguyễn Minh Tú	27/11/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000985	000985/2021/BDCC	THPT Tân Bình		Mô đun 5
3195	Võ Thị Minh Tư	28/03/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000986	000986/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 3		Mô đun 5
3196	Lê Thị Kim Thủy	18/07/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000987	000987/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận Tân Bình		Mô đun 5
3197	Nguyễn Thị Kim Dung	20/05/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000988	000988/2021/BDCC	THPT Lương Thế Vinh		Mô đun 5
3198	Phạm Văn Lục	18/01/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000989	000989/2021/BDCC	THPT Nguyễn Trung Trực		Mô đun 5
3199	Nguyễn Thụy Quỳnh Như	01/04/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000990	000990/2021/BDCC	THPT Trần Hưng Đạo		Mô đun 5
3200	Trần Trịnh Minh Hòa	04/12/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000991	000991/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hữu Cầm		Mô đun 5
3201	Nguyễn Anh Tuấn	18/07/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000992	000992/2021/BDCC	THCS và THPT Hồng Hà		Mô đun 5
3202	Trần Thế Linh	28/07/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000993	000993/2021/BDCC	THCS-THPT Hồng Đức		Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDBT	Ghi chú
3203	Nguyễn Viết Đăng	08/06/1981	Đạt	DHSPTPHCM000994	000994/2021/BDCC	THCS và THPT Trí Đức		Mô đun 5
3204	Trình Thị Hoài Thư	13/05/1981	Đạt	DHSPTPHCM000995	000995/2021/BDCC	THPT Thủ Đức		Mô đun 5
3205	Nguyễn Thị Nhung	14/06/1984	Đạt	DHSPTPHCM000996	000996/2021/BDCC	THPT Lý Thường Kiệt		Mô đun 5
3206	Nguyễn Thị Minh Châu	20/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000997	000997/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 6		Mô đun 5
3207	Huỳnh Thanh Trúc	31/10/1981	Đạt	DHSPTPHCM000998	000998/2021/BDCC	TT Gdnn - Gdtx Quận 10		Mô đun 5
3208	Vũ Thanh Nghi	24/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM000999	000999/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận Tân Bình		Mô đun 5
3209	Nguyễn Ngọc Hương Mỹ	19/09/1984	Đạt	DHSPTPHCM001000	001000/2021/BDCC	THPT Marie Curie		Mô đun 5
3210	Trần Thị Hồng Thắm	07/04/1982	Đạt	DHSPTPHCM001001	001001/2021/BDCC	THPT Võ Văn Kiệt		Mô đun 5
3211	Tạ Duy Quỳnh	19/09/1993	Đạt	DHSPTPHCM001002	001002/2021/BDCC	THPT Thanh Lộc		Mô đun 5
3212	Lý Thị Minh Tâm	26/04/1990	Đạt	DHSPTPHCM001003	001003/2021/BDCC	THPT Gia Định		Mô đun 5
3213	Hoàng Thị Mỹ Hiếu	27/09/1972	Đạt	DHSPTPHCM001004	001004/2021/BDCC	THPT Trần Phú		Mô đun 5
3214	Trần Thị Như Huỳnh	15/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM001005	001005/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 5		Mô đun 5
3215	Lê Thị Nga	10/12/1988	Đạt	DHSPTPHCM001006	001006/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Huyện Nhà Bè		Mô đun 5
3216	Phan Thị Bích Vương	19/08/1979	Đạt	DHSPTPHCM001007	001007/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hữu Cánh		Mô đun 5
3217	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/07/1974	Đạt	DHSPTPHCM001008	001008/2021/BDCC	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		Mô đun 5
3218	Trần Thanh Duy	07/08/1983	Đạt	DHSPTPHCM001009	001009/2021/BDCC	Trung Học Thực Hành Sài Gòn		Mô đun 5
3219	Vũ Thị Hoa Mai	27/07/1982	Đạt	DHSPTPHCM001010	001010/2021/BDCC	THPT Phạm Phú Thứ		Mô đun 5
3220	Nguyễn Ngọc Châu Toàn	20/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM001011	001011/2021/BDCC	THPT Nguyễn Huệ		Mô đun 5
3221	Vũ Thị Thu Hồng	30/07/1986	Đạt	DHSPTPHCM001012	001012/2021/BDCC	THPT Vĩnh Lộc B		Mô đun 5
3222	Lê Huỳnh Quang Khanh	16/08/1989	Đạt	DHSPTPHCM001013	001013/2021/BDCC	THPT Thanh Đa		Mô đun 5
3223	Trương Thị Hoàng Uyên	04/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM001014	001014/2021/BDCC	Trường Phổ Thông Dân Lập Herman Guener		Mô đun 5
3224	Nguyễn Thị Trúc Phương	05/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM001015	001015/2021/BDCC	THPT Phạm Văn Sáng		Mô đun 5
3225	Nguyễn Công Hậu	11/11/1988	Đạt	DHSPTPHCM001016	001016/2021/BDCC	THCS & THPT Thái Bình		Mô đun 5
3226	Đào Ngọc Huỳnh	03/06/1989	Đạt	DHSPTPHCM001017	001017/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận Bình Tân		Mô đun 5
3227	Bạch Anh Tú	02/04/1990	Đạt	DHSPTPHCM001018	001018/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 12		Mô đun 5
3228	Đặng Thị Huỳnh Lê	04/06/1977	Đạt	DHSPTPHCM001019	001019/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 7		Mô đun 5
3229	Nguyễn Kế Vị	10/02/1990	Đạt	DHSPTPHCM001020	001020/2021/BDCC	THPT Thăng Long		Mô đun 5
3230	Lê Thị Xuân Chi	24/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM001021	001021/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hiền		Mô đun 5
3231	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	05/04/1983	Đạt	DHSPTPHCM001022	001022/2021/BDCC	THPT An Lạc		Mô đun 5
3232	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	03/08/1985	Đạt	DHSPTPHCM001023	001023/2021/BDCC	THPT Phú Hòa		Mô đun 5
3233	Nguyễn Văn Tồn	06/08/1962	Đạt	DHSPTPHCM001024	001024/2021/BDCC	THCS - THPT Nguyễn Khuyến		Mô đun 5
3234	Ngô Huyền Diệu	01/06/1985	Đạt	DHSPTPHCM001025	001025/2021/BDCC	THPT Thành Nhân		Mô đun 5
3235	Nguyễn Đăng Khoa	24/11/1979	Đạt	DHSPTPHCM001026	001026/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hữu Huân		Mô đun 5
3236	Huỳnh Thị Thu Nga	10/06/1990	Đạt	DHSPTPHCM001027	001027/2021/BDCC	THCS-THPT Đức Trí		Mô đun 5
3237	Nguyễn Hữu Trung	09/11/1979	Đạt	DHSPTPHCM001028	001028/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 3		Mô đun 5
3238	Đào Phá Thạch	09/05/1975	Đạt	DHSPTPHCM001029	001029/2021/BDCC	TT Gdtx Chu Văn An		Mô đun 5
3239	Nguyễn Châu Thanh Phương	24/10/1970	Đạt	DHSPTPHCM001030	001030/2021/BDCC	THPT Trần Quang Khải		Mô đun 5
3240	Nguyễn Thị Thanh Trâm	06/07/1987	Đạt	DHSPTPHCM001031	001031/2021/BDCC	THPT Ten Lơ Man		Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
3241	Nguyễn Đức Minh	10/06/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM001032	001032/2021/BDCC	THPT Tạ Quang Bửu		Mô đun 5
3242	Trương Đình Phương Nhi	18/08/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM001033	001033/2021/BDCC	THPT Dương Văn Thị		Mô đun 5
3243	Lê Công Tài	25/01/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM001034	001034/2021/BDCC	Trường TH-THCS-THPT Quốc Tế Bắc Mỹ		Mô đun 5
3244	Đặng Tuyên Tính	01/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM001035	001035/2021/BDCC	THPT Tân Thông Hội		Mô đun 5
3245	Nguyễn Bích Tuyền	26/01/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM001036	001036/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hữu Tiến		Mô đun 5
3246	Võ Thị Thanh Thủy	24/08/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM001037	001037/2021/BDCC	THPT Tây Thanh		Mô đun 5
3247	Đỗ Huỳnh Thanh Trúc	20/11/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM001038	001038/2021/BDCC	THPT Nguyễn Thị Diệu		Mô đun 5
3248	Nguyễn Hồng Thùy Linh	22/11/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM001039	001039/2021/BDCC	THPT Nguyễn Trãi		Mô đun 5
3249	Lê Thị Hằng	26/07/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM001040	001040/2021/BDCC	THPT Trần Hữu Trang		Mô đun 5
3250	Tạ Tiên Tuấn	16/07/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM001041	001041/2021/BDCC	THPT Bình Phú		Mô đun 5
3251	Tạ Thị Thanh Bình	27/04/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM001042	001042/2021/BDCC	THPT Lê Minh Xuân		Mô đun 5
3252	Nguyễn Anh Kiệt	10/01/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM001043	001043/2021/BDCC	THPT Vĩnh Lộc		Mô đun 5
3253	Trần Thị Bình	24/09/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM001044	001044/2021/BDCC	TH - THCS - THPT Chu Văn An		Mô đun 5
3254	Phạm Thị Phương Linh	18/09/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM001045	001045/2021/BDCC	THPT Trần Văn Giàu		Mô đun 5
3255	Nguyễn Thị Ngọc Hà	25/10/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM001046	001046/2021/BDCC	THPT An Nghĩa		Mô đun 5
3256	Nguyễn Thị Linh	11/07/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM001047	001047/2021/BDCC	THPT Trung Lập		Mô đun 5
3257	Nguyễn Thị Thủy	06/07/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM001048	001048/2021/BDCC	THPT Hiệp Bình		Mô đun 5
3258	Hà Văn Vù	07/01/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM001049	001049/2021/BDCC	THPT Lê Thánh Tôn - Quận 7		Mô đun 5
3259	Trần Ngọc Đoàn Trang	19/05/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM001050	001050/2021/BDCC	TT Gdnn - Gdtx Quận 4		Mô đun 5
3260	Lưu Phương Hạnh	24/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM001051	001051/2021/BDCC	TT Gdtx Chu Văn An		Mô đun 5
3261	Nguyễn Hà Bích Vân	25/02/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM001052	001052/2021/BDCC	THPT Trần Khai Nguyên		Mô đun 5
3262	Võ Văn Sanh	07/06/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM001053	001053/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 11		Mô đun 5
3263	Nguyễn Thanh Hoa	16/11/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM001054	001054/2021/BDCC	THPT Mạc Đĩnh Chi		Mô đun 5
3264	Lê Thị Thính	08/01/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM001055	001055/2021/BDCC	THPT Lương Văn Can		Mô đun 5
3265	Bùi Thị Ngọc Tiếp	16/06/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM001056	001056/2021/BDCC	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa		Mô đun 5
3266	Trần Thị Hồng	26/02/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM001057	001057/2021/BDCC	THCS - THPT Lạc Hồng		Mô đun 5
3267	Nguyễn Ngọc Hưng	17/10/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM001058	001058/2021/BDCC	THPT Bình Hưng Hòa		Mô đun 5
3268	Lương Thanh Thủy	21/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM001059	001059/2021/BDCC	Th, THCS và THPT Vinschool		Mô đun 5
3269	Nguyễn Chí Thanh	28/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM001060	001060/2021/BDCC	THPT Đông Dương		Mô đun 5
3270	Nguyễn Ngọc Trâm	24/11/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM001061	001061/2021/BDCC	Th, THCS và THPT Hòa Bình		Mô đun 5
3271	Lê Thị Bé	12/12/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM001062	001062/2021/BDCC	THPT Đào Sơn Tây		Mô đun 5
3272	Nguyễn Thị Yến	28/11/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM001063	001063/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận Tân Bình		Mô đun 5
3273	Đinh Thị Bích	22/04/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM001064	001064/2021/BDCC	THPT Nguyễn Tất Thành		Mô đun 5
3274	Ka Huệ	27/05/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM001065	001065/2021/BDCC	THPT Nguyễn Văn Linh		Mô đun 5
3275	Nguyễn Thị Thùy	03/06/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM001066	001066/2021/BDCC	THPT Hoàng Hoa Thám		Mô đun 5
3276	Lê Trà My	11/06/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM001067	001067/2021/BDCC	Th, THCS và THPT Tân Phú		Mô đun 5
3277	Nguyễn Thị Thùy Uyên	24/03/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM001068	001068/2021/BDCC	THPT Bình Chiểu		Mô đun 5
3278	Lê Văn Minh	16/03/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM001069	001069/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 8		Mô đun 5

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
3279	Cao Nhật Quỳnh	28/08/1982	Đạt	DHSPTPHCM001070	001070/2021/BDCC	TT Gđm-Gdtx Quận 11		Mô đun 5
3280	Nguyễn Thị Minh Loan	18/07/1976	Đạt	DHSPTPHCM001071	001071/2021/BDCC	TT Gđm-Gdtx Quận Bình Tân		Mô đun 5
3281	Đinh Tiến Hòa	25/09/1985	Đạt	DHSPTPHCM001072	001072/2021/BDCC	THPT Nguyễn Khuyến		Mô đun 5
3282	Trần Thị Tiên	10/10/1981	Đạt	DHSPTPHCM001073	001073/2021/BDCC	THPT An Nhơn Tây		Mô đun 5
3283	Nguyễn Thị Huyền Trang	18/06/1984	Đạt	DHSPTPHCM001074	001074/2021/BDCC	THPT Nguyễn Thái Bình		Mô đun 5
3284	Phạm Thị Thanh Ngoan	10/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM001075	001075/2021/BDCC	THPT Trần Quang Khải		Mô đun 5
3285	Cao Thị Mơ	06/12/1983	Đạt	DHSPTPHCM001076	001076/2021/BDCC	THPT Linh Trung		Mô đun 5
3286	Cao Trường Nhân	29/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM001077	001077/2021/BDCC	TT Gđm-Gdtx Quận 8		Mô đun 5
3287	Trình Công Lên	10/08/1991	Đạt	DHSPTPHCM001078	001078/2021/BDCC	THPT Dương Văn Dương		Mô đun 5
3288	Huyền Ngọc Sao Ly	10/12/1988	Đạt	DHSPTPHCM001079	001079/2021/BDCC	THCS Và THPT Diên Hồng		Mô đun 5
3289	Nguyễn Thị Kim Thư	20/11/1993	Đạt	DHSPTPHCM001080	001080/2021/BDCC	THCS, THPT Ngôi Sao		Mô đun 5
3290	Ngô Văn Hối	05/06/1987	Đạt	DHSPTPHCM001081	001081/2021/BDCC	THPT Cần Thạnh		Mô đun 5
3291	Phạm Thị Hồng Nhung	16/10/1978	Đạt	DHSPTPHCM001082	001082/2021/BDCC	THPT Chuyên Năng Khiếu Trẻ Nguyễn Thủ Dĩnh		Mô đun 5
3292	Mai Thành Danh Toại	15/11/1992	Đạt	DHSPTPHCM001083	001083/2021/BDCC	THPT Năng Khiếu Trẻ Huyện Bình Chánh		Mô đun 5
3293	Hồ Tấn Đạt	10/02/1984	Đạt	DHSPTPHCM001084	001084/2021/BDCC	THPT Bình Tân		Mô đun 5
3294	Nguyễn Văn Chất	12/04/1983	Đạt	DHSPTPHCM001085	001085/2021/BDCC	THPT Phước Kiển		Mô đun 5
3295	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/10/1986	Đạt	DHSPTPHCM000284	000284/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Ngời	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3296	Võ Thị Phương Lan	16/10/1975	Đạt	DHSPTPHCM000285	000285/2021/BDCC	TH Đinh Tiến Hoàng	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 9
3297	Bùi Thị Thu Thảo	20/02/1981	Đạt	DHSPTPHCM000286	000286/2021/BDCC	TH Lê Ngọc Hân	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 9
3298	Nguyễn Khắc Huy Bảo	02/09/1974	Đạt	DHSPTPHCM000287	000287/2021/BDCC	TH Kết Đoàn	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 9
3299	Đinh Vũ Thủy Phương Lynch	27/05/1976	Đạt	DHSPTPHCM000288	000288/2021/BDCC	TH An Khánh	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3300	Tiêu Ngọc Nguyễn Thanh	17/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM000289	000289/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Sơn	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 9
3301	Nguyễn Thị Kim Phương	19/03/1971	Đạt	DHSPTPHCM000290	000290/2021/BDCC	TH Kỳ Đồng	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 9
3302	Nguyễn Thị Thanh Nhài	22/05/1985	Đạt	DHSPTPHCM000291	000291/2021/BDCC	TH Trần Quang Diệu	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 9
3303	Nguyễn Thị Ngọc Quý	30/03/1975	Đạt	DHSPTPHCM000292	000292/2021/BDCC	TH Đăng Trần Côn	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 9
3304	Ngô Thị Mỹ Nguyệt	19/01/1977	Đạt	DHSPTPHCM000293	000293/2021/BDCC	TH Đinh Bộ Lĩnh	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 9
3305	Trần Thị Thu Hương	31/12/1978	Đạt	DHSPTPHCM000294	000294/2021/BDCC	TH Lê Thánh Tôn	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 9
3306	Lê Thanh Hoài Tâm	17/01/1968	Đạt	DHSPTPHCM000295	000295/2021/BDCC	TH Bàu Sen	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 9
3307	Đỗ Thị Thu Hà	02/11/1980	Đạt	DHSPTPHCM000296	000296/2021/BDCC	TH Trần Bình Trọng	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 9
3308	Lê Tấn Lộc	26/08/1974	Đạt	DHSPTPHCM000297	000297/2021/BDCC	TH Minh Đạo	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 9
3309	Võ Thanh Nhân	26/05/1972	Đạt	DHSPTPHCM000298	000298/2021/BDCC	TH Võ Văn Tấn	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 9
3310	Đặng Thị Phương Hồng	04/04/1976	Đạt	DHSPTPHCM000299	000299/2021/BDCC	TH Châu Văn Liêm	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 9
3311	Đào Ngọc Phương	25/06/1981	Đạt	DHSPTPHCM000300	000300/2021/BDCC	TH Him Lam	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 9
3312	Nguyễn Hà Minh Thuận	12/02/1974	Đạt	DHSPTPHCM000301	000301/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 9
3313	Nguyễn Thị Thùy Linh	25/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM000302	000302/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Hưởng	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 9
3314	Lê Thị Thu Vân	28/04/1988	Đạt	DHSPTPHCM000303	000303/2021/BDCC	TH Phú Đồng	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 9
3315	Võ Thị Phương Thảo	15/07/1977	Đạt	DHSPTPHCM000304	000304/2021/BDCC	TH Rạch Ông	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 9
3316	Huỳnh Thị Thu Sương	31/12/1975	Đạt	DHSPTPHCM000305	000305/2021/BDCC	TH Âu Dương Lân	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
3317	Trương Thị Thu Lộc	08/07/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000306	000306/2021/BDCC	TH Đinh Tiên Hoàng	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3318	Dương Hoàng Dũng	06/12/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000307	000307/2021/BDCC	TH Nguyễn Minh Quang	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3319	Phạm Phú Lộc	31/05/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000308	000308/2021/BDCC	Tỉnh Trần Quang Cơ	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 9
3320	Lê Thị Thu Thủy	16/10/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000309	000309/2021/BDCC	TH Thiên Hộ Dương	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 9
3321	Đặng Thị Đức Hạnh	07/01/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000310	000310/2021/BDCC	TH Dương Minh Châu	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 9
3322	Nguyễn Xuân Cung	04/04/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000311	000311/2021/BDCC	TH Lạc Long Quân	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9
3323	Nguyễn Hoàng Phương Trâm	17/06/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000312	000312/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9
3324	Ngô Đức Tuấn	13/03/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000313	000313/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9
3325	Nguyễn Thị Diễm Kiều	01/02/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000314	000314/2021/BDCC	TH Nguyễn Khuyến	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 9
3326	Đặng Thị Thanh Thảo	22/02/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000315	000315/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 9
3327	Nguyễn Thị Hương	13/07/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000316	000316/2021/BDCC	Thạc Bình Trị 1	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3328	Võ Thị Kiều Oanh	24/12/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000317	000317/2021/BDCC	Thạc Bình Long	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3329	Nguyễn Thị Hương Giang	08/05/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000318	000318/2021/BDCC	Thạc Bình Hưng Hòa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3330	Lê Thị Tuyết Minh	04/01/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000319	000319/2021/BDCC	TH Lam Sơn	Phòng GDĐT Quận Bình Thanh	Mô đun 9
3331	Văn Thụy Bảo Chiếu	31/12/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000320	000320/2021/BDCC	TH Bạch Đằng	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3332	Vương Sĩ Đức	05/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000321	000321/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Minh Khai	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3333	Phan Thị Hòa	11/10/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000322	000322/2021/BDCC	TH An Hội	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3334	Trần Thị Như Quỳnh	23/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000323	000323/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3335	Cao Thị Thanh Mai	12/03/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000324	000324/2021/BDCC	Cổ Loa	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3336	Nguyễn Đức Hồng Ngọc	30/05/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000325	000325/2021/BDCC	Vạn Tường	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3337	Đỗ Nguyễn Hạnh Hào	13/02/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000326	000326/2021/BDCC	Trung Nhất	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3338	Phạm Thị Ngọc Diễm	10/01/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000327	000327/2021/BDCC	TH Sơn Cang	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3339	Vũ Văn Huỳnh	10/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000328	000328/2021/BDCC	TH Yên Thế	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3340	Võ Quang Thuận	23/05/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000329	000329/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3341	Nguyễn Thị Bích Duyên	26/08/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000330	000330/2021/BDCC	TH Lê Văn Tám	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3342	Lê Nga	28/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000331	000331/2021/BDCC	TH Phan Chu Trinh	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3343	Hồ Ngọc Anh	23/10/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000332	000332/2021/BDCC	TH Âu Cơ	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3344	Trần Thị Ngọc Hiếu	07/03/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000333	000333/2021/BDCC	TH Bình Triệu	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3345	Cao Thị Phương Thảo	20/02/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000334	000334/2021/BDCC	TH Tam Bình	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3346	Nguyễn Thị Hồng	12/06/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000335	000335/2021/BDCC	TH Trương Văn Hải	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3347	Nguyễn Thị Kim Phụng	27/09/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000336	000336/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3348	Nguyễn Thị Kim Ngọc	11/01/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000337	000337/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3349	Võ Thành Đức	09/10/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000338	000338/2021/BDCC	TH Tân Thạnh 2	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3350	Trần Thị Hoài Dung	27/02/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000339	000339/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3351	Nguyễn Thị Diễm Thúy	30/06/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000340	000340/2021/BDCC	TH Tân Thạnh 2	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3352	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/07/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000341	000341/2021/BDCC	TH Thái Mỹ	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3353	Nguyễn Thanh Hùng	15/03/1966	Đạt	ĐHSPTPHCM000342	000342/2021/BDCC	TH Lê Thị Pha	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3354	Bùi Thanh Phú	04/05/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000343	000343/2021/BDCC	TH An Nhơn Tây	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhân	Số vào sổ gốc cấp chứng nhân	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
3355	Trần Mỹ Nga	27/01/1993	Đạt	DHSPTPHCM000344	000344/2021/BDCC	Nguyễn Thị Nươi	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3356	Vũ Lê Lương	27/10/1977	Đạt	DHSPTPHCM000345	000345/2021/BDCC	TH Thới Tam	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3357	Lữ Thị Ngọc Hân	25/12/1990	Đạt	DHSPTPHCM000346	000346/2021/BDCC	Nguyễn Thị Nươi	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3358	Trần Thị Hoàng Huy	13/08/1989	Đạt	DHSPTPHCM000347	000347/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Tạo	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3359	Ngô Thị Phương Chi	04/02/1976	Đạt	DHSPTPHCM000348	000348/2021/BDCC	TH Lê Quang Định	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3360	Phạm Hồ Huy Cường	03/12/1974	Đạt	DHSPTPHCM000349	000349/2021/BDCC	TH Nguyễn Bình	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3361	Nguyễn Thị Thùy Dung	21/08/1980	Đạt	DHSPTPHCM000350	000350/2021/BDCC	TH An Phú	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3362	Nguyễn Thị Nguyệt	10/08/1991	Đạt	DHSPTPHCM000351	000351/2021/BDCC	TH Lê Văn Thọ	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 9
3363	Nguyễn Văn Trường Phước	20/03/1973	Đạt	DHSPTPHCM000352	000352/2021/BDCC	TH Trương Văn Thành	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 9
3364	Đào Thị Ngọc Mỹ	20/06/1983	Đạt	DHSPTPHCM000353	000353/2021/BDCC	TH Trần Quốc Toàn	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3365	Trần Thị Thu Trang	05/09/1976	Đạt	DHSPTPHCM000354	000354/2021/BDCC	TH Thới Tam	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3366	Thái Thế Anh	05/03/1987	Đạt	DHSPTPHCM000355	000355/2021/BDCC	TH Lê Thị Riêng	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 9
3367	Lê Tấn Hồng Hải	26/11/1965	Đạt	DHSPTPHCM000356	000356/2021/BDCC	TH Khai Minh	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 9
3368	Nguyễn Văn Thuận	18/04/1965	Đạt	DHSPTPHCM000357	000357/2021/BDCC	TH Trương Quyền	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 9
3369	Nguyễn Đôn Tấn Kha	18/02/1978	Đạt	DHSPTPHCM000358	000358/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 9
3370	Phan Gia Phú	31/01/1988	Đạt	DHSPTPHCM000359	000359/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 9
3371	Nguyễn Vĩnh Phúc	16/02/1987	Đạt	DHSPTPHCM000360	000360/2021/BDCC	TH Phú Định	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 9
3372	Nguyễn Thị Bích Nga	05/10/1985	Đạt	DHSPTPHCM000361	000361/2021/BDCC	Tiê Nguyễn Thị Đình	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 9
3373	Nguyễn Khương Duy	09/12/1978	Đạt	DHSPTPHCM000362	000362/2021/BDCC	TH Trần Nguyễn Hân	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 9
3374	Võ Thị Cẩm Tú	19/04/1985	Đạt	DHSPTPHCM000363	000363/2021/BDCC	TH Long Thành Mỹ	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 9
3375	Đỗ Thị Thu Thảo	13/07/1971	Đạt	DHSPTPHCM000364	000364/2021/BDCC	TH Phùng Hưng	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 9
3376	Lê Mai Quang Thế	17/04/1987	Đạt	DHSPTPHCM000365	000365/2021/BDCC	TH Nguyễn Khuyển	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 9
3377	Bùi Trọng Tín	19/04/1979	Đạt	DHSPTPHCM000366	000366/2021/BDCC	Thc1 An Lạc 3	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3378	Hoàng Thị Kim Yến	02/10/1982	Đạt	DHSPTPHCM000367	000367/2021/BDCC	Tiêu Học Bình Quới Tây	Phòng GDDT Quận Bình Thanh	Mô đun 9
3379	Hồ Văn Hiệp	01/04/1979	Đạt	DHSPTPHCM000368	000368/2021/BDCC	TH L.ương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3380	Nguyễn Thu Hiền	11/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000369	000369/2021/BDCC	Nguyễn Đình Chính	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3381	Trần Hữu Trọng	18/07/1985	Đạt	DHSPTPHCM000370	000370/2021/BDCC	TH Đoàn Thị Diễm	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3382	Phạm Thanh Quốc	11/07/1984	Đạt	DHSPTPHCM000371	000371/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Nở	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3383	Trần Quang Tuấn	02/12/1984	Đạt	DHSPTPHCM000372	000372/2021/BDCC	TH Quí Đức	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3384	Đoàn Thanh Càng	20/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM000373	000373/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3385	Nguyễn Trọng Bình	20/02/1988	Đạt	DHSPTPHCM000374	000374/2021/BDCC	TH Thị Trần Cù Chi	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3386	Đoàn Thành Điện	07/03/1984	Đạt	DHSPTPHCM000375	000375/2021/BDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3387	Lê Minh Giàu	28/04/1989	Đạt	DHSPTPHCM000376	000376/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Tạo	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3388	Võ Hoàng Dầy	27/12/1975	Đạt	DHSPTPHCM000377	000377/2021/BDCC	TH Phan Huy Ích	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3389	Hồng Thanh Trung	23/11/1977	Đạt	DHSPTPHCM000378	000378/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3390	Hoàng Thụy Thanh Tâm	03/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM000379	000379/2021/BDCC	TH Trần Hưng Đạo	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 9
3391	Vũ Thị Quyên	08/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000380	000380/2021/BDCC	TH Giông Ông Tổ	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3392	Trần Thị Hồng Hà	18/12/1976	Đạt	DHSPTPHCM000381	000381/2021/BDCC	TH Nguyễn Hiền	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
3393	Tạ Thị Mỹ Liên	21/11/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000382	000382/2021/BDCC	TH Nguyễn Sơn Hà	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 9
3394	Phạm Thị Thiệu	07/04/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000383	000383/2021/BDCC	TH Nguyễn Việt Hồng	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 9
3395	Trương Huỳnh Thiên Thủy	03/10/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000384	000384/2021/BDCC	TH Vĩnh Hội	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 9
3396	Trần Đức Lộc	08/11/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000385	000385/2021/BDCC	TH Xóm Chiếu	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 9
3397	Đỗ Thị Hồng Diễm	09/02/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000386	000386/2021/BDCC	TH Hàm Tử	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 9
3398	Nguyễn Thị Xuân Thủy	08/02/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000387	000387/2021/BDCC	TH Chương Dương	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 9
3399	Phạm Thị Thanh Thủy	31/10/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000388	000388/2021/BDCC	TH Bình Tiên	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 9
3400	Hoàng Quốc Văn	12/11/1966	Đạt	ĐHSPTPHCM000389	000389/2021/BDCC	TH Đinh Bộ Lĩnh	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 9
3401	Nguyễn Thị Thanh Sương	03/10/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000390	000390/2021/BDCC	TH Lê Anh Xuân	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 9
3402	Du Chí Cường	03/01/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000391	000391/2021/BDCC	TH Thái Hưng	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3403	Bùi Thị Thu Hương	02/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000392	000392/2021/BDCC	TH Tân Phú	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3404	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	01/09/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000393	000393/2021/BDCC	TH Trung Trắc	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9
3405	Trần Thị Vân	05/10/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000394	000394/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9
3406	Nguyễn Thị Kiều Tiên	30/11/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000395	000395/2021/BDCC	TH Lê Văn Thọ	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 9
3407	Nguyễn Thị Cẩm Yên	27/06/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000396	000396/2021/BDCC	Thoi Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3408	Đoàn Ngọc Bảo Châu	29/08/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000397	000397/2021/BDCC	TH Bình Hòa	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3409	Vũ Anh Linh	12/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000398	000398/2021/BDCC	TH Nguyễn Thượng Hiền	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3410	Lý Thị Diệu	20/07/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000399	000399/2021/BDCC	TH Nguyễn Viết Xuân	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3411	Nguyễn Ngọc Phương	13/12/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000400	000400/2021/BDCC	Đặng Văn Ngự	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3412	Vũ Thủy Thảo Vy	28/06/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000401	000401/2021/BDCC	TH Cách Mạng Tháng Tám	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3413	Đoàn Thị Phương Thanh	30/09/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000402	000402/2021/BDCC	TH Lê Thị Hồng Gấm	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3414	Lục Thị Mỹ Hạnh	10/08/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000403	000403/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3415	Phạm Thị Ánh Tuyết	16/06/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000404	000404/2021/BDCC	TH Tân Hương	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3416	Nguyễn Hải Hà	30/07/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000405	000405/2021/BDCC	TH Bình Chiếu	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3417	Hoàng Thị Hồng Liên	26/12/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000406	000406/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Nở	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3418	Võ Thị Hồng	18/03/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000407	000407/2021/BDCC	TH Phong Phú	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3419	Võ Thị Thu Trang	04/04/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000408	000408/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Bánh	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3420	Lương Văn Ân	20/11/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000409	000409/2021/BDCC	TH An Nghĩa	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3421	Nguyễn Thị Kim Ngọc	20/09/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000410	000410/2021/BDCC	TH Bình Mỹ 2	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3422	Trần Ngọc Mơ	25/05/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000411	000411/2021/BDCC	TH Phú Hòa Đông	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3423	Lê Thị Tuyết Hương	22/01/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000412	000412/2021/BDCC	TH Lý Chính Thắng 2	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3424	Võ Văn Luân	14/07/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000413	000413/2021/BDCC	TH Xuân Thới Thượng	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3425	Phạm Thị Kiều Vân	06/08/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000414	000414/2021/BDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3426	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/08/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000415	000415/2021/BDCC	TH Trần Văn Kiêu	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 9
3427	Nguyễn Huỳnh Mai	01/11/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000416	000416/2021/BDCC	TH Lê Lợi	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3428	Lê Thị Hoàn	24/11/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000417	000417/2021/BDCC	TH Võ Văn Hát	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3429	Đào Thị Hương Huệ	10/06/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000418	000418/2021/BDCC	TH Trần Quốc Tuấn	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3430	Nguyễn Ngọc Thủy	15/10/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000419	000419/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
3431	Hoàng Công Phương	01/01/1974	Đạt	DHSPTPHCM000420	000420/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Ngôi	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3432	Nguyễn Tấn Phước	26/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000421	000421/2021/BDCC	TH Nguyễn Thanh Tuyên	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 9
3433	Nguyễn Thị Thu Hương	03/10/1973	Đạt	DHSPTPHCM006996	000422/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 9
3434	Lê Trọng Nghĩa	08/05/1974	Đạt	DHSPTPHCM000423	000423/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 9
3435	Đoàn Nhon Hùng	30/06/1970	Đạt	DHSPTPHCM000424	000424/2021/BDCC	TH Phú Lâm	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 9
3436	Trần Thị Ngọc Lan	12/02/1975	Đạt	DHSPTPHCM000425	000425/2021/BDCC	TH Phan Huy Thực	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 9
3437	Trần Văn Nam	10/05/1985	Đạt	DHSPTPHCM000426	000426/2021/BDCC	TH An Phong	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 9
3438	Đào Khắc Sự	29/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM000427	000427/2021/BDCC	TH Lê Văn Việt	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 9
3439	Vũ Tuấn Vinh	04/09/1987	Đạt	DHSPTPHCM000428	000428/2021/BDCC	TH Bắc Hải	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 9
3440	Phạm Xuân Việt	16/09/1975	Đạt	DHSPTPHCM000429	000429/2021/BDCC	TH Âu Cơ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 9
3441	Nguyễn Bắc	10/06/1985	Đạt	DHSPTPHCM000430	000430/2021/BDCC	TH Lê Văn Thọ	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 9
3442	Trương Thanh Tùng	28/01/1985	Đạt	DHSPTPHCM000431	000431/2021/BDCC	TH Lê Văn Lạc 3	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3443	Phan Nhật Minh	02/12/1985	Đạt	DHSPTPHCM000432	000432/2021/BDCC	TH Yên Thế	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3444	Nguyễn Thị Tường Trang	20/09/1983	Đạt	DHSPTPHCM000433	000433/2021/BDCC	TH Phan Chu Trinh	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3445	Trần Văn Don	08/10/1985	Đạt	DHSPTPHCM000434	000434/2021/BDCC	Lê Đình Chinh	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3446	Đỗ Minh Hoàng	03/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM000435	000435/2021/BDCC	TH Phan Huy Ích	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3447	Lê Minh Hải	29/05/1985	Đạt	DHSPTPHCM000436	000436/2021/BDCC	TH Đình Bộ Lĩnh	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3448	Trần Văn Tấn Lộc	10/10/1990	Đạt	DHSPTPHCM000437	000437/2021/BDCC	TH Đỗ Tấn Phong	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3449	Mai Thành Công Danh	16/04/1990	Đạt	DHSPTPHCM000438	000438/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3450	Phạm Hoàng Giang	07/02/1976	Đạt	DHSPTPHCM000439	000439/2021/BDCC	TH Long Thành	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3451	Nguyễn Hoàng Lâm Vũ	26/02/1983	Đạt	DHSPTPHCM000440	000440/2021/BDCC	TH Tam Đông 2	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 9
3452	Nguyễn Thị Khuyên	03/08/1989	Đạt	DHSPTPHCM000441	000441/2021/BDCC	TH Lê Văn Lương	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3453	Hà Hồng Phúc	10/12/1977	Đạt	DHSPTPHCM000442	000442/2021/BDCC	TH Lê Văn Thế	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3454	Nguyễn Thị Song Hiếu	05/11/1988	Đạt	DHSPTPHCM000443	000443/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 9
3455	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	20/01/1985	Đạt	DHSPTPHCM000444	000444/2021/BDCC	TH Mê Linh	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 9
3456	Trần Thanh Trường	01/07/1985	Đạt	DHSPTPHCM000445	000445/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 9
3457	Phạm Thị Ngọc Quỳnh	19/09/1986	Đạt	DHSPTPHCM000446	000446/2021/BDCC	TH Chính Nghĩa	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 9
3458	Hoàng Thị Kim Anh	18/08/1982	Đạt	DHSPTPHCM000447	000447/2021/BDCC	TH Nguyễn Thiện Thuật	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 9
3459	Lý Quốc Hoàng	22/07/1978	Đạt	DHSPTPHCM000448	000448/2021/BDCC	TH Trường Thành	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 9
3460	Phan Thị Duyên Anh	21/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000449	000449/2021/BDCC	TH Thiên Hộ Dương	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 9
3461	Trần Quốc Thương	14/04/1988	Đạt	DHSPTPHCM000450	000450/2021/BDCC	TH Hồ Văn Thanh	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 9
3462	Nguyễn Phước Ngân	24/05/1991	Đạt	DHSPTPHCM000451	000451/2021/BDCC	TH Lê Bình Tân	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3463	Phan Thị Luyến	11/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000452	000452/2021/BDCC	TH Tâm Vu	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3464	Nguyễn Thị Ngọc Bích	25/07/1979	Đạt	DHSPTPHCM000453	000453/2021/BDCC	Đông Ba	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3465	Trương Tuyết Thanh	15/06/1983	Đạt	DHSPTPHCM000454	000454/2021/BDCC	TH Tân Sơn Nhì	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3466	Huỳnh Võ Phan Minh Sang	28/10/1988	Đạt	DHSPTPHCM000455	000455/2021/BDCC	TH Bình Thạnh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3467	Nguyễn Thị Phan	30/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000456	000456/2021/BDCC	TH Trung An	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3468	Đỗ Thị Duyên	18/03/1985	Đạt	DHSPTPHCM000457	000457/2021/BDCC	TH Bùi Văn Ngự	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
3469	Lê Thị Kiều Nguyệt Nga	24/01/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000458	000458/2021/BDCC	TH Dương Văn Lịch	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3470	Nguyễn Nhật Tâm	21/09/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000459	000459/2021/BDCC	TH Trần Danh Lâm	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3471	Nguyễn Vương Kim Thịnh	05/08/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000460	000460/2021/BDCC	TH Bình Giả	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3472	Mai Quốc	04/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000461	000461/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 9
3473	Cao Thị Thanh Trúc	01/01/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000462	000462/2021/BDCC	TH Bến Càng	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 9
3474	Nguyễn Văn Trung	09/07/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000463	000463/2021/BDCC	TH An Phong	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3475	Nguyễn Ánh Phương Nam	01/11/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000464	000464/2021/BDCC	TH Lê Ngọc Hân	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 9
3476	Nguyễn Minh Thông	01/06/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000465	000465/2021/BDCC	TH Trần Quang Diệu	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 9
3477	Châu Thị Thanh Trang	01/08/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000466	000466/2021/BDCC	TH Chương Dương	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 9
3478	Lê Thị Kim Lụa	27/10/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000467	000467/2021/BDCC	Tinh Nguyễn Thị Định	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 9
3479	Lê Quang Gạo	13/07/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000468	000468/2021/BDCC	TH Lê Văn Việt	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3480	Đỗ Viết Hoàng	20/05/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000469	000469/2021/BDCC	TH Lê Thị Riêng	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 9
3481	Nguyễn Thị Diệu Huyền	10/12/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000470	000470/2021/BDCC	TH Đại Thành	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9
3482	Nguyễn Ngọc Hương Trà	17/10/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000471	000471/2021/BDCC	Phạm Ngọc Thạch	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3483	Vũ Đức Long	18/08/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM000472	000472/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3484	Thái Tăng Thương	08/02/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000473	000473/2021/BDCC	TH Lê Lai	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3485	Nguyễn Thị Thúy Hằng	27/04/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000474	000474/2021/BDCC	TH Linh Chiêu	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3486	Thiều Minh Anh Thy	28/09/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000475	000475/2021/BDCC	TH Quí Đức	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3487	Võ Chí Công	12/07/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000476	000476/2021/BDCC	TH An Phú 1	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3488	Lê Thị Mộng Thu	07/12/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000477	000477/2021/BDCC	TH Trần Văn Danh	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3489	Mai Thị Hồng Nhung	08/08/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000478	000478/2021/BDCC	TH Trần Thị Ngọc Hân	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3490	Ngô Nguyễn Thị Thu Oanh	29/01/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000479	000479/2021/BDCC	TH Bình Phước	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3491	Lê Phụng Giang	16/08/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000480	000480/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh 1, Tp. Thủ Đức	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 9
3492	Trịnh Thị Tha	16/07/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000481	000481/2021/BDCC	TH Lê Ngọc Hân	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 9
3493	Trương Thị Minh Châu	28/12/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000482	000482/2021/BDCC	TH Khai Minh	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 9
3494	Đào Thị Ngọc Thi	13/09/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000483	000483/2021/BDCC	TH An Bình	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 9
3495	Nguyễn Thị Phụng	28/01/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000484	000484/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 9
3496	Vũ Thị Kim Thoa	18/04/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000485	000485/2021/BDCC	TH Nguyễn Thanh Tuyền	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 9
3497	Đỗ Thị Mỹ Ngọc	05/08/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000486	000486/2021/BDCC	TH Bến Càng	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 9
3498	Trần Ngọc Huỳnh Mai	21/03/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000487	000487/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 9
3499	Trần Yên Linh	24/07/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000488	000488/2021/BDCC	TH Trần Bình Trọng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 9
3500	Nguyễn Thị Kim Phụng	04/07/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000489	000489/2021/BDCC	TH Đặng Nguyên Căn	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 9
3501	Nguyễn Mai Lan Anh	07/07/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000490	000490/2021/BDCC	TH Lê Văn Tám	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 9
3502	Trần Thị Mỹ Thảo	14/11/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000491	000491/2021/BDCC	TH Phú Mỹ	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 9
3503	Phạm Thị Hồng Như	01/08/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000492	000492/2021/BDCC	TH Bùi Minh Trục	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3504	Nguyễn Thị Kim Oanh	16/07/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000493	000493/2021/BDCC	TH Phước Bình	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3505	Phạm Đào Cathy	10/05/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000494	000494/2021/BDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3506	Đinh Thị Lan Phương	27/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000495	000495/2021/BDCC	TH Võ Trường Toản	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
3507	Lê Thị Minh Trang	15/07/1989	Đạt	DHSPTPHCM000496	000496/2021/BDCC	TH Trần Văn Kiêu	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 9
3508	Tạ Mỹ Linh	08/07/1974	Đạt	DHSPTPHCM000497	000497/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Nhỏ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 9
3509	Nguyễn Thị Tuyết Som	03/05/1979	Đạt	DHSPTPHCM000498	000498/2021/BDCC	TH Nguyễn Bá Ngọc	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 9
3510	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	10/05/1979	Đạt	DHSPTPHCM000499	000499/2021/BDCC	TH Phạm Văn Chiêu	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 9
3511	Trần Thị Thanh Uyên	14/10/1985	Đạt	DHSPTPHCM000500	000500/2021/BDCC	Thel Bùi Hữu Nghĩa	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3512	Hoàng Hai Yên	02/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM000501	000501/2021/BDCC	TH Bé Văn Dân	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3513	Nguyễn Thị Đan Thùy	21/09/1975	Đạt	DHSPTPHCM000502	000502/2021/BDCC	TH Nguyễn Bá Ngọc	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3514	Lê Trần Ngọc Hoa	16/10/1992	Đạt	DHSPTPHCM000503	000503/2021/BDCC	TH Hạnh Thông	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3515	Châu Thị Hồng Hạnh	01/11/1989	Đạt	DHSPTPHCM000504	000504/2021/BDCC	TH Lâm Sơn	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3516	Lý Khánh Hoa	20/02/1981	Đạt	DHSPTPHCM000505	000505/2021/BDCC	TH Hiệp Tân	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3517	Nguyễn Thị Ngọc Phương	01/08/1977	Đạt	DHSPTPHCM000506	000506/2021/BDCC	TH Tân Hòa	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3518	Vũ Thị Hoàng Oanh	06/03/1976	Đạt	DHSPTPHCM000507	000507/2021/BDCC	TH Trần Văn Vân	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3519	Nguyễn Thị Hải	06/10/1974	Đạt	DHSPTPHCM000508	000508/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3520	Nguyễn Thị Thanh Thủy	22/02/1976	Đạt	DHSPTPHCM000509	000509/2021/BDCC	TH Long Thành	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3521	Đặng Thanh Huân	03/03/1972	Đạt	DHSPTPHCM000510	000510/2021/BDCC	TH Bình Phước	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3522	Ngô Thị Thủy Hằng	29/04/1989	Đạt	DHSPTPHCM000511	000511/2021/BDCC	TH Lê Văn Thế	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3523	Liêu Thị Vân	05/05/1979	Đạt	DHSPTPHCM000512	000512/2021/BDCC	TH Tân Phú Trung	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3524	Nguyễn Hoàng Linh Phương	27/11/1975	Đạt	DHSPTPHCM000513	000513/2021/BDCC	Nguyễn Thị Nuôi	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3525	Trần Ngọc Minh Tâm	13/11/1987	Đạt	DHSPTPHCM000514	000514/2021/BDCC	TH Thới Tam	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3526	Phạm Thị Thu Ngân	30/12/1985	Đạt	DHSPTPHCM000515	000515/2021/BDCC	TH Trần Quốc Toàn	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3527	Phạm Thị Cẩm Hà	19/11/1991	Đạt	DHSPTPHCM000516	000516/2021/BDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3528	Bùi Thị Mai Trang	01/04/1989	Đạt	DHSPTPHCM000517	000517/2021/BDCC	TH Phan Đăng Lưu	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 9
3529	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/11/1991	Đạt	DHSPTPHCM000518	000518/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Luông	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 9
3530	Hồng Thị Tường An	02/12/1991	Đạt	DHSPTPHCM000519	000519/2021/BDCC	TH Chi Lăng	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3531	Lê Thị Ngọc Tuyết	03/11/1977	Đạt	DHSPTPHCM000520	000520/2021/BDCC	TH Phú Thọ Hoà	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3532	Kiều Mộng Lanh	03/09/1977	Đạt	DHSPTPHCM000521	000521/2021/BDCC	TH Lê Thánh Tôn	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 9
3533	Đỗ Hữu Hồng Ân	31/10/1991	Đạt	DHSPTPHCM000522	000522/2021/BDCC	Đông Ba	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3534	Nguyễn Thị Kim Cúc	25/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM000523	000523/2021/BDCC	TH Tân Quý Tây	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3535	Nguyễn Ngọc Thùy Tiên	02/12/1988	Đạt	DHSPTPHCM000524	000524/2021/BDCC	TH Lê Thị Riêng	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 9
3536	Nguyễn Thị Bích Vân	14/12/1971	Đạt	DHSPTPHCM000525	000525/2021/BDCC	TH Bình Trị Đông A	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3537	Ngô Thị Thanh Phương	06/09/1992	Đạt	DHSPTPHCM000526	000526/2021/BDCC	TH Nguyễn Bình Khiêm	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 9
3538	Lê Thanh Phương	30/10/1975	Đạt	DHSPTPHCM000527	000527/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 9
3539	Đỗ Thị Hà My	24/02/1990	Đạt	DHSPTPHCM000528	000528/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Học	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 9
3540	Nguyễn Ngọc Thủy	06/07/1976	Đạt	DHSPTPHCM000529	000529/2021/BDCC	TH An Khanh	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3541	Trình Như Vân	28/10/1982	Đạt	DHSPTPHCM000530	000530/2021/BDCC	TH Mỹ Thủy	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3542	Đinh Thị Tuyết Lan	24/01/1987	Đạt	DHSPTPHCM000531	000531/2021/BDCC	TH Phan Đình Phùng	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 9
3543	Trần Thủy Vĩnh Đông Nghi	19/09/1977	Đạt	DHSPTPHCM000532	000532/2021/BDCC	TH Lê Thánh Tôn	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 9
3544	Cao Thiên Ngân	01/10/1982	Đạt	DHSPTPHCM000533	000533/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
3545	Nguyễn Lê Hạnh Dung	10/12/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000534	000534/2021/BDCC	TH Minh Đạo	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 9
3546	Lê Ngọc Huyền Thu	27/03/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000535	000535/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 9
3547	Phạm Thị Thanh Phi	13/04/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000536	000536/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 9
3548	Nguyễn Đình Bảo	20/05/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM000537	000537/2021/BDCC	TH Phù Đồng	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 9
3549	Nguyễn Huyền Châu	19/09/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000538	000538/2021/BDCC	TH Lam Sơn	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 9
3550	Trần Thị Hạnh Dương	15/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000539	000539/2021/BDCC	TH Võ Văn Tấn	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 9
3551	Trần Thị Kiều Hân	22/09/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000540	000540/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 9
3552	Trần Thị Hải Yến	06/11/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000541	000541/2021/BDCC	TH Lê Văn Tám	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 9
3553	Hoàng Thủy Bích Thủy	11/08/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000542	000542/2021/BDCC	Tinh Nguyễn Thị Định	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 9
3554	Cao Nguyễn Thủy Kiều	09/10/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000543	000543/2021/BDCC	TH Phú Thuận	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 9
3555	Đoàn Thị Anh Xuân	26/08/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000544	000544/2021/BDCC	TH Hoàng Minh Đạo	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3556	Nguyễn Kim Chi	11/02/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000545	000545/2021/BDCC	Tiêu Học Hưng Phú	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3557	Trần Thị Mỹ Linh	15/07/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000546	000546/2021/BDCC	TH Tuy Lý Vương	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3558	Đông Thị Anh Minh	15/07/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000547	000547/2021/BDCC	TH Trần Nguyễn Hân	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3559	Huỳnh Thị Thanh Huệ	16/11/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000548	000548/2021/BDCC	TH Phạm Văn Chính	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3560	Phạm Thị Kim Hương	24/08/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000549	000549/2021/BDCC	TH Hiệp Phú	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3561	Trần Kiều Mỹ Nga	22/02/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000550	000550/2021/BDCC	Tinh Trần Quang Cơ	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 9
3562	Nguyễn Thị Vân Anh	11/11/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000551	000551/2021/BDCC	TH Trương Định	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 9
3563	Nguyễn Song Thanh Thủy	27/05/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000552	000552/2021/BDCC	TH Phú Thọ	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9
3564	Huỳnh Thị Minh Trâm	13/01/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000553	000553/2021/BDCC	TH Lạc Long Quân	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9
3565	Nguyễn Ngọc Vân Thy	30/05/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000554	000554/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9
3566	Nguyễn Vũ Thủy Dung	18/12/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000555	000555/2021/BDCC	TH Lý Tự Trọng	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 9
3567	Hà Trương Cẩm Thủy	20/03/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000556	000556/2021/BDCC	TH Nguyễn Du	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 9
3568	Vũ Thị Thanh Trúc	09/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000557	000557/2021/BDCC	TH Nguyễn Trãi	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 9
3569	Quách Hoàng Liên Hạ	30/09/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000558	000558/2021/BDCC	Thel Bình Trị 2	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3570	Lê Thị Bích Dung	19/10/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000559	000559/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3571	Nguyễn Thị Quyết	07/06/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000560	000560/2021/BDCC	Thel An Lạc 1	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3572	Đoàn Thị Phương	18/06/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000561	000561/2021/BDCC	TH Hồng Hà	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3573	Phan Diệp Phương Thảo	14/01/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000562	000562/2021/BDCC	TH Bé Văn Đàn	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3574	Lưu Thị Thu Vân	10/11/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000563	000563/2021/BDCC	TH Phan Chu Trinh	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3575	Nguyễn Thị Thu Hà	10/10/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000564	000564/2021/BDCC	TH Nguyễn Việt Xuân	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3576	Đặng Tuyết Loan	30/08/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM000565	000565/2021/BDCC	TH Lê Quý Đôn	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3577	Nguyễn Thị Xuân Thi	25/01/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000566	000566/2021/BDCC	Nguyễn Đình Chính	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3578	Nguyễn Vũ Hạnh Phương	06/07/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000567	000567/2021/BDCC	Phạm Ngọc Thạch	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3579	Nguyễn Thị Thi	31/07/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000568	000568/2021/BDCC	Hồ Văn Huệ	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3580	Đỗ Thị Hồng Phúc	20/05/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000569	000569/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Kịp	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3581	Võ Thị Cẩm Thủy	01/07/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000570	000570/2021/BDCC	TH Hồ Văn Cường	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3582	Võ Thị Kim Phụng	01/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000571	000571/2021/BDCC	TH Đoàn Thị Diễm	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
3583	Phan Thị Thu Hà	08/10/1972	Đạt	DHSPTPHCM000572	000572/2021/BDCC	TH Tô Vĩnh Diện	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3584	Ngô Thuý Trinh	14/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM000573	000573/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Triết	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3585	Trịnh Thị Tuyết Thu	30/03/1978	Đạt	DHSPTPHCM000574	000574/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3586	Đào Ngọc Diệp	18/07/1976	Đạt	DHSPTPHCM000575	000575/2021/BDCC	TH Tân Nhựt	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3587	Huỳnh Kim Khánh	12/07/1975	Đạt	DHSPTPHCM000576	000576/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3588	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	15/07/1989	Đạt	DHSPTPHCM000577	000577/2021/BDCC	TH Đồng Hoà	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3589	Lê Nguyễn Thị Thủy Linh	07/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM000578	000578/2021/BDCC	TH Tân Thông	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3590	Phạm Thị Hiệp	06/10/1977	Đạt	DHSPTPHCM000579	000579/2021/BDCC	TH Phạm Văn Cội	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3591	Huỳnh Thị Hương	01/01/1975	Đạt	DHSPTPHCM000580	000580/2021/BDCC	TH Thị Trấn 2	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3592	Nguyễn Ngọc Hiền	16/11/1992	Đạt	DHSPTPHCM000581	000581/2021/BDCC	TH Hòa Phú	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3593	Nguyễn Thị Hoàng Lan	12/02/1980	Đạt	DHSPTPHCM000582	000582/2021/BDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3594	Lê Thanh Lan	15/08/1969	Đạt	DHSPTPHCM000583	000583/2021/BDCC	TH Xuân Thới Thượng	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3595	Trịnh Huỳnh Tài	05/07/1972	Đạt	DHSPTPHCM000584	000584/2021/BDCC	TH Bùi Văn Ngự	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3596	Trần Thị Hà Như	01/09/1969	Đạt	DHSPTPHCM000585	000585/2021/BDCC	Bđgd Huyện Nhà Bè	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3597	Đoàn Thị Ngọc Tuyết	05/07/1987	Đạt	DHSPTPHCM000586	000586/2021/BDCC	TH Bùi Thanh Kiệt	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3598	Lê Thị Mỹ Dung	09/05/1981	Đạt	DHSPTPHCM000587	000587/2021/BDCC	TH Linh Chiểu	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3599	Dặng Thị Thủy Dung	15/12/1981	Đạt	DHSPTPHCM000588	000588/2021/BDCC	TH Lê Thị Hồng Gấm	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3600	Nguyễn Thị Mai Huyền	30/08/1980	Đạt	DHSPTPHCM000589	000589/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3601	Võ Hồ Thanh Mai	04/07/1992	Đạt	DHSPTPHCM000590	000590/2021/BDCC	TH Phước Thạnh	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 9
3602	Nguyễn Thị Hiền	26/10/1970	Đạt	DHSPTPHCM000591	000591/2021/BDCC	TH Cần Thạnh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3603	Lê Thị Hồng Cẩm	12/08/1984	Đạt	DHSPTPHCM000592	000592/2021/BDCC	TH Bình Giã	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3604	Nguyễn Thị Kim Cương	24/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM000593	000593/2021/BDCC	TH Lê Thị Hồng Gấm	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3605	Lê Thị Ngọc Loan	15/10/1981	Đạt	DHSPTPHCM000594	000594/2021/BDCC	TH Phước Bình	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 9
3606	Nguyễn Thị Thanh Trang	25/10/1979	Đạt	DHSPTPHCM000595	000595/2021/BDCC	TH Bình Khánh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3607	Đỗ Thị Hoàng Anh	10/08/1989	Đạt	DHSPTPHCM000596	000596/2021/BDCC	TH Trần Hưng Đạo	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 9
3608	Nguyễn Phi Long	19/10/1991	Đạt	DHSPTPHCM000597	000597/2021/BDCC	TH Lương Thế Vinh	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3609	Hoàng Phương Trang	31/05/1977	Đạt	DHSPTPHCM000598	000598/2021/BDCC	TH Trần Quốc Thảo	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 9
3610	Nguyễn Thị Thanh Trâm	15/08/1992	Đạt	DHSPTPHCM000599	000599/2021/BDCC	Tth - THCS - THPT Tây Úc		Mô đun 9
3611	Lý Thuý Xuân Mì	06/05/1989	Đạt	DHSPTPHCM000600	000600/2021/BDCC	TH Đoàn Thị Điểm	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 9
3612	Kiều Thị Thu Hà	08/07/1990	Đạt	DHSPTPHCM000601	000601/2021/BDCC	TH Đặng Trần Côn	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 9
3613	Trương Thị Hồng Hải	04/09/1971	Đạt	DHSPTPHCM000602	000602/2021/BDCC	TH Nguyễn Viết Xuân	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 9
3614	Nguyễn Phạm Ngọc Hà	08/10/1980	Đạt	DHSPTPHCM000603	000603/2021/BDCC	TH Lý Cảnh Hôn	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 9
3615	Võ Minh Luân	22/10/1989	Đạt	DHSPTPHCM000604	000604/2021/BDCC	TH Hùng Vương	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 9
3616	Trần Thị Thu Lý	28/05/1992	Đạt	DHSPTPHCM000605	000605/2021/BDCC	TH Phạm Văn Chí	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 9
3617	Nguyễn Thị Kim Ngân	24/04/1973	Đạt	DHSPTPHCM000606	000606/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 9
3618	Phạm Minh Trường	29/03/1994	Đạt	DHSPTPHCM000607	000607/2021/BDCC	TH Võ Thị Sáu	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 9
3619	Trần Đoàn Linh Phương	25/10/1992	Đạt	DHSPTPHCM000608	000608/2021/BDCC	TH Vàm Cỏ Đông	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 9
3620	Ngô Yến Linh	02/03/1989	Đạt	DHSPTPHCM000609	000609/2021/BDCC	TH Nguyễn Nhục Thị	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
3621	Nguyễn Trọng Năm	03/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000610	000610/2021/BDCC	TH Long Thành Mỹ	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3622	Nguyễn Văn Đường	20/09/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000611	000611/2021/BDCC	TH Tạ Uyên	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3623	Nguyễn Hoàng Ngọc Phương	06/06/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000612	000612/2021/BDCC	TH Triệu Thị Trinh	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 9
3624	Nguyễn Đỗ Thanh Nguyên	05/09/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000613	000613/2021/BDCC	TH Nguyễn Chí Thanh	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 9
3625	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	07/11/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000614	000614/2021/BDCC	TH Trung Trắc	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9
3626	Đặng Thị Hoàng Thanh	23/07/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000615	000615/2021/BDCC	TH Phùng Hưng	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9
3627	Đào Thị Ngọc Loan	01/07/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000616	000616/2021/BDCC	TH Thuận Kiều	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 9
3628	Nguyễn Việt Hào	18/09/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000617	000617/2021/BDCC	Thcl Bình Tân	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3629	Lưu Thị Cẩm Hằng	10/12/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000618	000618/2021/BDCC	TH Trần Quang Vinh	Phòng GDĐT Quận Bình Thành	Mô đun 9
3630	Vũ Thị Ngân Hà	06/04/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000619	000619/2021/BDCC	TH Đồng Đa	Phòng GDĐT Quận Bình Thành	Mô đun 9
3631	Lê Thanh Hùng	20/05/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000620	000620/2021/BDCC	TH An Hội	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3632	Lê Thị Kim Liên	15/07/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000621	000621/2021/BDCC	TH Bành Văn Trần	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3633	Trần Thị Ngọc Hạnh	10/02/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000622	000622/2021/BDCC	TH Nguyễn Thanh Tuyền	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3634	Trần Thị Duy Thảo	24/10/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000623	000623/2021/BDCC	TH Lê Lai	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3635	Phạm Thị Nhung	12/10/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000624	000624/2021/BDCC	TH Huỳnh Văn Chính	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3636	Nguyễn Trần Thu Hà	08/09/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000625	000625/2021/BDCC	TH Linh Chiêu	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3637	Nguyễn Ngọc Bích	20/11/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000626	000626/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Banh	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3638	Lê Thị Thu Thương	18/05/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000627	000627/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3639	Nguyễn Thanh Bình	18/02/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000628	000628/2021/BDCC	TH Hoà Hiệp	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3640	Phạm Thị Hải Yến	20/08/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000629	000629/2021/BDCC	TH Nguyễn Thị Lăng	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3641	Nguyễn Hoàng Minh	02/03/1967	Đạt	ĐHSPTPHCM000630	000630/2021/BDCC	TH Nhuận Đức 2	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3642	Trần Tấn Đạt	14/02/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000631	000631/2021/BDCC	TH Nguyễn An Ninh	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3643	Hà Anh Tuấn	11/04/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000632	000632/2021/BDCC	Nguyễn Thị Nuôi	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3644	Trương Thị Lệ Hằng	12/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000633	000633/2021/BDCC	TH Trang Tấn Khương	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3645	Lê Thị Linh	13/02/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000634	000634/2021/BDCC	TH Tân Túc	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3646	Phạm Thị Mỹ Tuyền	06/06/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000635	000635/2021/BDCC	TH Trần Quang Cơ	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 9
3647	Quan Tổ Liên	08/12/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM000636	000636/2021/BDCC	TH An Bình	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 9
3648	Tạ Lê Nhật Vy	02/11/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000637	000637/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 9
3649	Trần Thị Ngọc Huyền	28/09/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000638	000638/2021/BDCC	TH Thanh Mỹ Lợi	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 9
3650	Nguyễn Văn Tấn	29/04/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000639	000639/2021/BDCC	TH Trương Quyền	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 9
3651	Nguyễn Xuân Cường	27/12/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000640	000640/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ 1	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 9
3652	Lê Thị Tình Thương	28/02/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000641	000641/2021/BDCC	TH Nguyễn Trường Tô	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 9
3653	Trần Thị Phương Trang	09/03/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM000642	000642/2021/BDCC	TH Huỳnh Mẫn Đạt	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 9
3654	Phạm Phương Hậu	22/07/1964	Đạt	ĐHSPTPHCM000643	000643/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 9
3655	Nguyễn Minh Tân	25/05/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000644	000644/2021/BDCC	TH Nhật Tảo	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 9
3656	Đặng Thị Khánh Hà	11/12/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000645	000645/2021/BDCC	TH Đặng Thùy Trâm	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 9
3657	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	05/11/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM000646	000646/2021/BDCC	TH Hồng Đức	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3658	Nguyễn Thị Kim Lang	04/12/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000647	000647/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Bá	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
3659	Hoàng Thị Thủy	11/11/1979	Đạt	DHSPTPHCM000648	000648/2021/BDCC	TH Trường Thành	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 9
3660	Phan Thị Huy Tú	04/12/1979	Đạt	DHSPTPHCM000649	000649/2021/BDCC	TH Thiên Hộ Dương	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 9
3661	Trương Tuệ Vi	01/01/1986	Đạt	DHSPTPHCM000650	000650/2021/BDCC	TH Lê Đình Chinh	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 9
3662	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	22/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM000651	000651/2021/BDCC	TH Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 9
3663	Vũ Thị Ngọc Lan	19/01/1977	Đạt	DHSPTPHCM000652	000652/2021/BDCC	TH Quyết Thắng	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 9
3664	Lâm Anh Thơ	22/11/1993	Đạt	DHSPTPHCM000653	000653/2021/BDCC	Thci Ngô Quyền	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3665	Trần Thị Huệ	28/09/1988	Đạt	DHSPTPHCM000654	000654/2021/BDCC	TH Phú Đồng	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3666	Phạm Thị Phương Thảo	23/09/1992	Đạt	DHSPTPHCM000655	000655/2021/BDCC	TH Thanh Đa	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3667	Trần Hữu Cẩm Tú	22/11/1975	Đạt	DHSPTPHCM000656	000656/2021/BDCC	TH Tâm Vu	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3668	Nguyễn Thị Thiên Ân	11/12/1975	Đạt	DHSPTPHCM000657	000657/2021/BDCC	TH Nguyễn Thượng Hiền	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3669	Trịnh Thị Thu	06/09/1978	Đạt	DHSPTPHCM000658	000658/2021/BDCC	TH Hạnh Thông	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3670	Lư Thị Bích Nga	06/10/1979	Đạt	DHSPTPHCM000659	000659/2021/BDCC	Cò Loa	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3671	Trần Thị Tường Vi	20/09/1987	Đạt	DHSPTPHCM000660	000660/2021/BDCC	Nguyễn Đình Chính	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3672	Nguyễn Thị Phương Nghi	24/04/1985	Đạt	DHSPTPHCM000661	000661/2021/BDCC	TH Trần Quốc Toàn	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3673	Nguyễn Anh Tú	27/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000662	000662/2021/BDCC	TH Tân Sơn Nhì	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3674	Nguyễn Ngọc Doan Trang	27/06/1985	Đạt	DHSPTPHCM000663	000663/2021/BDCC	TH Linh Tây	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3675	Phạm Thị Ngọc Liễu	17/06/1976	Đạt	DHSPTPHCM000664	000664/2021/BDCC	TH Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3676	Hoàng Hữu Chí	18/11/1969	Đạt	DHSPTPHCM000665	000665/2021/BDCC	TH Tam Thôn Hiệp	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3677	Trần Thảo Trang	01/09/1994	Đạt	DHSPTPHCM000666	000666/2021/BDCC	TH Đồng Hòa	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3678	Lâm Võ Nguyệt Quế	25/12/1970	Đạt	DHSPTPHCM000667	000667/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Lịch	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3679	Lê Đình Trang Đài	08/09/1973	Đạt	DHSPTPHCM000668	000668/2021/BDCC	TH Phước Hiệp	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3680	Nguyễn Văn Được	01/01/1988	Đạt	DHSPTPHCM000669	000669/2021/BDCC	TH Trương Văn Ngai	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3681	Phạm Thị Mai Chi	01/12/1990	Đạt	DHSPTPHCM000670	000670/2021/BDCC	TH Nguyễn .An Ninh	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3682	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	07/05/1973	Đạt	DHSPTPHCM000671	000671/2021/BDCC	TH Lâm Văn Bền	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3683	Trần Thị Thanh Nhã	15/02/1989	Đạt	DHSPTPHCM000672	000672/2021/BDCC	TH Bùi Văn Ba	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3684	Nguyễn Thị Giao Linh	23/10/1992	Đạt	DHSPTPHCM000673	000673/2021/BDCC	TH Phan Văn Hân	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 9
3685	Võ Thị Thanh Hương	10/01/1978	Đạt	DHSPTPHCM000674	000674/2021/BDCC	TH An Phú	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3686	Hoàng Minh Thuận	22/04/1980	Đạt	DHSPTPHCM000675	000675/2021/BDCC	TH Nguyễn Văn Kip	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3687	Lê Ngọc Quyên	08/10/1994	Đạt	DHSPTPHCM000676	000676/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 9
3688	Nguyễn Thị Hoàng Yến	23/11/1991	Đạt	DHSPTPHCM000677	000677/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 9
3689	Nguyễn Vũ Thái Hiền	14/05/1981	Đạt	DHSPTPHCM000678	000678/2021/BDCC	TH Chi Lăng	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 9
3690	Trương Thị Ngọc Diệp	05/11/1985	Đạt	DHSPTPHCM000679	000679/2021/BDCC	TH Nguyễn Huệ	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 9
3691	Đặng Thị Kiều Diễm Dung	24/12/1979	Đạt	DHSPTPHCM000680	000680/2021/BDCC	TH Hòa Bình	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 9
3692	Nguyễn Thúy Liễu	19/12/1980	Đạt	DHSPTPHCM000681	000681/2021/BDCC	TH Mỹ Thủy	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3693	Trần Ngọc Hạnh	26/09/1973	Đạt	DHSPTPHCM000682	000682/2021/BDCC	TH Bình Trưng Đông	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3694	Hồ Thị Luyến	25/06/1974	Đạt	DHSPTPHCM000683	000683/2021/BDCC	TH Nguyễn Thiện Thuật	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 9
3695	Doàn Ngọc Hiếu	02/09/1979	Đạt	DHSPTPHCM000684	000684/2021/BDCC	TH Nguyễn Thi	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 9
3696	Phan Đình Ngô	25/06/1970	Đạt	DHSPTPHCM000685	000685/2021/BDCC	TH Bạch Đằng	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
3697	Đỗ Thị Tuyết Hồng	06/12/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000686	000686/2021/BDCC	TH Đống Đa	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 9
3698	Đào Thị Thu Lan	26/02/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000687	000687/2021/BDCC	TH Phạm Hồng Thái	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 9
3699	Ngô Kim Phụng	18/08/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000688	000688/2021/BDCC	TH Trần Bình Trọng	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 9
3700	Nguyễn Vương Tuấn Kiệt	26/07/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000689	000689/2021/BDCC	TH Trương Công Định	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 9
3701	Huỳnh Thị Ngọc Tuyền	16/11/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000690	000690/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 9
3702	Đặng Thị Thái Uyên	27/11/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000691	000691/2021/BDCC	TH Trần Quốc Toàn	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 9
3703	Cao Thị Phương Huyền	12/03/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000692	000692/2021/BDCC	TH Phạm Hữu Lầu	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 9
3704	Nguyễn Ngọc Uyên	12/09/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000693	000693/2021/BDCC	TH Nguyễn Trúc	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3705	Trần Thị Thùy Vân	09/05/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000694	000694/2021/BDCC	TH Bông Sao	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3706	Lê Thị Thanh Nga	25/06/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000695	000695/2021/BDCC	TH Phú Hữu	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3707	Cao Đăng Minh Kim	02/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000696	000696/2021/BDCC	TH Võ Trường Toàn	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 9
3708	Huỳnh Kim Hương	14/03/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000697	000697/2021/BDCC	TH Dương Minh Châu	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 9
3709	Nguyễn Thành Lê Anh	12/07/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000698	000698/2021/BDCC	TH Trung Trắc	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9
3710	Nguyễn Thị Kim Long	30/05/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000699	000699/2021/BDCC	TH Phùng Hưng	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9
3711	Nguyễn Thị Mỹ	10/05/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000700	000700/2021/BDCC	TH Nguyễn Thái Bình	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 9
3712	Trần Thị Kim Quyên	17/06/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000701	000701/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 9
3713	Huỳnh Trương Thanh Mai	14/06/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000702	000702/2021/BDCC	Th Lê Công Phép	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3714	Tô Thị Sen	04/02/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000703	000703/2021/BDCC	Th Lê Bình Thuận	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3715	Nguyễn Thị Diệu Phương	22/06/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000704	000704/2021/BDCC	TH Phan Văn Trị	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3716	Lê Thanh Trâm	12/01/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000705	000705/2021/BDCC	TH Thạnh Mỹ Tây	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3717	Vương Ngọc Yến	03/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000706	000706/2021/BDCC	TH Trần Văn Ôn	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3718	Nguyễn Thị Thu Hằng	17/10/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000707	000707/2021/BDCC	Chí Linh	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3719	Nguyễn Thị Hòa	09/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000708	000708/2021/BDCC	TH Thân Nhân Trung	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3720	Hoàng Ngọc Phương	08/12/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000709	000709/2021/BDCC	TH Tân Thới	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3721	Trần Minh Danh	21/12/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000710	000710/2021/BDCC	TH Lê Thánh Tông	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3722	Phạm Thị Thu Hằng	27/12/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000711	000711/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3723	Cao Tú Trinh	15/07/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000712	000712/2021/BDCC	TH Bình Hưng	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3724	Phạm Hoàng Tôn Nữ	02/05/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000713	000713/2021/BDCC	TH Long Thành	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3725	Đinh Thị Chi	21/12/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000714	000714/2021/BDCC	TH Trung Lập Hạ	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3726	Phan Thị Ngọc Nương	02/11/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000715	000715/2021/BDCC	Th-THCS Tân Trung	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3727	Hạ Thị Anh Hồng	03/06/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000716	000716/2021/BDCC	TH Thới Tam	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3728	Bùi Thị Minh Trang	23/11/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000717	000717/2021/BDCC	TH Mỹ Hòa	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3729	Nguyễn Thanh Ngọc Thủy	08/07/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000718	000718/2021/BDCC	TH Nguyễn Việt Hồng	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3730	Ngô Thị Năm	06/02/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000719	000719/2021/BDCC	TH Nguyễn Bình	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3731	Nguyễn Thanh Thảo	02/12/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000720	000720/2021/BDCC	TH Kim Đồng	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3732	Nguyễn Thị Út	25/09/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000721	000721/2021/BDCC	TH Hoà Hiệp	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3733	Nguyễn Thị Hải	03/02/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000722	000722/2021/BDCC	THCS Chánh Hưng	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3734	Lê Thị Mỹ Hoa	12/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000723	000723/2021/BDCC	THCS Điện Biên	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
3735	Vũ Quang Liêm	31/07/1979	Đạt	DHSPTPHCM000724	000724/2021/BDCC	THCS Tân Bình	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3736	Trịnh Quang Huy	02/12/1979	Đạt	DHSPTPHCM000725	000725/2021/BDCC	THCS Lữ Gia	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 9
3737	Lê Phước Huy	15/02/1971	Đạt	DHSPTPHCM000726	000726/2021/BDCC	THCS Văn Đồn	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 9
3738	Nguyễn Diệu Phước	10/05/1966	Đạt	DHSPTPHCM000727	000727/2021/BDCC	THCS Đồng Khởi	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 9
3739	Đỗ Thanh Hải	11/02/1963	Đạt	DHSPTPHCM000728	000728/2021/BDCC	THCS Cầu Kiệu	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3740	Phạm Văn Tú	12/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000729	000729/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3741	Khuông Thị Thanh	07/02/1975	Đạt	DHSPTPHCM000730	000730/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 9
3742	Nguyễn Duy Phúc	10/11/1983	Đạt	DHSPTPHCM000731	000731/2021/BDCC	THCS Nguyễn Bình Khiêm	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3743	Ngô Kế Thanh Tâm	28/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000732	000732/2021/BDCC	THCS Bình Khánh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3744	Nguyễn Lê Trường Sơn	05/09/1983	Đạt	DHSPTPHCM000733	000733/2021/BDCC	THCS Tô Ký	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3745	Vũ Trần Tuấn Kiệt	20/08/1966	Đạt	DHSPTPHCM000734	000734/2021/BDCC	THCS Thanh Mỹ Lợi	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3746	Lê Thái Bảo	20/03/1985	Đạt	DHSPTPHCM000735	000735/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 9
3747	Nguyễn Văn Sáng	05/07/1983	Đạt	DHSPTPHCM000736	000736/2021/BDCC	THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 9
3748	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	16/04/1980	Đạt	DHSPTPHCM000737	000737/2021/BDCC	THCS Thị trấn 2	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3749	Võ Thị Thu Hà	17/12/1984	Đạt	DHSPTPHCM000738	000738/2021/BDCC	THCS Tân Thông Hội	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3750	Trương Minh Tuấn	03/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000739	000739/2021/BDCC	THCS Hưng Long	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3751	Lê Văn Phú	20/10/1991	Đạt	DHSPTPHCM000740	000740/2021/BDCC	Thị - THCS Thế Giới Trẻ Em(Th)	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3752	Nguyễn Đăng Khoa	17/09/1987	Đạt	DHSPTPHCM000741	000741/2021/BDCC	THCS Tân Túc	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3753	Trà Thanh Loan	04/03/1977	Đạt	DHSPTPHCM000742	000742/2021/BDCC	THCS Long Bình	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 9
3754	Võ Thị Ly	29/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000743	000743/2021/BDCC	THCS Võ Thành Trang	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3755	Đỗ Hữu Duy	05/06/1979	Đạt	DHSPTPHCM000744	000744/2021/BDCC	THCS Hai Bà Trưng	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 9
3756	Nguyễn Đại Huỳnh	15/02/1985	Đạt	DHSPTPHCM000745	000745/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hiền	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 9
3757	Lê Hoàng Bảo	03/12/1985	Đạt	DHSPTPHCM000746	000746/2021/BDCC	THCS Phú Lợi	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 9
3758	Võ Bảo Thu	01/07/1981	Đạt	DHSPTPHCM000747	000747/2021/BDCC	THCS Lam Sơn	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3759	Vũ Đình Vương	04/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000697	000748/2021/BDCC	THCS Ngô Sĩ Liên	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3760	Tào Võ Hiền Nhân	01/11/1988	Đạt	DHSPTPHCM000698	000749/2021/BDCC	THCS Lê Anh Xuân	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 9
3761	Huỳnh Phúc Thịnh	18/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000699	000750/2021/BDCC	THCS Nguyễn Du	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3762	Nguyễn Phi Hùng	26/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000751	000751/2021/BDCC	THCS An Nhơn	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3763	Cao Thế Phương	30/08/1978	Đạt	DHSPTPHCM000752	000752/2021/BDCC	THCS Long Phước	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 9
3764	Nguyễn Thị Phương Loan	29/12/1981	Đạt	DHSPTPHCM000753	000753/2021/BDCC	THCS Trần Quang Khải	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3765	Nguyễn Minh Ngọt	30/03/1988	Đạt	DHSPTPHCM000754	000754/2021/BDCC	THCS Bình Trị Đông	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3766	Khuu Thị Thanh Hiền	15/03/1978	Đạt	DHSPTPHCM000755	000755/2021/BDCC	THCS Linh Trung	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3767	Diệp Thị Thanh Thảo	21/02/1985	Đạt	DHSPTPHCM000756	000756/2021/BDCC	THCS Nguyễn An Khương	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3768	Nguyễn Thị Bích Tuyền	29/11/1991	Đạt	DHSPTPHCM000757	000757/2021/BDCC	THCS Giồng Ông Tố	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3769	Nguyễn Tấn Vinh	15/02/1986	Đạt	DHSPTPHCM000758	000758/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thái Bình	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3770	Trang Thành Sự	05/08/1979	Đạt	DHSPTPHCM000759	000759/2021/BDCC	THCS Trung Lập Hạ	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3771	Lê Minh Trung	12/02/1986	Đạt	DHSPTPHCM000760	000760/2021/BDCC	THCS Hiệp Phước	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3772	Trương Triều Nhựt	02/04/1990	Đạt	DHSPTPHCM000761	000761/2021/BDCC	THCS Và THPT Diên Hồng		Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
3773	Nguyễn Quốc Thái	15/06/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000762	000762/2021/BDCC	THCS Chu Văn An	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 9
3774	Trần Đức Lộc	20/03/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000763	000763/2021/BDCC	THCS Phan Sào Nam	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 9
3775	Lê Thị Tùng Anh	01/02/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000764	000764/2021/BDCC	THCS Trần Danh Ninh	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3776	Ngô Quang Tuấn	26/12/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000765	000765/2021/BDCC	THCS Bình Đông	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3777	Hoàng Ngọc Anh	15/06/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000766	000766/2021/BDCC	THCS Rạng Đông	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3778	Nguyễn Hoàng Sơn	06/03/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000767	000767/2021/BDCC	Bàgd Quận Tân Bình	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3779	Nguyễn Xuân Huyền	25/12/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000768	000768/2021/BDCC	THCS Bình Tây	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 9
3780	Phạm Thành Trung	05/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000769	000769/2021/BDCC	THCS Ba Đình	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 9
3781	Nguyễn Công Phúc Khánh	31/01/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000770	000770/2021/BDCC	THCS Nguyễn Du	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 9
3782	Nguyễn Ngọc Toàn	01/01/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000771	000771/2021/BDCC	THCS Gò Vấp	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3783	Trần Thị Diễm Chi	21/02/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000772	000772/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hiền	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 9
3784	Nguyễn Thị Thu Thủy	08/11/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000773	000773/2021/BDCC	THCS Hai Bà Trưng	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3785	Nguyễn Thị Ngọc Thu	06/09/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000774	000774/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Quý	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3786	Nguyễn Trường Vũ	24/11/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000775	000775/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Toản	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3787	Nguyễn Như Sương	28/11/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000776	000776/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3788	Đỗ Thị Thanh Giang	25/07/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000777	000777/2021/BDCC	THCS Lý Thường Kiệt	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3789	Trần Đình Phương	01/12/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000778	000778/2021/BDCC	THCS Xuân Trường	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3790	Võ Thị Kim Tươi	08/09/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000779	000779/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Linh	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 9
3791	Phan Thị Hương	12/12/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000780	000780/2021/BDCC	THCS Nguyễn Hồng Đào	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3792	Lê Ngọc Dung	18/07/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000781	000781/2021/BDCC	THCS Phước Thạnh	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 9
3793	Phạm Văn Sơn	30/08/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM000782	000782/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thị Định	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 9
3794	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	29/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000783	000783/2021/BDCC	THCS Thăng Long	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 9
3795	Nguyễn Thị Minh An	01/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000784	000784/2021/BDCC	THCS Nguyễn An Ninh	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3796	Nguyễn Thị Hồng Diệp	01/07/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000785	000785/2021/BDCC	THCS Phan Đăng Lưu	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3797	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	31/03/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000786	000786/2021/BDCC	THCS Trương Công Định	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3798	Lê Việt Hải	12/06/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000787	000787/2021/BDCC	THCS Yên Thế	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3799	Mai Thùy An	03/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000788	000788/2021/BDCC	THCS Nguyễn Minh Hoàng	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9
3800	Bùi Thị Minh Châu	01/02/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000789	000789/2021/BDCC	Trung Học Cơ Sở Đức Trí Q1	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 9
3801	Dương Thị Xuân Thủy	08/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000790	000790/2021/BDCC	THCS Châu Văn Liêm	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3802	Đặng Hồng Trúc Linh	17/08/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000791	000791/2021/BDCC	THCS Lê Thành Công	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3803	Trần Vũ Hồng Chuyên	01/06/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000792	000792/2021/BDCC	THCS Hoa Lư	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3804	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	06/09/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000793	000793/2021/BDCC	THCS Đặng Trần Côn	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3805	Nguyễn Thị Thu Hiền	05/03/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000794	000794/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3806	Phạm Thị Ngọc	24/09/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000795	000795/2021/BDCC	THCS An Thới Đông	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3807	Nguyễn Anh Quân	18/10/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000796	000796/2021/BDCC	THCS Dơi Lầu	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3808	Nguyễn Trần Thanh Nghiễm	01/12/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000797	000797/2021/BDCC	THCS Tam Thôn Hiệp	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3809	Trần Công Nghĩa	07/08/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000798	000798/2021/BDCC	THCS Đặng Thúc Vĩnh	Phòng GDĐT Huyện Học Môn	Mô đun 9
3810	Huỳnh Thị Anh Thư	15/09/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000799	000799/2021/BDCC	THCS Lương Thế Vinh	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
3811	Nguyễn Đăng Thùy	22/07/1988	Đạt	DHSPTPHCM000800	000800/2021/BDCC	THCS Hoàng Văn Thụ	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 9
3812	Lê Thanh Hà	01/07/1982	Đạt	DHSPTPHCM000801	000801/2021/BDCC	THCS Lý Phong	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 9
3813	Lê Quốc Thắng	03/05/1992	Đạt	DHSPTPHCM000802	000802/2021/BDCC	THCS Trần Văn Quang	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3814	Tạ Minh Hoàng	04/02/1983	Đạt	DHSPTPHCM000803	000803/2021/BDCC	THCS Tăng Bạt Hổ	Phòng GDDT Quận 4	Mô đun 9
3815	Từ Thị Doan Trang	28/08/1983	Đạt	DHSPTPHCM000804	000804/2021/BDCC	THCS Lê Minh Xuân	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3816	Đoàn Thanh Tâm	15/09/1976	Đạt	DHSPTPHCM000805	000805/2021/BDCC	THCS Phạm Văn Cội	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3817	Trần Văn Hào	07/06/1969	Đạt	DHSPTPHCM000806	000806/2021/BDCC	THCS Tân Thạnh Tây	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3818	Võ Minh Tân	15/03/1987	Đạt	DHSPTPHCM000807	000807/2021/BDCC	THCS Tân Phú Trung	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3819	Huyền Anh Luân	08/05/1982	Đạt	DHSPTPHCM000808	000808/2021/BDCC	THCS Tân Thạnh Đông	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3820	Hà Thị Giàu	04/11/1976	Đạt	DHSPTPHCM000809	000809/2021/BDCC	THCS Phú Hòa Đông	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3821	Nguyễn Ngọc Diệp	28/11/1988	Đạt	DHSPTPHCM000810	000810/2021/BDCC	THCS Phạm Văn Chiêu	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3822	Lê Thị Thanh Thủy	07/04/1986	Đạt	DHSPTPHCM000811	000811/2021/BDCC	THCS Huỳnh Văn Nghệ	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3823	Phan Thị Dạ Thảo	28/08/1988	Đạt	DHSPTPHCM000812	000812/2021/BDCC	THCS Vĩnh Lộc B	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3824	Nguyễn Thị Ánh Trúc	09/11/1976	Đạt	DHSPTPHCM000813	000813/2021/BDCC	THCS Hồng Bàng	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 9
3825	Đỗ Thành Nhơn	20/03/1965	Đạt	DHSPTPHCM000814	000814/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Bứa	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 9
3826	Trình Trần Song Hòa	11/10/1977	Đạt	DHSPTPHCM000815	000815/2021/BDCC	THCS Lê Anh Xuân	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3827	Võ Thị Hằng Nhi	14/11/1986	Đạt	DHSPTPHCM000816	000816/2021/BDCC	THCS Khánh Bình	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 9
3828	Lê Thủy Tiên	31/07/1973	Đạt	DHSPTPHCM000817	000817/2021/BDCC	THCS Bình Quới Tây	Phòng GDDT Quận Bình Thanh	Mô đun 9
3829	Nguyễn Trung Nghĩa	14/02/1975	Đạt	DHSPTPHCM000818	000818/2021/BDCC	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 9
3830	Huyền Thị Phương Ngọc	09/01/1982	Đạt	DHSPTPHCM000819	000819/2021/BDCC	THCS Lý Tự Trọng	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3831	Nguyễn Trương Quý Trọng	15/12/1985	Đạt	DHSPTPHCM000820	000820/2021/BDCC	THCS Hoàng Quốc Việt	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 9
3832	Lê Thị Châu Bình	03/04/1987	Đạt	DHSPTPHCM000821	000821/2021/BDCC	THCS Phước Lộc	Phòng GDDT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3833	Dương Trí Dũng	07/05/1968	Đạt	DHSPTPHCM000822	000822/2021/BDCC	THCS Tôn Thất Tùng	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3834	Nguyễn Xuân Thanh Vân	18/08/1977	Đạt	DHSPTPHCM000823	000823/2021/BDCC	THCS Phong Phú	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3835	Võ Ngọc Duyên	03/05/1992	Đạt	DHSPTPHCM000824	000824/2021/BDCC	THCS Trương Nguyệt Anh	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 9
3836	Nguyễn Thị Ngọc Loan	19/10/1969	Đạt	DHSPTPHCM000825	000825/2021/BDCC	THCS Hoàng Hoa Thám	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3837	Nguyễn Thị Thu Trang	19/10/1975	Đạt	DHSPTPHCM000826	000826/2021/BDCC	THCS Lê Hồ Văn Long	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3838	Huyền Thanh Tùng	31/08/1976	Đạt	DHSPTPHCM000827	000827/2021/BDCC	THCS Thị trấn	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 9
3839	Nguyễn Thị Trúc Mai	29/09/1979	Đạt	DHSPTPHCM000828	000828/2021/BDCC	THCS Lý Chính Thắng 1	Phòng GDDT Huyện Học Môn	Mô đun 9
3840	Nguyễn Thị Giáng Thu	24/12/1972	Đạt	DHSPTPHCM000829	000829/2021/BDCC	THCS Phước Vĩnh An	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3841	Lai Hồng Huy	18/01/1979	Đạt	DHSPTPHCM000830	000830/2021/BDCC	THCS An Phú Đông	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 9
3842	Trần Phú Cẩm	08/08/1967	Đạt	DHSPTPHCM000831	000831/2021/BDCC	THCS Tân An Hội	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3843	Đoàn Thị Cẩm Hồng	09/12/1975	Đạt	DHSPTPHCM000832	000832/2021/BDCC	THCS An Phú	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3844	Lê Quang Diễm Hương	17/02/1981	Đạt	DHSPTPHCM000833	000833/2021/BDCC	THCS Tam Bình	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3845	Đoàn Tấn Đức	05/02/1986	Đạt	DHSPTPHCM000834	000834/2021/BDCC	THCS Võ Văn Vân	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3846	Kiều Anh Dũng	20/02/1972	Đạt	DHSPTPHCM000835	000835/2021/BDCC	THCS Phạm Văn Hai	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3847	Lê Trung Kiên	20/06/1982	Đạt	DHSPTPHCM000836	000836/2021/BDCC	Trung Học Cơ Sở Kim Đồng	Phòng GDDT Quận 5	Mô đun 9
3848	Nguyễn Thị Lan Phương	20/10/1981	Đạt	DHSPTPHCM000837	000837/2021/BDCC	THCS Lạc Hồng	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
3849	Trần Thị Kim Châu	05/04/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000838	000838/2021/BDCC	THCS Trần Văn Đương	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3850	Huỳnh Văn Xếp	10/06/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000839	000839/2021/BDCC	THCS Trung Lập	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3851	Lê Quế Thọ	19/09/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000840	000840/2021/BDCC	THCS Tân Tạo	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3852	Nguyễn Thị Thu Hồng	15/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000841	000841/2021/BDCC	THCS Minh Đức	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 9
3853	Võ Văn Quý	26/11/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000842	000842/2021/BDCC	Trung Tâm Gdnn - Gdtx Quận 9		Mô đun 9
3854	Lê Cao Thắng	25/03/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000843	000843/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 9
3855	Võ Văn Tuấn	17/02/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000844	000844/2021/BDCC	THCS Lê Lai	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3856	Lê Thị Định	08/11/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000845	000845/2021/BDCC	THCS Củ Chính Lan	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3857	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	12/08/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000846	000846/2021/BDCC	THCS Nguyễn Tri Phương	Phòng GDĐT Quận 10	Mô đun 9
3858	Bùi Mỹ Dung	21/08/1967	Đạt	ĐHSPTPHCM000847	000847/2021/BDCC	THCS Quang Trung	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 9
3859	Trần Nguyễn Tuấn Huy	18/07/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM000848	000848/2021/BDCC	THCS Trần Bội Cơ	Phòng GDĐT Quận 5	Mô đun 9
3860	Lê Minh Kim Long	19/09/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000849	000849/2021/BDCC	THCS Trường Sơn	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3861	Phạm Ngọc Duyên	07/04/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000850	000850/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thị Thập Q7	Phòng GDĐT Quận 7	Mô đun 9
3862	Lê Thị Hồng Phương	19/05/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000851	000851/2021/BDCC	THCS Nguyễn Thị Hương	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3863	Phan Trần Băng Thu	26/10/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM000852	000852/2021/BDCC	THCS Hoa Lư	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3864	Đặng Trần Thanh Xuân	02/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000853	000853/2021/BDCC	THCS Hoàng Diệu	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3865	Đào Thị Anh	18/01/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000854	000854/2021/BDCC	THCS Bình Hưng Hòa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3866	Lê Nguyễn Ngọc Hân	23/04/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000855	000855/2021/BDCC	THCS Lý Thường Kiệt	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3867	Đinh Công Văn Sơn	13/05/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000856	000856/2021/BDCC	THCS Đồng Đen	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3868	Phan Mỹ Linh	26/11/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000857	000857/2021/BDCC	THCS Đồng Thạnh	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3869	Đinh Kim Thoa	28/03/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000858	000858/2021/BDCC	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 9
3870	Nguyễn Thị Thùy Trang	13/07/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000859	000859/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9
3871	Nguyễn Thị Thanh Quế	06/10/1970	Đạt	ĐHSPTPHCM000860	000860/2021/BDCC	THCS Long Hòa	Phòng GDĐT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3872	Lê Thị Dinh	06/06/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000861	000861/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Toàn	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 9
3873	Nguyễn Thị Nga	13/02/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000862	000862/2021/BDCC	THCS Trần Hưng Đạo	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 9
3874	Hoàng Thị Thanh Phương	28/09/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000863	000863/2021/BDCC	THCS Lê Văn Việt	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3875	Phan Thị Hồng Nhung	24/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000864	000864/2021/BDCC	THCS Dương Văn Thi	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3876	Trịnh Thị Thanh Tuyền	13/10/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000865	000865/2021/BDCC	THCS Gò Xoài	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3877	Cao Anh Kiệt	30/04/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000866	000866/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Xơ	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3878	Nguyễn Thị Bích Hà	01/08/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000867	000867/2021/BDCC	Th-THCS Tân Trung	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3879	Ngô Thị Đan Phương	12/09/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000868	000868/2021/BDCC	THCS Trần Huy Liệu	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3880	Phùng Thị Ngọc Mai	01/03/1967	Đạt	ĐHSPTPHCM000869	000869/2021/BDCC	THCS Huỳnh Khương Ninh	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 9
3881	Phan Thị Kim Sương	11/08/1968	Đạt	ĐHSPTPHCM000870	000870/2021/BDCC	THCS Bàn Cờ	Phòng GDĐT Quận 3	Mô đun 9
3882	Ngô Kim Ngân	13/11/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000871	000871/2021/BDCC	THCS Quang Trung	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3883	Cao Thị Nguyệt	18/07/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000872	000872/2021/BDCC	Bgd Quận Tân Bình	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3884	Huỳnh Kim Huê	17/07/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000873	000873/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 4	Mô đun 9
3885	Nguyễn Ngô Anh Huyền	18/10/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000874	000874/2021/BDCC	THCS Văn Lang	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 9
3886	Văn Thị Diệu Hằng	26/07/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000875	000875/2021/BDCC	THCS Võ Trường Toản	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
3887	Lê Hoàng Dũng	17/11/1991	Đạt	DHSPTPHCM000876	000876/2021/BDCC	THCS Thông Tây Hội	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3888	Nguyễn Thị Thanh Thủy	09/02/1982	Đạt	DHSPTPHCM000877	000877/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Tuấn	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 9
3889	Lê Mậu Thành	19/08/1983	Đạt	DHSPTPHCM000878	000878/2021/BDCC	THCS Tăng Nhơn Phú B	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 9
3890	Châu Mỹ Tuyền	11/12/1990	Đạt	DHSPTPHCM000879	000879/2021/BDCC	THCS Thoại Ngọc Hầu	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3891	Lại Văn Quang	18/03/1965	Đạt	DHSPTPHCM000880	000880/2021/BDCC	THCS Đồng Khởi	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3892	Ngô Thị Cúc Huyền	05/12/1978	Đạt	DHSPTPHCM000881	000881/2021/BDCC	THCS Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3893	Võ Ngọc Nữ	28/02/1981	Đạt	DHSPTPHCM000882	000882/2021/BDCC	THCS Linh Đông	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3894	Nguyễn Thị Thanh Thủy	05/11/1978	Đạt	DHSPTPHCM000883	000883/2021/BDCC	THCS Thị Trấn	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3895	Lê Thu Hiếu	01/08/1979	Đạt	DHSPTPHCM000884	000884/2021/BDCC	THCS Đặng Công Bình	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3896	Phạm Thị Ngọc Bích	23/10/1980	Đạt	DHSPTPHCM007000	000885/2021/BDCC	THCS Thị Trấn	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3897	Lâm Tấn Khanh	22/09/1983	Đạt	DHSPTPHCM000886	000886/2021/BDCC	THCS Bình An	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3898	Trần Thị Thu Liễu	05/05/1980	Đạt	DHSPTPHCM000887	000887/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDDT Quận 2	Mô đun 9
3899	Dương Thị Huệ	06/07/1986	Đạt	DHSPTPHCM000888	000888/2021/BDCC	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 9
3900	Hà Thị Kim Phương	17/05/1987	Đạt	DHSPTPHCM000889	000889/2021/BDCC	THCS Đồng Đa	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3901	Đỗ Duy Nam	28/05/1979	Đạt	DHSPTPHCM000890	000890/2021/BDCC	THCS Phú Thọ	Phòng GDDT Quận 11	Mô đun 9
3902	Lê Thị Nhan	13/03/1979	Đạt	DHSPTPHCM000891	000891/2021/BDCC	THCS Độc Lập	Phòng GDDT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3903	Nguyễn Công Đoàn	17/07/1986	Đạt	DHSPTPHCM000892	000892/2021/BDCC	THCS Lê Tấn Bê	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3904	Trần Túy Thuận	24/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM000893	000893/2021/BDCC	THCS Bình Khánh	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3905	Đậu Văn Khánh	10/09/1991	Đạt	DHSPTPHCM000894	000894/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Nghi	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3906	Hứa Thị Hoàn Hào	01/12/1980	Đạt	DHSPTPHCM000895	000895/2021/BDCC	THCS Tân Nhựt	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3907	Lê Thị Thanh Thảo	30/04/1981	Đạt	DHSPTPHCM000896	000896/2021/BDCC	THCS Tân Tiến	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3908	Trần Thị Thanh Vy	24/04/1992	Đạt	DHSPTPHCM000897	000897/2021/BDCC	THCS Phước Hiệp	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3909	Trần Thị Gái	11/07/1978	Đạt	DHSPTPHCM000898	000898/2021/BDCC	THCS Nhuận Đức	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3910	Đỗ Thị Hương	05/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000899	000899/2021/BDCC	THCS Cách Mạng Tháng Tám	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 9
3911	Nguyễn Hà Xuyên	15/09/1987	Đạt	DHSPTPHCM000900	000900/2021/BDCC	THCS Ngô Quyền	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3912	Nguyễn Cẩm Nhi	22/10/1983	Đạt	DHSPTPHCM000901	000901/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3913	Trần Văn Đạt	13/01/1990	Đạt	DHSPTPHCM000902	000902/2021/BDCC	THCS Tùng Thiện Vương	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 9
3914	Nguyễn Văn Nam	16/09/1988	Đạt	DHSPTPHCM000903	000903/2021/BDCC	THCS Lạc Long Quân	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3915	Lê Minh Hiếu	04/05/1981	Đạt	DHSPTPHCM000904	000904/2021/BDCC	Trường Bđgd Quận 9	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 9
3916	Nguyễn Thị Thanh Thảo	07/10/1993	Đạt	DHSPTPHCM000905	000905/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3917	Trần Tuấn Anh	30/05/1979	Đạt	DHSPTPHCM000906	000906/2021/BDCC	THCS Colette	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 9
3918	Nguyễn Thị Thúy	07/03/1974	Đạt	DHSPTPHCM000907	000907/2021/BDCC	THCS Phú Mỹ	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3919	Phạm Trần Thanh Thảo	31/08/1989	Đạt	DHSPTPHCM000908	000908/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Tố	Phòng GDDT Quận 10	Mô đun 9
3920	Lâm Ngọc Phụng	09/08/1985	Đạt	DHSPTPHCM000909	000909/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Lương	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 9
3921	Nguyễn Thị Thanh Tú	19/05/1994	Đạt	DHSPTPHCM000910	000910/2021/BDCC	THCS Phan Văn Trị	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3922	Đinh Hồng Phát	17/09/1966	Đạt	DHSPTPHCM000911	000911/2021/BDCC	THCS Hưng Bình	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 9
3923	Nguyễn Phương Lynch Giang	26/01/1979	Đạt	DHSPTPHCM000912	000912/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3924	Nguyễn Thị Tú Anh	03/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000913	000913/2021/BDCC	THCS Bình Trị Đông A	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
3925	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/04/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000914	000914/2021/BDCC	THCS Tân Kiên	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3926	Nguyễn Thị Ngọc Minh	09/04/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000915	000915/2021/BDCC	THCS Phan Công Hớn	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3927	Nguyễn Thị Doan Trang	02/04/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000916	000916/2021/BDCC	THCS Lương Định Của	Phòng GDĐT Quận 2	Mô đun 9
3928	Trần Lê Phương Khanh	06/04/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000917	000917/2021/BDCC	THCS Nguyễn Huệ	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 9
3929	Lê Thị Thùy	23/01/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000918	000918/2021/BDCC	THCS Thái Văn Lung	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3930	Nguyễn Thị Nương	19/12/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM000919	000919/2021/BDCC	THCS An Phú	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3931	Trần Thị Phương Thảo	27/12/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000920	000920/2021/BDCC	THCS Lê Văn Hưu	Phòng GDĐT Huyện Nhà Bè	Mô đun 9
3932	Lê Trần Kiều Hoa	19/05/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000921	000921/2021/BDCC	THCS Võ Trường Toản	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 9
3933	Lê Thị Kim Thanh	31/08/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000922	000922/2021/BDCC	THCS Hậu Giang	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9
3934	Ngô Thị Bạch Huệ	20/06/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000923	000923/2021/BDCC	THCS Lý Thánh Tông	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3935	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	10/10/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000924	000924/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trãi	Phòng GDĐT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3936	Phạm Thành	15/09/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM000925	000925/2021/BDCC	THCS, THPT Phan Châu Trinh		Mô đun 9
3937	Lê Thanh Nguyệt	07/07/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM000926	000926/2021/BDCC	THCS Tân Xuân	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3938	Lê Trung Hiếu	24/01/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM000927	000927/2021/BDCC	THCS Trung An	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3939	La Trần Huyền Diệu	06/01/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM000928	000928/2021/BDCC	THCS Âu Lạc	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3940	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	14/03/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM000929	000929/2021/BDCC	THCS Ngô Tất Tố	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3941	Nguyễn Thị Hiếu Nghĩa	29/08/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000930	000930/2021/BDCC	THCS Trần Quang Khải	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 9
3942	Lưu Thị Hồng Thúy	19/12/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000931	000931/2021/BDCC	THCS Trương Văn Nương	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3943	Phòng Quốc Tuấn	19/06/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000932	000932/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Phòng GDĐT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3944	Nguyễn Thị Mỹ Châu	08/01/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM000933	000933/2021/BDCC	Bdgt Huyện Bình Chánh	Phòng GDĐT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3945	Nguyễn Thị Hồng An	29/08/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000934	000934/2021/BDCC	THCS Hiệp Phú	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3946	Ngô Thị Rất Quý	09/12/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000935	000935/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 3		Mô đun 9
3947	Phan Công Bằng	02/11/1965	Đạt	ĐHSPTPHCM000936	000936/2021/BDCC	THCS Bình An	Phòng GDĐT Quận 8	Mô đun 9
3948	Nguyễn Học	05/11/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000937	000937/2021/BDCC	THCS Điện Biên	Phòng GDĐT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3949	Nguyễn Đức Thọ	20/05/1975	Đạt	ĐHSPTPHCM000938	000938/2021/BDCC	THCS Lý Thường Kiệt	Phòng GDĐT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3950	Phan Phước Lai	12/07/1963	Đạt	ĐHSPTPHCM000939	000939/2021/BDCC	THCS Phạm Đình Hổ	Phòng GDĐT Quận 6	Mô đun 9
3951	Nguyễn Hoàng Phúc	01/12/1967	Đạt	ĐHSPTPHCM000940	000940/2021/BDCC	THCS Phước Bình	Phòng GDĐT Quận 9	Mô đun 9
3952	Hồ Văn Thịnh	25/10/1967	Đạt	ĐHSPTPHCM000941	000941/2021/BDCC	THCS Ngô Chí Quốc	Phòng GDĐT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3953	Hoàng Tuấn Anh	01/11/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000942	000942/2021/BDCC	Phó Thông Nang Khuất Thủ Thao Olympic		Mô đun 9
3954	Nguyễn Văn Cường	10/03/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM000943	000943/2021/BDCC	THCS Tam Đồng 1	Phòng GDĐT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3955	Kiều Việt Hưng	19/06/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000944	000944/2021/BDCC	THCS Đào Duy Anh	Phòng GDĐT Quận Phú Nhuận	Mô đun 9
3956	Trương Hồng Quang	10/08/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM000945	000945/2021/BDCC	THCS Trần Phú	Phòng GDĐT Quận 12	Mô đun 9
3957	Nguyễn Văn Minh	21/02/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000946	000946/2021/BDCC	THCScl Bình Hưng Hòa	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3958	Lê Huỳnh Trọng Hiếu	16/10/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM000947	000947/2021/BDCC	THCS Bình Trị Đông A	Phòng GDĐT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3959	Trần Thanh Tường	07/01/1971	Đạt	ĐHSPTPHCM000948	000948/2021/BDCC	THCS Phú Mỹ Hưng	Phòng GDĐT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3960	Nguyễn Văn Trung	13/07/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM000949	000949/2021/BDCC	Th. THCS và THPT Việt Úc		Mô đun 9
3961	Nguyễn Thị Nhật Thanh	08/08/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000950	000950/2021/BDCC	THCS Huỳnh Khương Ninh	Phòng GDĐT Quận 1	Mô đun 9
3962	Đỗ Minh Phụng	27/07/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000951	000951/2021/BDCC	THCS Nguyễn Văn Phú	Phòng GDĐT Quận 11	Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
3963	Trần Minh Đăng	20/08/1971	Đạt	DHSPTPHCM000952	000952/2021/BDCC	THCS Lý Nhơn	Phòng GDDT Huyện Cần Giờ	Mô đun 9
3964	Trần Minh Phú	01/03/1990	Đạt	DHSPTPHCM000953	000953/2021/BDCC	Thị - THCS - THPT Tây Úc		Mô đun 9
3965	Huỳnh Nguyễn Phương Thủy	03/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM000954	000954/2021/BDCC	THCS Dương Bá Trạc	Phòng GDDT Quận 8	Mô đun 9
3966	Nguyễn Hữu Lâm	25/10/1972	Đạt	DHSPTPHCM000955	000955/2021/BDCC	THCS Cửu Long	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3967	Hoàng Minh Hồng Đức	21/08/1982	Đạt	DHSPTPHCM000956	000956/2021/BDCC	THCS Văn Thân	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 9
3968	Nguyễn Đình Truyền	12/10/1970	Đạt	DHSPTPHCM000957	000957/2021/BDCC	THCS Phan Tây Hồ	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3969	Nguyễn Thị Ái Chiếu	11/03/1967	Đạt	DHSPTPHCM000958	000958/2021/BDCC	THCS Trần Quốc Toản	Phòng GDDT Quận 9	Mô đun 9
3970	Nguyễn Văn Tiêm	10/11/1981	Đạt	DHSPTPHCM000959	000959/2021/BDCC	THCS Hiệp Bình	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3971	Nguyễn Hoàng Mỹ	27/09/1973	Đạt	DHSPTPHCM000960	000960/2021/BDCC	THCS Bình Chánh	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3972	Nguyễn Kim Thoa	01/05/1980	Đạt	DHSPTPHCM000961	000961/2021/BDCC	THCS Nguyễn An Khương	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3973	Phạm Tuyết Trinh	07/09/1973	Đạt	DHSPTPHCM000962	000962/2021/BDCC	THCS Phan Bội Châu	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 9
3974	Nguyễn Thùy Kim Ngân	21/08/1981	Đạt	DHSPTPHCM000963	000963/2021/BDCC	THCS Thị Trấn	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3975	Lê Diệu Linh Thu	13/02/1976	Đạt	DHSPTPHCM000964	000964/2021/BDCC	Trung Học Cơ Sứ Đức Trí Q1	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 9
3976	Đỗ Hải Duy	03/09/1979	Đạt	DHSPTPHCM000965	000965/2021/BDCC	THCS Bạch Đằng	Phòng GDDT Quận 3	Mô đun 9
3977	Nguyễn Đông Quân	23/12/1984	Đạt	DHSPTPHCM000966	000966/2021/BDCC	Bđgd Quận Tân Bình	Phòng GDDT Quận Tân Bình	Mô đun 9
3978	Đinh Nguyễn Diệp Ly Ly	01/03/1985	Đạt	DHSPTPHCM000967	000967/2021/BDCC	THCS Lê Lợi	Phòng GDDT Quận Tân Phú	Mô đun 9
3979	Nguyễn Đăng An Giang	01/09/1981	Đạt	DHSPTPHCM000968	000968/2021/BDCC	Bđgd Quận Bình Tân	Phòng GDDT Quận Bình Tân	Mô đun 9
3980	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	06/03/1974	Đạt	DHSPTPHCM000969	000969/2021/BDCC	THCS Tân Thành Đông	Phòng GDDT Huyện Củ Chi	Mô đun 9
3981	Nguyễn Anh Duy	15/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000970	000970/2021/BDCC	Tt. THCS VÀ THPT Quốc Tế Á Châu		Mô đun 9
3982	Mai Đình Văn Anh	29/05/1984	Đạt	DHSPTPHCM000971	000971/2021/BDCC	THCS Hà Huy Tập	Phòng GDDT Quận Bình Thạnh	Mô đun 9
3983	Chiêu Thu Trang	01/03/1980	Đạt	DHSPTPHCM000972	000972/2021/BDCC	THCS Trần Văn Ôn	Phòng GDDT Quận 1	Mô đun 9
3984	Nguyễn Thị Thu Hà	20/12/1970	Đạt	DHSPTPHCM000973	000973/2021/BDCC	THCS Huỳnh Tấn Phát	Phòng GDDT Quận 7	Mô đun 9
3985	Mai Ngọc Chánh	14/08/1986	Đạt	DHSPTPHCM000974	000974/2021/BDCC	THCS Lê Quý Đôn	Phòng GDDT Quận Thủ Đức	Mô đun 9
3986	Phạm Thị Hồng Quỳên	04/04/1985	Đạt	DHSPTPHCM000975	000975/2021/BDCC	THCS Tân Quý Tây	Phòng GDDT Huyện Bình Chánh	Mô đun 9
3987	Ka Hoàng Tri Thủy	01/11/1984	Đạt	DHSPTPHCM000976	000976/2021/BDCC	THCS Trung Mỹ Tây 1	Phòng GDDT Huyện Hóc Môn	Mô đun 9
3988	Hồ Anh Trí	28/03/1980	Đạt	DHSPTPHCM000977	000977/2021/BDCC	THCS Hậu Giang	Phòng GDDT Quận 6	Mô đun 9
3989	Nguyễn Thị Vân Anh	13/05/1982	Đạt	DHSPTPHCM000978	000978/2021/BDCC	THCS Quang Trung	Phòng GDDT Quận Gò Vấp	Mô đun 9
3990	Mai Thị Ngân	20/08/1990	Đạt	DHSPTPHCM000979	000979/2021/BDCC	THCS Nguyễn Trung Trực	Phòng GDDT Quận 12	Mô đun 9
3991	Hà Thị Thanh	03/12/1978	Đạt	DHSPTPHCM000980	000980/2021/BDCC	THPT Lê Thánh Tôn		Mô đun 9
3992	Trần Thị Thu	08/07/1970	Đạt	DHSPTPHCM000981	000981/2021/BDCC	THPT Long Trường		Mô đun 9
3993	Phạm Thị Giang	15/12/1986	Đạt	DHSPTPHCM000982	000982/2021/BDCC	THPT Nguyễn Văn Tăng		Mô đun 9
3994	Trương Thúc Quảng	01/02/1973	Đạt	DHSPTPHCM000983	000983/2021/BDCC	THPT Nguyễn An Ninh		Mô đun 9
3995	Đoàn Văn Mùi	01/03/1968	Đạt	DHSPTPHCM000984	000984/2021/BDCC	THPT Bình Chánh		Mô đun 9
3996	Ngô Tuyết Diệp	24/07/1968	Đạt	DHSPTPHCM000985	000985/2021/BDCC	THPT Đa Phước		Mô đun 9
3997	Vương Thoại Hồng	28/11/1965	Đạt	DHSPTPHCM000986	000986/2021/BDCC	THPT Củ Chi		Mô đun 9
3998	Nguyễn Vương Quốc Luyện	28/05/1981	Đạt	DHSPTPHCM000987	000987/2021/BDCC	THPT Quang Trung		Mô đun 9
3999	Nguyễn Anh Phương	20/07/1968	Đạt	DHSPTPHCM000988	000988/2021/BDCC	THPT Gò Vấp		Mô đun 9
4000	Nguyễn Kim Yên	01/11/1988	Đạt	DHSPTPHCM000989	000989/2021/BDCC	THPT Nguyễn Công Trứ		Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
4001	Đặng Thị Thanh Mai	15/08/1973	Đạt	ĐHSPTPHCM000990	000990/2021/BDCC	THPT Hàn Thuyên		Mô đun 9
4002	Ngô Trọng Đại	26/06/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000991	000991/2021/BDCC	Th. THCS Và THPT Vinschool		Mô đun 9
4003	Nguyễn Minh Tú	27/11/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM000992	000992/2021/BDCC	THPT Tân Bình		Mô đun 9
4004	Nguyễn Thị Xuân	11/12/1967	Đạt	ĐHSPTPHCM000993	000993/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận Tân Phú		Mô đun 9
4005	Lê Thị Kim Thủy	18/07/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000994	000994/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận Tân Bình		Mô đun 9
4006	Tôn Thất Thái Sơn	03/02/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM000995	000995/2021/BDCC	THPT Võ Thị Sáu		Mô đun 9
4007	Nguyễn Thị Kim Dung	20/05/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM000996	000996/2021/BDCC	THPT Lương Thế Vinh		Mô đun 9
4008	Phạm Văn Lục	18/01/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM000997	000997/2021/BDCC	THPT Nguyễn Trung Trực		Mô đun 9
4009	Nguyễn Thủy Quỳnh Như	01/04/1980	Đạt	ĐHSPTPHCM000998	000998/2021/BDCC	THPT Trần Hưng Đạo		Mô đun 9
4010	Trần Trịnh Minh Hòa	04/12/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM000999	000999/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hữu Cầu		Mô đun 9
4011	Nguyễn Anh Tuấn	18/07/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM001000	001000/2021/BDCC	THCS và THPT Hồng Hà		Mô đun 9
4012	Trần Thế Linh	28/07/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM001001	001001/2021/BDCC	THCS-THPT Hồng Đức		Mô đun 9
4013	Nguyễn Việt Đăng	08/06/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM001002	001002/2021/BDCC	THCS và THPT Trí Đức		Mô đun 9
4014	Trịnh Thị Hoài Thư	13/05/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM001003	001003/2021/BDCC	THPT Thủ Đức		Mô đun 9
4015	Nguyễn Thị Nhung	14/06/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM001004	001004/2021/BDCC	THPT Lý Thường Kiệt		Mô đun 9
4016	Nguyễn Thị Minh Châu	20/01/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM001005	001005/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 6		Mô đun 9
4017	Huỳnh Thanh Trúc	31/10/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM001006	001006/2021/BDCC	TT Gdnn - Gdtx Quận 10		Mô đun 9
4018	Vũ Thanh Nghị	24/06/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM001007	001007/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận Tân Bình		Mô đun 9
4019	Nguyễn Ngọc Hương Mỹ	19/09/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM001008	001008/2021/BDCC	THPT Marie Curie		Mô đun 9
4020	Trần Thị Hồng Thắm	07/04/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM001009	001009/2021/BDCC	THPT Võ Văn Kiệt		Mô đun 9
4021	Tạ Duy Quỳnh	19/09/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM001010	001010/2021/BDCC	THPT Thanh Lộc		Mô đun 9
4022	Lý Thị Minh Tâm	26/04/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM001011	001011/2021/BDCC	THPT Gia Định		Mô đun 9
4023	Hoàng Thị Mỹ Hiếu	27/09/1972	Đạt	ĐHSPTPHCM001012	001012/2021/BDCC	THPT Trần Phú		Mô đun 9
4024	Trần Thị Như Huỳnh	15/11/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM001013	001013/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 5		Mô đun 9
4025	Lê Thị Nga	10/12/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM001014	001014/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Huyện Nhà Bè		Mô đun 9
4026	Nguyễn Văn Tấn	04/10/1969	Đạt	ĐHSPTPHCM001015	001015/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Huyện Củ Chi		Mô đun 9
4027	Phan Thị Bích Vương	19/08/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM001016	001016/2021/BDCC	Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh		Mô đun 9
4028	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/07/1974	Đạt	ĐHSPTPHCM001017	001017/2021/BDCC	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa		Mô đun 9
4029	Trần Thanh Duy	07/08/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM001018	001018/2021/BDCC	Trung Học Thục Hành Sài Gòn		Mô đun 9
4030	Vũ Thị Hoa Mai	27/07/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM001019	001019/2021/BDCC	THPT Phạm Phú Thứ		Mô đun 9
4031	Nguyễn Ngọc Châu Toàn	20/11/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM001020	001020/2021/BDCC	THPT Nguyễn Huệ		Mô đun 9
4032	Vũ Thị Thu Hồng	30/07/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM001021	001021/2021/BDCC	THPT Vĩnh Lộc B		Mô đun 9
4033	Lê Huỳnh Quang Khanh	16/08/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM001022	001022/2021/BDCC	THPT Thanh Đa		Mô đun 9
4034	Nguyễn Thị Trúc Phương	05/06/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM001023	001023/2021/BDCC	THPT Phạm Văn Sáng		Mô đun 9
4035	Đào Ngọc Huỳnh	03/06/1989	Đạt	ĐHSPTPHCM001024	001024/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận Bình Tân		Mô đun 9
4036	Bạch Anh Tú	02/04/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM001025	001025/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 12		Mô đun 9
4037	Đặng Thị Huỳnh Lê	04/06/1977	Đạt	ĐHSPTPHCM001026	001026/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 7		Mô đun 9
4038	Nguyễn Kế Vi	10/02/1990	Đạt	ĐHSPTPHCM001027	001027/2021/BDCC	THPT Thăng Long		Mô đun 9

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDDT	Ghi chú
4039	Lê Thị Xuân Chi	24/06/1978	Đạt	DHSPTPHCM001028	001028/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hiền		Mô đun 9
4040	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	05/04/1983	Đạt	DHSPTPHCM001029	001029/2021/BDCC	Trường THPT An Lạc		Mô đun 9
4041	Nguyễn Thị Ngọc Thành	03/08/1985	Đạt	DHSPTPHCM001030	001030/2021/BDCC	THPT Phú Hòa		Mô đun 9
4042	Nguyễn Văn Tồn	06/08/1962	Đạt	DHSPTPHCM001031	001031/2021/BDCC	THCS - THPT Nguyễn Khuyến		Mô đun 9
4043	Ngô Huyền Diệu	01/06/1985	Đạt	DHSPTPHCM001032	001032/2021/BDCC	THPT Thành Nhân		Mô đun 9
4044	Huỳnh Thị Thu Nga	10/06/1990	Đạt	DHSPTPHCM001033	001033/2021/BDCC	THCS-THPT Đức Trí		Mô đun 9
4045	Nguyễn Hữu Trung	09/11/1979	Đạt	DHSPTPHCM001034	001034/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 3		Mô đun 9
4046	Đào Phá Thạch	09/05/1975	Đạt	DHSPTPHCM001035	001035/2021/BDCC	TT Gdtx Chu Văn An		Mô đun 9
4047	Nguyễn Châu Thanh Phương	24/10/1970	Đạt	DHSPTPHCM001036	001036/2021/BDCC	THPT Trần Quang Khải		Mô đun 9
4048	Nguyễn Thị Thanh Trâm	06/07/1987	Đạt	DHSPTPHCM001037	001037/2021/BDCC	THPT Ten Lơ Man		Mô đun 9
4049	Nguyễn Đức Minh	10/06/1975	Đạt	DHSPTPHCM001038	001038/2021/BDCC	THPT Tạ Quang Bửu		Mô đun 9
4050	Trương Đình Phương Nhi	18/08/1982	Đạt	DHSPTPHCM001039	001039/2021/BDCC	THPT Dương Văn Thi		Mô đun 9
4051	Lê Công Tài	25/01/1981	Đạt	DHSPTPHCM001040	001040/2021/BDCC	Trường TH-THCS-THPT Quốc Tử Bào Mỹ		Mô đun 9
4052	Đặng Tuyên Tinh	01/05/1981	Đạt	DHSPTPHCM001041	001041/2021/BDCC	THPT Tân Thông Hội		Mô đun 9
4053	Nguyễn Bích Tuyên	26/01/1982	Đạt	DHSPTPHCM001042	001042/2021/BDCC	THPT Nguyễn Hữu Tiến		Mô đun 9
4054	Võ Thị Thanh Thúy	24/08/1975	Đạt	DHSPTPHCM001043	001043/2021/BDCC	THPT Tây Thành		Mô đun 9
4055	Đỗ Huỳnh Thanh Trúc	20/11/1985	Đạt	DHSPTPHCM001044	001044/2021/BDCC	THPT Nguyễn Thị Diệu		Mô đun 9
4056	Lê Thị Hằng	26/07/1985	Đạt	DHSPTPHCM001045	001045/2021/BDCC	THPT Trần Hữu Trang		Mô đun 9
4057	Tạ Tiên Tuấn	16/07/1984	Đạt	DHSPTPHCM001046	001046/2021/BDCC	THPT Bình Phú		Mô đun 9
4058	Tạ Thị Thanh Bình	27/04/1978	Đạt	DHSPTPHCM001047	001047/2021/BDCC	THPT Lê Minh Xuân		Mô đun 9
4059	Nguyễn Anh Kiệt	10/01/1969	Đạt	DHSPTPHCM001048	001048/2021/BDCC	THPT Vĩnh Lộc		Mô đun 9
4060	Tranthibinh	24/09/1993	Đạt	DHSPTPHCM001049	001049/2021/BDCC	TH - THCS - THPT Chu Văn An		Mô đun 9
4061	Phạm Thị Phương Linh	18/09/1982	Đạt	DHSPTPHCM001050	001050/2021/BDCC	THPT Trần Văn Giàu		Mô đun 9
4062	Nguyễn Thị Ngọc Hà	25/10/1986	Đạt	DHSPTPHCM001051	001051/2021/BDCC	THPT An Nghĩa		Mô đun 9
4063	Nguyễn Thị Linh	11/07/1979	Đạt	DHSPTPHCM001052	001052/2021/BDCC	THPT Trung Lập		Mô đun 9
4064	Tô Hà Uyên	02/05/1976	Đạt	DHSPTPHCM001053	001053/2021/BDCC	THPT Quốc Tế Việt Úc (Sic)		Mô đun 9
4065	Nguyễn Thị Thủy	06/07/1974	Đạt	DHSPTPHCM001054	001054/2021/BDCC	THPT Hiệp Bình		Mô đun 9
4066	Hà Văn Vượng	07/01/1989	Đạt	DHSPTPHCM001055	001055/2021/BDCC	THPT Lê Thánh Tôn - Quận 7		Mô đun 9
4067	Trần Ngọc Doan Trang	19/05/1977	Đạt	DHSPTPHCM001056	001056/2021/BDCC	Trường Tân Giám - Gdtx Quận 4		Mô đun 9
4068	Lưu Phương Hạnh	24/10/1978	Đạt	DHSPTPHCM001057	001057/2021/BDCC	TT Gdtx Chu Văn An		Mô đun 9
4069	Nguyễn Hà Bích Vân	25/02/1981	Đạt	DHSPTPHCM001058	001058/2021/BDCC	THPT Trần Khai Nguyên		Mô đun 9
4070	Nguyễn Thanh Hoa	16/11/1975	Đạt	DHSPTPHCM001059	001059/2021/BDCC	THPT Mạc Đình Chi		Mô đun 9
4071	Lê Thị Thinh	08/01/1987	Đạt	DHSPTPHCM001060	001060/2021/BDCC	THPT Lương Văn Can		Mô đun 9
4072	Bùi Thị Ngọc Tiếp	16/06/1968	Đạt	DHSPTPHCM001061	001061/2021/BDCC	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa		Mô đun 9
4073	Trần Thị Hồng	26/02/1982	Đạt	DHSPTPHCM001062	001062/2021/BDCC	THCS - THPT Lạc Hồng		Mô đun 9
4074	Nguyễn Ngọc Hưng	17/10/1986	Đạt	DHSPTPHCM001063	001063/2021/BDCC	THPT Bình Hưng Hòa		Mô đun 9
4075	Lương Thanh Thủy	21/10/1985	Đạt	DHSPTPHCM001064	001064/2021/BDCC	TH, THCS và THPT Vinschool		Mô đun 9
4076	Nguyễn Chí Thanh	28/01/1984	Đạt	DHSPTPHCM001065	001065/2021/BDCC	THPT Đồng Dương		Mô đun 9 •

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Xếp loại	Số hiệu chứng nhận	Số vào sổ gốc cấp chứng nhận	Đơn vị	Phòng GDĐT	Ghi chú
4077	Nguyễn Ngọc Trâm	24/11/1994	Đạt	ĐHSPTPHCM001066	001066/2021/BDCC	Th, THCS và THPT Hòa Bình		Mô đun 9
4078	Lê Thị Bé	12/12/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM001067	001067/2021/BDCC	THPT Đào Sơn Tây		Mô đun 9
4079	Nguyễn Thị Yên	28/11/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM001068	001068/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận Tân Bình		Mô đun 9
4080	Trịnh Thị Hạnh	12/08/1979	Đạt	ĐHSPTPHCM001069	001069/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận Tân Phú		Mô đun 9
4081	Đỗ Thị Nương	18/03/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM001070	001070/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 12		Mô đun 9
4082	Đinh Thị Bích	22/04/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM001071	001071/2021/BDCC	THPT Nguyễn Tất Thành		Mô đun 9
4083	Ka Huệ	27/05/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM001072	001072/2021/BDCC	THPT Nguyễn Văn Linh		Mô đun 9
4084	Nguyễn Thị Thùy	03/06/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM001073	001073/2021/BDCC	THPT Hoàng Hoa Thám		Mô đun 9
4085	Lê Trà My	11/06/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM001074	001074/2021/BDCC	Th, THCS và THPT Tân Phú		Mô đun 9
4086	Nguyễn Thị Thùy Uyên	24/03/1986	Đạt	ĐHSPTPHCM001075	001075/2021/BDCC	THPT Bình Chiểu		Mô đun 9
4087	Lê Văn Minh	16/03/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM001076	001076/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 8		Mô đun 9
4088	Cao Nhật Quỳnh	28/08/1982	Đạt	ĐHSPTPHCM001077	001077/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 11		Mô đun 9
4089	Nguyễn Thị Minh Loan	18/07/1976	Đạt	ĐHSPTPHCM001078	001078/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận Bình Tân		Mô đun 9
4090	Đinh Tiến Hòa	25/09/1985	Đạt	ĐHSPTPHCM001079	001079/2021/BDCC	THPT Nguyễn Khuyến		Mô đun 9
4091	Trần Thị Tiên	10/10/1981	Đạt	ĐHSPTPHCM001080	001080/2021/BDCC	THPT An Nhơn Tây		Mô đun 9
4092	Phạm Thị Thanh Ngoan	10/10/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM001081	001081/2021/BDCC	THPT Trần Quang Khải		Mô đun 9
4093	Cao Thị Mơ	06/12/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM001082	001082/2021/BDCC	THPT Linh Trung		Mô đun 9
4094	Cao Trường Nhân	29/06/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM001083	001083/2021/BDCC	TT Gdnn-Gdtx Quận 8		Mô đun 9
4095	Trịnh Công Lân	10/08/1991	Đạt	ĐHSPTPHCM001084	001084/2021/BDCC	THPT Dương Văn Dương		Mô đun 9
4096	Huỳnh Ngọc Sao Ly	10/12/1988	Đạt	ĐHSPTPHCM001085	001085/2021/BDCC	THCS và THPT Diên Hồng		Mô đun 9
4097	Nguyễn Thị Kim Thư	20/11/1993	Đạt	ĐHSPTPHCM001086	001086/2021/BDCC	THCS, THPT Ngôi Sao		Mô đun 9
4098	Ngô Văn Hội	05/06/1987	Đạt	ĐHSPTPHCM001087	001087/2021/BDCC	THPT Cầm Thành		Mô đun 9
4099	Phạm Thị Hồng Nhung	16/10/1978	Đạt	ĐHSPTPHCM001088	001088/2021/BDCC	THPT Chuyên Năng Khiếu Tắt Nguyễn Thị Định		Mô đun 9
4100	Mai Thành Danh Toại	15/11/1992	Đạt	ĐHSPTPHCM001089	001089/2021/BDCC	THPT Năng Khiếu Tắt Huyện Bình Chánh		Mô đun 9
4101	Hồ Tấn Đạt	10/02/1984	Đạt	ĐHSPTPHCM001090	001090/2021/BDCC	THPT Bình Tân		Mô đun 9
4102	Nguyễn Văn Chất	12/04/1983	Đạt	ĐHSPTPHCM001091	001091/2021/BDCC	THPT Phước Kiển		Mô đun 9

Danh sách có 4102 học viên./.

Người lập bảng: Cao Lê Trúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

BÊN GIAO

BÊN NHẬN



